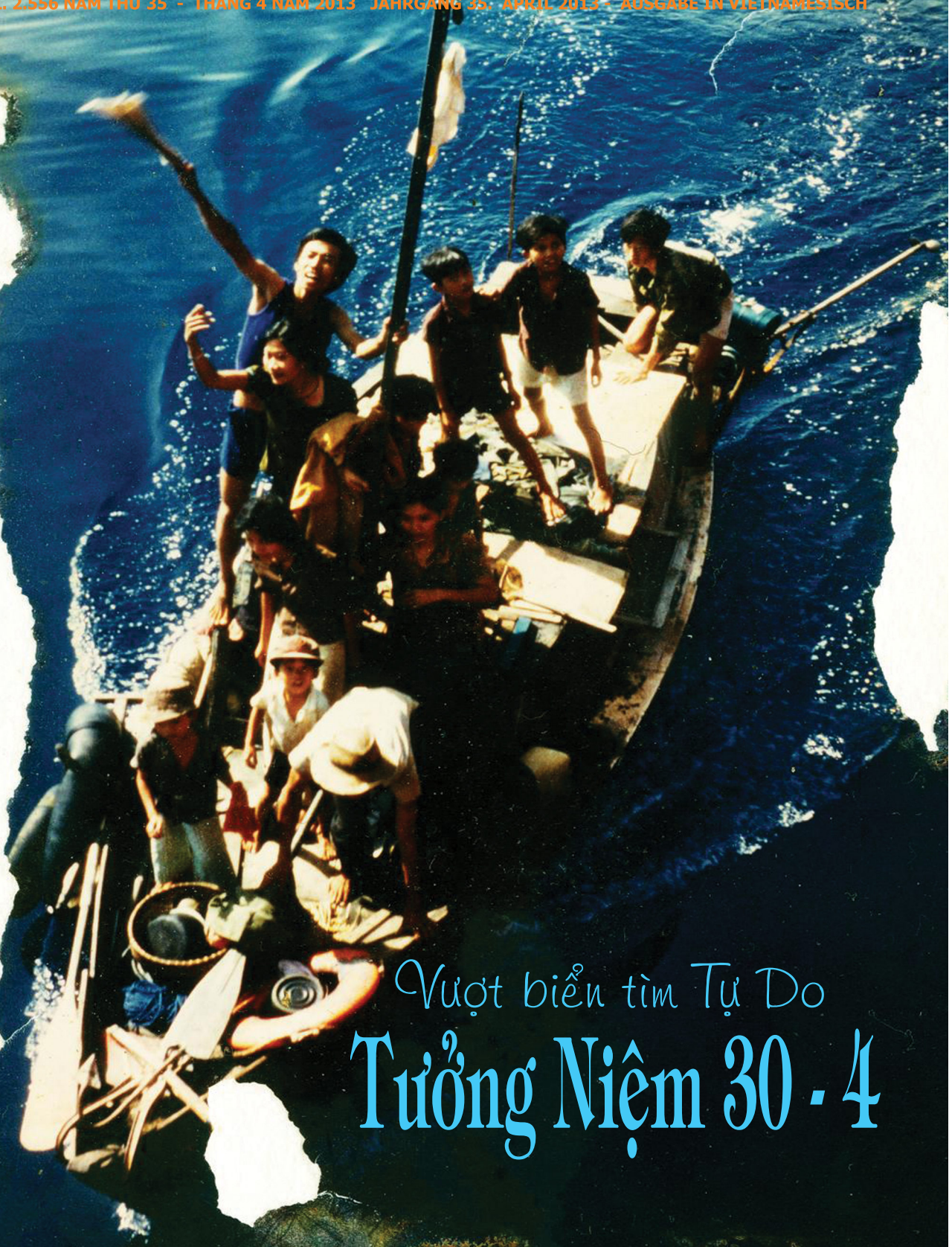


VIÊN GIÁC



SỐ NR 194 TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2.556 NĂM THỨ 35 - THÁNG 4 NĂM 2013 JAHRGANG 35. APRIL 2013 - AUSGABE IN VIETNAMEISCH



Vượt biển tìm Tự Do
Tưởng Niệm 30 - 4



Khi Ngài Xá Lợi Phất gặp Ngài A Thuyết Thị liền hỏi rằng: Ngài tu theo pháp môn gì ? và Thầy của Ngài là ai ? Ngài A Thuyết Thị trả lời rằng: Pháp môn tôi học được, đó là pháp Duyên Khởi. Nghĩa là tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh và tất cả các pháp đều do nhân duyên diệt. Tự tánh của các pháp vốn là không.

Khi Ngài Xá Lợi Phất nghe như thế liền tỏ ngộ. Vì lâu nay chưa có vị Đạo Sư ngoại đạo nào dạy Ngài được những điều như vậy và sau khi được biết vị Thầy dạy lời ấy chính là Đức Bổn Sư Thích Ca, thì Ngài Xá Lợi Phất đã theo Ngài A Thuyết Thị về đánh lễ Đức Phật và gia nhập Tăng Đoàn bắt đầu từ lúc ấy.

Thuyết Duyên Khởi là một lý thuyết rất quan trọng. Cho nên Đức Phật dạy rằng. Ai hiểu được thuyết Duyên Khởi, người ấy sẽ hiểu được pháp và ai hiểu được pháp, kẻ ấy sẽ hiểu được Phật hoặc ngược lại. Thuyết này cho đến ngày nay vẫn còn đúng với khoa học thực dụng cũng như giáo lý căn bản của Đạo Phật. Do vậy nhà Bác học Albert Einstein, người Đức gốc Do Thái, cha đẻ của thuyết tương đối trong thế kỷ thứ 20 đã khẳng định rằng: „Tất cả những lời của Đức Phật dạy đều vượt khỏi tầm nhìn và sự thẩm định của khoa học. Do vậy không cần phải xét lại tính cách khoa học của Đạo Phật nữa“. Đây chính là sự khế hợp giáo lý ấy vào đời sống của con người trong giai đoạn hiện tại vậy.

Tháng 2 năm 2013 có nhiều sự kiện lịch sử xảy ra trên thế giới đáng quan tâm. Ví dụ như sao chổi đã càn quét một làng ở phía Bắc nước Nga khiến cho trên cả ngàn gia đình phải bị ly tán, thương tật, nhà cửa bị sụp đổ v.v... tất cả đều do nhân duyên hòa hợp và cũng do nhân duyên mà xảy ra những việc như trên. Đó là sự băng hoại của một thế giới ở xa thế giới của chúng ta và Trung Tâm NASA của Hoa Kỳ cũng tiên đoán là có rất nhiều mảnh vụn của sao chổi đang hướng về hành tinh của chúng ta; nếu chẳng may nơi nào đó bị sao chổi hay những mảnh thiên thạch đâm thẳng vào, thì cái họa ấy không phải nhỏ. Đức Phật cũng từng dạy trong „Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới“ rằng: Khi nào con người còn quý trọng ba ngôi Tam Bảo, Con người còn kính trọng cha mẹ, Con người còn hòa thuận với huynh đệ trong gia đình và đặc biệt là có lòng thương yêu đối với tất cả chúng sanh, thì quả đất này vẫn còn tồn tại lâu dài và những nạn tai như thế ít xảy ra. Ngược lại, nếu con người không thực hiện được bốn việc trên, thì thế giới này sẽ sớm đi đến sự hủy diệt.

Ngôi vị Giáo Hoàng của La Mã là ngôi vị cao nhất trong Thiên Chúa Giáo; nhưng vào ngày 28 tháng 2 năm 1013 vừa qua, Đức Giáo Hoàng Benedikt XVI đã chính thức từ nhiệm để nghỉ hưu. Vì lý do sức khỏe. Đây cũng là dấu hiệu không bình thường của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo. Vì cả 600 năm nay chưa có Đức Giáo Hoàng nào chính thức từ nhiệm cả, mà ngôi vị này được Hội Đồng Hồng Y bỏ phiếu kín để bầu lên và cai quản Giáo Hội cho đến ngày qua đời.

Có lẽ trong thời gian qua có quá nhiều áp lực từ truyền thông báo chí, cũng như những áp lực khác, đến từ bên trong lẫn bên ngoài. Từ nội bộ của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo cũng như của những tín đồ trong thời đại khoa học điện toán này. Cho nên Ngài từ nhiệm tư cách của một vị chủ chăn trên 1,2 tỷ người trên hành tinh này. Sự quyết định ấy thật đáng khâm phục. Không phải ai cũng có thể làm được việc ấy, nếu không có một ý chí cương quyết và dứt khoát để bảo vệ niềm tin cố hữu của mình.

Một ông Giám Đốc bị đổi đi nơi khác; một vị tướng trong quân đội bị khai trừ; một sinh viên thi rớt; một công nhân mất việc làm... đã là những sự cố gây nên nỗi phiền không ít cho những người này. Trong khi đó vị trí của Đức Giáo Hoàng không phải là một việc tầm thường như bao nhiêu cái tầm thường khác trên thế gian này. Dầu thế nào đi chăng nữa thì chúng ta cũng nên thận phục tính quyết đoán có một không hai ấy của Đức Giáo Hoàng trong giai đoạn lịch sử này.

Nhìn về chính trường Đức, từ Bộ Trưởng Quốc Phòng đến Tổng Thống rồi mới đây Bà Bộ Trưởng Giáo Dục và trong tương lai chắc cũng sẽ còn những sự việc tương tự như thế nữa sẽ xảy ra tại đây. Nhưng nếu nhìn những hiện tượng này dưới cái nhìn của Phật học thì nó cũng chỉ là những sự giả danh trong bao nhiêu sự giả danh khác của cuộc đời này. Tốt hay xấu từ con người và do con người làm nên; chứ cuộc đời này, vốn không tốt mà cũng chẳng xấu. Chính con người phải có trách nhiệm với chính mình.

Ngày 20 tháng 4 âm lịch năm Quý Mão (1963) cách đây 50 năm về trước tại ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt Sài Gòn ngọn lửa tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã đốt lên để cảnh tỉnh triều đại của Ngô Đình đã không có công bằng trong tự do Tôn Giáo và năm nay nhằm ngày 19 tháng 6 năm 2013 khắp nơi trên thế giới chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử sẽ kỷ niệm ngày trọng đại thiêng liêng này, nhằm nhắc nhở cho chính thể đương quyền tại Việt Nam không nên đàn áp Tôn Giáo và những người đối lập với tư tưởng tự do nữa. Vì chân lý thì không thể đứng bên này hay bên kia, mà chân lý ấy đứng vào trong lòng người và nằm lên trên tất cả mọi khuynh hướng của độc tài đảng trị, cường quyền, áp bức, bất công v.v... Vì tất cả những thứ này lịch sử đã kinh qua và con người Việt Nam ngày nay ở trong cũng như ngoài nước đã quá trưởng thành với những trò hề chính trị rồi; nên mong rằng chúng ta không bị chính trị đánh lừa nữa.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Châu, Hoa Kỳ, Canada và Âu Châu trong tư thế của Liên Châu năm nay đồng loạt làm lễ kỷ niệm ngày lịch sử thiêng liêng này. Chúng ta là người Phật Tử dầu sống ở bất cứ nơi đâu hay nằm trong hoàn cảnh nào, cũng nên cố gắng tham gia dầu trực tiếp hay gián tiếp để hiểu rõ con đường bất bạo động mà Phật Giáo đã dẫn thân từ nhiều thế kỷ qua để mang lại sự lợi lạc cho dân tộc, hạnh phúc cho con người cũng như hòa bình của thế giới.

Người xưa thường nói: Trong hòa bình luôn có mầm mống của chiến tranh và ngược lại trong chiến tranh có sự tìm kiếm hòa bình. Đây chính là một chân lý tạm thời để giải quyết những vấn đề của thế sự; nhưng Phật sự phải khác hơn. Nghĩa là chúng ta phải có lòng từ bi đối với tất cả muôn loài, dầu cho những loài ấy đối nghịch lại với mình. Có như thế con đường Bồ Tát Đạo mới có thể kiện toàn được.

Mong rằng năm 2013 này sẽ có những tin vui nhiều hơn nỗi buồn. Vì thế giới này đã có thừa khổ đau và thiếu vắng bóng dáng hạnh phúc thực sự đối với con người trên trần thế này.

● **Ban Biên Tập Báo Viên Giác**

Tính chất thiêng liêng vượt lên trên mọi hình thức diễn đạt

Fabrice Midal
Hoang Phong chuyển ngữ



Nếu Phật giáo thường bị đồng hóa với vô thần, thì lý do là vì rất khó cho chúng ta hình dung ra một tôn giáo không thờ Trời, không dựa vào những chuyện thần khai, và đối với nền tín ngưỡng đó thì thần thánh chỉ là những con người trần tục, cũng sinh và tử giống như tất cả chúng ta.

Lời giới thiệu của người dịch: Bài chuyển ngữ này nêu lên một khía cạnh mà người Tây phương thường không chú ý hoặc không nhìn thấy hết tầm quan trọng của nó: đó là khía cạnh thiêng liêng của tín ngưỡng Phật giáo. Tác giả của bài viết là ông Fabrice Midal (sinh năm 1967), Tiến sĩ triết học Đại học Sorbonne Paris (1999), và là giảng viên tại Đại học Phật giáo Âu châu. Ông là một Phật tử thuần thành, tu tập theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng (Ca-nhĩ-cư phái). Bài viết được xuất bản chung với nhiều bài do các học giả và triết gia Phật giáo khác viết, trong một tập sách mang tựa đề là "**Triết học Phật giáo - Từ sự an bình nội tâm đến sự an bình của thế giới**", do tạp chí Le Nouvel Observateur chủ trương, nhà xuất bản Scali, 2008.

Việc tìm hiểu Phật giáo trong thế giới Tây phương vướng phải một khó khăn thật rõ rệt, đó là vấn đề liên quan đến khía cạnh thiêng liêng. Thật vậy Phật giáo vẫn thường được mô tả như là một tôn giáo vô thần, và cũng vì thế mà Phật giáo được xem như là một giải pháp hữu hiệu để thay thế cho các tôn giáo độc thần mà thực chất đơn giản chỉ là một thứ luân lý mà thôi. Những người chủ trương quan điểm cho rằng Phật giáo là vô thần thực cũng không cảm thấy bối rối tí nào khi đi xem các cuộc triển lãm quan trọng thường xuyên được tổ chức trưng bày cả một thế giới thật phong phú gồm đủ thứ thần linh, kể cả những kinh sách tôn vinh các vị ấy mà các công trình dịch thuật sang tiếng Pháp vẫn còn đang được tiếp tục. Sự kiện cho rằng Phật giáo là một tôn giáo vô thần chỉ phản ánh một cách nhìn mang tính cách trí thức phát sinh ra trong tâm trí mà thôi, và trên thực tế thì không có ảnh hưởng gì đến việc tu tập. Sở dĩ có sự

hiểu sai sót đó là vì người ta đã không nắm vững được quan điểm vô cùng tinh tế của Phật giáo đối với lãnh vực thiêng liêng.

Sự hiện hữu của một vị Trời độc tôn, sáng tạo ra trái đất, bầu trời và đủ mọi thứ khác không thể nào có chỗ đứng trong Phật giáo. Khái niệm tín ngưỡng chủ trương mọi quyết định siêu hình đều do một vị Trời, tượng trưng bởi "*ý chí tạo dựng ra tất cả mọi sự hiện hữu, kể cả những gì xảy ra trước những sự hiện hữu ấy*" (nói theo cách nói của Mikhail Bakounine) là một thứ gì hoàn toàn không hiểu nổi đối với Phật giáo, (Bakounine 1814 - 1876, là một triết gia và văn hào Pháp gốc người Nga). Nếu chỉ căn cứ vào ý nghĩa đó thì người Phật giáo đâu phải là những người vô thần, nói một cách đơn giản là họ không thể nào hình dung ra được ý niệm về một vị Trời thể thôi. Đối với họ một *sinh linh mang tính cách cá nhân* thì nhất định phải là một *cá thể*; và nếu đã là một cá thể thì phải hiện hữu chung với các cá thể khác, lệ thuộc vào các cá thể khác, và đồng thời các cá thể khác cũng lại lệ thuộc vào cá thể ấy. Một sự tối thượng, nếu có đi nữa thì sẽ không thể nào mang tính cách cá thể được. Nếu là một cá thể thì trong bối cảnh tương liên như vừa trình bày trên đây, cá thể ấy sẽ không thể nào còn giữ được tính cách tối thượng nữa.

Phật giáo chủ trương không thừa nhận một vị Trời như các tôn giáo độc thần, vì thế đã tượng trưng cho một truyền thống tâm linh vô thần, và đặc tính ấy cũng đã tạo ra cho toàn thể Phật giáo một sự thuần nhất vô cùng sâu xa. Nhà sư Tây Tạng Chöngyam Trungpa (1939 - 1987, là vị thầy của tác giả Fabrice Midal) đã từng viết như sau: "*Có lẽ đây là tôn giáo duy nhất không thiết lập dựa vào sự thần khai của Trời, vào đức tin hay vào sự thờ phụng một vị Trời, hoặc các vị Trời thuộc bất cứ loại nào. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Đức Phật là vô thần hoặc chủ trương dị giáo. Nhất định không. Ngài chỉ đơn giản không đề cập hay thảo luận gì về các thứ giáo lý thần học hay triết học đại loại như thế. Ngài đi thẳng vào tâm điểm của vấn đề, tức là cần phải quan sát như thế nào, phải nắm bắt hiện thực như thế nào*". Giữa tính cách không-hữu-thần từ trước và khái niệm vô-thần ngày nay của Phật giáo thì dường như không có gì khác biệt. Có thể là không có sự thay đổi nào cả. Bởi vì sự tương quan giữa Phật giáo và lãnh vực thiêng liêng là một thứ gì khác hẳn, không dính dáng gì với chủ nghĩa duy vật và vô thần theo quan điểm của chúng ta, dù là dưới bất cứ hình thức nào.

Cần chú ý là trong Phật giáo chữ "*thần thánh*" (dieux, gods, tức là các vị **trời**, viết theo số nhiều và không viết hoa) dùng để chỉ định các sinh linh hiện hữu trong cõi trần tục, có sinh và có tử, chẳng khác gì con người và súc vật, còn chữ "*các đấng linh thiêng*" (divinities, divinities) thì dùng để chỉ các sinh linh đã vượt khỏi sự vướng mắc của chu kỳ khổ đau (tức cõi ta bà, *samsara*). Các vị "thần thánh" (tiếng Phạn *deva*) là một thể dạng hiện hữu tương quan với một thể dạng phúc hạnh nào đó, nhưng tuyệt nhiên không hề liên hệ gì cả với khả năng khai mở trí tuệ để mang lại sự giác ngộ đích thực. Các vị ấy được xem như nhập vào một thể dạng hiện hữu có tính cách tạm thời. Theo một số kinh sách thì các thể dạng đó con người cũng có thể thực hiện được, tuy

nhiên họ bắt buộc phải cởi bỏ thể dạng "thiên linh" đó nếu muốn đạt được sự giải thoát. Trong trường hợp trên đây, không có một biên giới nào ngăn cách giữa hai thể dạng: thứ nhất là thể dạng tâm thức mà chúng ta đang cảm nhận và thứ hai là một sinh linh đang hiện hữu.

Muốn thực hiện được cái tổng thể đó thì cần phải hòa đồng với các vị thần linh địa phương - vì tất cả các dân tộc trên địa cầu này, dù trong bất cứ một bối cảnh nào và thuộc vào bất cứ một thời đại nào, cũng đều tự tạo ra cho mình một tương giao với các vị thần linh sống thực biểu hiện cho một số phẩm tính đặc thù nào đó trong một không gian nhất định nào đó. Những người Phật giáo cũng không tránh khỏi cái nguyên lý bất di dịch ấy. Hơn nữa họ còn phải làm thế nào để các vị thần linh ấy đừng nổi giận để cho họ có thể đến gần, đôi khi phải trả bằng cái giá rất đắt của sự cố gắng tinh thần, họ cầu khẩn các vị ấy giúp sức cho họ trong việc tu tập (đây là khái niệm chung của Phật giáo Tây Tạng). Trong các trường hợp như thế các vị thần linh sẽ trở thành những vị đồng minh với chúng ta và chúng ta có thể trông cậy vào họ, tuy nhiên không phải vì thế mà họ chiếm giữ vị thế trung tâm chi phối toàn bộ con đường tu tập của chúng ta. Không nên nhầm lẫn các vị thần linh ấy với các đấng thiêng liêng đã được giải thoát khỏi mọi thể dạng bấn loạn, chẳng hạn như chư Phật và chư Bồ Tát. Các vị ấy là những vị hiện thân cho trí tuệ hoặc lòng từ bi dưới muôn hình tướng khác nhau. Chức năng và những hình tướng biểu hiện của họ biến đổi tùy theo các tông phái Phật giáo. Vai trò và các cách biểu hiện của các vị ấy chiếm giữ một vị thế vô cùng quan trọng và phức tạp trong Phật giáo Tây Tạng, một nền Phật giáo đầy ắp những vị thần linh có bốn, sáu hay một nghìn cánh tay và thật nhiều đầu. Các vị thần linh đó không mang một tính cách thần khải nào cả, cũng không phải là những vị đứng ra cứu vớt kẻ khác đúng theo ý nghĩa của nó, mà đúng hơn chỉ là những vị đã biểu lộ được một cách cụ thể những phẩm tính tiêu biểu của hiện thực, giúp cho người tu tập hội nhập hiệu quả hơn vào chính sự sống của họ.

Người Tây phương thường có chiều hướng thu hẹp tầm quan trọng của khía cạnh thiêng liêng trong Phật giáo, và đã tìm đủ mọi cách để thiết lập một nền Phật giáo thật "tinh khiết", hoàn toàn duy lý, chống lại chủ nghĩa nghi thức. Bernard Faure (một triết gia người Pháp giảng dạy Phật giáo tại một đại học Hoa Kỳ ở California, vừa về hưu được hai năm nay) cho rằng hình thức Phật giáo theo lối đó chỉ là "*một giả tưởng riêng của người Tây phương không đúng với sự giả tưởng chính thống của Phật giáo bản địa, và đôi khi người Tây phương lại còn phớt bậy sự tự kiêu của mình và tự xem mình là những chuyên gia về Phương đông học*". Bernard Faure là một chuyên gia về Phật giáo Nhật Bản và ông đã nhấn mạnh rằng dòng lịch sử Phật giáo có thể sẽ khác hơn nhiều nếu người ta biết quan tâm nhiều hơn vào nghi thức lễ bái quy định trong Đạo Pháp, thay vì chăm lo việc nghiên cứu về giáo lý đơn thuần. Thật vậy, hình thức tôn giáo đại chúng đặt nặng việc thờ phụng chư Phật và các vị linh thiêng với tất cả lòng thành kính rất dễ gây ra sự hiểu lầm và chúng ta có thể đồng hóa một cách sai lầm với sự tôn thờ các vị thánh trong Thiên chúa giáo hay là các vị trời trong "tà giáo" (khi Thiên

chúa giáo tràn vào đế quốc La Mã thì lên án và gọi các tôn giáo đa thần đã có từ trước là "tà giáo"). Nói một cách khác, trở thành người Phật giáo là tự đặt mình vào một mối tương giao thường xuyên với lãnh vực linh thiêng, tượng trưng bởi những vị thần linh siêu việt, hoặc là trực tiếp hẳn với thể giới linh thiêng vượt ra ngoài mọi biểu tượng.

Người ta vẫn thường đem một nền giáo lý Phật giáo *đích thực* để chống lại hình thức tín ngưỡng có tính cách dân gian đó. Nếu hiểu theo cung cách của nhóm người chủ trương "Tiến bộ" (ý tác giả muốn nói đến một phong trào cách mạng trong lịch sử tư tưởng Pháp, trong nguyên bản là chữ Lumières - tạm dịch là "Tiến bộ" - chữ này dùng để gán cho một số trí thức, học giả, triết gia... thuộc thế kỷ XVIII tại Pháp đứng ra cổ súy một phong trào cải tổ nền tư tưởng Âu châu dựa vào lý trí, v.v..., trong phong trào đó có thể kể ra các vị như Voltaire, Rousseau, Diderot, Hume, Kant, v.v...), thì Phật giáo theo ý nghĩa *đích thực* không liên hệ gì đến các hình thức tín ngưỡng dân gian tượng trưng cho những rơi rớt mang tính cách dị đoan mà lý trí chưa xóa bỏ hết được. Dầu sao thì sự phân biệt giữa tôn giáo dân gian và tôn giáo lý trí không thể đứng vững được vì hoàn toàn vô căn cứ; các vị đại sư Phật giáo đều sinh hoạt trong khung cảnh của thế giới linh thiêng, họ trước tác kinh sách để tôn vinh các đấng linh thiêng, thực thi nghi lễ và cúng dường để ước mong các vị ấy hiển hiện ra với họ.

Trước những gì vừa được trình bày trên đây, với tư cách của người Phật giáo đối với lãnh vực thiêng liêng người ta có cảm giác cần phải chọn cho mình một cách nhìn nào đó khác hơn là cách nhìn của các tín đồ thuộc các tôn giáo thần khải đối với vị Trời của họ. Mỗi quan tâm của Phật giáo trong sự tương giao với thể dạng tối thượng hoàn toàn khác hẳn với cung cách sẵn có của chúng ta trong thế giới Tây phương. Mỗi quan tâm đó của Phật giáo không phải là cách tìm hiểu xem Trời có thật sự hiện hữu hay không, cần phải có đức tin hay là không, mà chỉ là cách dồn tất cả sự chú tâm của mình vào một mối tương giao với một thứ gì đó mang tên là một thánh nhân. Đó là một cách tiếp cận mang tính cách hiện sinh và cụ thể không vướng mắc trong lãnh vực lý thuyết và siêu hình. Phật giáo lúc nào cũng tôn trọng khái niệm về vô ngã và vì thế đã xem mọi thể dạng thiêng liêng chẳng qua cũng chỉ hiện hữu giống như mỗi cá nhân con người của chúng ta đã được tách riêng ra, không hơn không kém.

Cái tầm nhìn đó đã biến cải hẳn quan niệm thông thường về con đường tu tập tâm linh, con đường tu tập đó không đòi hỏi bất cứ một thứ đức tin nào về bất cứ một thứ gì thuộc thế giới bên ngoài, mà chỉ đưa ra một kỷ cương rèn luyện giúp chúng ta tự mở rộng tâm hồn mình để hội nhập với những gì đang hiện hữu. Nói một cách khác, Phật giáo không hề khuyến khích phải giải trừ sự mê hoặc và cũng không buộc phải loại bỏ tính cách thiêng liêng trong thế giới này. Phật giáo chỉ đơn giản mang lại cho chúng ta một thứ gì thật đặc thù và mới lạ, ngược hẳn lại với mô lý thuyết của giáo điều, đó là mối liên hệ tương giao sâu xa với thế giới linh thiêng. Khi nào chúng ta biết hồi đáp lại sự tương giao đó thì gương mặt luôn đổi mới của sự giác ngộ sẽ hiện ra với chúng ta ./.

Bước vào Thiền Minh Sát- Tứ Niệm Xứ

(Tiếp theo VG 193)

Thiền Sư **Sayadaw U Silananda**
Liễu Pháp chuyển ngữ

Đây là Phần Sáu của loạt bài pháp thoại "Stepping into Satipatthana Vipassana" do Thiền Sư Sayadaw U Silananda giảng trong khóa thiền tập 9 ngày, vào tháng 11 năm 1995 tại Như Lai Thiền Viện, San Jose, California. Bài này do Theikdi và Maureen O'Brien ghi lại bằng Anh ngữ và đăng trong Dhamma Bell Newsletter số 9, Mùa Hạ 2011. Phần Giới Thiệu và Tiểu Sử ngài U Silananda đã có viết trong Phần Một.

Phần Sáu

Bắt đầu hôm nay, Sư sẽ hướng dẫn quý vị về sự thực tập Thiền Tứ Niệm Xứ như đã được giảng dạy trong kinh Đại Niệm Xứ (*Maha-Satipatthana*). Đức Phật đã khám phá giá trị của chánh niệm. Ngài đã khám phá rằng chánh niệm có thể được dùng để giải thoát khỏi đau khổ. Ngài khám phá ra điều đó và theo đó ngài thực tập, ngài đạt được kết quả cao nhất, ngài đã trở thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài đã giảng dạy chánh niệm trong 45 năm; ngài đã tiếp tục giảng dạy chánh niệm nhiều lần. Đặc biệt trong kinh Đại Niệm Xứ này, ngài giảng về chánh niệm rất chi tiết. Kinh này đã được ghi chép trong hai bộ kinh: Trường Bộ Kinh và Trung Bộ Kinh.

Chánh niệm như là một trạng thái tâm không phải do Đức Phật tạo dựng nên. Mỗi chúng sinh đều có sẵn chánh niệm, như thể chánh niệm là một đặc tính có sẵn từ khi sinh ra của mọi chúng sinh, nhưng trước khi có Đức Phật, chúng sinh không biết rằng mình có thể dùng chánh niệm để nâng cao đời sống của họ - cả hai đời sống thế tục cũng như tâm linh - và đạt được sự giải thoát khỏi khổ đau. Khi Đức Phật dạy về Tứ Niệm Xứ hay sự thực tập chánh niệm trong kinh này, ngài nói về những lợi ích của sự thực tập Tứ Niệm Xứ.

Những lợi ích của sự thực tập chánh niệm

Lợi ích đầu tiên là sự thanh lọc - sự thanh lọc của mọi chúng sinh. Điều này có nghĩa là sự thanh lọc tâm của mọi chúng sinh. Theo kinh này, nếu chúng ta thực tập Tứ Niệm Xứ, chúng ta có thể đạt được mục đích thanh lọc tâm. Tâm của chúng ta luôn luôn liên kết với những thứ gọi là ô nhiễm hay phiền não. Chủng nào mà tâm còn có những ô nhiễm này, chúng ta không thể đạt được hạnh phúc thực sự, chúng ta không thể thoát khỏi mọi đau khổ, thoát khỏi mọi phiền não trong tâm; thanh lọc hết những phiền não trong tâm thực là một thành

tựu lớn lao. Nếu một người đã thanh lọc được tâm thì sẽ hưởng được hạnh phúc giải thoát trọn vẹn. Khi chỉ rõ những lợi ích của sự thực hành Tứ Niệm Xứ, Đức Phật dạy: "Này các Tỳ Kheo (*Bikkhus*), đây là con đường duy nhất để thanh lọc tâm...". Điều này có nghĩa là không có con đường nào khác để thanh lọc tâm ngoài sự thực tập chánh niệm. Nếu chúng ta nhìn vào chánh niệm, chúng ta biết rằng điều này là thực có: chủng nào mà chánh niệm đang đứng canh gác ở các cửa giác quan thì các phiền não không thể đi vào tâm của chúng ta. Tuy nhiên, lúc mà chúng ta mất chánh niệm, các phiền não sẽ kéo đến, như thể sự thực tập chánh niệm là cách duy nhất ngăn ngừa phiền não đi vào tâm chúng ta. Nói cách khác, đó là cách duy nhất để thanh lọc tâm khỏi các phiền não.

Thực tập chánh niệm có thể dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong kinh này, Đức Phật dạy 21 cách thực tập chánh niệm. Điều mà ta thực tập phải là chánh niệm, có thể là một trong 21 cách đó: với phương pháp nào đi nữa thì cũng phải thực tập chánh niệm. Chủng nào mà ta thực tập chánh niệm thì sự thực tập mới có thể giúp ta loại bỏ được phiền não.

Lợi ích thứ hai mà Đức Phật đã chỉ rõ là vượt qua được sầu khổ và thương xót. Khi tâm của chúng ta không có ô nhiễm, phiền não thì sẽ không có sầu khổ và không thể có than khóc do sầu khổ bởi vì sầu khổ chính nó là tâm phiền não. Lợi ích thứ hai này thực sự được bao gồm trong lợi ích thứ nhất: nếu chúng ta đã đạt được lợi ích thứ nhất thì lợi ích thứ hai - vượt qua sầu khổ và thương xót - cũng đã đạt được.

Lợi ích thứ ba Đức Phật chỉ rõ là làm biến mất đi đau đớn và buồn khổ. Sự đau đớn có nghĩa là đau về thân cũng như đau về tâm, và sự buồn khổ là đau về tâm. Tất cả quý vị có lẽ đã có kinh nghiệm đau đớn khi thiền tập. Đôi khi nhờ áp dụng chánh niệm, sự đau đớn biến đi mất, khi khác thì sự đau đớn vẫn còn đó. Đó là bởi vì chánh niệm của quý vị, sự định tâm và trí tuệ của quý vị chưa đủ vững mạnh. Khi những thứ này thực mạnh thì quý vị có thể chấm dứt sự đau đớn. Cho dù đau đớn về thân có thể không hoàn toàn mất hẳn đi nữa thì cũng không có đau đớn về tâm cho những ai mà tâm của họ được hoàn toàn trong sạch. Khi một vị A-La-Hán có tên Anuruddha bị bệnh và đau đớn, bạn của ngài đến thăm và thấy ngài rất vui vẻ, họ hỏi ngài tại sao sự đau đớn thân xác không làm động đến tâm của ngài. Ngài trả lời "ta thực tập Tứ Niệm Xứ". Ngài là một vị A-La-Hán: nhờ kết quả thực tập Tứ Niệm Xứ, ngài đã gột rửa mọi ô nhiễm, phiền não trong tâm. Vì không có ô nhiễm trong tâm, mặc dù có đau đớn về thân, ngài đã không đau đớn về tâm. Khi một người không đau đớn về tâm cho dù vẫn có đau đớn về thân, người đó được nói là đã khắc phục sự đau đớn về thân. Như thế sự thực tập chánh niệm có thể giúp giải quyết cả hai sự đau đớn về thân và tâm. Rồi thì có chữ 'đau buồn'. Chữ này có nghĩa là những trạng thái tâm dưới nhiều hình thức như thù hận, giận dữ, ghét bỏ, chán nản, thất vọng... Tất cả những thứ này có thể được vượt qua nhờ sự thực tập chánh niệm. Khi quý vị hành thiền Minh Sát (*Vipassana*), hay thiền chánh niệm, quý vị cố gắng áp dụng chánh niệm trên các trạng thái tâm này. Khi quý vị buồn, quý vị

cổ niệm sự buồn. Khi quý vị thất vọng, quý vị cố niệm sự thất vọng. Khi quý vị kiên trì niệm hay giữ chánh niệm hay toàn diện theo rồi các trạng thái tâm này thì chúng sẽ biến đi mất. Như thế, một lợi ích khác của thực tập chánh niệm là làm biến mất sự đau đớn và buồn khổ.

Lợi ích thứ tư là đạt tới con đường chánh pháp. Đạt tới con đường chánh pháp có nghĩa là đạt tới giác ngộ. Chỉ hành thiền Tứ Niệm Xứ hoặc chỉ thực tập thiền Minh Sát có thể dẫn một người đạt tới sự giác ngộ: không thực tập Tứ Niệm Xứ hoặc thiền Minh Sát thì không thể có sự giác ngộ. Như thế đạt tới giác ngộ cũng là một lợi ích của sự thực tập chánh niệm.

Lợi ích cuối cùng là chứng ngộ *nibbana* (Niết Bàn). Chứng ngộ Niết Bàn và đạt tới con đường chánh pháp cùng có một ý nghĩa giống nhau. Khi một người đạt tới giác ngộ, người đó chứng ngộ Niết Bàn, và khi một người chứng ngộ Niết Bàn, người đó đạt tới giác ngộ. Như vậy hai lợi ích này thực sự giống nhau. Tuy nhiên trong Chú Giải, có sự phân biệt rất nhỏ giữa hai lợi ích này. Sự không nghĩ rằng chúng ta nên bận tâm về điều này vì sự phân biệt quá vi tế.

Khi Đức Phật giảng dạy về chánh niệm, ngài chia chánh niệm ra làm bốn nền tảng quán niệm và khi chia ra như vậy, ngài gọi chánh niệm là "quán". Bốn loại chánh niệm hay bốn loại quán là Quán Thân, Quán Thọ, Quán Tâm và Quán Pháp. Khi Đức Phật mô tả bốn nền tảng này một cách ngắn gọn ở phần đầu của kinh, cũng như khi ngài nhắc lại về sau, ngài đã lập lại những chữ này hai lần: Quán Thân trong Thân, Quán Thọ trong Thọ, Quán Tâm trong Tâm và Quán Pháp trong Pháp. Từ ngữ Pali của những chữ này là: *kaya* (*thân*), *vedana* (*thọ*), *citta* (*tâm*), *dhamma* (*pháp*). Những chữ này được lập lại vì Đức Phật muốn định rõ đối tượng cho khỏi lẫn lộn với những đối tượng khác. Khi kinh nói "Quán Thân trong Thân" có nghĩa là vị tỳ kheo quán thân trong thân, không quán thọ trong thân, không quán tâm trong thân, không quán pháp trong thân: đối tượng mà vị tỳ kheo quán là thân trong thân. Để chỉ rõ, định nghĩa thật rõ đối tượng, Đức Phật lập lại những chữ "thân", "thọ", "tâm" và "pháp".

Đức Phật lập lại những chữ đó cũng có một lý do nữa là ngài muốn chỉ dẫn cho các vị tỳ kheo, khi hành thiền chánh niệm, phải cố phá vỡ cái ảo tưởng về sự thu gọn. Điều này có nghĩa là khi quán thân trong thân, vị tỳ kheo không quán cái thân thể thu gọn trong thân mà quán tập thể các phần của thân thể. Khi nhìn thân như một tập thể của nhiều phần - tóc, lông, v.v...- vị tỳ kheo được cho là đã phá vỡ sự thu gọn. Điều này rất quan trọng bởi vì chỉ do sự phá vỡ ảo tưởng về cái thân thu gọn, hạn hẹp này thì người ta mới có thể thấy được bản chất *anatta* (vô ngã) – cái tánh không – của mọi sự vật. Như thế, khi Đức Phật dạy "Vị đó quán Thân trong Thân", có nghĩa là vị đó quán hết tập thể các phần khác nhau của thân thể. Khi quán các phần khác nhau đó, vị đó quán chúng không như là một phần, không phải quán như một phần riêng rẽ nào đó, nhưng quán chúng như là một tập thể gồm các cơ phận nhỏ hơn. Ví dụ khi quán về tóc thì vị đó quán tóc như là một tập thể của những yếu tố tứ đại của vật chất và cũng như là tập thể của những đặc tính vật chất tùy thuộc vào các yếu tố tứ đại. Như

thế, khi vị tỳ kheo quán trên thân hoặc quán trong thân, vị này quán những phần khác nhau của thân thể, và khi quán trên mỗi phần khác nhau của thân, vị tỳ kheo quán chúng như là tập thể những đặc tính vật chất khác nhau, như đất, nước, gió, lửa. Như vậy, để chỉ rõ rằng vị tỳ kheo quán mà thấy rõ đối tượng và phá vỡ ảo tưởng về sự thu gọn, Đức Phật lập lại các chữ "thân", "thọ", "tâm" và "pháp".

Đức Phật mô tả Quán Thân trong 14 cách khác nhau, và do đó cho chúng ta 14 loại quán thân. Loại thứ nhất là Chánh Niệm Hơi Thở. Trong cách thực tập này, hơi thở vào và hơi thở ra là đối tượng của thiền tập. Hành giả chú tâm trên hơi thở và cố gắng chánh niệm trên hơi thở. Sự chỉ dẫn trong Chú Giải là chúng ta nên giữ tâm mình ở lỗ mũi hay tại cửa vào của lỗ mũi và chánh niệm trên những hơi thở vào và những hơi thở ra trong khi chúng đi vào và đi ra. Trong khi chỉ chú ý tới "vào, ra; vào, ra", nếu sự thực tập đã đi sâu thì chúng ta có thể nhận thấy được khi nào hơi thở là dài hoặc ngắn, như là (*niệm thêm*) "dài" hoặc "ngắn", và chúng ta có thể thấy toàn thể thời gian trôi qua của hơi thở từ khi khởi đầu cho đến khi chấm dứt. Khi sự thực tập trở nên sâu hơn, chúng ta sẽ thấy hơi thở càng vi tế hơn nữa. Đôi khi ta còn nghĩ rằng hơi thở biến đi mất. Thực sự thì hơi thở chẳng biến đi đâu cả, tuy nhiên hơi thở trở nên vi tế đến độ mà ta không nhận thấy nó được khi mà chánh niệm, định và huệ của ta chưa đủ mạnh. Trong cách như thế đó, ta tập chánh niệm hơi thở.

Sự khác biệt giữa thực tập Thiền Chỉ và Thiền Minh Sát

Chánh niệm hơi thở này có thể thực tập theo *samatha* (Thiền Chỉ) hoặc theo *vipassana* (Thiền Minh Sát). Trong Chú Giải, sự thực tập chánh niệm hơi thở theo Thiền Chỉ được mô tả rất là chi tiết. Khi thực tập chánh niệm hơi thở theo Thiền Chỉ, hành giả chỉ định tâm vào hơi thở mà thôi. Hành giả không để ý tới đối tượng nào khác, như là sự phóng tâm, đau đớn hay tiếng động bên ngoài. Hành giả chỉ cố gắng chánh niệm trên "vào và ra, vào và ra". Để tăng thêm mức định tâm của mình, hành giả được hướng dẫn đếm hơi thở: hành giả có thể đếm hơi thở từ một tới năm, một tới sáu, một tới bảy, một tới tám, một tới chín hoặc một tới mười. Chú Giải có nói rằng không nên đếm dưới năm hoặc quá mười. Đếm dưới năm thì bị gò bó, làm tâm không thư thả trong khi đếm. Đếm trên mười thì chính sự đếm sẽ trở nên đối tượng của thiền chứ không còn là hơi thở nữa bởi vì khi đếm trên mười thì phải cẩn thận trong khi đếm, ví dụ khi đếm "hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai"... , sự đếm, chứ không phải là hơi thở, trở nên mối bận tâm cho hành giả. Như thế, chúng ta được khuyên là nên đếm từ một tới năm, hay từ một tới sáu, bảy, tám, chín hay từ một tới mười.

Tuy nhiên khi quý vị thực tập chánh niệm hơi thở theo Thiền Minh Sát Niệm Xứ, quý vị không đếm. Quý vị lấy hơi thở làm đối tượng chính của thiền tập và quý vị cũng chú ý đến các đối tượng khác khi chúng trở nên nổi bật trong thời khắc hiện tại. Nếu trong khi giữ tâm trên hơi thở mà có sự phóng tâm thì quý vị sẽ chánh niệm trên sự phóng tâm đó. Khi có sự đau đớn, quý vị hãy

chánh niệm trên sự đau đớn. Khi quý vị nghe tiếng động, hãy niệm "nghe, nghe", v.v... Khi thực tập thiền Minh Sát Tứ Niệm Xứ, quý vị cố gắng để thấy được bản chất của hơi thở, không phải để thấy hình tướng của hơi thở.

Khi thực tập Thiền Chỉ, quý vị lấy khái niệm của hơi thở và có lẽ hình tướng của hơi thở, trụ trên đó và đếm, "một, hai, ba bốn", v.v... Tuy nhiên khi thực tập Thiền Minh Sát Niệm Xứ, quý vị cố gắng thấy cái gì là thực có trong hơi thở. Hơi thở là gió, như thế cái gì thực trong hơi thở là gió hay là yếu tố gió; như vậy, quý vị cố gắng thấy yếu tố gió đó. Yếu tố gió có đặc tính bành trướng, có chức năng di chuyển, được thể hiện như là có thể chuyên chở, dời đổi một vật gì đến một nơi khác. Khi theo dõi thật sát hơi thở, quý vị sẽ thấy rõ một trong những phương diện này. Như thế quý vị có thể dùng hơi thở như là đối tượng trong cả hai loại Thiền Chỉ và Thiền Minh Sát, nhưng có sự khác biệt trong cách thực tập.

Tiếp tục mô tả vị tỳ kheo đang thực tập thiền chánh niệm, Đức Phật dạy "Như thế, vị tỳ kheo tiếp tục quán thân trong thân ở bên trong hoặc ở bên ngoài hoặc cả hai, ở bên trong và ở bên ngoài". Hành thiền chánh niệm hơi thở ở bên trong có nghĩa là vị tỳ kheo lấy hơi thở của mình làm đối tượng hành thiền. Nhưng hành thiền chánh niệm hơi thở ở bên ngoài thì phải nhìn vào người khác thở và rồi chánh niệm trên hơi thở của người đó? Điều này không thể làm được. Vì vậy Đại Lão Hòa Thượng Mahasi Sayadaw (*Thiền Sư nổi tiếng người Miến Điện và đệ tử của ngài đi giảng dạy Thiền Minh Sát nhiều nơi trên thế giới từ đầu thập niên 1950 đến đầu thập niên 1980*) giải thích như sau: Trước hết, hành giả lấy hơi thở của mình làm đối tượng và trụ trong đó, rồi thấy hơi thở hiện ra và biến mất, hiện ra và biến mất. Sau khi thấy hơi thở hiện ra và biến mất, hiện ra và biến mất, hành giả nghĩ rằng cũng giống như hơi thở của mình hiện ra và biến mất, hiện ra và biến mất, thì hơi thở của những người khác cũng hiện ra, và biến mất như vậy. Một khi hành giả thấy điều này trong kinh nghiệm của mình, hành giả có thể quán trên hơi thở của những người khác bằng cách như vậy. Đó là ý nghĩa của sự "quán ở bên ngoài". Còn "quán ở bên trong và quán ở bên ngoài" có nghĩa là đôi khi hành giả để tâm mình trên hơi thở của mình và thấy hơi thở sinh khởi rồi hoại diệt, và rồi trong một lúc khác, hành giả có thể nghĩ đến hơi thở của người khác cũng tương tự như vậy – sinh khởi và biến mất, sinh khởi và biến mất - và rồi hành giả trở lại với hơi thở của mình, và rồi dùng sự suy luận để quán trên hơi thở của người khác. Khi hành giả thực tập trở đi trở lại như vậy như vậy thì được nói là hành giả hành thiền hơi thở ở bên trong và cả ở bên ngoài. Tuy nhiên, vì mục đích hành thiền Minh Sát Niệm Xứ là để thấy bản chất thực sự của sự vật, nên thực tập với hơi thở của mình tốt hơn là nghĩ đến hơi thở của người khác. Hơi thở của người khác chúng ta không thể thấy, không thể kinh nghiệm, vì thế không phải là đối tượng tốt cho thiền Minh Sát Niệm Xứ. Chỉ có hơi thở của chúng ta là có thực đối với chúng ta, hơi thở của chúng ta luôn luôn ở với chúng ta, và chúng ta có thể nhìn hơi thở của mình bất cứ khi nào mình muốn; vì thế trụ ở bên trong hơn là ở bên ngoài.

(Còn tiếp)



Thế Giới Quan của Phật Pháp

• Tỳ kheo Thích Minh Chánh

(tiếp theo VG 193)

Phật giáo nói rõ mối liên hệ nhân quả của các pháp bao gồm có sáu nhân, bốn duyên và năm quả. Sáu nhân này được gọi là nhân năng tác, nhân câu hữu, nhân tương ứng, nhân đồng loại, nhân biến hành, nhân dị thực. Năm quả chính là quả tăng thượng, quả đồng thời, quả đẳng lưu, quả dị thực, quả ly hệ. Bốn duyên chính là thân nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên. Tuy nhiên, đối với "nhân", chúng ta đã trình bày khá rõ như trên đã bàn luận đến trong quá trình lý giải về sự đặc thù của vạn pháp. Hơn nữa, điểm chính của tiêu đề này chúng ta chỉ nhấn mạnh vào sự thực của vũ trụ quan theo cách nhìn của Phật giáo dựa trên học thuyết duyên sinh mà trong đó yếu tố "duyên" là cốt lõi để thúc đẩy quá trình hình thành thế giới, nên không mở rộng cũng như giải thích cặn kẽ các yếu tố khác. Bây giờ chúng ta tìm hiểu rõ bốn duyên này để thấu triệt vũ trụ vạn hữu.

Thân nhân duyên tức là nguyên nhân chủ chốt. Nếu căn cứ vào tâm pháp hay tinh thần mà nói, thì tất cả hành vi của thân miệng ý thuộc về ý niệm đều được gọi là nghiệp. Nếu dựa vào tâm pháp để giải thích, thì nghiệp chính là nguyên nhân của sự biến hóa lưu chuyển. Nếu căn cứ vào sắc pháp tức vật chất mà nói, thì như đất đá là nguyên nhân chủ yếu của núi đồi, hoặc hạt giống là nguyên nhân chủ yếu của cây cỏ.

Đẳng vô gián duyên chỉ thích ứng áp dụng cho tâm pháp (tinh thần) như vọng tâm của con người khởi lên từng giây từng phút không bao giờ dừng nghỉ, tuôn chảy trong từng sát na sanh diệt. Khi niệm trước diệt vong thì niệm sau liền sanh khởi với tác dụng sanh diệt tương tục không gián đoạn.

Sở duyên duyên là chỉ cho tâm phân biệt và đối tượng phân biệt trong mọi lúc mọi nơi mang tính cách tương đối. Đối tượng hay tướng bị duyên chính là trợ duyên khiến tâm phát khởi phân biệt.

Tăng thượng duyên là chỉ cho tất cả tâm pháp (tinh thần) và sắc pháp (vật chất). Đây chính là tác dụng của chiều thuận và chiều nghịch có ảnh hưởng sâu rộng đến thế giới nội tại và thế giới hiện tượng. Nếu căn cứ trên sắc pháp mà nói, thì chỉ cần có thân nhân duyên và tăng thượng duyên là có thể sanh kết quả đối với một sự vật nào đó. Tuy nhiên, nếu kết hợp cả sắc pháp và tâm pháp để bàn luận, thì phải có đủ bốn duyên mới đem lại kết quả hiện hữu của sự vật. Như vậy, chúng ta có thể biết rõ luật nhân quả có ba nguyên tắc. (1) Quả do nhân sanh ra, nghĩa là không có nhân thì không có quả và nếu có nhân thì chắc chắn phải sanh ra kết quả. (2) Sự nương vào lý để biến hiện, nghĩa là sự sanh diệt của các pháp luôn luôn có sự chi phối của nhân quả, nhưng

trong nhân quả vẫn có lý tánh tồn tại phổ biến. Nếu có nhân thì tất nhiên phải có quả, đó là nguyên lý bất dịch, cũng như có sanh thì phải có chết, có thành thì có diệt, đều là nguyên tắc tự nhiên. (3) Cái có nương vào cái không để thiết lập, nghĩa là tất cả các pháp đều nương vào bản tính của thực tại phủ định để hình thành. Cũng như nói hễ có tồn tại thì điều đó đều bắt nguồn từ không tồn tại. Cái có được thiết lập từ cái không. Trong luật nhân quả, còn có các điểm quan trọng cần phải chú ý như sau. 1.- Trong luật nhân quả không có nhân đầu tiên và không có quả sau cùng. Vì nhân trước đã hàm chứa nhân nên nó là nhân vô thủy, và vì quả sau lại có quả nên nó trở thành vô chung. Điều này cũng giống như cha là nhân của con, tuy nhiên, vì cha lại có cha cho nên cha cha có sự kết nối từ vô thủy, con lại có con nên con con tiếp nối vô chung. 2.- Trong luật nhân quả, có sự tương đối giữa nhân và quả chứ chẳng phải mối quan hệ tuyệt đối. Giống như hạt bông là nhân của bông hoa, và bông hoa chính là quả của hạt bông. Khi bông hoa hiện hình tức là nhân của y báo. Điều này như dịch học của Trung Quốc trên lãnh vực thiên can vì có nhân "giáp" nên có quả "ất", và "ất" trở thành quả của "giáp". Từ "ất" lại sản sanh ra "bính" tức "ất" trở thành nhân của "bính". 3.- Nhân quả thông cả ba đời: ba đời ở đây không phải chỉ cho kiếp trước, kiếp này và kiếp sau, mà ba đời chính là chỉ cho thời gian quá khứ, hiện tại và tương lai. Bởi vì nhân không tự diệt mất, cho nên bất luận thời gian dài hay ngắn, nếu gặp duyên thì sẽ khởi hiện hành. 4.- Bản chất của nhân quả vốn là một: nếu có nhân năng sanh thì phải có quả sở sanh; nếu có quả năng sanh thì phải có nhân sở sanh. Nếu căn cứ vào sắc pháp mà bàn luận, thì trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Hạt đậu không thể trưởng thành sinh ra mầm dưa, và ngược lại, hạt dưa không thể sinh trưởng thành mầm đậu. Còn căn cứ vào tâm pháp để nói, thì tự tạo nhân, nhất định phải nhận lấy quả. Nhân thiện không sanh ra quả ác và quả ác không xuất phát từ nhân thiện, chúng hoàn toàn không vay mượn lẫn nhau.

Trong kinh Phật, có một bài kệ nói rõ nguyên tắc căn bản của nhân quả như sau:

*Giả sử trăm ngàn kiếp
Chỗ tạo nghiệp không mất
Khi nhân duyên hội tụ
Tự nhận lấy quả báo*

Bài kệ trên nêu lên ý nghĩa nghiệp nhân không diệt; bất luận thời gian lâu hay mau, một khi gặp duyên thì sanh khởi hiện hành; tự tạo nghiệp thì tự nhận lấy quả báo.

Trong vũ trụ vạn hữu, mọi sự vật đều có nhân quả rõ ràng. Nhân quả của tâm và vật đều được phân định rõ rệt. Giống như hoàn cảnh vật chất khiến con người có cảm thọ khổ vui. Nếu sống trong môi trường với điều kiện đầy đủ thì thân tâm vui thích, còn thiếu thốn đói khát thì thân tâm sanh khởi bệnh khổ, nhưng nhân quả của tâm và vật chất không phải dễ dàng nhận biết. Tuy nhiên, tâm làm nhân gây ảnh hưởng đến vật chất là điều đã hình thành trong quy luật nhân quả. Nhân quả của tâm pháp thực sự rất khó hiểu, nhưng nếu khởi tâm động niệm, thì tất cả đều trở thành nghiệp nhân. Chính tâm là nguyên nhân gây ra nghiệp quả trong vạn hữu vũ trụ này. Một khi tâm dậy khởi thì mọi hiện tượng theo biến động mà hình thành. Địa ngục hay cực lạc cũng do tâm tạo tác. Tâm sanh khởi khiến thân hoạt động để tạo ra nghiệp quả. Nghiệp này được phân thành hai lãnh vực

là thiện và ác, nhưng đều hiện hữu trong tám thức. Chính nghiệp thiện và nghiệp ác chi phối tất cả chúng sanh thăng trầm trong sáu nẻo luân hồi. Nhân quả này tuy người đời không dễ gì hiểu hết, nhưng quả do nhân sanh, sự đời lý thành, tự nhân tự thọ nhận, rốt cuộc hoàn toàn không sai khác. Cũng như trong nhân gian có câu: "thiện có thiện báo, ác có ác báo, chứ không phải không có báo ứng, mà vì thời gian chưa đến đó thôi". Câu nói này tuy mang tính thông tục nhưng rất là chí lý.

4. Tâm và vật không hai trong duyên sanh

Chúng ta dựa vào năm uẩn thể gian mà nói đến các pháp do duyên sanh, dựa vào các pháp do duyên sanh mà nói đến luật nhân quả của vạn hữu. Nói một cách rõ ràng, thế giới quan của Phật giáo nếu căn cứ trên mặt bản chất để trình bày, thì chẳng phải duy tâm luận, cũng chẳng phải duy vật luận, mà cả hai đều hợp nhất không thể chia chẻ, tâm và vật không hai, năm uẩn thể gian đều đồng nhất thể viên dung, như nói: "thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức". Thức là thức có mặt trong danh sắc, và danh sắc là danh sắc có mặt trong thức. Thức và danh sắc luôn luôn dung hòa chuyển hoá cho nhau trong một trình tự hợp lý. Chúng thường liên hệ mật thiết không thể tách rời và giao biện với nhau trên bề mặt hiện tượng cũng như trong sâu thẳm của thế giới nội tại.

Nếu căn cứ trên sự hình thành của các pháp mà nói, thì đó chẳng phải là cơ giới luận, cũng chẳng phải mục đích luận, mà là nhân quả tương tục; chủ và tớ tương quan, trùng trùng hiện khởi, tương quan tương duyên. Nếu đứng trên kết quả để nhìn nhận, thì đó là "nhân duyên sanh các pháp", còn dựa vào nguyên nhân để quán sát, thì đó là "vạn pháp do nhân duyên sanh", nghĩa là do nhân duyên hòa hợp mà có thế giới. Nếu căn cứ vào nguyên tắc vận hành của vũ trụ vạn hữu mà nói, thì hoàn toàn không có chủ tớ hay thượng đế, cũng không có quỷ thần chi phối, mà là quả do duyên sanh, sự đời lý thành, nghiệp nhân không diệt, tức là các pháp phải tuân theo luật nhân quả với phương châm tự tạo nghiệp thì tự nhận lấy quả báo. Nói chung, thế giới quan của Phật giáo có thể nói là tâm vật không hai, nhất thể viên dung, trực tiếp từ nhận thức luận làm phát sinh nhân duyên sanh quan.

5. Ba ngàn đại thiên thế giới¹

Theo Phật pháp, thế giới được chia làm hai loại, đó là hữu tình thế gian và khí thế gian. Hữu tình thế gian được gọi là chánh báo, tức là do nghiệp nhân mà cảm lấy chánh quả. Hữu tình là chỉ cho các chúng sanh có tình thức qua sự kết hợp của nhục thể và tinh thần. Khí thế gian còn được gọi là y báo, tức nơi chốn để hữu tình chúng sanh nương gá sinh sống. Khí thế gian là chỉ cho sông núi, đất đai, cây cỏ hoa lá v.v...

¹ Ba ngàn đại thiên thế giới: Lấy núi Tu Di làm trung tâm, xung quanh có bảy núi tám biển; lại có núi Thiết Vi làm bức thành bao quanh ở bên ngoài, đó gọi là một tiểu thế giới. Gộp một ngàn tiểu thế giới lại, thì tạo thành một tiểu thiên thế giới. Gộp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, thì tạo thành trung thiên thế giới. Gộp một ngàn trung thiên thế giới lại, thì tạo thành đại thiên thế giới. Ba ngàn đại thiên thế giới là chỉ đại thiên thế giới đó được hình thành bởi ba loại thế giới: tiểu thiên, trung thiên và đại thiên.

Hữu tình thế gian bao gồm sáu nẻo ², đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi trời, cõi người và A-tu-la. Chúng

² Sáu nẻo: Là sáu con đường mà chúng sanh phải trải qua trong luân hồi sanh tử. Sáu nẻo ấy được trình bày như sau:

*1. Địa ngục (Nāraka)

Đây là cảnh giới mà mức độ chấp hữu lớn nhất. Nghiệp lực dồn thần thức tới mức độ bị nghiệp lực sai khiến hoàn toàn. Từ trong cảm giác không của chân tâm bất hoại, thần thức khởi lên ý niệm căm ghét. Sự căm ghét làm thần thức muốn gây khổ cho ai đó, nhưng không có ai là đối tượng, nên thần thức quay lại làm khổ chính mình. Vừa khởi tâm muốn đánh đập ai đó thì hành động đánh đập đã quay lại hành hạ chính thân mình. Đó là cơ sở của địa ngục. Trong tác phẩm "Niềm vui giải thoát", Gampopa đã mô tả một cách sinh động cõi địa ngục và nỗi đau khổ, mà thật sự là đang diễn ra trong tâm ý chúng ta. Thật sự thì không có ai đứng ra trừng phạt ta trong cõi địa ngục cả, chính cái năng lực căm thù hiện ra thành một thế giới đầy lửa, ta thường hay gọi là hỏa ngục. Còn một dạng khác của cảnh giới địa ngục hoàn toàn ngược lại. Khắp nơi ngự trị một thế giới băng giá lạnh lùng. Đó cũng là một dạng của sự căm ghét, làm ta không muốn liên hệ với bất cứ ai. Sự căm ghét này phần lớn xuất phát từ sự kiêu ngạo, ngã mạn, làm hiện ra một thế giới lạnh lẽo chung quanh, trong đó thần thức tự cho rằng chỉ có mình là nắm được lẽ phải.

*2. Ngạ quỷ (Preta)

Cảnh giới thứ hai của lục đạo là ngạ quỷ hay quỷ đói. Từ trong chân tâm thanh tịnh, thần thức không khởi lên sự căm thù như trong cảnh giới địa ngục, mà khởi lên sự thèm khát và ganh tị. Điều đáng nói là thần thức vừa có cảm giác đầy đủ sung mãn, không thiếu thứ gì, lại vừa thấy vô cùng thiếu thốn, luôn thèm khát muốn được nhiều hơn nữa. Trong cảnh giới này, sự thỏa mãn của thần thức không phải là cái có được, mà chính là sự sẵn xuôi. Có thể so sánh với những người đi câu cá không phải để ăn con cá, mà để tìm cái khoái cảm lúc bắt được con cá. Hãy tưởng tượng có người đã quá no nê không thể ăn được gì thêm, nhưng vẫn thèm ăn vì cái khoái cảm khi được ăn. Người ấy này sanh sự thèm khát và ganh tị với những ai thực sự đói và có thể ăn được. Biểu tượng của loài quỷ đói (ngạ quỷ) là một người có cái bụng to như cái trống, nhưng cổ họng chỉ như cái ống nhỏ xíu. Tùy theo nghiệp lực, quỷ đói cảm nhận khác nhau về các loại thức ăn. Có loài vừa cầm thức ăn trên tay, thức ăn đã biến mất hay không ăn được. Có loài đưa vào miệng nhưng không nuốt được. Có khi thức ăn biến thành lửa, không tiêu hóa được. Thật ra, trong đời sống thông thường, chúng ta vẫn thường xuyên chứng kiến những trạng thái tương tự như thế.

*3. Súc sanh (Paśu)

Đặc điểm của cảnh giới súc sanh là sự thiếu vắng của cảm giác hỷ lạc, tâm thức hài hước. Biểu tượng của cõi này là thế giới thú vật. Chúng có cảm giác hạnh phúc hay đau khổ, nhưng không hề biết cười. Trong đời sống thông thường, ta sẽ đi vào cõi này một khi chỉ nhắm mắt đi theo một quan điểm cực đoan nào đó, hoặc một khuôn khổ lý thuyết nhất định, rồi tuyệt đối tin tưởng vào đó, một cách cố chấp, không suy xét, không thay đổi. Một con người như thế có thể rất siêng năng cần mẫn và vui lòng với cuộc sống. Như một bác nông phu với cái cày và cách thức canh tác của mình; như một thương gia, một người cha trong gia đình, chỉ mong muốn không có gì bất ngờ xảy ra, tránh mọi bất trắc. Tất cả đều theo những tiêu chuẩn, lẽ luật đã định sẵn, tất cả đều phải được tính toán từ trước. Trong cảnh giới súc sanh, mỗi một điều lạ, mỗi một bất ngờ là một thứ tai họa và sẽ là nguyên nhân gây sợ hãi, hỗn loạn dữ dội. Đó cũng chính là nét tiêu biểu của thế giới thú vật mà chúng ta đều biết.

*4. Người (Nāra)

Nếu cảnh giới súc sanh chỉ cần được sống sót và an lành thì cảnh giới người khác hơn một bước. Đặc trưng của thế giới loài người là sự khao khát, tìm tòi, khám phá và thụ hưởng. Đây là thế giới của những nhà nghiên cứu, tìm tòi, luôn muốn làm giàu

thêm tri thức và kinh nghiệm. Cõi người có một vài dấu vết của loài quỷ đói là luôn muốn có được nhiều hơn; đồng thời cũng có yếu tố của súc sanh, cố gắng giữ cho mọi thứ được ổn định. Nhưng cõi người có một đặc trưng mà hai cõi kia không có, đó là sự khôn ngoan, thường xuyên suy xét và tìm tòi không ngừng nghỉ. Vì vậy tâm thức loài người đã đạt đến những thành quả lớn lao, rồi trên những thành quả đó nảy sanh thêm những thành quả khác, kể cả những âm mưu quỷ quyết, những khao khát vô cùng.

*5. A-tu-la (Āsura)

Cảnh giới A-tu-la có thể xem là cao hơn loài người một bậc. Đặc trưng của cõi này là mối liên hệ với nhau rất cao, đặt trên một trình độ tri thức phát triển. Vừa rời chân tâm trống rỗng vắng lặng đi vào cõi A-tu-la, thần thức có cảm giác rơi vào một nơi hoang địa và khôn ngoan quan sát rình rập mọi thứ. Trong thần thức này sanh một mối nghi ngờ với tất cả và luôn tìm cách thắng cuộc. Khác với các cảnh giới người và súc sanh, A-tu-la là cảnh giới của những âm mưu quỷ quyết, của những sự khôn ngoan gian hùng, những toan tính lớn lao liên quan đến toàn xã hội.

*6. Trời

Từ trong chân tâm thanh tịnh, thần thức bỗng khởi lên niềm hỷ lạc và muốn lưu giữ niềm vui đó. Thay vì lưu trú trong thức vô ngã, thần thức cảm giác về một tự ngã và muốn giữ gìn tự ngã đó trong một trạng thái định sâu lắng, an lạc. Thần thức ngần ngại không muốn lưu trú trong cảnh giới vô ngã, chỉ muốn an trú vào một nơi nào đó, muốn là một cái gì đó.

³ Ba cõi: Là Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới. Dục-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình chưa ly dục, còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Sắc-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình đã ly dục, nhưng còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Vô-sắc-giới là chỗ ở của các loại hữu-tình đã ly dục và sắc, song cũng còn tạp phiền não và các uẩn sai biệt. Trong tam giới lại còn có năm thứ sai biệt khác là tướng sai biệt, thô trọng sai biệt, phương xứ sai biệt, thọ dụng sai biệt và nhiệm trì sai biệt.

Tướng sai biệt là trong cõi Dục có nhiều sắc tướng, những tướng không trong sạch và các thứ tạp tướng; trong cõi Sắc có ít sắc tướng, những tướng trong sạch và không có tạp tướng; còn cõi Vô-sắc tuy thuộc về không nghiệp nhưng cũng có sắc, mà sắc thuộc về định, về vô kiến, vô đối. Lại nữa, trong cõi Dục có tướng khổ thọ tương ứng, tướng sân nhuế tương ứng và tướng nhiều tùy phiền não tương ứng. Trong cõi Sắc và Vô-sắc có tướng khổ thọ bất tương ứng, tướng sân nhuế bất tương ứng và tướng ít tùy phiền não tương ứng.

Thô trọng sai biệt là trong Dục có những sự thô trọng thô mà tổn hại, trong cõi Sắc và Vô-sắc sự thô trọng tế mà không tổn hại.

Phương xứ sai biệt là cõi Dục ở phương dưới, cõi Sắc ở phương trên, còn cõi Vô-sắc thì không phương xứ.

Thọ dụng sai biệt là chúng-sanh cõi Dục thọ dụng cảnh giới bên ngoài, chúng-sanh cõi Sắc và Vô-sắc thọ dụng cảnh giới bên trong.

Nhiệm trì sai biệt là chúng-sanh ở cõi Dục nương nơi bốn sự ăn mà trụ, chúng-sanh cõi Sắc và Vô-sắc nương nơi ba sự ăn mà trụ. (Luận Hiện-Dương-Thánh-Giáo).

Trong ba cõi, Dục-giới thuộc về xứ sở hạ phương. Được mệnh danh là Dục-giới, vì chúng-sanh ở nơi đây nhiễm năm thứ dục lạc: sắc dục, tiền của, danh vị, ăn mặc, ngủ nghỉ. Dục-giới cũng gọi là chỗ Ngũ-thú-tạp-cư. Ngũ-thú là: Trời, Người, Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Tạp-cư có hai nghĩa: 1. Trong cõi Dục gồm có năm chủng loại ở. 2. Trong mỗi chủng loại lại có các chủng loại khác ở lẫn lộn, như nơi cõi trời cũng có Súc-sanh, Quỷ-thần, nơi cõi người có Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Nếu nói đại khái theo thứ bậc thấp cao, thì trong Dục-giới có ba loại: loại ác thú, loại người, loại trời. Loại ác thú có bốn: A-tu-la, Súc-sanh, Ngạ-quỷ, Địa-ngục. Loại người gồm có nhưn

sanh trong sáu nẻo này, theo Phật giáo, tồn tại ở ba cõi³ là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Dục giới giới là cảnh giới mà trong đó các chúng sanh thường có những ham muốn về ăn uống, ngủ nghỉ và quan hệ nam nữ. Sắc giới là cảnh giới mà trong đó các chúng sanh chỉ có hình sắc thù thắng chứ không ham muốn ô nhiễm. Vô sắc giới là cảnh giới mà trong đó chúng sanh tồn tại với tinh thần thuần túy, chứ không vướng vào hình sắc cũng như mọi ham muốn.

Trong kinh Phật nói ba cõi lấy núi Tu Di làm trung tâm, nên gọi chung là cảnh giới Tu Di. Do lấy núi Tu Di làm trung tâm, nên chẳng phải chỉ riêng cho một thế giới nhỏ bé nào đó, mà là biến khắp cả hư không. Nếu gom một ngàn thế giới nhỏ lại, như vậy, được gọi là "tiểu thiên thế giới". Nếu gom một ngàn tiểu thiên thế giới lại, thì gọi đó là "trung thiên thế giới". Nếu gom một ngàn trung thiên thế giới lại, thì gọi đó là "đại thiên thế giới". Vì trong ba luân chuyển với con số ba ngàn, cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Ba ngàn đại thiên thế giới vốn chẳng phải một, mà là vô biên vô số cảnh giới tồn tại trong không gian của vũ trụ. Do đó, trong kinh Phật nói "mười phương vi trần thế giới", hoặc "mười phương hằng sa thế giới". Sự phát triển của thiên văn học trong thời cận đại đã chứng minh rằng trong hư không có nhiều hành tinh khác biệt không thể tính hết, nhờ đó,

chúng ở bốn nơi: Nam-Thiệm-Bộ-Châu, Tây-Ngưu-Hóa-Châu, Đông-Thắng-Thần-Châu và Bắc-Câu-Lư-Châu. Loại trời có sáu cõi từ thấp đến cao: trời Tứ-Vương, trời Đao-Lợi, trời Dạ-Ma, trời Đâu-Suất, trời Hóa-Lạc và trời Tha-Hóa-Tự-Tại. Trong cõi Dục, về hữu-tính giới thì kể từ cõi Tha-Hóa đến ngục Vô-Gián; nếu về khí-thế-giới, phải kể đến phong luân.

Trên Dục-giới là Sắc-giới, gồm nhiếp-hữu-tính và khí-thế-gian. Sở dĩ gọi Sắc-giới, vì chúng-sanh ở cõi này là sự nhiễm dục, từ thân đến cảnh đều là sắc chất trang nghiêm, thanh tịnh. Cõi này chia ra làm 18 thiên vực khác nhau; ba Thiên-thiên trước mỗi nơi có ba, đệ tứ thiên có chín. Ba thiên vực ở Sơ-thiên Ly-sanh-hỷ-lạc-địa là: Phạm-Chúng-Thiên, Phạm-Phụ-Thiên, Đại-Phạm-Thiên. Ba thiên vực ở Nhị-thiên Định-sanh-hỷ-lạc-địa là: Thiếu-Quang-Thiên, Vô-Lượng-Quang-Thiên, Quang-Ấm-Thiên. Ba thiên vực ở Tam-thiên Ly-hỷ-lạc-địa là: Thiếu-Tịnh-Thiên, Vô-Lượng-Tịnh-Thiên, Biến-Tịnh-Thiên. Chín thiên vực ở Tứ-thiên Xả-niệm-thanh-tịnh-địa là: Vô-Vân-Thiên, Phước-Sanh-Thiên, Quảng-Quả-Thiên, Vô-Tướng-Thiên, Vô-Phiền-Thiên, Vô-Nhiệt-Thiên, Thiện-Kiến-Thiên, Thiện-Hiện-Thiên, Sắc-Cứu-Cánh-Thiên. Trong chín thiên vực, năm cõi ở sau cùng tên là Ngũ-Tịnh-Cư-Thiên, cũng gọi là Ngũ-Bất-Hoàn-Thiên, vì là chỗ ở của bậc thánh A-na-hàm.

Theo các đại luận-sư ở xứ Ca-Thấp-Di-La thì Sắc-giới chỉ có 16 thiên vực, vì Đại-Phạm-Thiên nguyên là một vùng lầu các rộng lớn ở cõi Phạm-Phụ, chứ không phải biệt trí nơi khác. Còn trời Vô-Tướng thì nhiếp về Quảng-Quả-Thiên, vì hai thiên chúng này đồng một thân lượng và thọ lượng.

Trên Sắc-giới là Vô-sắc-giới. Được mệnh danh là Vô-sắc, vì nơi đây không có sắc uẩn chỉ có thọ, tưởng, hành, thức bốn ấm mà thôi. Cõi này do không có sắc pháp biểu hiện, nên không có phương sở đời quá khứ vị lai đều như thế, lý đã quyết định. Nhưng về phần dị thực sanh sai khác thì có bốn bậc: Không-Vô-Biên-xứ, Vô-Sở-Hữu-xứ, và Phi-Tướng-Phi-Phi-Tướng-xứ. Bốn bậc này không phải có riêng xứ sở cao thấp, mà do nghiệp chúng-sanh hơn kém khác nhau. (Luận Câu-Xá, Lục-Đạo-Tập).



PHÂN ƯU

Vừa hay tin:

Ông TRƯƠNG TRIỆU BẮC
Sanh năm 1928 (Mậu Thìn)
Mất ngày 18.03.2013, nhằm ngày 07.02 Quý
Tỵ tại Albstadt-Ebingen, Đức Quốc.
Thượng thọ 86 tuổi

Đại gia đình Lý Kiến Cường - Saarbrücken-Sarrland, Đức Quốc, xin chân thành phân ưu cùng tang quyến và thành kính nguyện cầu hương linh Bác TRƯƠNG sớm vắng sanh về Miền Cực Lạc.

Chúng ta biết chắc trong kinh Phật nói không có sai lầm. Từ đây, chúng ta xây dựng niềm tin vững bền vào Phật pháp.

Nếu căn cứ vào không gian mà nói, thì thế giới là hư không vô tận, thế giới vô tận; nếu dựa vào thời gian để bàn luận, thì thế giới là một chuỗi dài từ vô thủy đến vô chung. Tuy nhiên, nếu đứng trên luật nhân quả để nhìn về, thì thế giới là một chuỗi nhân quả tương tục, nghĩa là nhân trước tiếp nối nhân sau, quả sau lại tiếp nối quả kéo dài từ vô thủy đến vô chung trong thời gian của vô tiền khoáng hậu. Nhưng nếu căn cứ vào một phương diện khác mà nói, thì thế giới có sanh tức có diệt, có thành tức có hoại, do vậy, thế giới này mới có bốn thời kỳ: thành, trụ, hoại và không. Thành, trụ, hoại, không này là một vòng tuần hoàn vô tận trên mặt thời gian, là vòng xoáy từ vô thủy đến vô chung. Bốn phạm trù này cũng được gọi là bốn kiếp, tức là kiếp thành, kiếp trụ, kiếp hoại và kiếp không.

Kiếp thành chính là thời kỳ mà thế giới được tạo thành khi nhân duyên kết tụ đầy đủ. Kiếp trụ là thời kỳ hữu tình chúng sanh an trú. Kiếp hoại là thời kỳ hoại diệt của thế giới chúng sanh. Kiếp không là thời kỳ tan rã hoàn toàn của thế giới. Sau khi tan rã, thế giới lại đi vào kiếp thành trở về điểm ban đầu, và cứ thế xoay vần vô cùng vô tận.

Theo quan điểm của Phật giáo, thời gian một kiếp chính là quá trình thành, trụ, hoại, không của thế giới, tức một chu kỳ như vậy là một đại kiếp. Đây là một thời gian lâu dài trong đời sống của chúng sanh. Từ đại kiếp trở xuống tạo nên vòng xoáy của thành, trụ, hoại, không là một trung kiếp. Mỗi một trung kiếp bao hàm mười hai tiểu kiếp. Thời gian của một tiểu kiếp là tám vạn bốn nghìn năm.

Như vậy, không gian vô biên vô cùng, thời gian vô thủy vô chung, chúng sanh vô lượng vô số đều nương vào luật nhân quả để tồn tại. Sự sanh diệt biến dị vô cùng vô tận chính là thế giới mà trong kinh đức Phật đã nói tới. Thế giới này tuy bao la vô cùng, nhưng nó bị chi phối bởi luật sanh diệt tương tục trong hệ thức nhân quả. Hệ thức nhân quả bao trùm lên cả không gian và thời gian trong thế giới chúng sanh. Mọi khái niệm về hiện tượng giới cũng bị luật nhân quả chi phối một cách có thứ tự. Thế giới mà chúng ta đang sống cũng không ngoại lệ, nó biến hoại theo từng sát na sanh diệt dưới sự chiếu soi của luật nhân quả.



Tâm chư Phật sẽ thành

• TKN Thích Nữ Chân Liễu

Trong Phật giáo, xuất gia hay tại gia, dù có sinh hoạt trong chốn Thiền môn hay không, chắc hẳn nhiều người cũng có nghe nhắc lại hoặc biết đến câu nói, từ kim khẩu của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ngay khi chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác sau 49 ngày đêm thiền tọa dưới cội bồ đề: **Ta là PHẬT đã thành - Chúng sanh là PHẬT sẽ thành.**

Có nghĩa là Đức Phật tuyên bố đã thành Phật ngay rạng sáng hôm đó và tất cả chúng sanh trong sáu cõi, gồm: **trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh**, đều sẽ thành Phật trong tương lai. Trong hiện tại, tất cả đều là nhân, là hạt giống, nếu biết tu tập theo đúng chánh đạo, hành đúng chánh pháp, tất cả chúng sanh đều có khả năng giác ngộ, giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, trở thành một vị Phật.

Ở đây, chúng ta chỉ có thể cảm nhận được vai trò của cõi người đang sống và phải chịu trách nhiệm về số phận nghiệp duyên và nhân quả của chính mình. Bao giờ thì thành Phật, hay mãi mãi là chúng sanh? Câu hỏi này có bao giờ con người nghĩ đến hay chưa?

Ngày nào đó với tâm thái trầm mặc, an bình, con người chọn cho riêng mình một không gian tĩnh lặng, hít thở nhẹ nhàng, ngồi xuống thiền tọa, chân xếp hình hoa sen, sau đó thực tập làm Phật vài ba phút.

TÂM CHƯ PHẬT ĐÃ THÀNH

Phật tại "**Tâm**", không phân biệt "**Tướng**" - xuất gia tại gia, nam nữ, đẹp xấu, giàu nghèo. Phật Tâm không cố chấp, không phiền, không giận, không trách. Ai tôn kính, ai không tôn kính cũng chẳng khác gì nhau, chính là nghĩa pháp môn bất tùy phân biệt. Tâm Phật là tâm bình đẳng, thanh tịnh tuyệt đối. Lòng tử bi của Chư Phật là vô ngã vị tha, thương chúng sanh như cha lành thương con.

Phật là Tâm sáng suốt, trí tuệ hiểu biết tất cả thiện ác trong thế gian một cách rõ ràng, không nghi, nhưng bất tùy phân biệt. **Pháp là Tâm chân chánh**, thấu rõ chánh tà, thiên viên, đại tiểu, chân ngụy, nhưng bất tùy phân biệt. **Tăng là tâm thanh tịnh**, nội cần khắc niệm, ngoại hoằng bất tranh, nhưng bất tùy phân biệt.

Tâm Phật sáng suốt, chân chánh và thanh tịnh, không phê phán, không chê trách, không thiên vị riêng tư một cá nhân hay một tôn giáo nào, không kết án với vả một ai, không tranh cãi, không hận thù, không tà niệm, yêu thích người thiện, bỏ mặc người ác, khen mình chê người, không dùng lời phỉ báng nặng nề bất chấp sự đau khổ của người để thỏa mãn cái tôi - tự ngã.

Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni đăc đạo ngay nơi cội ác thế Ta Bà "**ngũ trước**" (tức là cõi có 5 điều dục vọng và si mê):

1. Kiếp trước: Nhiều căn bệnh hành hạ đau đớn, nạn đói, chiến tranh, thiên tai.

2. Kiến trước: Nhiều tà kiến, sai trái, dụ dẫn tạo nghiệp ác, cuồng tín si mê.

3. Phiền não trước: Nhiều tham vọng, tâm lăng xăng điên loạn, không tự chủ.

4. Chúng sanh trước: Chúng sanh chưa hiểu suốt nhân quả thiện ác, nên gây thù oán, thân quyến tương tàn.

5. Mệnh trước: Thọ mệnh chúng sanh ngắn ngủi, vô thường biến đổi, luân hồi sanh tử đau khổ muôn trùng.

Đức Phật vì lòng tử bi, không nhập Niết Bàn sau khi chứng đạo. Ngài ở lại thế gian thuyết muốn vạn pháp môn tu và chỉ dạy con đường tu thành Phật bằng thân giáo. Cử chỉ và hành động đầy khiêm tốn, bình đẳng, tử bi và hết sức tế nhị.

Trong thời gian Đức Phật còn tại thế, nhiều người không hiểu biết thế nào là thành Phật. Có những vị còn không tiếc lời phỉ báng và nhiều lần muốn giết Đức Phật để giành ngôi Thế Tôn. Giá trị tình thương chúng sanh và đức độ kham nhẫn trong tâm lý hoằng pháp của Đức Phật là bậc trí tuệ tuyệt diệu và thâm sâu vô cùng.

Chư Phật và Chư Tổ thường dạy:

Lấy tử bi và trí tuệ làm thẳng tiến đạo nghiệp

Lấy sự hy sinh và phụng sự làm niềm hạnh phúc

Lấy bao dung và hỷ xả để cư xử với mọi người

Lấy sự nghiệp giác ngộ và giải thoát làm cứu cánh.

Chư Phật tùy duyên thuyết pháp, cứu độ cho tất cả những ai thật sự mong cầu một đời sống thánh thiện tốt đẹp. Chúng sanh nghe lời dạy của Chư Phật, phát tâm tìm hiểu rõ ràng chân lý của đạo giác ngộ và giải thoát.

Sau đó, con người thực hành **ba chặng đường VẤN, TU, TU** (nghe hiểu, suy nghĩ, thực hành). Phát sanh trí tuệ sáng suốt mới mong vượt ra khỏi sự trói buộc đau khổ của luân hồi sanh tử.

"Như Lai là người chỉ con đường chúng được cứu cánh Niết Bàn tịch tịnh. Thế Tôn là vị đã đoạn trừ phiền não của thế gian và đem lại nhiều thiện pháp cho chúng sanh". (Tăng Chi Bộ Kinh).

Phật Tánh không do cầu khẩn van xin mà có, cũng không phát sinh từ lòng ái dục, hay tình cảm hạn hẹp ích kỷ. Phật Tánh phát xuất từ tâm tử bi, bao la tươi nhuận và bình đẳng như tâm Chư Phật vậy. Đó là những giây phút vô cùng trân quý, khi tâm vô trụ, vô chấp, đạt được an nhiên và tự tại, hạnh phúc và giải thoát.

Bản tâm thanh tịnh của Chư Phật không tạp niệm, không tà ý, ví như mặt biển thái bình lặng yên lúc không sóng không gió, mọi thời mọi khắc đều an nhiên tự tại và hạnh phúc giải thoát.

Nói chung tất cả niệm do tâm chấp, tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm đố kỵ, tâm khinh khi, tâm lúc thuận lúc nghịch, lúc thân lúc thù, khi thương khi ghét, đó là những tạp niệm vọng tâm vọng chấp mà Chư Phật đã hoàn toàn chế ngự, điều phục được tất cả, nên Chư Phật là những vị "**Phật đã thành**".

TÂM CHƯ PHẬT SẼ THÀNH

Người tu theo Phật tuy chưa được trọn thành Phật đạo, nhưng ai cũng có **nhân Phật Tánh** và tâm ý thiện lành. Trong những giây phút con người thật sự để lặng yên tâm thức, chẳng khởi lên một niệm suy tính so đo, hơn thua, tranh chấp, phiền não, vọng động, thương

ghét, đau khổ, thù hận và xóa bỏ hết ranh giới của nhỏ nhen cố chấp nhị biên, thiện và ác, đúng và sai, khi đó con người sẽ cảm nhận được Phật Tánh của mình hiển hiện vô cùng kỳ diệu.

Đó chính là tâm từ bi hỷ xả như Chư Phật. Nguồn an lạc hết sức trong sáng với muôn ngàn thương yêu của lòng bao dung, đồng cảm và tha thứ.

Câu nói của Ngài Thường Bất Khinh Bồ Tát:

"Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài cũng sẽ thành Phật".

Có tu nhiều đời nhiều kiếp mới được làm thân người. Có tài, có sắc, có phước, vinh hiển trong đời, không phải ai cũng có được. Nhưng dù sanh vào hoàn cảnh như thế nào cũng là do nhân quả, đều có Phật Tánh sáng suốt để đi đến giác ngộ và sẽ thành Phật, nhanh hay chậm, tùy theo nghiệp duyên, phước đức và công phu tu tập của mỗi người.

Chúng sanh bao gồm những con người còn sống trong luân hồi sanh tử, chưa giác ngộ toàn vẹn, cho nên tâm vẫn còn hỷ, nộ, ái, ố, tham lam, sân hận và si mê. Không một ai muốn phạm lỗi lầm, cũng không một ai muốn bị hình phạt, hay bị sỉ nhục. Con người phạm tục vì những cảnh trần lôi cuốn, đôi khi mất cảnh giác, phải chịu nhiều đau khổ và phiền não.

Cực Lạc Quốc là nơi chốn thanh tịnh trong sạch, không phiền não, không ô nhiễm, không tham sân si. Đó là cõi Phật, là nơi chư Thượng Thiên Nhơn (người tốt hoàn toàn) đồng câu hội. Người Phật tử sống ở thế gian ai ai cũng muốn, sau khi xả báo thân này, được về cảnh giới tịnh độ của chư Phật. Cho nên ngoài việc mỗi thời khắc **nhất tâm niệm Phật**, thiền tọa tập làm Phật, để phát sanh trí tuệ. Phật Tánh luôn sáng suốt, chân chánh và thanh tịnh tuyệt đối.

Chư Tổ dạy có bốn pháp cao thượng tu hành như sau:

1. Giới đức cao thượng.
2. Định tâm cao thượng.
3. Trí tuệ cao thượng.
4. Giải thoát cao thượng.

Có nghĩa là giữ giới bền chặt, giữ tâm chánh trực, có trí tuệ nhận rõ đúng sai, thiện ác, lòng không cố ý khoe khoang chứng đắc, tự hào hơn thua, không vướng mắc một giả danh nào hết, cũng không tự gạt tâm mình hay gạt người, không tạo **khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp**. Cuối cùng là tâm được khinh an, thanh thản, tự tại và giải thoát.

Nước mắt chúng sanh như biển cả, thế gian đau khổ nhiều lắm rồi. Nếu biết được ai ai cũng có một thứ quý giá vô cùng, đó là **"Phật Tánh Chân Như"**, là nhân lành đưa đến hạnh phúc an lạc vĩnh cửu, không có khổ đau sanh tử, thì con người cần gì phải tham gia vào sự tranh đua, sân hận, lỗi phải những chuyện danh lợi thế gian. Buông bỏ hết thì tâm được khinh an.

Suy cho cùng có ai trên đời không một vài lần phạm lỗi, hối hận, khổ đau. Thường thì con người có rất nhiều cách biện minh và dễ dàng tha thứ cho chính bản thân, nhưng đối với người khác, kể cả người thân sống chung quanh, thì không muốn tha thứ hoặc cảm thông, luôn luôn đòi công bằng và xử lý thỏa lòng. Do đó, con đường đi đến cảnh giới Chư Phật thật là xa xôi ngàn trùng.

Chúng sanh của thế kỷ 21 này có nhiều phương tiện và phước duyên gặp Phật Pháp. Giáo pháp của Đức Bổn

Sư Thích Ca được thế giới tôn kính và đón nhận như nước cam lộ diệt trừ muôn ngàn phiền não. Sống với Tâm Phật qua cung cách ứng xử đạo đức hằng ngày, tức là có được hạnh phúc tại thế gian rồi đó. Con người cùng nhau phát nguyện tinh tấn tu học, nhân Phật tánh càng ngày càng hiển lộ, cây bồ đề đâm chồi nảy lộc đơm hoa kết trái.

Trong kinh sách Chư Tổ có dạy:

Nội cần khắc niệm chi công

Ngoại hoằng bất tranh chi đức.

Đó là công phu và đức độ của người tu. Bên trong tâm, giữ gìn chánh niệm, gọi là công phu. Bên ngoài thân, không hơn thua, không tranh cãi, gọi đức độ. **Thân và Tâm** song hành tu tập gọi là **Công Đức**. Còn gọi là **Phúc Tuệ song tu**.

Điều quan trọng là muốn tu phải phát tâm học hiểu Phật Pháp cho thấu đáo và thực hành trong đời sống hằng ngày. Khi đó giới hạnh được vẹn toàn, tâm định được phát triển, trí tuệ được khai mở, con người cảm thấy được niềm an lạc thanh tịnh không thể nghĩ bàn.

Dù là người xuất gia hay tại gia, con người muốn tu mà không tha thiết mong cầu giác ngộ Phật Pháp, thì cuộc đời đi tu sống trong sự mệt mỏi buồn chán, quanh năm suốt tháng, tin vào sự linh thiêng huyền bí và chỉ biết chờ đợi phép lạ một cách tiêu cực. Khi cái chết gần kề, lúc đó hoảng loạn, bơ vơ, tâm trạng vô thức, không biết rơi vào cảnh giới tốt xấu nào đây, có phải muộn quá hay không?

Đạo Phật được thế giới tôn vinh là đạo bình đẳng và từ bi trí tuệ bậc nhất. Tuyệt vời hơn nữa là tất cả người tu phát nguyện:

"Vi chúng sanh đạt thành ngôi chánh đẳng chánh giác. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn". Nghĩa là: tự thân giác ngộ và cứu độ tha nhân, cho đến khi hạnh giác ngộ tròn đầy, tất cả chúng sanh ra khỏi lục đạo luân hồi.

Trong thời gian qua, nhân loại trên trái đất chịu đựng quá nhiều thiên tai. Sóng thần Nhật Bản, bão tố Sandy, đã cướp mất bao nhiêu tài sản và nhân mạng của những người vô tội. Cảnh màn trời chiếu đất, cha mẹ mất con, vợ chồng ly tán, đau khổ tột cùng.

Nhưng sau đó, họ không thể ngồi một chỗ than trời trách đất, suy sụp, buông trôi, hay giận cho trời già cay nghiệt, hận bản thân vô phước. Họ cùng nhau xây dựng lại ngôi nhà, vườn cây, khóm hoa, đem trở lại sự sống mãnh liệt trong tình người với người đầy lòng nhân nghĩa thân ái và bao dung. Đó chính là sức mạnh của **Phật Tâm, Phật Tánh** trong mỗi con người, trong cuộc sống hàng ngày, trên thế gian này.

Nói tóm lại, để sống một cuộc đời có ý nghĩa hơn, với Tâm Phật sẵn có, con người cần được thăng tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát. Con người cần phải luôn phát nguyện vun bồi công đức và phước đức, cho đến khi được đầy đủ từ bi và trí tuệ, lý sự viên dung.

Đây chính là điểm siêu việt của đạo Phật đối với chúng sanh với câu Phật ngôn bất hủ:

"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành".

Ai ai cũng có thể tu theo con đường Phật dạy và đều có nhân duyên trọn thành Phật đạo.

(Xem tiếp trang 18)

Sự thăng hoa của Phật Giáo Đại Thừa

• Thích Như Điển

Khởi đi từ Ấn Độ cách đây 2556 năm về trước, giáo lý của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni bắt đầu tỏa chiếu từ cội cây Bồ Đề linh thiêng và kể từ đó đến nay giáo lý từ bi trí tuệ ấy đã làm cho không biết bao nhiêu chúng sanh được gội nhuần ân pháp vũ. Bất luận là Á Âu hay Mỹ Phi Úc, đâu đâu nếu có những người hướng thiện, muốn tu học và cần cầu sự giải thoát; thì giáo lý kia chính là những chất liệu dưỡng sinh để giúp cho con người mau ra khỏi vòng tục lụy của một kiếp nhân sinh.

Đầu tiên Đức Phật nói những câu chuyện thường nhật của sanh, già, bệnh, chết. Soi rõ nguyên nhân từ đâu có những hiện tượng này, rồi từ đó Ngài chỉ cho phương pháp chữa trị những căn nguyên cội rễ kia. Đây chính là một bài thuốc thần diệu mà giáo lý kia đã cung ứng cho con người. Đọc bộ A Hàm là bộ kinh căn bản có nguyên thủy bằng tiếng Pali, được dịch sang chữ Hán cũng như tiếng Việt, chúng ta thấy rải rác khắp đó đây những câu chuyện thường nhật xảy ra trong đời sống hằng ngày mà Đức Phật muốn dạy cho các đệ tử hay những người có duyên với Phật Pháp.

Ví dụ có hôm còn sớm, chưa đến giờ đi vào thành khất thực, Đức Phật quán sát nhân duyên, thấy rằng ông Phạm Chí nọ đã đến thời kỳ được khai thị; nên Ngài đã ghé qua nơi các Phạm Chí đang tụ họp. Khi Đức Phật đến, có người cung kính chào, có kẻ ngồi yên, có người ra vẻ hống hách khinh thường Ngài và cũng có lắm người hiềm khích chửi rủa mắng nhiếc. Tất cả những việc làm ấy của Phạm Chí đối với Ngài hầu như không bị chi phối, vì Ngài đã quán sát kỹ trong từng trường hợp một, sau đó Ngài từ tốn hỏi từng câu chuyện một. Có lúc Phạm Chí trả lời, có khi Đức Phật giải thích. Khi hiểu thấu đáo rồi những người ngoại đạo kia xin quy y với Đức Phật.

Những câu chuyện trong kinh A Hàm là những câu chuyện xảy ra thường nhật trong cuộc sống hằng ngày. Đôi khi Phật nói ở những cảnh giới khác; nhưng lắm lúc cũng nói rất cao về tánh không, về vô ngã. Ví dụ có hôm Đức Phật bắt gặp Đệ Tử của Ngài đang ngồi thảo luận về sự thành lập và sự hủy hoại của thế giới này; nhưng quý Thầy Tỳ Kheo đang đi đến chỗ bí lỗi. Lúc ấy Đức Phật lại xuất hiện để giải bày. Ngài nói về vô thường và sanh diệt. Ngài nói về thành, trụ, hoại, không... Tất cả đều nhằm giải bày cho chư Tỳ Kheo những chỗ còn nông cạn.

Đức Phật cũng đã nói về những ngày chay trong một tháng từ ngày mồng 8, 14 rằm và nửa tháng sau gồm ngày 23, 29 (30 nếu tháng đủ) và mồng một. Trong những ngày chay tịnh này Đức Phật khuyên các Phật tử nên thọ Bát Quan Trai. Lý do là trong những ngày mồng 8 và 23 Chư Thiên ở cõi Trời sai những Thiên Sứ đi vào nhân gian để tuần tra xem thử việc lành dữ của thế gian. Nếu trong những ngày ấy con người tại thế gian này biết kính trọng Tam Bảo, Sư trưởng, cha mẹ, có lòng thương

đối với chúng sanh và làm lành lánh dữ, khi các Thiên Sứ này báo lại cho Chư Thiên như vậy thì Chư Thiên rất hoan hỷ và nói rằng: Cửa thiên đường đang mở để đợi chờ những người này.

Vào ngày 14 và 30 (nếu tháng thiếu 29) Chư Thiên sai hai vị Đông Cung Thái Tử trực tiếp xuống cõi Ta Bà này để xem xét chúng sanh có hành thiện hay không. Nếu chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề này có giữ giới, có thọ Bát Quan Trai trong những ngày này, biết quy kính ba ngôi Tam Bảo, có hiếu với cha mẹ, hòa thuận với huynh đệ trong gia đình. Khi hai vị Đông Cung Thái Tử này thấy như vậy rồi về báo lại cho vị Trời Đế Thích. Ngài tươi cười bảo: Như vậy là A Tu La đã giảm và Chư Thiên sẽ tăng.

Đến ngày mồng một và ngày rằm đích thân vua cõi trời tam thập tam thiên đi vào cõi nhân gian này. Nếu các chúng sanh ở cõi này luôn có tâm làm việc thiện, lánh xa những việc ác, ăn chay, thọ Bát Quan Trai, giúp đời, cứu người, quy kính nơi Tam Bảo v.v... thì Đế Thích rất hoan hỷ. Vì con người muốn xa lánh tội lỗi, mong được sanh vào thế giới an lành hơn sau khi mạng chung ở cõi này. Nếu không được như vậy Đế Thích không hoan hỷ.

Vậy thì việc chay tịnh này đã có ngay từ thời kỳ Đức Phật còn tại thế, mặc dầu có nơi Ngài cũng có chủ trương là Đệ Tử của Ngài có thể dùng tam tịnh nhục hay ngũ tịnh nhục. Khi Phật Giáo truyền đến phương Bắc như Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam... các vị Tổ Sư Đại Thừa triển khai từ những giáo lý căn bản này để thăng hoa cho cuộc sống của người xuất gia cũng như tại gia về các hình thức như ăn chay kỳ mỗi năm 3 tháng hay ăn chay trường; hoặc ăn chay mỗi tháng nhiều ngày; ngoài 6 ngày như thời Đức Phật đã chủ trương. Tinh thần này còn được nhấn mạnh rất rõ trong kinh Đại Bát Niết Bàn về sau này là: Muốn thành Phật, không thể thiếu tâm từ đối với chúng sanh; nên phải dùng hoàn toàn chay tịnh.

Về việc niệm Phật cũng đã khởi đi từ thời Đức Phật còn tại thế. Những gì Ngài đã dạy, trong kinh A Hàm ngày nay vẫn còn truyền lại. Đó là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới và niệm Thiên. Chữ niệm có nghĩa là nhớ nghĩ, liên tưởng về. Ngày xưa chỉ liên tưởng có 6 việc trên. Vì lẽ người Cư Sĩ tại gia làm phước, bố thí, cúng dường chỉ mong cầu kiếp sau được giàu có sanh thiên và ở đó để hưởng những phước lạc; nên thường nhớ nghĩ đến Chư Thiên. Đến khi tinh thần Đại Thừa được triển khai sau thời kỳ bộ phái và nhất là tinh thần Trung Quán của Ngài Long Thọ hay các Đại Luận Sư khác như: Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân thì chữ niệm này đã thăng hoa ở nhiều tầng lớp cao hơn nữa. Đó là hình ảnh của Đức Phật A Di Đà và chư vị Phật khác trong 10 phương vô biên thế giới. Từ một vị Phật độc tôn như Đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni mà lâu nay Phật Giáo Nguyên Thủy đã tồn thờ. Nay lại xuất hiện thêm Đức Phật A Di Đà giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc, kể đến Tịnh Độ Đông Phương của Phật A Súc. Tịnh Độ Đẩu Suất của Đức Phật Di Lạc và hằng hà sa số cõi Phật khác. Đây cũng là tinh thần „nhất niệm biến tam thiên“ trong kinh Hoa Nghiêm thăng tiến vậy. Những gì ở Ấn Độ và các nước Phật Giáo Nam Tông chỉ một, khi qua đến các xứ Phật giáo phát triển biến thành hai, thành bốn và cứ thế mà nhân lên gấp đôi.

Ví dụ trong kinh Bản Sanh, Đức Phật thuật lại những tiền kiếp của mình. Có lúc Ngài thực hành hạnh nhẫn nhục của một vị Bồ Tát như trong kinh Kim Cang có diễn tả. Lúc ấy vua Ca Lợi cắt hết thân thể của Ngài. Nếu Ngài dùng cái tướng của sự thấy, nghe để trụ vào đó thì Ngài không thành tựu hạnh Bồ Tát nữa. Cũng có những chuyện tiền thân trong hơn 500 chuyện như vậy nói Ngài là Sư Tử, là chim, là người thợ săn, là Tu Sĩ v.v... tất cả đều mang hạnh nguyện của một vị Bồ Tát vì đời quên mình và xả thân cầu giác ngộ giải thoát sanh tử luân hồi. Thế mà khi Ngài thành Phật trong kiếp này, tinh thần Bồ Tát hạnh như thế ít thấy được triển khai như tinh thần của Phật Giáo Đại Thừa.

Đến kinh Lục Độ, kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang là sự thăng hoa của Bồ Tát hạnh và làm sáng tỏ thêm tinh thần căn bản của Bản Sanh truyện, vốn là những mẫu chuyện do chính kim khẩu của Đức Phật nói ra và sau này vào đầu kỷ nguyên dương lịch được biên tập thành tiếng Pali, được truyền bá rộng rãi khắp nơi trong các xứ Phật Giáo Nam Tông ngày nay. Vậy thì lục độ vạn hạnh vốn là những điều căn bản của một con người khi thực hành hạnh Bồ Tát như: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đây cũng chính là sự thăng hoa của Đại Thừa từ căn bản Phật Giáo Nguyên Thủy. Vì lẽ khi tư tưởng Phật học tại Ấn Độ đã chín muồi sau gần 800 hay 900 năm tại quê hương Đức Phật, lúc bấy giờ tinh hoa ấy lại bay bổng và hội tụ đến phương Bắc chứ không phải là phương Nam. Vì lâu nay phương Nam vốn dĩ đã hấp thụ tinh thần Phật Giáo cổ điển rồi.

Từ 6 hạnh của Bồ Tát khi đi vào đời để độ sanh, 6 hạnh kia đã trở thành 12 lời nguyện của Đức Dược Sư, Lục Ly Quang Như Lai, rồi 12 lời nguyện của Đức Phật A Súc của cõi Tịnh Độ Diệu Hỷ nằm ở phương Đông; nơi đây còn có khả năng thâm nhận những người nữ muốn vắng sanh về thế giới của Ngài, mà trong Nguyên Thủy Phật Giáo khó thấy được hình ảnh này.

Rồi 12 lời nguyện của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Tuy những lời nguyện này nương vào kinh Diệu Pháp Liên Hoa làm chính; nhưng Ngài là một trong hai vị Bồ Tát thượng thủ của Đức Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Rồi 18 đạo được nói rõ trong Vô Lượng Thọ nghi quỹ. Rồi 24 lời nguyện cổ xưa của Đức Phật A Di Đà. Kế tiếp biến thành 30, rồi 36. Sau đó là 42 và dừng lại ở con số 48. Theo nguyên ngữ bằng tiếng Phạn thì Đức Phật A Di Đà chỉ có 45 lời nguyện; trong khi đó tiếng Tây Tạng gồm tất cả 51 và chữ Hán hay tiếng Việt và tiếng Nhật hay Đại Hàn vẫn tôn trọng con số 48 như xưa nay vẫn thường lễ bái, trì tụng xưng dương hạnh nguyện của Ngài.

Như vậy từ kinh Bản Sanh làm căn bản, trải qua Lục độ vạn hạnh, Lục độ tập kinh, Lục Ba La Mật và cứ mỗi lần thăng tiến hạnh nguyện của Đức Phật A Di Đà được cộng thêm 6 hạnh nguyện. Đây là lối diễn dịch của Đại Thừa mà ta phải nhìn với tuệ giác quán chiếu duy tân, thay đổi mới có thể chấp nhận được. Nếu chỉ nhìn dưới khía cạnh thuần nhất, một là một và một không thể là hai hay còn khác hai nữa, thì không thể chấp nhận sự thăng hoa của Đại Thừa một cách dễ dàng.

Từ đó chúng ta thấy rằng: những nước theo Đại Thừa hay Kim Cang Thừa như: Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản, Mông Cổ, Sikkim, Tây Tạng, Bhutan... đã thăng hoa tinh thần Đại Thừa đến chỗ tột đỉnh. Ví dụ như dưới thời nhà Đường ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ 7,

thứ 8. Hoặc nhà Kim bên Đại Hàn thế kỷ thứ 8; dưới triều Thánh Đức Thái Tử ở Nhật thế kỷ thứ 6 và Việt Nam vào thời nhà Lý nhà Trần từ thế kỷ thứ 11 đến cuối thế kỷ thứ 13. Tất cả đều chỉ có một mục đích duy nhất là tiếp tục duy trì phát triển và làm thăng hoa tinh thần Đại Thừa để kế hợp vào đời sống cũng như văn hóa bản địa. Nếu không như vậy thì gốc rễ của Phật Giáo Nguyên Thủy không thể bám chặt vào nơi đây. Điều ấy qua lịch sử và sự truyền thừa chúng ta đã thấy rõ. Trong khi Phật Giáo Nguyên Thủy hầu như không có mặt tại các quốc gia Đại Thừa này; điều ấy cũng chẳng có nghĩa là Phật Giáo Đại Thừa đi sai nguyên tắc của Phật Giáo Nguyên Thủy, mà ở đây chỉ thăng hoa tinh thần Nguyên Thủy vốn dĩ có sẵn từ lúc ban đầu ấy mà thôi. Ngược lại những xứ Nam Tông Phật Giáo như: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt ảnh hưởng của Đại Thừa Phật Giáo khó phát triển tại những quốc gia này. Vì lẽ văn hóa và truyền thống ở những đất nước này vốn dĩ lâu nay đã quen với nề nếp cũ, khó lòng mà khởi động một phong trào thăng hoa giáo lý ấy một cách quyết liệt như thời Ngài Long Thọ còn hiện tiền. Nếu không có bốn vị Đại Luận sư như trên thì Đại Thừa cũng khó có cơ ngơi phát triển dọc về phương Bắc; nhưng đồng thời tư tưởng ấy cũng khó tồn tại và phát triển về phương Nam. Và chẳng: thời thế tạo nên con người và lịch sử là vậy.

Một số những nhà nghiên cứu khi bàn đến vấn đề Nam Bắc Tông đều cho rằng: Bắc Tông đi quá đà, sai lầm Phật dạy và những giáo lý ấy vốn không có sự bắt nguồn từ Phật Giáo Nguyên Thủy. Không biết rằng: những nhận định như vậy có quá vội vã chăng? bởi lẽ, nếu những mảnh đất màu mỡ phương Bắc ấy, đầu cho có bỏ trống đi nữa, thì Phật Giáo Nam Truyền khó mà tồn tại cũng như phát triển được. Lý do là phong tục, tập quán và văn hóa của người phương Bắc lúc nào cũng phải đổi thay để thích hợp với khí hậu, phong thổ, nếp sống của con người tại đó. Vậy thì sự hội nhập, duy trì, phát triển, thăng hoa tinh thần Phật học vốn dĩ sẵn tự ngàn xưa tại Ấn Độ trên những dải đất mới ở Bắc phương đâu có tội tình gì; ngược lại còn mang đến cho những quê hương này những tinh hoa tuyệt diệu của Phật học mà Đạo giáo và Khổng giáo khó bề chu toàn. Vì cả hai nền giáo lý này đều chỉ dạy cho con người hoàn thiện kiếp sống nhân sinh trong hiện thế; còn đời trước và đời sau không có sự tiếp nối liên hoàn. Do vậy khi Đạo Phật nhập thế được tiếp cận vào những xã hội này là một phước báu lớn của Đạo Phật khi đem chuông đi đánh xứ người và tiếng chuông ấy lại vang vọng mãi cho đến ngàn sau.

Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ vốn là những bản kinh có nguyên bản chữ Sanscrit; nên nhiều học giả cho rằng: những kinh ấy có nguồn gốc. Còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ vốn chỉ có bằng chữ Hán; nên các học giả không tin rằng: kinh này đã có từ nguyên thủy. Điều ấy cũng có thể; nhưng cũng không nhất thiết phải là như thế. Vì nội dung của kinh mới là quan trọng, còn hình thức có thể thay đổi tùy theo thời gian và hoàn cảnh tại địa phương. Ví dụ như kinh Vu Lan Bồn, kinh Báo Ân Phụ Mẫu, kinh Lương Hoàng Sám, kinh Thủy Sám v.v... vốn dĩ do chư Tổ người Trung Hoa dựa theo tinh thần báo ân, báo hiếu, nhân quả mà lập thành; nhưng chúng không đi ngược lại tinh thần căn bản giáo lý chơn truyền là được. Miến là nó không làm cho con người lâm vào mê tín, dị đoan. Đấng này sự thờ kính cha mẹ, ông bà, tổ tiên vốn là bản sắc của những dân tộc như Trung

Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam; nên những bản kinh trên luôn hiện hữu trong lòng của những tín đồ theo Phật Giáo Đại Thừa. Trong khi đó các xứ Nam Truyền không có những bản kinh như vậy.

Ngày nay Phật Giáo đã có mặt khắp nơi tại Âu Mỹ. Ví dụ như Phật Giáo được du nhập vào nước Úc này khoảng gần 200 năm về trước là do những người Anh, người Mỹ theo Thông Thiên Học của Ấn Độ chuyển hướng qua Phật Giáo. Vì lẽ giáo lý này gần sát với thực tế, những gì mà họ đang thực hành như Yoga hay Thiền Định. Phật Giáo đến Âu Châu có nhiều ngã khác nhau; chính thức có hai con đường. Đó là những nhà truyền giáo Á Châu mang giá trị của Đạo Học Đông Phương đến những quê hương mới này. Tiếp đến, chính những người Âu Châu không còn thừa nhận tôn giáo hữu thần và nhút nhát nữa; nên họ đã trực tiếp đến các xứ Nam Phương hay Bắc Phương để tìm hiểu giáo lý đó. Sau khi tu niệm đã thành thực, họ trở về lại quê hương của mình và trao truyền những gì đã học được cho những thế hệ kế thừa.

Phật giáo Mỹ Châu cũng vậy. Tuy châu lục này còn mới mẻ so với các châu khác; nhưng cách tiếp nhận tinh hoa của Phật Giáo cả Nam và Bắc Truyền bằng những nhận xét dựa theo khoa học thực tiễn để thực hành Đạo Phật. Đời sống kỹ nghệ vốn dĩ làm cho con người dễ đi vào chỗ bế tắc, căng thẳng nhiều mặt trong cuộc sống, nhất là vấn đề tâm linh. Do vậy Thiền là cách điều tâm và duy nhất có thể xoa dịu đời sống nội kết của họ giữa gia đình và xã hội; giữa con người và việc làm, để trở nên phóng khoáng hơn và hiệu quả hơn; nên ngày nay đi đâu cũng nghe nói đến Thiền trị liệu tâm lý, làm xoa dịu thân kinh, mà thiền Minh Sát (Vipassana) nguyên thủy vốn không phải để chỉ đáp ứng những nhu cầu rất con người và rất thực tiễn như những xã hội Âu Mỹ ngày nay đã tiếp nhận.

Gạo vốn là món ăn căn bản của các dân tộc Á Châu. Trong khi người Ấn Độ nấu cơm và thức ăn bao giờ cũng cho cà-ri và ớt cay xé cổ để tạo thành một bữa ăn ngon cho mỗi ngày, mỗi tháng và quanh năm như thế. Nếu là người ngoại quốc, chỉ có thể thưởng thức món cơm cà-ri trong một thời gian ngắn là ớn ợ rồi.

Cơm tại Trung Hoa bây giờ không còn là thức ăn chính nữa, mà cơm lúc nào cũng được đem ra cuối cùng của bữa ăn. Họ dùng đồ chiên xào là chính và bao giờ dầu, mỡ vẫn là những loại đồ ăn khoái khẩu của họ. Trong khi đó người Nhật ăn cơm rất ngọt; hình như họ bỏ đường vào đó hơi nhiều. Món ăn của người Nhật hơi lờ lợ, không mặn mà như Việt Nam, không cay như Ấn Độ và không nhiều dầu như Trung Hoa. Người Đại Hàn ăn cơm lúc nào cũng phải có kim chi; người Tây Tạng, Pakistan ăn cơm lúc nào cũng phải có những loại bột đặc quánh ăn chung với bánh. Đó là một trong những đơn cử nhỏ của món ăn chính là gạo; nhưng các dân tộc Á Châu tiêu thụ, sử dụng khác xa nhau, chẳng có nước nào giống với nước nào cả.

Lâu nay người Âu Mỹ vốn ăn bánh mì. Tất cả đều được làm từ bột lúa mì và lúa mạch tạo thành và họ đã làm đủ loại bánh mì khác nhau để cho con người sử dụng. Bây giờ có một loại gạo mới được du nhập vào đây từ Tích Lan, Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam, Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản... họ không nấu cơm bằng nước như các dân tộc Á Châu chúng ta, mà họ nấu gạo bằng sữa bò để có thêm nhiều chất dinh dưỡng và họ không dùng

cơm này bằng dầu như các dân tộc Á Châu, mà họ dùng toàn bằng dao và nĩa. Dĩ nhiên là còn nhiều cách khác nhau nữa để nấu gạo thành cơm và mục đích cuối cùng là cung ứng cho sự tiêu hóa, làm thích nghi cho bao tử. Như vậy chúng ta cũng không thể nói là người Âu Châu nấu cơm không đúng cách và ăn cơm không phải như vậy, phải dùng dầu mới đúng. Đây là cái chấp nhất thời. Mục đích không phải như vậy. Ăn cơm hay nấu cơm bằng cách nào không cần thiết, miễn sao cơm gạo ấy nuôi sống được cơ thể, dầu Đông hay Tây cũng chỉ với mục đích này.

Giáo lý của Đức Phật cũng chỉ có một mục đích duy nhất là làm cho con người bớt khổ đau, tục lụy, làm sao thoát ly sanh tử luân hồi là chính. Còn làm như thế nào để thoát ly thì mỗi dân tộc, mỗi quốc độ có thể hành trì theo phương pháp tự biến chế cho dân tộc mình. Như vậy tinh thần Đại Thừa mới có thể khế hợp một cách dễ dàng ở những xã hội Tây Phương này.

Một Đức Phật được tạc ở Phi Châu thì kim thân của Ngài có thể không còn là màu vàng nữa. Vì điều này vốn xa lạ với người bản địa. Màu sắc ấy chỉ có nơi khác, chứ không tồn tại ở lục địa này. Cũng như thế, Đức Phật do người da trắng tạo ra thì Đức Phật ấy phải có mũi cao, da trắng và tóc vàng chứ không nhất thiết phải là tóc đen. Vì Đức Phật đó phải là Đức Phật của họ, không thể nào là một Đức Phật xa lạ với những nền văn hóa đã có sẵn tại đây.

Ngày nay nếu có ai đó đi vào những Chùa Viện và những Thiền Đường của người Anh, người Mỹ, người Đức, người Áo, người Ý, người Nga... nó hoàn toàn không giống như những Chùa Viện tại Á Châu chúng ta. Nó không nhằm mục đích làm thỏa mãn vấn đề tín ngưỡng của con người, mà mục đích chính là vấn đề chuyển hóa nội tâm, xay nhuyễn lời Phật dạy thành chất đề hồ cho người Tây Phương tiêu thụ qua việc đếm hơi thở của người Âu Châu, chứ không phải cho hay vì người Á Châu chúng ta. Họ cũng ăn chay; nhưng mục đích là tôn trọng sự sống; chứ không vì tạo phước đức như người Á Châu chúng ta quan niệm. Họ làm việc thiện nguyện chỉ đơn thuần là giúp người khác nghĩa là giúp mình. Đây là tinh thần Bồ Tát hạnh đã được khai phóng qua cái nhìn của người Âu Mỹ ngày nay. Tuy nhiều quốc gia Âu Mỹ ngày nay không hẳn là Phật Giáo; nhưng nhìn thoáng qua thì Tam Quy Ngũ Giới và Thập Thiện họ đang nghiêm trì một cách rất cẩn mật. Đó là họ chưa ảnh hưởng trực tiếp về những lời dạy của Đức Phật; nếu họ là những Phật Tử thực thụ thì họ sẽ tiến nhanh hơn người Á Đông rất nhiều. Bởi lẽ cái nhìn, cái thực tập của họ có tính cách thực tiễn và khai phóng, trong khi đó những việc làm của chúng ta luôn mang nét truyền thống, chứ ít khi chịu bước ra ngoài khuôn khổ, vốn đã sẵn có lâu nay.

Hôm nay là ngày 21 tháng 12 năm 2012; ngày mà nhiều người trên hành tinh này tin là ngày tận thế. Vì họ căn cứ theo lịch của người Maya ở Nam Mỹ, vốn là một dân tộc thông minh đã đoán trước chu kỳ của hơn 5.000 năm một lần trái đất sẽ có sự thay đổi lớn; nhưng tôi quan sát vùng núi đồi Đa Bảo Blue Mountain gần Sydney của nước Úc này mặt trời vẫn mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây, mây vẫn bay, nước vẫn chảy, sương vẫn rơi... chưa có một hiện tượng nào khiến cho con người phải lo toan cả. Thế mà đã có nhiều người toan tự tử;

hiều kẻ đã bán nhà cửa để đi đến chỗ an toàn; lại cũng có người hoang mang lo sợ, khổ tâm. Vậy đâu là vấn đề?

Trong giáo lý của Đức Phật, đầu là Phật Giáo Nguyên Thủy hay Phật Giáo Đại Thừa, Ngài vẫn luôn đề cập đến những giai đoạn của con người, của vũ trụ, của thế giới này bởi một chuỗi thời gian dài trải qua bốn giai đoạn. Đó là: thành, trụ, hoại và diệt (không). Thành và trụ là hai giai đoạn mà chúng ta đã kinh qua. Vậy hai giai đoạn kế tiếp bao giờ xảy đến và sẽ xảy đến như thế nào?

Giai đoạn băng hoại của quả đất này là giai đoạn mà con người tuổi thọ chỉ còn 10 tuổi và 5 tháng tuổi, con người đã thành lập vợ chồng, sanh con đẻ cái. Thức ăn lúc bấy giờ là hạt cỏ, chứ không còn gạo, thóc như bây giờ (theo Kinh Trường A Hàm). Những lời dạy như thế trong kinh điển Pali vẫn còn đây và việc ấy sẽ xảy đến; chứ chưa xảy đến. Trong luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới, Đức Phật đã dạy rằng: Khi nào con người không còn quy kính ngôi Tam Bảo, không tôn trọng Sư trưởng, không hiếu dưỡng cha mẹ và hòa thuận với anh chị em trong gia đình và không có lòng thương đối với chúng sanh thì đây là những hiện tượng của giai đoạn băng hoại.

Chúng ta là những chúng sanh từ cõi Trời Quang Âm Thiên đến đây. Thuở ấy chúng ta còn biết bay đi nơi này nơi nọ. Việc ăn uống tự sinh, không cần phải nấu nướng, mua sắm không cần tiền bạc. Đời sống an lạc, không chiến tranh. Còn bây giờ chúng ta đang thấy gì? Thần thông chẳng ai còn nữa. Ăn uống phải tự nấu nướng, tâm địa chúng sanh lúc nào cũng ganh tị, đấu tranh kiên cố với nhau. Vậy bao giờ thì quả đất này hoại diệt?

Đây là giai đoạn cuối của quả đất; nhưng nếu quả đất này hay những quả đất khác trên những thái dương hệ này bị hoại diệt phải đi qua hai giai đoạn quan trọng và mỗi giai đoạn như vậy chia ra làm 3 thời kỳ khác nhau của từng giai đoạn một.

Giai đoạn một được gọi là: Tiểu Tam Tai. Trong giai đoạn này được chia ra làm 3 thời kỳ. Đó là: chiến tranh, đói khát và bệnh tật. Trong luận A Tỳ Đàm dẫn dụ việc A Tu La đánh với Tứ Thiên Vương, cả 3 lần đều thua và những cung điện của A Tu La bị chư Thiên chiếm ngự, con gái của A Tu La cũng bị chư Thiên bắt giữ. Đây là cuộc chiến của những người có thần thông; có bên thua và có bên thắng. Trở lại loài người của chúng ta, ngày nay khắp nơi đều có chiến tranh. Giữa hai nước đánh chiếm với nhau; giết chóc tại học đường, tự sát hoặc đem quân đi hiểm khích với nước láng giềng v.v... đây là mầm mống nguy hại của mỗi hiểm nguy thứ nhất trong thời kỳ đầu của Tiểu Tam Tai.

Thời kỳ thứ hai của Tiểu Tam Tai là đói khát. Trong khi nhiều dân tộc ăn uống dư thừa như Mỹ và các nước Âu Châu; nhưng Châu Phi mỗi ngày có cả hàng trăm, hàng ngàn người chết đói. Thời tiết vì nóng quá không có mưa, không trồng trọt được; nên con người lâm vào cảnh khốn cùng. Cũng may là nhờ có các cơ quan viện trợ nhân đạo của quốc tế giúp đỡ kịp thời; nên những nạn đói ấy dừng lại tại chỗ; nhưng về lâu về dài thì chẳng biết sao đây, khi mà lòng tham của con người chẳng chịu dừng nghỉ.

Thời kỳ thứ ba của Tiểu Tam Tai là bệnh tật. Ngày nay có những căn bệnh thật là lạ kỳ như: cúm gà, cúm gia cầm, bệnh di truyền, bệnh AIDS, bệnh vô cảm v.v... những căn bệnh này ngày xưa không có; nếu có cũng chỉ chết một số ít người. Còn bây giờ số người chết hằng

loạt. Có nơi bị chết cả làng. Mặc dầu cơ quan y tế của Liên Hiệp Quốc có những loại thuốc chủng ngừa hàng loạt; nhưng nhiều khi cũng vô hiệu. Vì bệnh này lây lan từ thú vật và truyền đạt qua con người, để rồi con người tự hủy hoại với nhau qua thức ăn, đồ uống, hơi thở v.v...

Nếu dựa theo tinh thần kinh điển của Phật Giáo thì chúng ta đang mới trải qua giai đoạn đầu của Tiểu Tam Tai, chứ chúng ta chưa bị bước sang các giai đoạn của Đại Tam Tai. Nếu chúng ta không tuân thủ nguyên tắc sống trên hành tinh này thì trước sau gì, chúng ta cũng phải bước sang giai đoạn cuối cùng để đi đến sự hủy diệt. Như vậy theo kinh điển của Đạo Phật thì sự hủy hoại hay diệt tận của thế giới này không phải là ngày 21 tháng 12 năm 1012 này mà thời gian còn lâu dài hơn như thế nữa; nếu con người còn biết thương yêu nhau, còn hiếu thuận với cha mẹ, còn tôn thờ Sư trưởng và có lòng tin nơi Tam Bảo thì tuổi thọ của quả đất này, của hành tinh này sẽ còn tồn tại lâu hơn như thế. Tất cả đều lệ thuộc nơi chúng ta.

Giai đoạn hai được gọi là giai đoạn Đại Tam Tai. Giai đoạn này cũng chia ra làm 3 thời kỳ. Thời kỳ đầu nước sẽ dâng cao, thời kỳ thứ hai gió sẽ thổi lớn và thời kỳ cuối đất sẽ tan vỡ. Bây giờ chúng ta thử đi vào từng thời kỳ một của Đại Tam Tai.

Đầu tiên là giai đoạn của nước sẽ dâng cao. Những năm tháng gần đây chúng ta vẫn chứng kiến hay nghe nói đến những cảnh lụt lội, nước dâng cao bất thường, sau khi có những trận mưa bão lớn. Nào là Đại Hồng Thủy, Tsunami v.v... Nước dâng thật cao và đã có không biết bao nhiêu người cũng như sinh vật chết, nhà cửa tài sản bị cuốn trôi đi vào lòng đại dương chỉ trong vòng 5, 10 phút. Trận Tsunami đã xảy ra vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua tại 5 tỉnh miền Đông Nhật Bản nơi cao nhất là 15 mét và chỉ trong vòng 10 phút ấy đã có 15.000 người chết. Có lẽ trong tương lai sẽ còn nhiều trận Tsunami cao lớn hơn nhiều. Lúc ấy con người lại trở nên nhỏ bé đối với trước thiên nhiên, khi khả năng con người bị hạn chế. Dầu cho khoa học trong tương lai có tiến nhanh hơn bây giờ. Ví dụ như xe có thể bay hoặc không người lái, mọi thứ đều tự động; nhưng tất cả đều không thể cưỡng lại nghiệp lực và những gì chúng sanh đã tạo tác ra trong kiếp này hay kiếp trước.

Trong kinh Trường A Hàm, Đức Phật dạy rằng: Nước trong ngày kiếp tận sẽ dâng lên hết cõi trời thứ 33, nghĩa là tất cả những thế giới nào nằm trong cõi dục như: Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, cõi Trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi, Đẩu Suất, Dạ Ma, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại Thiên. Chừng ấy cõi nước toàn là nước, chứ không có gì khác. Lúc đó các vị Thiên Tử ở Cõi Sắc Giới lo sợ mới hỏi rằng: Vậy nước còn dâng cao nữa chăng? Chư Thiên cõi Sắc đáp: Không! Nước sẽ dừng lại ở đó. Như chúng ta biết rằng: tuổi thọ của chúng sanh ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên rất cao. Cứ một ngày ở đó bằng 16.000 năm ở cõi Ta Bà nơi chúng ta đang ở. Khi nào chư Thiên ở cõi đó hưởng hết phước rồi mới bị đọa lạc.

Kế tiếp là giai đoạn của gió thổi mạnh. Giai đoạn này khác với giai đoạn đầu, khi quả đất được thành lập. Lúc ấy gió cũng thổi; nhưng mang tính cách tạo thành. Còn giai đoạn của kiếp tận, gió sẽ mang đi tất cả. Gió càng lớn thì nước càng dâng cao. Con người, của cải, tài sản... tất cả đều trôi theo vận nước.

Cuối cùng các quả đất này sẽ vỡ tan ra, không còn một mảnh đất nào trên quả địa cầu này và các thái dương hệ khác cũng không còn kết hợp được nữa. Từng mảng, từng mảng ấy theo nước, theo gió trôi nổi khắp mười phương thế giới. Ngày được gọi là tận thế ấy chỉ còn lại độ 10.000 người và trong 10.000 người ấy cũng sẽ trôi nổi bồng bềnh rày đây mai đó. Họ cầu nguyện, phát tâm hướng về những thần lực siêu nhân. Trong họ có nhiều người khuyên bỏ ác, làm lành, biết tu tập và đem những điều từ bi, lợi tha ra thực hiện.

Gió bắt đầu yên, nước bắt đầu ngưng dâng cao và đất bắt đầu tụ lại khi ngọn lửa không còn thiêu đốt trong lòng đất nữa. Đây được gọi là sự thành lập và những giai đoạn tan hoại của một thế giới. Lúc ấy tuổi thọ con người càng ngày càng tăng dần. Cho đến khi nào con người có thọ mạng cao thì lúc ấy Đức Phật Di Lạc sẽ ra đời. Ngài sẽ độ cho loài người 3 lần và mỗi lần đều có vô số người chứng thành thánh quả. Thời gian từ đây đến ngày Đức Phật Di Lạc xuất hiện theo sách vở của Phật Giáo cho biết độ 7 triệu năm nữa; nhất định không phải là ngày hôm nay 21 tháng 12 năm 2012 này quả đất bị hoại diệt và con người sẽ đi đến chỗ diệt tận. Đây là những giáo lý căn bản mà Đức Phật đã dạy; nhưng Đức Phật cũng có huyền ký rằng: Tuổi thọ của quả đất này cũng có thể tồn tại lâu dài hơn, khi con người còn có tín tâm đối với Tam Bảo, còn phụng thờ Sư trưởng, hiếu dưỡng với cha mẹ và hòa thuận với huynh đệ trong gia đình. Tất cả đều do chúng ta quyết định, không có một vị thần linh hay chúa tể nào có quyền ban ơn giáng họa cho ta, ngoại trừ chính ta phải làm chủ vận mệnh của mình.

Trong kinh điển Nguyên Thủy hầu như không thấy hình ảnh của những vị Phật tượng trưng như Đức A Di Đà xuất hiện, mà họ chỉ tôn thờ những Đức Phật lịch sử như: Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật và Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong khi đó tư tưởng Đại Thừa là tư tưởng tiến bộ, tư tưởng thăng hoa, không dừng lại ở tư tưởng nguyên thủy mà tư tưởng này khế hợp với mọi nhu cầu, mọi thời đại, mọi hoàn cảnh để chuyên chở lời Phật dạy đi vào cõi đời này, nhằm cứu khổ độ mê.

Đức Phật A Di Đà như một cỗ xe vô tận với lời thệ nguyện thứ 18 là sẽ cứu độ hết tất cả chúng sanh „nếu có những chúng sanh trong 10 phương quốc độ niệm đến danh hiệu Ngài từ 1 cho đến 10 niệm. Khi lâm chung mà Ngài không đưa chúng sanh ấy về cõi giới Tây Phương Cực Lạc, thì Ngài sẽ không ở ngôi chánh đẳng, chánh giác, ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và nhứt xiển đề“. Chỉ dựa theo lời nguyện này mà mỗi vị Tổ Sư tu theo Tịnh Độ Tông của Việt Nam khác Trung Hoa, Trung Hoa khác Nhật Bản. Tuy rằng cuối cùng rồi cũng chỉ để cổ vũ cho việc vãng sanh. Ngài Pháp Nhiên (Honen) là Thầy của Ngài Thân Loan (Shinran) cho rằng: Niệm Phật phải khởi đi từ tự lực là chính, sau đó Đức Phật A Di Đà mới tiếp dẫn về Tây Phương. Nhưng Thân Loan là đệ tử, Ngài chủ trương khác với Thầy của mình, niệm Phật không cần tự lực, chỉ nương vào tha lực bổn nguyện là đủ. Chúng sanh chỉ cần nhớ nghĩ đến danh hiệu Ngài và do từ lực của Ngài sẽ chuyên chở chúng ta về thế giới Cực Lạc.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh Đại Bát Niết Bàn cho biết rằng: những người phạm tội ngũ nghịch và

nhứt xiển đề cũng có khả năng thành Phật. Vì lẽ các pháp đều bất định; nên nhứt xiển đề cũng bất định. Ngày hôm qua họ không tin Phật Pháp; nhưng ngày mai, ngày mốt và những ngày sau nữa họ sẽ có khả năng tự thay đổi bởi chính mình. Bấy giờ ít ra họ sẽ được sanh tại nghi thành hay thai cung biên địa nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc với hai điều kiện. Đó là sự tầm quý của chính những cá nhân bị phạm tội kia. Hai là cần phải có những thiện hữu tri thức đi kèm. Nếu thiếu một trong hai điều kiện này thì khó mà giải thoát được.

Như vậy ngay cả giáo lý Đại Thừa; nhưng khi tiến về phương Bắc, tinh thần ấy đã được xay nhuyễn ra để mớm cho, không phải những người làm biếng tu, làm biếng niệm Phật, mà để cho thấy rằng: lòng từ bi của chư Phật là vô lượng và ánh sáng của Đức A Di Đà cũng không có giới hạn, thọ mạng của Ngài cũng vô cùng. Nếu đứng từ đỉnh núi trên thế giới Cực Lạc để nhìn về ngọn núi Linh Thứu tại cõi giới Ta Bà này thì nghìn trùng xa cách; nhưng nếu không có ngọn núi Linh Thứu ở Ấn Độ làm sao núi Tu Di, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi được hình thành? Thiện, ác; nhân, quả; tương duyên, tương sanh v.v... tất cả đều phải thăng tiến, phải trải qua nhiều không gian và thời gian vô cùng tận như thế để tạo nên thế giới quan này.

Có nhiều người cho rằng: Như vậy Đức Phật A Di Đà chẳng khác nào một vị Thần có khả năng cứu rỗi cho những người mong Ngài cứu thoát? Xin thưa – hoàn toàn khác hẳn. Ngài chỉ là chiếc thuyền để chuyên chở chúng sanh kể cả người tốt, lẫn người xấu; người lành lẫn kẻ dữ. Đây chính là bản nguyện của Ngài muốn độ sanh. Vì Ngài biết rằng: Nếu không có chiếc thuyền ấy, dầu cho một hạt cát nhẹ, cũng có thể bị rơi thẳng vào biển cả đại dương; huống gì là những tảng đá lớn. Cát tượng trưng cho những tội nhỏ. Đá tượng trưng cho những tội lớn. Cả lớn và nhỏ đều được dung thông qua 48 lời nguyện của Ngài, mà nguyện ấy được thiết lập căn bản qua kinh Bản Sanh rồi Lục Độ, Bát Nhã và những Đức Phật tượng trưng trong thế giới hữu hình này.

Đức Phật A Di Đà không tự làm cho tội của chúng sanh tự tiêu hủy, mà cảnh giới của Ngài là nơi những chúng sanh ấy có thể nương vào đó để tồn tại và tiến tu thêm nữa, mặc dầu 500 Tiểu Kiếp là một thời gian vô cùng tận để phải nằm chờ trong hoa sen ở thai tạng nơi Hạ Phẩm hạ Sanh; vốn không thấy được ánh sáng và cũng chưa nghe được âm thanh của chư vị Bồ Tát thuyết pháp. Chỉ có một điều là không bị trở lại con đường luân hồi của lục đạo nữa mà thôi.

Theo quan niệm của Phật Giáo Nguyên Thủy thì người Cư sĩ chỉ có khả năng đến quả vị Dự Lưu là một trong 4 Thánh Quả và không thể thành A La Hán. Người Cư sĩ trong dòng phái Nam Truyền chỉ có thể sanh Thiên để hưởng những phước đức, do việc bố thí ở đời này. Quả này có thể nói rằng tương đương với quả vị Trung Phẩm Hạ Sanh của những vị Phật Tử Đại Thừa tu theo pháp môn Tịnh Độ. Vì A La Hán có nghĩa là Vô Sanh, mà đã là Vô Sanh thì ách nhiễm đã dứt sạch. Nếu làm Tu sĩ, mới mong có cơ hội đoạn trừ lậu hoặc của sinh tử và quả vị A La Hán là quả vị sau cùng. Ngay cả quả vị Phật cũng khó thấy xảy ra nơi Phật Giáo Nam Truyền này.

Trong khi đó theo Phật Giáo Đại Thừa, với tinh thần Bồ Tát đạo, người Cư sĩ vẫn có khả năng thành Bồ Tát để đi cứu đời độ người, mặc dầu còn mang thân Cư sĩ; nhưng nếu muốn thành Phật tức phải xuất gia, cầu giải

thoát, đoạn lia ân ái của cõi trần duyên thì mới có thể chứng thành Phật quả. Nơi đây cả Đại Thừa và Tiểu Thừa đều dung thông là phải hoàn toàn đoạn lia ái nhiễm thì mới có khả năng thành Phật và hình thức cuối cùng vẫn là người xuất gia chứ không thể là một Cư sĩ. Nếu vẫn còn giữ thân Cư sĩ, ái dục vẫn chưa đoạn trừ thì ngôi vị Phật vẫn còn xa.

Tinh thần Đại Thừa Nhật Bản còn đi xa hơn nữa. Ví dụ như các vị Tổ Sư khai tông của Chơn Ngôn Tông như Ngài Kukai (Không Hải), của Tào Động Tông như Ngài Dogen (Đạo Nguyên), của Tịnh Độ Chơn Tông như Ngài Shinran (Thân Loan), của Nhật Liên Tông như Ngài Nichiren (Nhật Liên) vào thế kỷ thứ 13 đều là những vị Phật, theo quan niệm của người Nhật để thăng hoa giáo lý của Đức Phật trong thời kỳ mạt pháp này. Đây chính là tinh thần cứu khổ độ mê, tinh thần của Bồ Tát đạo và Bồ Tát hạnh.

Tóm lại tất cả những điều gì nơi giáo lý Nguyên Thủy đã đề cập đến trong 5 bộ kinh như: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tăng Chi Bộ Kinh và Tạp A Hàm là những bộ kinh căn bản của Nam Truyền được kết thành bằng tiếng Pali, thì giáo lý ấy khi phát triển qua Đại Chúng bộ, nó đã trở thành cốt lõi của sự duy tân, đổi mới, thăng hoa đến đỉnh điểm cao nhất của sự phát triển như việc ăn chay, việc niệm Phật, việc bố thí cúng dường. Ngoài ra tinh thần Bát Nhã, Tánh Không và Trung Quán cũng vốn là trí tuệ siêu việt của sự thăng hoa này.

Từ sáng đến giờ tôi cố gắng viết lại lời Phật dạy qua những kinh điển đã tu học và góp nhặt được, nhằm giúp cho mọi người Phật Tử đâu cho ở truyền thống nào, Nam Truyền hay Bắc Truyền đi nữa cũng có được một cái nhìn thấu đáo khi nghiên cứu đến sự thăng hoa của Phật Giáo Đại Thừa vì sao lại như vậy.

Tôi chấm dứt ở trang viết tay thứ 21 này với mỗi trang là 35 dòng để minh chứng cho giáo lý của Đạo Phật vốn là một dòng suối chảy bất tận vào lòng người từ quá khứ cho đến vị lai và vẫn miên tục như vậy. Tôi viết bài này cũng để kỷ niệm 10 năm tịnh tu nhập thất tại núi đồi Đa Bảo này và xin niệm ân tất cả mọi người, mọi loài đã cho tôi có được một cơ hội tuyệt vời như vậy.

Viết xong vào lúc 16 giờ ngày 21 tháng 12 năm 2012 tại núi đồi Đa Bảo vùng Blue Mountains nhân lần tịnh tu nhập thất thứ 10 cũng là lần cuối tại Úc.

Tâm chư Phật sẽ thành

(Tiếp theo trang 12)

Xin thành tâm cầu chúc cho những người con Phật, dù xuất gia hay tại gia, cùng là chúng sanh ở cõi ta bà, buông bỏ được tảng đá nặng nề của cái "ta" **nhieu đau khổ phiền lụy** và chuyển đổi những bất thiện nghiệp thành chư thiện nghiệp. Trước mắt còn đây đây những khó khăn và thử thách cho người tu hành Phật đạo, con người cùng mạnh dạn bước từng bước chân chánh niệm, sáng suốt, an lạc, đi trên con đường tìm cầu giác ngộ.

• TKN.Thích Nữ Chân Liễu

Lục Bát Đường Xa

• Nguyễn Sĩ Long

Tàn đêm

*Một đêm say gió sân chùa
Say trắng mùa hạ nhẹ lùa hương bay
Câu kinh về giữa nơi này
Tháng năm dừng lại một ngày tình tâm.*

(Chùa Viên Giác Hannover, 7.2002)

Hương trà

*Sớm mai Phương Trượng pha trà
Mùi hương ngào ngạt từ nhà ra sân
Dường như ai cũng ân cần
Mái chùa Khuông Việt ngàn lần không quên.*

(Chùa Khuông Việt Oslo, 7.2002)



Lời thầm gửi gió

*Ba mươi sáu năm xa quê
Ngày đi, ai hẹn ngày về! hỏi ai?
Đêm nhìn trời, cánh Sao Mai
Mắt đêm thăm thẳm u hoài... phương thơ*

*Từ chia ly đến bây giờ,
Biển trời luân lạc ngẩn ngơ đường chiều
Thuyền ai đỗ bến cô liêu
Có nghe hieu hắt... ơi chiều lưu vong !*

*Mênh mông chiều gió mênh mông
Tháng Tư Quốc Nạn! ai không đau buồn !
Thơ nào viết hết đoạn trường
Tình nào gửi gió bốn phương quan hoài...*

*Nỗi lòng khứ quốc chơi vơi,
Tháng Tư ! biệt xứ ngậm ngùi... Tháng Tư !
Từ phong ba ! lửa đỏ mù !
Quê Cha, Đất Mẹ đã như tang thương...*

*Nhớ ba mươi sáu phố phường
Ơi, ba con giáp sống nương đất người !
Tiếng hờn ! với vợ... trùng khơi
Vết đau thăm lặng... trắng trời tuyết bay*

*Chưa Thu lòng đã heo may
Lời thầm gửi gió... với đây Tháng Tư !...*

• Tuệ Nga

Ngày này, năm 1975



• Tiểu Tử

Năm nay tôi 80 tuổi. Vợ tôi thường nói với mấy con „Ông bà mình nói người già hay sanh tật, đúng quá ! Bây coi : ba bây bây giờ sáng nào uống cà phê xong cũng lại đứng chút rồi lấy bút gạch chéo ô vuông để ngày hôm qua! Chi vậy hồng biết? Hỏi ông thì ông nói gạch để nhớ rằng đến ngày này tháng này mình vẫn còn trôi sông lạc chợ! Trời đất! Định cư ở Pháp từ hơn ba mươi năm chớ phải mới đây đâu mà đi gạch lịch từng ngày! Ông còn nói gạch để coi chừng nào mình mới thôi gạch để về lại Việt Nam”.

Câu nói của tôi là sự thật nhưng vì vợ tôi không hiểu nên cho là tôi già sanh tật! Làm sao giải thích được mỗi lần tôi gạch chéo một ngày như vậy tôi có cảm tưởng như là tôi vừa nhích lại gần quê hương một chút – một chút thôi – đủ để nuôi hy vọng thấy một ngày nào đó mình vẫn còn sống mà trở về...

Sáng nay, cũng giống như mọi ngày, tôi cầm bút gạch chéo ô vuông ngày hôm qua. Ô vuông ngày hôm nay đập vào mắt tôi làm tôi giật mình: ngày này, năm 1975! Tôi bỗng nhớ ra, nhớ rõ, những gì đã xảy ra ngày đó, nhớ như in. Rồi sợ «cái ngày đó» nó vượt khỏi ký ức vốn đã quá hao mòn của tuổi già, tôi vội vã lấy giấy bút gạch lại...

Hồi thời trước 75, tôi làm việc cho một hãng dầu ở Việt Nam, phụ trách nhập cảng xăng dầu từ Singapore vào kho dầu Nhà Bè để cung ứng cho thị trường dân sự và quân sự miền Nam Việt Nam. Vì trong xứ có giặc nên thị trường quân sự chiếm 60%, trong đó xăng máy bay dẫn đầu.

Các bạn tôi trong quân đội giải thích cho tôi biết rằng ở chiến trường miền Nam sự yểm trợ của không lực là quan trọng nhứt. Do đó, tôi luôn luôn theo dõi sát tình hình dự trữ xăng máy bay ở các kho dầu miền nam, từ kho Nại Hiên Đà Nẵng dẫn xuống kho Cần Thơ thông qua kho lớn ở Nhà Bè...

Vào cuối tháng 5 năm 1975, sau lệnh triệt thoái cao nguyên, tình hình quân sự trở nên ồ ạt. Sợ trở tay không kịp, tôi còm-măng Singapore một tàu xăng máy bay. Hay tin này, hãng bảo hiểm có hợp đồng với hãng dầu tôi làm việc đánh điện phản đối, không cho tàu dầu qua Việt

Nam viện cố tình hình bất ổn. Đánh điện qua, đánh điện lại, cù cưa cả tuần họ mới bằng lòng cho tàu dầu qua, với điều kiện phải có hộ tống của Navy Mỹ họ mới cho tàu vào sông Sài Gòn để cập kho Nhà Bè!

Tôi báo cáo với ban giám đốc vì lúc đó ở kho lớn Nhà Bè trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ có bày ngày tác chiến của không quân.

Ban giám đốc chấp thuận điều kiện của hãng bảo hiểm. Tôi vội vã gọi điện thoại lại cơ quan yểm trợ Mỹ để xin hợp khẩn. Ông trưởng sở trả lời: «Tôi sẽ đến ngay văn phòng ông. Cho tôi mười phút!». Tôi quen ông này – tên W, thường được gọi là «Xếp» – nhờ hay đi họp chung.

Ông ta dễ thương nhã nhặn, biết chút đỉnh tiếng Pháp nên lần nào gặp tôi cũng nói: “Bonjour! Ờ va?” (Chào ông! Mạnh hả?)

Xếp W đến văn phòng tôi với hai người phụ tá. Tôi đã làm sẵn hồ sơ nên sau khi mời ngồi, tôi trao ngay cho họ để họ dễ theo dõi những gì tôi sẽ trình bày. Mười phút sau, tôi kết luận xin trước tấm lịch tháng treo ở phòng khách, nhìn trầm ngâm một can thiệp gấp để tàu dầu xăng máy bay của hãng tôi được hộ tống, không quên nhắc lại điểm chánh yếu là trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ để chiến đấu trong vòng có bày bữa!

Nghe xong, Xếp W xin phép bước ra ngoài gọi radio về trung ương. Một lúc sau, ông trở vào, nét mặt và giọng nói vẫn tự nhiên như chẳng có gì quan trọng hết: «Rất tiếc! Chúng tôi không giúp được! Thôi! Chúng tôi về!». Tôi đang nghe nghẹn ngang ở cổ thì ông W vỗ vai tôi nói nhỏ bằng tiếng Pháp: «Allez vous en!» (Ông hãy đi, đi!). Ra đến cửa phòng, ông ngừng lại nhìn tôi, gật nhẹ đầu một cái như để chào nhưng tôi nghĩ là ông muốn nhắc lại câu nói cuối cùng “Allez vous en!”...

Tôi ngồi bất động, nghe tức trần lên cổ vì thấy mình bất lực quá và cũng nghe thương vô cùng cái quê hương nhỏ bé của mình, nhược tiểu đến mức độ mà khi cần nắm tay để kéo đi theo thì «họ» dấn... đầy đường cái nhẵn «hai bàn tay nắm lấy nhau» để chứng tỏ sự thật tình «khẩn khít», rồi khi không còn cần nữa thì cứ tự nhiên buông bỏ không nương tay giấu mặt, vì biết mười mười rằng «thằng nhược tiểu đó không làm gì được mình» !

Tôi ráng kèm xúc động, bước qua phòng họp của ban giám đốc, chỉ nói được có mấy tiếng: «Chánh quyền Mỹ tử chối!».

Sau đó, tôi đánh điện qua Singapore, cũng chỉ bằng một câu: «Không có hộ tống».

Họ trả lời ngay: «OK! Good Luck!» (Nhận được! Chúc may mắn !). Hai chữ cuối cùng, trong hoàn cảnh này và vào thời điểm này, nghe sao thật đầy chua xót!

Thấy mới có ba giờ chiều, nhưng không còn lòng dạ đâu để ngồi lại làm việc nên tôi lái xe về nhà. Tôi lái như cái máy, cứ theo lộ trình quen thuộc mà đi. Về đến trước nhà, tôi bỏ xe ngoài ngõ, đi bộ vô. Vợ tôi chạy ra, ngạc nhiên: «Sao về vậy anh?». Tôi không nói được gì hết, chỉ gục đầu vào vai vợ tôi rồi bật khóc. Vợ tôi chưa biết những gì đã xảy ra nhưng chắc nàng đoán được rằng tôi phải đau khổ lắm mới phát khóc như vậy. Cho nên nàng vừa đưa tay vuốt vuốt lưng tôi vừa nói, giọng đầy cảm xúc: « Ờ... Khóc đi anh! Khóc đi!».

Ngày đó, tháng Tư năm 1975... Đúng là ngày này! ./-



Miếng khoai khô

• Nguyên Hạnh HTD

Sau 30.4.1975, tất cả giáo chức chúng tôi đều phải đi học tập chính trị trong suốt 3 tháng hè mà họ gọi nôm na là "bồi dưỡng nghiệp vụ".

Một buổi chiều sau mấy ngày "bồi dưỡng", tôi đạp xe lang thang qua vùng Trương Minh Giảng, tình cờ gặp Báu - một người học trò năm xưa, rất xưa, đang ngơ ngẩn đứng trước cửa nhà. Dừng xe đạp, tôi chào:

- Báu hả? Phải em là Trương Thị Báu không? Có nhớ ra cô không?

Báu giương mắt nhìn tôi, nhìn đi nhìn lại rồi nghiêng đầu lại nhìn... Em không nhớ nổi. Tôi đã thoáng thấy được một tâm thần bất thường qua thần sắc cũng như qua đôi mắt trống rỗng vô hồn!

Tôi nhắc lại:

- Nhớ cô D. không? Cô D. dạy toán em hồi Đệ Tứ. Nhớ ra không? Em học cùng lớp với bọn con Hiếu, con Tịnh An ở Cầu Đất đó, nhớ ra chưa?

Em thụt lùi vài bước, lại nhìn sâu vào mắt tôi, vẫn đôi mắt lạc thần, ngập ngừng lặp lại từng hai tiếng một:

- Cô D... dạy Toán... Đệ Tứ... Vẫn chưa nhớ, tôi nổi thêm:

- Đồng Khánh! Nhớ chưa?

Mắt em bỗng sáng hơn:

- Đồng Khánh... Đồng Khánh... Trường Đồng Khánh Huế! Phải không cô?

Em bước mấy bước lại gần tôi hơn, nghiêng đầu xuống, nhìn vào bên trong chiếc nón lá tôi đang đội để nhìn gần sát mặt tôi. Mắt em bây giờ đã có thần hơn một chút, em lại lẩm bẩm:

- Cô D. dạy Toán. Trường Đồng Khánh. Thiết mà! Trường Đồng Khánh của tui mà! Phải rồi, tui có học trường Đồng Khánh mà!

Bỗng em tiến sát tới tôi hơn, quẹo quào đưa hai tay ôm chầm lấy vai tôi; mặt long lanh mà khô sũng như đôi mắt của những kẻ vẫn hằng khóc không nước mắt, miệng cứ lặp lại mấy lần những tiếng không tròn ý:

- Em có học Đồng Khánh. Phải không Cô? Em cũng là một nữ sinh Đồng Khánh. Phải không cô? Cô nói cô có dạy em đó! Phải không cô?

Vừa hỏi em vừa day đôi vai tôi, giọng van lơn cầu khẩn, liên tiếp hỏi mà không cần câu trả lời. Báu vượt dọc hai cánh tay tôi từ vai xuống, rồi nắm lấy hai bàn tay tôi đưa qua lắc lại như hai đứa bé đang chơi trò dung dăng dung dè, lại tiếp tục: "Phải không cô" mà không cần nhìn thấy cái đầu tôi liên tiếp gật và miệng thì "ừ phải, ừ phải" biểu đồng tình.

Qua một lúc xúc động quá bất ngờ, em dần dần bình tĩnh đôi chút; cũng biết mời cô vào nhà, cũng biết mời ngồi, mời uống nước như những động tác căn bản của một người con gái Huế đang hoảng không mất trí. Em cũng biết mời cô "thời" (1) nước bằng một ly nước lạnh

không có đĩa, vào nhà trong bưng ra bằng cả hai tay một cách lóng cồng.

Ly nước được đặt lên một cái bàn gỗ cũ kỹ bên cạnh một đĩa khoai lang luộc gồm một củ đã cắt làm hai miếng.

- Mời Cô "thời"!

Một cháu bé gái chồm lên bàn, với lấy miếng khoai. Báu đưa tay gạt con:

- Con không được hỗn. Rồi lại mời Cô.

Cháu bé trạc độ 6 tuổi, có vẻ bệnh, lại chụp đôi mắt khóc. Báu lại gạt, lại quay qua mời tôi:

- Cô "thời" với em một miếng đi Cô. Cô "thời" cho em vui. Mấy thuở mà! Cô đừng sợ em thiếu. Nhà em lao động, được mua đủ phần độn, em không đói mà. Cô "thời" một chút đi Cô, một miếng cũng được.

Báu mời dẻo dai tha thiết, lời lẽ trôi chảy bình thường khiến tôi quá ngạc nhiên. Hình như cái phần gọi là lịch sự, sự che đậy, cách giữ bề ngoài tối thiểu của một phụ nữ Huế thì vẫn nguyên vẹn, không hề bị phai mờ trong một trí tuệ hầu như đã mất hết chức năng. Nhưng tôi làm sao mà "thời" cho nổi những miếng khoai lang của "thời đại nhu yếu phẩm" vào cuối năm 78 mà tôi là người thấm thía trong cuộc.

Khẩu phần lương thực hằng tháng của người lao động trí óc được 9 kg, lao động chân tay được 12 kg trong đó có 3 kg gạo, còn lại là bo bo, bột mì, mì sợi, khoai lang nửa sùng nửa úng. Nhà nào buổi sáng cũng "khoái ăn sang" là sáng ăn... khoai!

Trong khi đó bé gái cứ cố thò tay bốc khoai không được với mẹ, khóc âm lên. Tôi lấy nửa củ đưa cho cháu trước vẻ mặt không vui của Báu.

Chợt Báu chùng giọng xuống, quay lại chuyện cũ với vẻ mặt van lơn:

- Cô, có phải em học trường Đồng Khánh không Cô? Giọng em càng tha thiết hơn.

- Có mà, Cô có nói đó. Cô có dạy em môn Toán đó. Nói đi Cô! Cô nói cho họ nghe đi Cô. Nói cho họ nghe em cũng có Cô, có Thầy, có trường, em cũng có bạn...

Báu hướng đôi mắt đỏ hoe nhìn về phía những người mà em gọi là "họ". Họ đây là một nhóm thanh niên đang làm sáo bằng cây hóp, trong đó có các con trai của Báu và chồng em - Nguyên là giáo sư một trường tư thục ở Huế; có lẽ là tổ trưởng của tổ hợp măng trúc.

Lúc này giọng Báu bình tĩnh dần. Ánh mắt em chứa những tia nhìn van lơn như mong nín được cái phao cho một bằng chứng nào đó.

- Cô nói đi Cô. Em có học với Cô mà, em có bạn mà!

- Ừ, em có bạn chứ. Mấy con bạn xóm Cột Cờ, Cầu Đất, Tây Lộc, con Quý Hương, con Nhạn, con Hứa, Tịnh An, Thúy Hồng, Như Ngân v.v... Em còn nhớ không?

- Dạ nhớ!

Báu ngập ngừng nói cho lấy có, cố gắng mở đôi mắt không hồn nhìn khờ dại vào mắt tôi như cầu cứu ký ức mà tôi nghĩ đã bị tẩy xóa hầu như trọn vẹn của một kẻ tâm thần. Và Báu nhỏ giọng xuống:

- Dạ em nhớ rồi. Em có bạn.

Rồi bỗng la to:

- Em là học sinh trường Đồng Khánh! Cô là Cô giáo Đồng Khánh! Báu đưa mắt về nhóm thanh niên đang nhìn, lặp lại: "em là một nữ sinh Đồng Khánh. Cô là giáo sư Đồng Khánh, Cô đến thăm em!"

Niềm hãnh diện lớn lao vỡ òa trong tâm khảm, Báu khóc nức lên, gục nghiêng mặt vào lưng tôi, nức nở từng

tiếng đứt quãng, cũng không ngoài mấy từ "nữ sinh Đồng Khánh". Tôi nghẹn ngào cảm động, nước mắt rưng rưng, hết sức lúng túng mở miệng không ra nổi vài lời dù chỉ để phân chứng cho một kẻ mất hết trí nhớ nhưng vẫn còn nguyên vẹn niềm tự hào đã là một nữ sinh Đồng Khánh. Niềm tự hào đã được ấp ủ trong niềm sâu kín của tâm hồn từ lâu không được khơi dậy, không hề được chứng minh trong suốt cuộc sống hoàn toàn cách ly với khung trời tươi mát màu hoa Phượng sân trường ngày nào! Huống hồ một kẻ mất trí đầy mặc cảm, sống trong giai đoạn tối tăm của đất nước mà đời sống vật chất đã quá gay go, nói chi đến những khía cạnh tinh thần như những vết ve của lòng tự trọng.

Ngồi thêm một lúc cũng chỉ để nghe Báu lặp đi lặp lại không chán mấy câu trên, tôi buồn bã ra về sau khi moi trong giỏ xách tặng Báu một số tiền của tháng lương vừa mới lãnh cùng với phần nhu yếu phẩm vừa mua được từ buổi học chính trị nghiệp vụ. Một gói bột ngọt nhỏ, một cái ruột xe đạp nhờ bốc thăm trúng nhưng lại là ruột xe Mini, trong khi xe tôi là loại 650.

Báu cầm mấy tờ giấy bạc lật qua lật lại, mở to đôi mắt ngơ ngẩn:

- Răng Cô cho em ri?

Ý hẳn em muốn tìm hiểu cái "lý do" của một tình thương, điều mà em ít nhận được trong cuộc sống của một kẻ đã mất phần trí nhớ.

Cháu bé lại với tay lên bàn, mon men lại gần đĩa khoai. Tôi cầm nửa củ khoai còn lại đưa cho cháu thì Báu giục lại. Em cố nhét miếng khoai vào cái giỏ nylon tôi đang xách lên chào về.

Giỏ nylon được dùng thay cho cái cặp xách đi dạy hằng ngày, để đựng cả nhu yếu phẩm phân phối từ trường học và tiện để móc vào ghi đồng xe đạp. Tôi luồn tay vào giỏ lấy miếng khoai lang trả lại. Báu cũng biết tiền tôi ra đường, lưu luyến vịn một tay lên ghi đồng xe. Khi tôi buông tay treo giỏ để cầm ghi đồng, Báu lẹ làng banh miệng giỏ thả lọt miếng khoai vào. Đến nước này thì tôi không thể từ chối được nữa, chỉ thay bằng một lời cảm ơn. Một nụ cười sung sướng như nụ cười trẻ thơ khi chiến thắng nở xòe trên gương mặt mà trước đây còn tằm tối đại khờ!

Vừa đạp xe chậm chậm, tôi vừa quay lại nhìn. Báu đang vẫy theo rất bình thường, đang cười vui vẻ cũng rất bình thường nhưng ai biết đâu trong cái vẻ bình thường đó lại ẩn chứa một cái gì không được bình thường!

Quên đường xa với chiếc xe đạp cũ kỹ, cọc cạch; tôi miên man vui, xen lẫn chút bâng khuâng khi nghĩ đến một điều đơn giản có chăng mình đang đem lại cho người học trò cũ của mình vào những khoảnh khắc ít ỏi trong đời sống tinh thần dành cho một kẻ đã mất quá khứ!

Cùng lúc, tôi mang theo tâm trạng ra về với nỗi băn khoăn, thắc mắc nguyên nhân nào đã biến em thành con người mất trí. Phải chăng qua biến cố tháng 4.75 em đã chứng kiến cảnh đau lòng tử biệt lớn lao nào đó của thân nhân, hoặc kinh hoàng trong khi chạy giặc trước cảnh máu đổ, thịt rơi, hoặc... Tất cả chỉ là nghi vấn mà tôi không dám hỏi sợ khơi dậy trong em một ký ức đau buồn. Nó như một bài toán đầy ẩn khúc mà tôi, là một người dạy toán lại không thể nào lý giải ra cái đáp số ấy!

(Xem tiếp trang 58)



Triệu Triệu Bước

*Triệu triệu bước triệu con tim Tổ Quốc,
Phối hợp Tôn giáo đồng loạt vùng lên!
Quyết hy sinh làm ngọn đuốc Nhân Quyền,
Đánh tận gốc ngay yết hầu chế độ.
Trai sức mạnh cháy lòe ra tiếng nổ,
Gái náo cần sinh lực vẫn can trường?*

*Dân tộc Ta là Phù Đổng Thiên Vương,
Chân ngựa sắt lửa cháy tan giặc Ân,
Gươm Thánh Gióng quay về quân tặc Hán,
Búa vây thù mặt trận Hoàng Trường Sa,
Máu trong tim xương tử ngực ủa ra?
Sâu đáy vực tử Biển Đông cuộn sóng.*

*Tình ruột thịt dân oan nghiền cháy bỏng,
Bọn ngu si chưa tỉnh giấc cơn đồ,
Bám Đảng quyền tòng phục Hán vong nô,
Lũ mất gốc vô thần vô Tổ Quốc,
Đâu còn biết máu xương đau đứt ruột
Thuở bào thai trong bụng mẹ sinh ra?*

*Trước lửa thù Ta không thể buông tha?
Cả nước phải quay về chung một mối,
Phải giục sập những lâu đài tội lỗi,
Từ tham ô địa chấn chất bùn đen?
Quân chớp bu cố bịt mắt cam hèn,
Ca tụng Hán mười sáu Vàng bốn Tốt.*

*Triệu triệu bước phải xuống đường cấp tốc,
Từ Bắc Nam thành thị đến thôn quê,
Từ trái tim không bỏ sót lời thề,
Phải trấn áp cầm hờn bằng triệu bước,
Bằng chiến thắng triệu người như thác nước,
Đập nát quân Tàu chiến dịch quân, dân...*

*Cán, chính, sinh viên, lao động tay chân,
Trí thức, báo chí bao vây tám hướng,
Phải diệt hết bằng Quang Trung, Lý tưởng,
Để mùa Xuân không vẩn nạn điêu tàn?
Cho tim gan sắt đá tỏa hào quang!
Trước bàn Tổ thấp nén hương PHỤC QUỐC.*

● Trúc Lang OKL



Trở về chốn xưa

• Thích Như Tú

Một cảm giác nhẹ nhàng khó tả khi phi cơ dừng hẳn. Bước ra khỏi khoang hành khách, tôi hít một hơi thật dài không khí của quê hương. Luồng dạt dào, trong lành, tràn ngập vào lòng tôi, để biết hôm nay tôi có mặt sau mười năm xa cách.

Phi trường Quốc Tế Đà Nẵng được xây dựng lại với cơ sở hạ tầng khang trang hơn, sử dụng điện năng lượng mặt trời, nâng cấp và phát triển mạng đường bay, đường như đã mở rộng quan hệ ngoại giao, làm nổi bật tầm nhìn đón khách vàng lai trên thế giới. Một Việt Kiều đi bên cạnh tôi miệng luôn xuýt xoa với sự bất ngờ trước mắt họ. Và, cũng chính tại nơi này, tôi ra đi. Ngày ấy - bây giờ, tất cả đều đã đổi thay. Chỉ còn đọng lại những dư âm kỷ niệm. Tôi hòa trong dòng người lặng lẽ theo lối ra.

Ngoài kia, những cơn mưa rào rích của miền Trung vẫn kéo dài không dứt. Chiếc Taxi màu xanh lá cây băng qua mấy con đường Thành phố Đà Nẵng đưa tôi về Phố Hội. Xuyên qua khung cửa kính vương nhòe hơi nước, tôi thoáng nhìn những tên đường mới lạ, những công trình đồ sộ đang hướng vào hoạt động; những cây cầu mềm mại lượn qua sông Bạch Đằng vẽ nét duyên dáng cho thành phố đẹp, nên thơ. Bên kia vịnh Bãi Trẹm, tôn tượng Mẹ Hiền Quán Thế Âm ngự đỉnh Sơn Trà, tòa vô vàn năng lượng yêu thương ôm ấp chúng sanh. Ngay giữa đồng bằng giáp ranh bãi biển, năm ngọn núi Ngũ Hành cũng hiển lộ tạo thành một cảnh quan thiên nhiên ngoạn mục, nâng bàn tay đón chào du khách tham quan. Nơi đây không chỉ dành cho khách hành hương tâm linh mà còn là địa hình để thưởng lãm sơn thủy hữu tình. Đà Thành ngày nay đã thật sự thay đổi và đang phát triển. Tôi yêu Đà Nẵng và những con người hiền hòa chất phác nơi đây. Bao năm miệt mài, chợt vùng dậy như sau một cơn ngái ngủ.

Suốt đoạn đường từ sân bay Quốc Tế Đà Nẵng về Hội An, mưa vẫn rơi như tẩy trần người trở lại. Phố Hội ngày xưa đang hiện ra trước mắt tôi. Một thành phố trầm mặc, nhẹ nhàng trong yên lặng.

Xe đến nơi, tôi mở cửa bước xuống, kéo vali băng qua những túp lều chằng chịt dây nhựa ở khu chợ nhỏ, nằm ngay lối vào cổng Chùa Viên Giác. Nơi đây là một ngôi cổ tự được Bộ Văn Hóa - Thông Tin công nhận "Di Tích Lịch Sử Cấp Quốc Gia" vào năm 1992, nhưng hai bên chợ, người dân địa phương bày bán đủ các mặt hàng giày dép, áo quần, rau quả. Bên cạnh đó, còn có những hàng thịt, cá, tôm, cua... dọc theo cạnh chân tường của cổng tam quan. Trông không thích hợp tí nào! Trong cơn mưa, tôi thoáng nhìn cây đa già vẫn đứng lặng yên, cành lá xum xuê nhưng chỉ đủ che một khoảng vườn nhỏ trước sân chùa Viên Giác. Tôi dừng lại, thăm chào đa như buổi đầu quen biết và trong tôi bao kỷ niệm kéo nhau về.

Tôi bước tiếp vào bên trong, căn phòng khách ngày xưa vẫn còn nguyên vẹn nhưng bàn trà của Sư phụ tôi đã thay đổi. Chiếc ghế bằng gỗ gụ màu đen hằng ngày Sư phụ thường ngồi cũng rệu rạo với tháng năm. Tôi chết lịm trong mộ phần giữa giàng đường Viên Giác. Thời gian như ngừng trôi, không gian như lắng đọng, tôi lặng lẽ nhìn lên bức ảnh thờ vọng rất hồn của Sư phụ, cứ ngỡ, Ôn tôi vừa đi Phật sự ở các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn hay Đại Lộc... mới về.

Tôi cúi đầu đành lễ, bộc bạch thưa: "*Bạch Thầy con đã về*". Trong sâu thẳm của tâm hồn, tôi cảm được lời dịu dàng bằng chất giọng Quảng Nam của Sư phụ đang hỏi lại: "*Con về rồi đó hả?*".

Đứng một hồi lâu như thăm tâm sự với Sư phụ, tôi kể những chuyện buồn, vui nơi đất khách mà tôi đã trải qua và chuẩn bị cho những dặm trình đầy gập ghềnh sóng gió ở tương lai tôi phải bước tới. Trước Giác linh đường, Sư phụ vẫn yên lặng nhìn tôi, an nhiên mỉm cười.

Sau khi châm trà dâng lên bàn thờ cúng Sư phụ, tôi đi thẳng lên căn phòng lần đầu tiên tôi hành điệu của hai mươi hai năm trước để nghỉ ngơi. Đó là căn phòng vuông vức, có hai cửa sổ, phía trước là một hành lang thật rộng, năm đó, Sư phụ tôi thường sưu tầm các loại xương rồng khác nhau để trang trí trên một kệ gỗ, trông thật đẹp. Vào mỗi sáng, tôi thường phun nước tưới cho hoa và giữ cho đất cát trong chậu xương rồng có độ ẩm. Tôi đặt hành lý xuống rồi sai dài người trên sàn gạch để cảm nhận sự quen thuộc của ngày xưa. Tôi nhắm mắt và hít thở trong yên bình. Sau một hồi, tôi quan sát kỹ bốn vách tường với cú lặng lẽ nhìn tôi, chợt nhận ra nội thất đã hoàn toàn đổi mới.

Tôi không còn nghe những thanh âm của tiếng chuông "boong" vang ra từ trong máy cassette bên kia phòng ngủ của Sư phụ tôi nữa. Tôi còn nhớ hồi đó, cứ sau mỗi đoạn cải lương "*chuông chiều mộ ngân lên lời cảnh tỉnh, lá Bồ Đề rơi rụng trước Tam Quan, lòng bần đạo chưa nguôi sầu nhân thế...*" là một tiếng "boong" ngân dài với giọng ca cũng rất buồn và thấm thía do đoàn cải lương Hải Yến biểu diễn. Đoàn cải lương này hầu hết là các anh chị Huỳnh trưởng và đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Hội An, và người đứng ra thành lập dĩ nhiên là Sư phụ tôi. Ngài thành lập đoàn cải lương này để trình diễn cúng dường ở các chùa từ Quảng Nam đến Tam Kỳ (Quảng Tín) nhằm tạo sự nối kết, giao lưu trong tỉnh. Đồng thời, vực dậy sự tồn vong tinh thần Gia Đình Phật Tử áo lam một thời ngừng hoạt động.

Tháng 9 năm Canh Ngọ (1990), tôi chấp chững bước vào thế giới hành điệu nơi Chùa Viên Giác. Lúc đó, chúng điệu trong chùa được vài chú nhưng về sau thiếu

duyên không cùng tôi tiếp tục ở lại. Có chú đi nơi khác, có chú về quê, chỉ còn mỗi một mình tôi. Hằng ngày, công việc luôn tất bật với tôi, vừa xuống nhà trù nấu nước sôi đổ vào bình thủy để Sư phụ chế trà tiếp khách, vừa chuẩn bị cơm canh quá đường. Nhưng thời đó chùa tôi thiếu thốn, chỉ sử dụng chất đốt bằng rơm, nếu bỏ lơ chốc lát, lửa sẽ lan tràn kiếng sắt. Thịnh thoảng Sư phụ gọi, khi Ngài sắp đi Phật sự nơi xa hay khách đến, tôi lại chạy lên để được dặn dò. Phật sự của Ngài cũng rất bận rộn, ít khi nào được thư thả. Tôi cảm thông và rất kính mến Sư phụ một đời luôn sống vì Đạo pháp và Dân tộc. Nghe tiếng báo chúng đến giờ thọ trai, tôi mặc áo tràng nâu vào và xuống nhà trù để dùng cơm trưa cùng thầy trụ trì tức sư đệ của tôi. Thầy ấy tốt nghiệp cử nhân Phật học niên khóa 2001 - 2005 tại Học Viện Thành Phố. Sau khi mãn khóa, thầy về quê thừa lệnh Pháp huynh nhiệm chức trụ trì chùa Viên Giác. Hiện tại, chúng điều trong chùa ngoài thầy trụ trì, vài bác đạo hữu làm công quả sáng đến chiều về và cũng vồn vện một chú điều nhỏ ở độ tuổi 15, đang học lớp 7, còn các chú khác không đủ duyên nên trở lại gia đình; thật không khác mấy thời tôi mới vào hành điệu.

Lững lờ xuống nhà trù, tôi dừng lại ở Đạt Ma Đường nơi thờ các Tôn tượng Tổ Bồ Đề Đạt Ma – Tổ thứ 28 từ Tây Trúc vượt sóng nghìn trùng vân du giáo hóa chốn Đông Độ. Tôi say sưa ngắm các tác phẩm nghệ thuật được điêu khắc bằng gỗ mít với các thể võ thật sinh động "*Thủ thị lưỡng phiến môn, toàn bằng thối đá nhân*" có nghĩa là "*Hai tay như hai cánh cửa, chỉ dùng chân đánh người*". Có lần, tôi được nghe Sư phụ kể lại, trong 108 thể cước Thiếu Lâm, chủ yếu nhằm vào tầm quan trọng của "đòn chân" là rất lớn, đặc trưng từ cơ bản đến phức tạp như: Ưng trào quyền, Hầu quyền, Viên quyền, Xà quyền, Cầu quyền, Túy quyền, Địa đông quyền, v.v... Tất cả là những thể quyền tiêu biểu cho đòn chân Thiếu Lâm.

Mãi thường thức nghệ thuật chạm khắc tượng sống động, tôi không để ý sự có mặt của chú điều phía sau lưng tôi.

- Mô Phật, con thỉnh Sư bác xuống dùng cơm với Sư phụ con.

- A Di Đà Phật.

Tôi quay lại nhìn chú, mới 15 tuổi, mà vóc dáng cao ngều. Đặc biệt, chú có chòm tóc dài nhỏ xíu vắt qua vành tai như chút hồng trần còn vương lại, càng làm cho gương mặt ấy thêm thơ ngây, thật dễ thương.

Cơm trưa xong, tôi bước qua phòng khách dùng trà. Ngồi hàn huyên cùng sư đệ, tôi mới biết thầy ấy thật có tâm huyết với sơn môn pháp phái. Thầy đã cho ra những công trình biên soạn thật công phu hầu bảo lưu các chứng tích lịch sử truyền thừa của chư tổ thuộc dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh, một đời hoằng hóa độ sanh từ buổi đầu tác tích khai sơn tại vùng đất Quảng. Tôi rất hoan hỉ tiếp nhận sẽ chia những khao khát ấy của thầy.

Từ thượng điện, vang lên tiếng keng báo giờ chỉ tịnh, huynh đệ chúng tôi tạm dùng câu chuyện "xưa và nay" để nghỉ trưa. Nhưng tôi chưa muốn ngủ, vì lâu lắm tôi mới trở lại chốn xưa sau 10 năm vai sơn áo bạc. Tôi vòng qua Chương Đức Đường đang xây dựng rồi lang thang quanh tháp Sư phụ. Không gian như nhỏ hẹp và thời gian cũng nổi gần lại với tôi hơn. Tôi ngồi đó một hồi lâu bên bờ hồ thủy nguyệt, nhìn bóng liễu rủ xoắn mình trong bóng nước bình yên không một gợn sóng.

Thịnh thoảng, chỉ có mấy chú cá Hồng Kim đớp nhẹ rong rêu dưới chân bèo.

Cảnh cũ người xưa, khiến tôi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm ngày nào với Sư phụ. Hai thầy trò chúng tôi, cứ mỗi sáng đầu đông lom khom dưới mái hiên chùa chăm sóc những chậu quất, hoa Thược Dược và Cúc Cổ Đồng, chuẩn bị cho những ngày xuân sang. Dù công việc Phật sự của Ngài lấp kín thời gian nhưng với nghệ thuật tạo cảnh đẹp cho chùa, Ngài luôn tranh thủ để được gần gũi thiên nhiên sống với môi trường điền viên dân dã. Có lúc, ngài cũng ngồi đây, vui bên tách trà như tìm về nội tại. Và cũng chỗ này, vào một ngày Sư phụ tôi thân mang trọng bệnh, tôi diu ngài sang đây hóng gió mát nhìn những giọt nắng chiều dịu rơi trên mái ngói rêu phong, bức tường vôi cũ kỹ mà vẫn chưa được trùng tu... Rồi, thế gian vô thường lại đến, Sư phụ tôi đã xả bỏ báo thân, thân thần thị tịch.

Tôi đang thả hồn về dĩ vãng và dõi theo dăm ba chú cá bơi lội dưới đáy hồ, tôi chợt giật mình vì một bóng người phía sau in làn nước trong veo.

Chú Tiểu khi này, xuất hiện chào tôi.

- Mô Phật. Thưa Sư bác, con đi học.

- A Di Đà Phật.

Tôi quay lại, chú đang lăm lét nhìn tôi, miệng lí nhí vài câu xã giao:

- Thưa Sư bác, con nghe Sư bác mới về ở chùa mình hả?

- A Di Đà Phật, thầy vừa mới về.

Chú vẫn đứng đó, về e ấp. Nhìn chú rụt rè, ngại ngùng, dường như muốn thưa với tôi điều gì đó, tôi ân cần hỏi thăm:

- Con học lớp mấy?

- Dạ, lớp 7, thưa Sư bác.

Thấy tôi thân tình, cởi mở, chú mạnh dạn lên tiếng:

- Chiều nay, lớp con có giờ thảo luận về môi trường, lấy chủ đề là "*nguyên nhân gì gây ra bệnh lao phổi*", nhưng con không biết phác họa bức tranh thế nào? Con đang lo...

Tôi nhìn chú như hiểu được nỗi lòng và chậm rãi nói:

- Con hãy hình dung có hai bàn tay nâng trái đất xanh, bên cạnh đó là một người đang hút thuốc lá, phía trên là một em bé ngồi bị khói bay làm cho nước mắt chảy dài, ho sù sụ, vẻ mặt buồn hiu...

Chú nghe tôi nói xong, trầm ý cười và reo lên.

- A ha, con đã hiểu rồi. Tranh thủ giờ ra chơi, con sẽ ngồi vẽ để nộp cho cô giáo. Con cảm ơn Sư bác.

Ngừng một lát, chú lại hỏi tiếp:

- Bạch Sư bác, con có việc này muốn thỉnh ý Sư bác.

- Chuyện gì vậy con? Con nói đi.

- Dạ, a...à...a... Thưa Sư bác, chiều nay con đi học về hơi trễ. Sau đó, con còn đi học thêm đến 9 giờ tối mới về. Con thỉnh Sư bác sau bữa cơm chiều khoảng 06:30 giờ Chung U Minh giúp cho con. A Di Đà Phật.

Tôi đáp lời đồng ý.

Chú cúi đầu chào tôi lần nữa, rồi sửa lại dây vải đựng dăm ba cuốn tập, sách giáo khoa và vài dụng cụ học tập bước ra khỏi vườn lan bên bờ hồ. Tôi nhìn theo bộ dáng hớn hờ, vui mừng của chú giống như các thiếu nhi được dịp lãnh bánh Trung Thu; hình ảnh này, vô tình đã gợi lại trong tôi những kỷ niệm của ngày xa xưa nào đó. Bất chợt, tôi mỉm cười.

Tôi nhận lời và hứa sẽ giống Chung U Minh thế cho chú. Điều này cũng khiến cho tôi có dịp trở lại những

phút giây ban đầu hành điệu nơi chùa Viên Giác năm xưa.

Đúng sáu giờ ba mươi tối, trước Đại Hồng Chung, tôi bắt đầu đọc bài kệ thỉnh bằng chữ Hán.

*Nguyên thứ chung thanh siêu pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Nhất thiết chúng sanh thành chánh giác.* (Boong)

Nguyên tiếng chuông này khắp pháp giới
Thiết vi u ám cũng nghe được
Căn cảnh thanh tịnh chứng viên thông
Hết thầy chúng sanh thành chánh giác.

(Hòa Thượng Thích Trí Quang)
*Văn chung thính phiến não khinh
Trí tuệ trường, Bồ đề sinh,
Ly địa ngục, xuất hỏa khanh
Nguyện thành Phật độ chúng sanh.* (Boong)

Nghe tiếng chuông, phiến não nhẹ,
Trí tuệ lớn, bồ đề sanh,
Thoát địa ngục, vượt hầm lửa,
Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.

(Hòa Thượng Thích Trí Quang)

Án Già Ra Đế Da Sá Ha (Boong)

Sau khi hồi chung, bước xuống vài bậc tam cấp, tôi lang thang trên khuôn viên rộng với đầy chậu cảnh trước tiền đường chánh điện. Lầu chuông bằng gỗ mít mới dựng vào năm 2010, nằm phía trái tôn tượng Quán Thế Âm lộ thiên, có hai tầng, nền cao để tránh lũ lụt. Bên kia giàn liểu xanh, thấp thoáng sau những chậu lan hồng, trắng là động Ông Tiêu (bàn thờ Diên Nhiên Đại Sĩ), một đạo hữu đang thành kính thắp nhang khẩn vái. Ông không hề biết tôi đang lại gần. Khấn xong, bất chợt quay lại, ông buột miệng thưa: "*Chào chú!*"

Đúng là ông đã nhìn lộn người. Khi nheo mắt định thần nhìn kỹ, ông vội vàng thưa:

- A Di Đà Phật, con xin sám hối thầy. Con lầm thầy với chú tiểu giống Chuông U Minh mỗi tối. Vì theo thường lệ, chú ấy sau khi gióng chuông rồi vào chánh điện thắp nhang để thầy trụ trì hướng dẫn Phật tử chúng con tụng kinh Pháp Hoa.

Tôi trấn an ông:

- A Di Đà Phật. Không có chi. Bác khỏe không?

Thấy tôi thân tình, cởi mở, ông an lòng, nở nụ cười:

- Con cảm ơn thầy. Sức khỏe con được tốt.

Trả lời xong, ông lại hỏi tôi:

- Dường như thầy từ xa mới về? Con nghe loáng thoáng trong chùa nói vậy.

Tôi gật đầu.

- Mô Phật.

Ông hỏi:

- Thầy khỏe không ạ? Chân ướt chân khô mới về Việt Nam, chắc thầy nhiều bề ngõ, lạ lắm?

Tôi cười:

- Với thời gian rồi sẽ quen thôi. Đâu cũng vào đấy cả.

...

Tôi đọc cho ông nghe hai câu thơ của nhà thơ Đạm Thủy:

*"Hãy về quê cũ người ơi. Cùng ai nổi nhịp hát bài
Tình Quê".* Chứ không phải *"Về quê ngõ lạc vào sa mạc.
Đứng trước quê hương vẫn nhớ nhà"*, Phật tử ở đất



Niềm đau không quên

*Nhiều năm lưu lạc quê người
Niềm đau mắt nước đầy voi lòng này
Tháng Tư như vẫn đau đây
Chiến tranh thảm họa gieo đầy miền Nam
Anh hùng mạt lộ làm than
Tìm nơi giải thoát suốt vàng ngàn năm
Kẻ bốn ba bước thẳng trâm
Tìm đường vượt biển bão ngầm chôn thây
Kẻ vào tù tội lưu đây
Xác thân khô héo những ngày lao đao
Thiếu ăn, tủi nhục, gian lao
Anh hùng một kiếp sa vào tử sinh
Lan tràn đói rách điêu linh
Con xa mẹ, vợ xa chồng từ đây
Biết bao giờ, cuộc xum vầy
Ai gieo tang tóc đổi ngày thành đêm
Ba mươi năm chẳng thể quên
Sài Gòn nay đã đổi tên mất rồi
Tha hương vất vả quê người
Đành thôi mang hận một đời lưu vong
Máu xương ngày ấy chất chồng
Chùng nào mới thấy non sông thanh bình ?*

• **Nguyễn Phan Ngọc An**

Quảng Nam sẽ cùng tôi nhịp nhàng trên dặm đường hướng đến giải thoát.

Nói xong, tôi và bác cùng mỉm cười. Bác hỏi thăm tôi dăm ba câu chuyện nữa... Đã đến giờ tụng kinh, Phật tử cũng đang vân tập về đông đảo, tôi và bác chậm rãi bước vào chánh điện. Mùi khói hương tỏa khắp không gian. Một hồi Tiểu Hồng Chung ngân vang báo hiệu giờ khai kinh bắt đầu: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Tín Giải, quyển thứ hai tiếp theo. Tiếng tụng kinh trong veo của đại chúng loang nhanh trong không gian tĩnh mịch.

Sau mười năm xa cách tu học nơi xứ người, hôm nay tôi *Trở Về Chốn Xưa*. Khoảnh khắc này tôi như quay về với thuở ban đầu cùng Sư phụ và các đạo hữu nhịp nhàng lời kinh tiếng kệ, hành trì, niệm Phật hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ.

Thích Như Tú



• **Hoàng Bá Nhứt**
(Stuttgart)

*Ngày xưa anh đón em
Nơi gác chuông chùa họ
Con chim nào qua đó
Còn để dấu chân in
Anh một mình gọi nhỏ
Chim ơi biết đâu tìm.
(Phạm Thiên Thư)*

Phật lịch 2501. Suốt cuộc đời tôi không bao giờ quên được mốc thời gian này, bởi vì đó là năm đầu tiên tôi biết đến chùa. Ngày đó tôi còn là cậu bé 7, 8 tuổi, mới từ "vùng tạm chiếm" ra thành phố, thấy cái gì cũng lạ mắt, từ chiếc xe hơi đến những cột đèn đường...

Tôi đến chùa không phải do mẹ dắt đi lễ như trong văn thơ thường mô tả, mà là do ông nội tôi ghi danh cho tôi được vào sinh hoạt trong ngành "Thiếu Nhi Oanh Vũ" của Gia Đình Phật Tử làng Hòa Thuận Đà Nẵng.

Anh em chúng tôi mồ côi cha rất sớm, mẹ phải tần tảo nuôi đàn con thơ dại. Ông bà nội thấy vậy nên góp phần chăm sóc chúng tôi về mặt tinh thần. Bước đầu là cho chúng tôi học chữ tại chính trường làng của ông nội tôi. Bước thứ hai là gửi chúng tôi vào sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử để "hiểu chút ít lời Phật dạy", như nội tôi thường nói. Thế là hai anh em tôi cùng chung nhau "vào chùa". Chúng tôi còn có người anh cả, tuổi khá cách biệt với tôi, đã một mình bon chen tận Saigon xa xôi để tìm tương lai cho đời mình sau ngày chúng tôi mất cha, và hai đứa em gái còn chập chững bên mẹ. Thành thử tôi và người anh kể này có duyên gắn bó với nhau từ khi còn bé cho đến cả sau này, khi anh vào lính bay nhảy khắp chiến trường đất nước. Anh tôi lớn nên được sắp vào ngành Thanh Niên Phật Tử với quần sọt xanh, áo sơ mi màu lam. Tôi nhỏ hơn nên được xếp vào Oanh Vũ, cũng áo sơ mi ngắn tay màu lam, cũng quần sọt màu xanh dương đậm, nhưng từ lưng quần có hai dải vải xanh giắt chéo từ lưng ra phía trước bụng, qua đôi vai, nên không cần dây nịt. Mỗi chiều cuối tuần, chúng tôi đến chùa tụ họp theo sự hướng dẫn của các huynh trưởng, trước tiên vào lễ Phật với nghi thức tụng niệm, sau đó ra sân chùa sinh hoạt: kể chuyện Phật pháp, hát ca và chơi các trò chơi tập thể... Tôi còn nhớ rõ tên của hai Huynh trưởng chúng tôi thời bấy giờ: Huynh trưởng Hanh và Huynh trưởng Út. Từ dạo đó chúng tôi bắt đầu gắn bó với chùa.

Chùa Vu Lan, tọa lạc tại làng Hòa Thuận, gần chợ Mới. Phía trước chùa là những đám ruộng rau muống xanh tươi. Tiếp đó là con đường nhựa, xe hơi chạy được, bên trái chạy về hướng chợ Hàn, bên phải về hướng Đò

Xu hay cầu De Lattre, sau này đổi tên là cầu Trình Minh Thế. Bên kia đường là ruộng cỏ bỏ hoang, và xa hơn nữa là bờ sông Hàn hoang vắng, khúc giữa Kho Dầu và cầu De Lattre. Xóm nhà tôi ở gần Kho Dầu trên đường Trưng Nữ Vương, sát ngã 3 Phan Châu Trinh và Trưng Nữ Vương, nên đến chùa chỉ cần đi dọc theo con đường này, hay muốn gần hơn thì băng qua mấy đám ruộng rau muống.

Vị Sư trụ trì chùa, từ ngày ấy và cho đến bây giờ, tôi không biết pháp danh của Thầy là gì, chỉ nghe mẹ và ông bà nội gọi là thầy Hựu. Thầy là vị chân tu đích thực, không giao động một chút gì trong biến cố 1963 cũng như những năm sóng gió sau đó. Thầy chỉ lo tu hành, phát huy Phật pháp, còn mọi chuyện tổ chức trong chùa có Ban Trị Sự của chùa lo.

Cũng như bao chùa khác, trước chùa là một cổng tam quan, tuy nhỏ nhưng cũng đủ chỗ trú nắng mưa cho khoảng 10 đứa bé như tôi thuở đó. Ngăn cách chùa với đám ruộng là một con đường đất rộng với hàng rào bằng xi măng, dẫn thẳng ra đến con đường tráng nhựa phía trước.

Phía bên trong, dọc theo hàng rào là những cây mai trĩu bông rất đẹp vào những ngày Tết. Bên trái sân chùa có một giếng nước tròn, thành cao khoảng tới thắt lưng người lớn. Thuở ấy chúng tôi mỗi khi đi chơi quanh vùng Đò Xu hay chùa Bà Quán về, thường ghé vào múc nước giếng này uống cho đỡ cơn khát, gọi là uống nước chùa theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Kể đến là một khoảng sân đất rộng, nơi chúng tôi sinh hoạt mỗi cuối tuần trong Gia Đình Phật Tử. Ngăn cách giữa sân đất và sân xi măng trước điện Phật là một tường xi măng thấp mà người ta có thể bước qua.

Dãy nhà trai dùng cho việc hành chánh, trai soạn, kho bãi, bếp núc... nằm bên trái. Bên phải là một sân đất rộng với cây thị cao lớn, cành lá xum xuê, phủ bóng mát cho sân sau chùa. Cứ mỗi lần nhớ đến cây thị này là tôi không quên được câu chuyện cổ tích mà bà nội tôi thường kể cho nghe hằng đêm với đoạn cuối cùng:

*"Hú... trái thị rớt bị bà già...
Bà về bà hủi chứ bà không ăn".*

Trong chùa có ba gian, gian giữa thờ tượng Phật Thích Ca lớn, hai gian kế bên thờ các tượng Phật khác mà thuở nhỏ tôi không biết. Mỗi chiều cuối tuần vào lễ Phật, giày dép bỏ phía ngoài, đi chân trần vào làm lễ đọc kinh, cảm được cái mát lạnh trong chánh điện với nền gạch bông bóng láng dưới chân.

Đó là ngôi chùa của tôi: đẹp đẽ, to lớn, rộng rãi, thoáng mát và hiền hòa, dưới mắt của cậu bé ngày xưa. Một phần tuổi thơ của tôi đã gắn liền với ngôi chùa thương yêu này. Làm sao quên được những chuỗi ngày sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, cùng nhau đọc kinh lễ Phật, say mê nghe các Huynh trưởng kể chuyện về Phật Pháp, vui đùa trong các trò chơi và cùng chung ca hát... hoặc khi có lễ lộc lớn thì được các Huynh trưởng dẫn xuống chùa Tịnh Hội hay chùa Phổ Đà dự hội. Đáng nhớ nhất là vào ngày Phật Đản, được tháp tùng theo các đoàn xe hoa với đèn đuốc đủ màu sáng trưng, trang trí hình tượng Đức Phật Đản Sinh hay Đức Thích Ca ngồi dưới gốc cây Bồ Đề... đi diễn hành khắp các đường phố Đà Nẵng; hoặc những ngày cắm trại vui chơi tại sân chùa, hay xa hơn nữa là rừng thông Mỹ Thị, Ngũ Hành

Sơn. Tuổi thơ của chúng tôi gắn bó với ngôi chùa Vu Lan này như một phần đời mà cho đến bây giờ, hơn nửa thế kỷ sau vẫn còn đậm nét trong ký ức.

Sau này khi vào Trung học tôi không còn sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử nữa. Không biết nghỉ từ lúc nào và cũng không biết ngày đó mình đã "bỏ chùa" vì lý do gì? Bây giờ nhớ lại, chỉ biết giải thích rằng mình đã hết duyên với Gia Đình Phật Tử.

Tuy vậy tôi cũng thỉnh thoảng đến chùa vào những dịp mẹ tôi cúng giỗ. Mãi đến năm 1967, khi vào Đại học Saigon thì tôi mới chính thức xa chùa Vu Lan kể từ ngày ấy.

Đất nước loạn ly, chuyện học hành, chuyện chinh chiến, đường công danh bận rộn... làm tôi không có dịp trở về thăm ngôi chùa đã mang đến cho tôi những lời Phật dạy đầu đời.

Sau này trôi giạt nơi xứ người bao nhiêu năm, ngôi chùa của tuổi thơ không bao giờ quên trong ký ức, lúc nào cũng ước mong được một lần nhìn lại.

Hôm nay, gần 6 thập niên sau, chính mình lặng lẽ đứng tại sân chùa ngày xưa mà nay thấy hoàn toàn xa lạ. Nhà dân đã lấn sát vào sân chùa một cách tàn nhẫn, khoảng không gian thoáng mát ngày nào nay bị che bởi các xóm nhà san sát. Ngôi chùa mới với 2 tầng trông lạ hoắc, không có dáng vẻ thân thiện và hiền lành như ngôi chùa năm xưa. Chùa nay tuy có to lớn, bề thế, nhưng một mình đứng trọi giữa xóm nhà chen chúc vây quanh. Cây thị sau chùa cũng biến mất tự ngày nào. Hàng mai dọc theo bờ tường phía trước không còn chỗ để sống. Đám đất rộng trước sân chùa nay bị thu hẹp lại một cách đáng thương. Giếng nước năm xưa không biết nằm nơi đâu. Cổng tam quan ngày xưa giúp chúng tôi núp nắng tránh mưa nay không còn, thay vào đó là một cổng chùa mới, nhỏ hơn và bị dồn sát vào phía trong sân chùa vốn đã nhỏ hẹp.

Vào chánh điện hoang vắng trên lầu, thắp nhang dâng lễ trước bàn thờ Phật, cảm thấy mình như người từ phương xa đến lễ Phật tại một ngôi chùa hoàn toàn xa lạ. Không còn một khoảng không gian nào để gợi nhớ lại những cảnh cũ ngày xưa. Nhìn quanh không thấy một hình ảnh gì để mình hồi tưởng lại bóng dáng của cậu bé trong Gia Đình Phật Tử Hòa Thuận năm nào.

Xuống dãy nhà trai soạn, tôi được thầy Di tiếp kiến. Thầy Di là đệ tử của thầy Hựu, kế thừa chức vụ trụ trì ngôi chùa từ ngày Sư trụ trì quá vãng. Thầy cũng là vị sư quen biết gia đình tôi rất nhiều, thành thử ra khi tôi tự giới thiệu về thân thế thì thầy gật gù đầu nhớ ra. Nay thầy đã già yếu nhiều. Vị sư già và tôi nhắc lại rất nhiều về ngôi chùa cũ. Thầy nói thầy sắp ra đi nay mai, thầy nhắc lại cho tôi đừng quên lời Phật dạy trong Kinh Đại Bát Niết Bàn:

*Chư hành vô thường
Thị sanh diệt pháp
Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc.*

Tôi rời chùa Vu Lan mới này với một tâm trạng rất dửng dưng, bởi lẽ đây không phải là ngôi chùa mà bấy lâu nay tôi hằng mơ tưởng một lần được gặp lại. Ngôi chùa Vu Lan ngày xưa của tôi đã mất tự bao giờ. Có lẽ mất từ ngày đất nước ly tan. -/.

LINCOLN

Chiến tranh và hòa giải dân tộc

• Lương Nguyễn

Từ một cuốn phim:



Steven Spielberg, người đạo diễn tài hoa của nước Mỹ vừa mới cho ra mắt cuốn phim "Lincoln" cuối năm 2012, nói về bi kịch của cuộc nội chiến Nam Bắc ở Hoa Kỳ từ năm 1861 đến 1865. Đầu năm 2013, phim "Lincoln" đã đoạt được hai giải thưởng rất quan trọng là Quả Cầu Vàng (Golden Globe Awards) và giải thưởng Oscar thứ 85, cả hai đều về nam diễn viên đóng hay

nhất Daniel Day-Lewis.

Đạo diễn Steven Spielberg sinh năm 1946 ở Ohio trong một gia đình gốc Do Thái. Tên ông không xa lạ với mọi người, nhất là đối với dân mê coi phim, ông đã nổi danh từ những cuốn phim ăn khách như: Jaws (1975), E.T. the Extra-Terrestrial (1982), Indiana Jones and the Temple of Doom (1984), Jurassic Park (1993), Schindler's List (1993), Men in Black (1997), Saving Private Ryan (1998)... Sự thành công trong quá khứ đã tạo cho ông có một tên tuổi uy tín trong ngành điện ảnh của thế giới.

Ngay từ những năm cuối cùng của thập niên 90, ông đã ấp ủ một hoài bão là làm cho được một cuốn phim có tầm vóc xứng đáng về vị Tổng thống thứ 16 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Steven Spielberg tự thú ông vẫn bị ám ảnh bởi những huyền thoại về một con người có tầm vóc vĩ đại của dân tộc Mỹ. Năm 1999 ông giao cho nhà văn nữ Doris Kearns viết một cuốn tiểu sử về Abraham Lincoln để dựa vào đó tạo dựng kịch bản. Doris Kearns hoàn tất cuốn sách lấy tên "Team of Rivals: The Political Genius of Abraham Lincoln" năm 2005. Tác phẩm mô tả quá trình của vị Tổng thống Lincoln trong công cuộc cách mạng xóa bỏ nô lệ ở Mỹ, thống nhất đất nước và những nỗ lực hòa giải dân tộc trong suốt cuộc nội chiến Nam Bắc. Về kịch bản do Tony Kushner soạn, một người viết kịch nổi tiếng, nhưng cũng phải sửa đi sửa lại nhiều lần theo ý của nhà đạo diễn khó tính này. Steven Spielberg không muốn cuốn phim ông bị sa lầy vào những chi tiết vụn vặt để trở thành nhàm chán, nên ông chỉ chọn những thời điểm đáng ghi đáng nhớ. Đó là những tháng cuối cùng cuộc đời của Tổng thống

Abraham Lincoln, khi mà cuộc nội chiến đã đi vào giai đoạn ác liệt, ở chiến trường đang cần những nỗ lực lớn lao để chấm dứt đổ máu và ở quốc hội những cố gắng vô tận để vận động bỏ phiếu hủy bỏ chế độ nô lệ ở Mỹ. Trong phim có một điều cần nhắc đến, Steven Spielberg đã không đề cập đến đoạn lúc Tổng thống Lincoln bị ám sát, có lẽ trong thâm tâm, ông muốn gìn giữ mãi mãi hình ảnh đẹp để người anh hùng của mình.

Mãi đến đầu năm 2011, ông mới chọn được Daniel Day Lewis đóng vai Lincoln. Lewis là một nam diễn viên năng ký đã hai lần đoạt giải Oscar và mới đây trong năm 2013 thêm một Oscar nữa, tổng cộng là 3. Lewis đã bỏ gần trọn một năm trời để sửa soạn vai trò của mình, nghiên cứu tất cả các tài liệu và các bài thuyết trình của Abraham Lincoln để được sống thật sự trong nhân vật của mình đóng.

Qua bao nhiêu khó khăn, cuối cùng cuốn phim "Lincoln" đã được trình chiếu vào cuối năm 2012 ở Mỹ. Như thế tổng cộng từ khi bắt đầu xây dựng truyện phim cho đến ngày chiếu phim cho mọi người xem đã mất 12 năm trời.

Tổng thống Abraham Lincoln, người anh hùng giải phóng nô lệ:

Abraham Lincoln sinh ra đời ngày 12 tháng 2 năm 1809 trong một gia đình nông dân nghèo khó ở Kentucky. Có lẽ bởi vậy, ông có một khuôn mặt thường đăm chiêu khắc khổ. Thuở trẻ, ông không được đi học đến nơi đến chốn, nên những kiến thức ông thu đạt được, phần đông nhờ tính say mê tự tìm tòi tự học hỏi mà ra. Cũng do ông tự học, tự đọc sách lấy, ông có được bằng hành nghề luật sư nông thôn năm 1837. Chẳng bao lâu nhờ tài năng và sự cần cù làm việc, ông đã trở thành một luật sư nổi tiếng ở vùng Illinois. Dù là một luật sư rất thành công trong nghề nghiệp, nhưng ông chủ trương sống là phải chân thật. Ông nói: *"nếu chúng ta không thể trở thành một luật sư trung thực, thì hãy ráng sống trung thực mà không cần làm luật sư"*.

Năm 1842, ông kết hôn với bà Mary Todd. Hai ông bà không có một cuộc sống hạnh phúc, có lẽ vì hai người thuộc hai tầng lớp xã hội khác nhau. Ông đi từ tầng lớp nông dân nghèo khó chân lấm tay bùn, còn bà thì thuộc thành phần quý tộc giàu sang. Bà thường to tiếng phê bình đáng điều quê mùa vụng về của ông. Hai ông bà có 4 người con, tuy nhiên chỉ có một người con duy nhất còn sống quá tuổi trưởng thành. Sau này phần vì 3 người con bị mất lúc còn trẻ và rồi ông bị ám sát chết, bà đâm ra mắc bệnh hoang tưởng và phải đưa vào viện tâm thần.

Ngay từ khi còn thanh niên, ông đã định hướng con đường chính trị của mình. Năm 1834 đến năm 1842 ông là nghị viên của Illinois. Năm 1847, ông được đặc cử một nhiệm kỳ ở Viện Dân Biểu Hoa Kỳ. Năm 1856, ông gia nhập đảng Cộng Hòa. Ông chủ trương giải phóng nô lệ và tích cực vận động để hủy bỏ chế độ nô lệ. Ông xác định quan điểm về dân chủ của mình: *"Tôi không muốn là nô lệ, nhưng cũng không muốn là chủ của nô lệ. Đó là quan điểm của tôi về dân chủ. Ngoài ra tất cả cái gì đi ngược lại điều đó đều không phải dân chủ"*.

Năm 1860, Abraham Lincoln đặc cử trong cuộc bầu Tổng Thống Hoa Kỳ thứ 16. Lập tức 11 tiểu bang ở miền Nam còn giữ chế độ nô lệ tuyên bố ly khai và lập lên "Liên minh các tiểu bang Mỹ" (Confederate

States of America) và cử Jefferson Davis làm Tổng Thống của miền nam. Ở miền Bắc, 25 tiểu bang còn lại ủng hộ chính phủ Liên bang (Union) do Tổng thống Abraham Lincoln lãnh đạo. Cuộc nội chiến Nam Bắc coi như không thể cứu vãn, mặc dù ông đã cố công tìm cách hàn gắn. Tiếng súng đầu tiên bắt đầu nổ vào ngày 12 tháng 4 năm 1861, khi quân miền Nam tấn công vào đồn Sumter ở Nam Carolina do quân miền Bắc trấn giữ. Năm 1862, ông ra bản "Tuyên Ngôn Giải Phóng Nô Lệ". Một tuyên ngôn rất quan trọng để xác định xóa bỏ chế độ nô lệ là một mục tiêu chiến đấu của quân đội miền Bắc.

Năm 1863, quân miền Nam bị đại bại ở Gettysburg. Đây là một trận đánh khốc liệt nhất trong lịch sử nội chiến của Mỹ, tổng cộng thương vong của hai bên khoảng gần 50.000 binh sĩ. Nhưng cũng là một khúc quanh lịch sử để chấm dứt chiến tranh và sau này đưa đến sự đầu hàng của quân miền Nam. Tổng thống Lincoln đã đọc ở đây một bài diễn văn chỉ gồm có 272 chữ và kéo dài chưa quá 3 phút, nhưng là một bài diễn văn nổi tiếng nhất của ông. Trong diễn văn Gettysburg, có nhắc đến những nguyên tắc về bình đẳng trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ và khẳng định rằng cuộc nội chiến này là cuộc đấu tranh để giành tự do, dân chủ và nó sẽ mang đến cho mọi công dân sự bình đẳng thật sự. Cái độc đáo ở đây, ông đã không nhắc đến những danh từ Nam Bắc, Nô Lệ, Giải Phóng, ta và thù. Ông không phân loại người chết, ông chỉ vinh danh tất cả những người lính đã hiến dâng mạng sống mình để tổ quốc được sống.



tướng miền Bắc Ulysses Simpson Grant tại làng Appomattox. Đến đây, cuộc nội chiến Nam Bắc kéo dài 4 năm trời coi như chấm dứt với gần một triệu người bị tử thương, trong đó có khoảng 620.000 binh sĩ.

Tổng Thống Lincoln đã làm tròn lời hứa của ông đối với nhân dân Mỹ là giải phóng nô lệ và thống nhất đất nước. Chủ trương hòa giải dân tộc của ông để ra đã này mầm trên đất nước Mỹ. Sau chiến tranh, dân miền Bắc và miền Nam đã cùng nhau chung lưng chung sức để xây dựng đất nước. Nhờ thế, sau này Mỹ trở thành một cường quốc. Chỉ có điều đáng tiếc, ông mất quá sớm để có thể nhìn thấy thành quả của mình.

Ngày 14 tháng 4 năm 1865, Tổng Thống Abraham Lincoln bị ám sát chết trong khi đang coi kịch tại Nhà hát Ford ở Thủ đô Washington D.C. Vị Tổng Thống thứ 16

của Hoa Kỳ và là người anh hùng giải phóng nô lệ đã gục xuống vì viên đạn bắn ra từ một diễn viên đóng kịch, nghĩa là đúng 6 ngày sau khi chiến tranh chấm dứt.

Chiến tranh và hòa giải dân tộc:

Năm 1865, trong lúc binh sĩ của miền Nam đang bị vây khốn ở làng Appomattox, nhiều người đã khuyên tướng Lee nên chia quân ra để tiếp tục đánh bằng du kích thay vì đầu hàng. Nhưng tướng Lee đã từ chối, ông không muốn cuộc chiến này kéo dài một cách vô ích và chỉ đưa đến thêm đổ máu, chết chóc và hận thù. Ông quyết định chấm dứt chiến tranh và ra đầu hàng tướng Grant của quân đội miền Bắc. Trong buổi lễ ký giấy đầu hàng tại Appomattox Court House, tướng Grant đã ra nghiêm lệnh cấm binh sĩ miền Bắc không được reo hò vui mừng chiến thắng và phải lập một hàng quân danh dự đứng nghiêm chào tướng Lee và đoàn tùy tùng đi tới. Tướng Grant giải thích là "*Chiến tranh đã kết thúc, bây giờ họ là đồng bào của chúng ta. Điều cả nước đáng ăn mừng không phải chúng ta chiến thắng họ, mà là họ đã trở về lại với chúng ta, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ*".

Tướng Grant chấp nhận 3 điều kiện mà tướng Lee đưa ra:

- binh sĩ miền Nam được ra về tự do không bị trả thù hay bắt bớ, để họ được yên ổn xây dựng lại đất nước,
- được mang lừa và ngựa theo để làm mùa màng,
- được mang theo vũ khí ngắn cá nhân để tự bảo vệ mình.

Ngoài ra tướng Grant còn cung cấp lương thực cho một số binh đoàn miền Nam để họ đủ sức trở về lại quê quán.

Tổng Thống Lincoln thường cho mọi người biết là ông mong muốn cuộc chiến kết thúc trong sự khoan dung độ lượng. Bởi vì kinh nghiệm cho ông biết là với tấm lòng nhân ái, sẽ mang lại cho ông nhiều kết quả hơn là cách hành xử quá cứng rắn. Nên khi tướng Grant hỏi Tổng Thống Lincoln làm gì với binh sĩ miền Nam đầu hàng, ông không do dự trả lời "Hãy để họ được tự do ra về".

Ở Mỹ có một nghĩa trang nổi tiếng là Nghĩa trang quốc gia Arlington (Arlington National Cemetery) ở Arlington/Virginia. Một trong những nghĩa trang quân đội lớn nhất nước Mỹ. Nơi yên nghỉ của Tổng Thống Kennedy, của hơn 290.000 sĩ quan, binh sĩ đã hy sinh cho tổ quốc Mỹ. Trong đó có những mộ phần của hàng ngàn người lính vô danh cả Nam lẫn Bắc chết trong cuộc nội chiến Nam Bắc năm 1861-1865. Cổ nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang đi qua đây đã xúc động và làm một bài hát "Trên đồi Arlington":

*Về đây, cùng tới đây, chia nhau nghĩa trang này
không lời hờn oán đắng cay
Bắc Nam cùng mạch sống!
Thắng thua đều anh hùng!*
(Trên đồi Arlington, nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang)

Thắng thua đều anh hùng, tướng Lee mặc dù là tướng đầu hàng, nhưng lạ thay dân Mỹ lại coi ông như một vị anh hùng. Họ dựng tượng ông, đặt tên ông cho những con đường ở Mỹ. Trong chiến tranh ông chiến đấu rất anh dũng, sau chiến tranh ông đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc hòa giải giữa Nam và Bắc, kêu gọi mọi người buông súng và ủng hộ chính sách xây dựng lại

nước Mỹ của chính phủ Liên Bang. Người ta tự hỏi, nếu giả sử như tướng Grant đối sử với tướng Lee và binh sĩ của ông như những kẻ thua trận, thì nước Mỹ ngày nay sẽ đi về đâu?

Nhìn vào lịch sử cuộc nội chiến Nam Bắc ở Mỹ ta học được những gì?

Chiến tranh nào cũng là khốc liệt, là căm thù, là giết chóc, là giành phần sống cho mình. Nhưng sau khi tiếng súng đã tắt trên chiến trường, khi khí giới đã buông xuống, thì kẻ thắng người thua trong cuộc chiến "cốt nhục tương tàn" nhìn nhau bỗng chợt nhận ra đầu đây là những khuôn mặt đã quen, đã biết và hình như họ là anh em, là ruột thịt, là bạn bè, là đồng bào với mình. Mà trước đây, mình đã lặn xả vào chém giết họ. Nên nếu nói đến chiến thắng, đó chỉ là sự thắng đối với dân tộc mình và kẻ bại trận cũng là dân tộc mình. Bên sau những vòng hoa của chiến thắng, những huy chương bóng loáng là cửa nhà tan nát, là máu thịt của hàng triệu người đổ xuống, là lạc hậu, là u mê, là cả một dân tộc lâm than đói khổ, là cả một nền kinh tế quốc gia đi giật lùi trở lại, là mở cửa cho ngoại bang lợi dụng bước vào. Và rồi thêm nữa, phải cần bao nhiêu năm mới hàn gắn lại vết thương lòng đã rỉ máu đó, bao nhiêu năm mới xây dựng lại xong những ngôi nhà đã bị đổ nát vì chiến tranh. Có điều chắc chắn là cả người thắng lẫn người thua, họ sẽ phải có chung một tương lai để xây dựng, chung một xứ sở để gìn giữ, dù muốn hay không. Bởi thế nên, sau mỗi cuộc nội chiến, sự hòa giải dân tộc là một điều cần thiết để cùng nhau chung sức chung lòng xây dựng lại tổ quốc. Muốn được như vậy, ngoài lòng thành thật tôn trọng lẫn nhau, phải bỏ đi được cái cao ngạo "chiến thắng" để hóa giải được hận thù. Đó là con đường duy nhất đưa tới hòa giải dân tộc, mặc dù không phải là dễ dàng, vì nó đòi hỏi rất nhiều sự sáng suốt, dũng cảm và lòng nhân ái. Nhưng con đường đó sẽ đưa đất nước đến cường thịnh. Tổng Thống Lincoln vẫn thường trích một câu trong Tân Ước để làm châm ngôn cho cuộc đời chính trị của ông: "A house divided against itself cannot stand" (Tạm dịch "Một căn nhà bị phân hóa với chính nó thì không đứng vững được").

Gần 150 năm sau, cựu Tổng Thống Nam Phi Nelson Mandela, người đã bị 27 năm tù vì tranh đấu nhân quyền cho dân da đen, nói: "Người ta không thể xây dựng một quốc gia trên hận thù và bạo lực". Trên đường đi đến hòa giải, Nelson Mandela đã mời cựu Tổng thống Nam Phi gốc da trắng Frederik Willem de Klerk làm Phó tổng thống cho ông và những tướng lãnh, công chức cao cấp của chế độ cũ đã từng bỏ tù ông, ông đã kéo ghế mời họ ngồi. Rồi đến nước Đức, thống nhất hai nước làm một mà không đổ máu, không bắn một viên đạn. Đây là những thí dụ cho thấy là người ta có thể hòa giải, nếu thật tâm.

Cổ nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang nhớ đến thân phận quê hương mình, chợt thấy bằng chuông:

*Đã bảo vết thương không nhắc nữa
Mà sao thấy seo cứ bằng chuông*
(Trên đồi Arlington, nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang)

(Đầu năm 2013)

Nước và con người

* Thái Công Tụng

1. Tổng quan

Các nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại, từ Platon đến Socrate xem Nước là nguồn gốc của mọi nguồn gốc. Theo Phật giáo thì vũ trụ do bốn cái lớn trong vũ trụ: đất, nước, gió, lửa, còn gọi là **Tứ Đại**. Triết học Trung Hoa cho rằng nước là một trong năm yếu tố gọi chung là **Ngũ hành**: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Nước vừa mềm mại, uyển chuyển nhưng có sức mạnh phi thường vì các địa mạo ta thường gặp như thung lũng, đèo cao, núi thẳm, châu thổ v.v... đều do nước bào mòn, chuyển vận, lắng tụ, bồi tích. Sách Thánh Kinh có nói về trận hồng **thủy**. Thần thoại nước ta cũng nói về Sơn Tinh, **Thủy Tinh**. Sử sách Việt nói về Lạc Long Quân. Theo giáo sư Lê Hữu Mục, thì các từ Lạc phải đọc là **Đác** và chữ Đác với thời gian trở thành **Nác**. Nác chính là từ cổ của chữ Nước ta nói ngày nay. Thực vậy, nhiều vùng thôn quê ở Nghệ, Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị vẫn còn nói: *uống nác* (uống nước), *khát nác* (khát nước). Nhiều nhà văn hóa học Việt đều cho rằng nước là một đặc trưng hình thái của tư tưởng Việt Nam hay nói tổng quát hơn, của văn hóa Việt Nam.

Nước liên quan đến nhiều chức năng trong cơ thể: sự tiêu hóa, sự tuần hoàn, sự hô hấp, sự thải hồi. Các nhà khoa học dùng nước để tìm ra các hằng số quan trọng về vật lý như:

- nước **đông đặc** ở 0 độ
- nước **sôi** khi nhiệt độ là 100 độ C
- 1 lít nước cân nặng 1 ký

- tỷ trọng của nước là 1. Vật nào có tỷ trọng lớn hơn 1 thì **chìm** và vật nào có tỷ trọng nhỏ hơn 1 thì **nổi**. Nước có mặt ở cả **ba dạng vật lý**: lỏng, đặc và hơi.

Với dân số bùng nổ kéo theo một loạt nhu cầu về nước sinh hoạt, nước dùng trong kỹ nghệ v.v... nên tài nguyên nước trở thành một tài nguyên quý giá của nhân loại.

2. Nước trong văn học Việt

- Trong văn học dân gian, nhiều tục ngữ liên quan đến nước: *nước chảy đá mòn*, nói lên sự kiên nhẫn; *nước đổ lá môn* ngụ ý nói không ai nghe; *Sống về gạo, bạo về nước*, cho thấy hai nhu cầu thiết yếu của con người để duy trì sự sống. Thuyết nhân quả của nhà Phật cũng được diễn tả trong câu: *Đời cha ăn mặn, đời con khát nước*.

Trong công việc đồng áng thì nước rất cần thiết nên ta thường nghe ca dao:

*Lạy Trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cấy,
Lấy rơm đun bếp.*

Công việc trồng lúa đòi hỏi phải có nước:

*Trời đông, nước đã phơi bờ
Em về nhổ mạ, anh bừa ruộng chiêm*

Công cha nghĩa mẹ cũng dùng nước để so sánh:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Lời mẹ ru con cũng có nhiều câu có chữ nước:

Ru con con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi

Muốn coi lên núi mà coi

Coi bà Triệu tướng cưỡi voi bành vàng

- Trong văn chương bác học, nói về sắc đẹp của phụ nữ cũng dùng biểu tượng nước như *nghe nghiêng nước* *nghe nghiêng thành* hoặc *mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*.

Nỗi nhớ nhà, nhớ nước được diễn tả trong câu:

Buồn trông ngọn nước mới sa

Mây trôi man mác biết là về đâu (Kiều)

Thề nguyện cũng dùng nước:

Còn non, còn nước, còn dài

Còn về còn nhớ đến người hôm nay (Kiều)

Làm gì cũng phải có kế hoạch, không đợi *'nước đến chân mới nhảy'*:

Lánh xa trước liệu tìm đường

Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê (Kiều)

Nguyễn Khuyến tả cảnh ao làng vào mùa thu:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tì teo

Nước trong, không ô nhiễm trong câu thơ của Chinh

Phụ Ngâm:

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc

Đường bên cầu cỏ mọc còn non

Nhưng vượt lên ca dao, tục ngữ, nước là một tài nguyên quan trọng vì nước là một chất không thể thiếu được trong sự sống của loài người, từ động vật đến thực vật; là chất đảm bảo sự cân đối của những vận động tuần hoàn không những của trái đất vĩ mô mà còn cả những chuyển hóa vi mô trong từng tế bào là đơn vị nhỏ nhất của động vật và thực vật.

3. Nước trong đời sống.

Nước là chất cơ bản, cái nôi của sự sống. Nước quan trọng trong đời sống thực vật. Tục ngữ ta có câu: *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống* chứng tỏ tầm quan trọng của nước. Nước hòa tan các dưỡng liệu trong đất thì rễ cây mới hút được để chuyển tải lên các bộ phận hoa lá trong cây. Không có nước thì không có sự quang hợp tạo ra các hydrat cacbon. Để làm ra 1 kg chất khô, cây bắp cần 350 lít nước, khoai tây cần 575 lít, lúa cần trên 2000 lít v.v... Nước cũng quan trọng trong đời sống động vật. Cũng như trong thực vật, nước giúp cho sự luân lưu, cho sự trao đổi chất: 60 đến 70% trong cơ thể con người là nước nên khát nước dễ chết hơn khát ăn. Nước cũng cần cho các hoạt động kỹ nghệ: sản xuất thép, sản xuất chip điện tử, sản xuất tơ nhân tạo cũng cần nhiều nước và dĩ nhiên sản xuất bia, nước Coca, nước ngọt là từ nước. Nước cũng ảnh hưởng đến khí hậu và là nguyên nhân tạo ra thời tiết như mưa, tuyết, bão. Năng lượng mặt trời sưởi ấm không đồng đều các đại dương đã tạo nên các dòng hải lưu như dòng **Gulf Stream** vận chuyển nước ấm từ vùng nóng đến Bắc Đại Tây Dương làm khí hậu các xứ Bắc Âu ấm áp hơn.

4. Nước trên quả địa cầu

Trên hành tinh Trái Đất này, mặt trời và nước giúp duy trì cuộc sống. Hơn 70% diện tích của Trái Đất được bao phủ bởi nước (đại dương, biển kín). Chính vì vậy mà trái đất nhiều nước mặn (97%) hơn nước ngọt. Nhưng phần lớn nước ngọt lại nằm ngoài tầm tay của

con người vì nằm trong các băng hà ở miền cực địa cầu (2,7%) hoặc dưới tầng đất ngầm và ẩm độ trong đất, còn lại rất ít là nước ngọt chứa trong sông, suối, hồ, ao là thực sự sử dụng được cho con người. Nói khác đi, nước ngọt là một tài nguyên có giới hạn. Ngoài ra, nước lại không được phân bố đồng đều trên Trái đất: vùng Amazonie nhận được 20% lượng mưa trên toàn thế giới chỉ cho 10 triệu người, vùng Bắc Phi và Trung Đông với 400 triệu người lại chỉ hưởng được 1,5%.

Cũng từng đó nước từ hàng ngàn năm trước, nhưng cái khác là ngày nay, dân đông hơn, cần nhiều nước hơn để sử dụng vào nhiều mục đích hơn: nước dùng trong sinh hoạt, trong kỹ nghệ (thủy điện, kỹ nghệ các loại), trong nông nghiệp để sản xuất lương thực v.v... Theo Hội đồng nước toàn cầu, tiêu thụ nước trong nông nghiệp là (66%), công nghiệp (20%), các hộ gia đình (10%) và khoảng 4% bốc hơi từ các hồ dự trữ nước nhân tạo. Tể bào sống hầu như 3/4 là nước và không nước, con người sẽ mau chết hơn là không ăn. Như vậy, nước là nguồn tài nguyên vô giá của con người. Những xứ có tài nguyên nước dồi dào phải kể là những xứ như Canada, Nga, Mỹ, Bresil, Indonesia, Đông Dương còn các xứ ít có tài nguyên nước nằm các vùng sa mạc như Úc châu hoặc các xứ Sahel. Một vài vùng trên thế giới thiếu nước vừa phải là các vùng quanh bờ Địa Trung Hải như Ý, Hy Lạp, Bắc Phi, Ai Cập.

5. Chu kỳ nước.

Trong bài thơ *Thề non nước* của Tản Đà, có câu: *Nước trôi ra biển lại mưa về nguồn*. Câu thơ này vô hình chung đã nói về chu kỳ nước trong vũ trụ: nước từ sông, hồ, biển **bốc hơi** lên cao, gặp lạnh trên cao sẽ **ngưng đọng** lại và **rơi xuống đất**. Khi gặp mặt đất thì nước một phần **thấm** vào lòng đất qua các khe đá, lỗ hổng của đất và tạo thành nước ngầm, một phần **chảy tràn** để chảy vào sông suối rồi trở lại ra biển.

Như vậy, nước cứ luân hồi mãi mãi, từ kiếp này sang kiếp khác, vô thủy vô chung từ lúc Trái Đất thành hình cách nay hàng ngàn triệu năm và nhờ nước mới có đời sống thực vật, rồi mới có đời sống động vật.

6. Tài nguyên nước

Có thể phân loại tài nguyên nước thành 4 loại sau đây:

6.1. nước mưa: Có những vùng mưa nhiều, đặc biệt các vùng có khí hậu xích đới. Sau đây liệt kê vài xứ có lượng mưa nhiều nhất thế giới: Colombia (Trung Mỹ), Liberia (Phi châu), Myanmar tức Miến Điện (Á châu), Papua New Guinea, Bangladesh (Á châu) có lượng mưa trung bình hàng năm trên dưới 4000 mm.

Nhưng cũng có những xứ ít mưa như Iran, Afghanistan, các xứ Ả Rập ở Trung Đông. Lục địa Úc châu khô hạn chỉ 800 mm mưa mỗi năm.

Vùng Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, vì nằm vùng khí hậu gió mùa nên lượng mưa trung bình hàng năm khá cao: 1800 mm. Tuy nhiên cũng có những vùng khuất gió thì mưa ít hơn như đồng bằng 3 Phan: Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết. Ngoài ra, nước mưa không rải đều trong năm vì chỉ tập trung vào các tháng mưa còn mùa kia thì nhiều nơi không có tí mưa, thêm vào gió Lào khô ráo, khiến nhiều vùng thiếu nước.

6.2. nước mặt. Đây cũng là tài nguyên nước mặt có trên các sông, suối, hồ ao, kinh rạch. Nước sông, suối, hồ, ao được sử dụng trong nhiều đối tượng khác nhau như phục vụ sinh hoạt (nấu cơm, tắm rửa, giặt), phục vụ

nông nghiệp (tưới cây, nuôi cá, chăn nuôi), phục vụ kỹ nghệ (các công nghệ chế biến, sản xuất giấy, thuộc da, phân bón...).

Nước '**cứng**' (hard water) là nước chứa nhiều ion Calci và magnesi. Khi đun nước loại này thường bị đóng váng vôi, tức là một kết tủa cacbonat calci. Nước '**mềm**' là nước không có nhiều chất Calci và magnesi.

Nước cứng cũng không dùng để pha chế thuốc vì có thể gây kết tủa làm thay đổi thành phần của thuốc. Khi dùng nước cứng nấu thì rau, thịt khó chín; làm mất vị của nước chè. Giặt bằng nước cứng tốn xà phòng do Ca^{2+} làm kết tủa gốc axit trong xà phòng và làm xà phòng không lên bọt. Nhiều công nghệ hóa học đòi hỏi nước có độ cứng nhỏ do đó nếu nước chứa nhiều Calci và magnesi thì phải làm mềm nước cứng bằng cách cho kết tủa các chất Ca và Mg với soda (Co_3Na_2) hoặc tách chúng bằng nhựa trao đổi ion (ion exchange resin). Trong nhựa trao đổi ion, những hạt mang điện tích trái dấu sẽ hút nhau như các cation sẽ hút các ion âm tức anion và ngược lại.

6.3. nước ngầm. Nước từ các nguồn nước mưa, sông, rạch, ao, hồ... một phần thấm vào đất, nhưng không thể ngấm qua tầng đá dưới sâu nên nước tập trung nhiều ở tầng nước dưới đất. Đào giếng chính là để khai thác nước dưới đất dùng trong sinh hoạt. Tại đồng bằng sông Hồng cũng như đồng bằng sông Cửu Long, nhà nào cũng đào giếng để có nước sinh hoạt. Ngoài ra, nông dân cũng đào giếng, khoan giếng sâu để lấy nước ngọt tưới rau màu, pha loãng với nước mặn để nuôi tôm v.v... Chính vì vậy mà hiện nay mực nước ngầm hạ xuống quá sâu kéo theo một số hậu quả: mặt đất sụt lún xuống, nước mặn xâm nhập vào túi nước ngầm, chưa kể nguy cơ nhiễm độc arsen (thạch tín), ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe người dân. Ngoài ra, phẩm chất nước ngầm cũng bị ô nhiễm do các chất ô nhiễm trên mặt đất trôi chảy xuống: nitrat, phenol, thuốc trừ sâu, phân hóa học

6.4. nước mặn. Nước mặn ngoài biển có hàm lượng muối trung bình là 35gram cho mỗi kg nước biển và gồm 6 chất: sodium (Na^+), chlorua (Cl^-), sunfat (SO_4^{2-}), magnesium (Mg^{2+}), calcium (Ca^{2+}) và potat (K^+). pH nước biển biến thiên từ 7,5 đến 8,4: nước biển có môi trường hơi kiềm. Tuy hàm lượng muối trung bình là 3,5% (35 gram/lit), nhưng các biển kín thì nồng độ muối cao hơn:

Biển Đỏ, còn gọi là Hồng Hải thì vì vùng ít mưa, bốc hơi cao, ít sông ngòi chảy vào thì nồng độ muối cao hơn: 40g/l.

Biển Chết ở giữa Jordanie và Do Thái còn có độ mặn rất cao, đến 330g/lit vì là biển kín. Gọi là biển nhưng thực ra đó chỉ là một cái hồ lớn nằm ở vùng sa mạc phía Đông Nam Israel. Gọi là Biển Chết vì nước ở hồ này rất mặn, đến mức không một sinh vật nào có thể sống nổi. Hồ này rộng 1.040 km², mặt hồ thấp hơn 400 mét so với mặt nước biển nên là điểm thấp nhất của bề mặt trái đất.

Ngoài ra, ở các cửa sông, nơi có sự hòa lẫn giữa nước ngọt và nước mặn, còn gọi là **vùng giáp nước** thì nồng độ muối giảm nhiều: ta gọi đó là **nước lợ**. Nước lợ chứa từ 1 đến 10 gram muối trong mỗi lít và các loại muối trong nước lợ có những chất như $CaSO_4$, $MgCO_3$, NaCl tùy các vùng đất nước chảy qua.

7. Vai trò của nước

Nước có 4 vai trò sau đây:

- **cung cấp:** nước cung cấp thực phẩm cho nhân loại. Nước ngọt, nước lợ, nước mặn, đều có thủy sản, hải sản rất phong phú và đa dạng như tôm, cua, cá, ếch, ba ba, rùa. Nước giúp hòa tan các dưỡng liệu trong đất để thực vật lớn nhỏ có thể nhờ đó mà sinh trưởng.

- **điều hoà khí hậu:** các dòng hải lưu ngoài biển ảnh hưởng đến điều hoà khí hậu: ví dụ dòng Gulf Stream đem hơi ấm cho các vùng miền Bắc Âu Châu.

- **văn hóa (tâm linh, giải trí...)** Cẩn lưu ý là nước, ngoài khía cạnh giá trị vật chất, phải được xem có giá trị tinh thần vì hồ, ao, sông, suối có tác động thẩm mỹ, thông thoáng, giúp con người bớt các căng thẳng của cuộc sống xô bồ ngày nay. Thực vậy:

* tình yêu nảy nở bên cạnh dòng suối:

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha (Kiều)

* cuộc biệt ly cũng bên cạnh dòng sông:

Đưa người ta không đưa sang sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng? (Thâm Tâm)

Đò chiều sông lạ tiễn đưa nhau

Gió nấc từng cơn, sóng vật đầu

Hai ngả lênh đênh trời ngụt khói

Người đi, ta biết trở về đâu? (Vũ Hoàng Chương)

* nỗi nhớ khi nhìn con nước thủy triều lên xuống:

Lòng quê dờn dợn với con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà (Huy Cận)

* nhớ chồng đi ngoài biên ải:

Nước có chảy mà phiền khôn rửa

Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây (Chinh Phụ Ngâm)

* thư giãn tĩnh mịch nơi chốn non xanh, nước biếc:

Côn Sơn có suối nước trong

Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm

Côn Sơn có đá tần vân

Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi

(Nguyễn Trãi trong Côn Sơn ca - Bản dịch của Nguyễn Trọng Thuật).

Sông ngòi luôn luôn là nguồn cảm hứng vô tận cho thơ, văn, nhạc. Những bài thơ Đường của Lý Bạch, của Thôi Hiệu, bài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị, bản nhạc Dòng Sông Xanh đều lấy sông làm nguồn cảm hứng.

Riêng văn học dân gian cũng có nhiều điệu hò trên sông nước. Vì sự vận chuyển hàng hóa bằng ghe thuyền đòi hỏi chèo chống khó nhọc nên để bớt vất vả khi chèo đò, nhiều loại hò ra đời với nội dung rất phong phú, phản ánh phong cảnh thiên nhiên, mối tình trai gái v.v... Cùng với mái chèo cất nhịp, những lời ca giàu tính chất trữ tình giúp cả khách lẫn trai chèo quên đi những nhọc nhằn, nỗi lạnh lẽo tịch mịch của đêm trường. Văn học dân gian được phong phú thêm với những hò Huế, hò Quảng, hò sông Mã v.v...

Dòng sông ở Huế với nhiều điệu hò: mái nhì, mái đẫy, dô hậy, dầy... là những thể hò dân gian trên sông nước.

Tiếng hò của mỗi tình ngang trái:

Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược

Nước chảy ngược, con cá vượt lội ngang

Thuyền em xuống bến Thuận An

Thuyền anh lại trẩy lên ngàn anh ơi!

Câu hò mái nhì gợi nhiều rung cảm do tình yêu đôi lứa:

Nước đầu cầu, khúc sâu khúc cạn

Chèo qua Ngọc Trản, đến mạn Kim Long

Sương sa gió thổi lạnh lùng

Sóng xao trắng lặn, gợi lòng nhớ thương

Trong mọi tôn giáo, từ Ấn Độ giáo, Phật giáo đến Công giáo, Hồi giáo, đều dùng nước làm biểu tượng. Vì nước là căn nguyên đầu tiên của vũ trụ, nên trong mọi tôn giáo luôn luôn có nước. Ấn Độ giáo thì nước sông Hằng ở đó trong nhiều lễ hội hàng chục ngàn người nhảy xuống tắm để gột rửa mọi phiền não; ở Công giáo thì nước dùng trong bí tích rửa tội; ở Hồi giáo thì phải rửa tay, rửa ngón chân trước khi lạy về hướng thánh địa La Mecque; ở Phật giáo thì trong các lễ vật để dâng lên cúng vái ông bà trên bàn thờ không thể thiếu chén nước. Nước cũng sử dụng trong lễ tắm Phật các ngày Phật Đản. Một bộ kinh như kinh Thủy Sâm có nói về nước chữa bệnh.

Nhìn những cảnh sông nước, bát ngát của đất trời, con người chợt nhận ra sự cần thiết của im lặng, của tĩnh tại, nó giúp nhen nhúm ngọn lửa tâm lý và năng lượng này, tức tâm năng giúp chuyển hóa thành năng lượng vật lý; nói khác đi **tâm năng** và **động năng/thể năng** có tác động thuận nghịch cũng như giữa đức tin và lý trí bổ túc cho nhau. Chúng ta cảm thấy sự buông xả cho dòng nước cuốn trôi đi mọi phiền não thật cần thiết.

Nước tượng trưng cho sự **vô thường**: dòng nước thay đổi liên tục vì giọt nước này tiếp nối giọt nước kia, tạo thành dòng chảy. Tâm của ta cũng vô thường như dòng sông nghĩa là chuyển động tiếp nối, khi vui khi buồn, khi nghĩ đến quá khứ, lúc nghĩ đến tương lai. Sự lưu chuyển của tâm ta như nước chảy không ngừng. Khổng Tử thấy dòng nước lững lờ trôi cùng năm tháng: *thị giả như tư phủ, bất xả trú dạ (Luận ngữ, IX, 16)*: cứ chảy hoài như vậy, đêm ngày không bao giờ ngừng.

Nước tượng trưng cho sự **vô trụ**; nó không vướng mắc mà cứ lững lờ chảy, biết buông xả, không chấp trách.

Nước tượng trưng cho sự **vô ngã**, vì nó khiêm tốn, nó nhận mọi ô nhiễm.

Nước **yểm trợ**: nước giúp cho các hoạt động yểm trợ **du lịch** cũng như **y tế**. Nói về vai trò của nước trong các hoạt động du lịch, ta có thể kể du lịch biển, du lịch sông ngòi. Nói về vai trò yểm trợ trong các hoạt động y tế, có thể nói về các suối nước nóng mà xứ nào cũng có. Riêng ở Việt Nam, tại Khánh Hòa có nhiều suối nước nóng có nhiều chất khoáng, giúp trị bệnh. Ngoài suối nước nóng còn có nước suối lấy ở các vùng **hiều chất khoáng**, cho vào chai để uống như nước khoáng Vĩnh Hảo là nước khoáng duy nhất của Việt Nam có hàm lượng Bicarbonat (HCO₃) cao. Ngoài ra, còn có một số nguyên tố vi lượng có ích khác, có tác dụng bồi bổ cơ thể rất tốt, giúp tiêu hóa và lợi tiểu, làm đẹp làn da và hỗ trợ trị bệnh đau dạ dày.

Nước tạo ra **năng lượng thủy điện**, giúp cho các hoạt động kỹ nghệ (đồ uống, bột giấy, bauxit,...), **chuyển vận** (ghe, đò, tàu thuyền). Nước giúp cho sự tạo thành đất. Thực vậy, nước chuyên chở các trầm tích từ nhiều lưu vực để bồi đắp phù sa, nước bào mòn các loại đá làm đá bề rời ra nhanh chóng, giúp cho sự phong hóa hóa học dễ dàng hơn.

(còn tiếp)

Nhận thức về thời kỳ HÙNG VƯƠNG



* Phan Hưng Nhơn

Sử liệu của con người từ xa xưa để lại trong mọi địa hạt đều quá mong manh. Vì vậy nghiên cứu về thời kỳ Hùng Vương là một việc rất khó khăn từng gây phân vân cho các sử gia.

Nghiên cứu về thời kỳ Hùng Vương không chỉ là nghiên cứu một giai đoạn lịch sử thông thường mà là một giai đoạn có thể trùng hợp với quá trình hình thành của tộc dân tổ tiên của người Việt Nam ngày nay.

Thư liệu về thời kỳ Hùng Vương lại quá mơ hồ hay ít ỏi nên cũng đã có lắm kẻ đời sau ngần ngại e dè không dám xác nhận thời kỳ Hùng Vương có thật hay không?

Thiết nghĩ trong công cuộc tìm hiểu về thời kỳ Hùng Vương, cần phải nghiên cứu tận dụng các tư liệu sử học, truyền thuyết, những tài liệu nhân chủng học, ngôn ngữ học và nhất là khảo cổ học vì môn này có thể giúp đời nay tìm tòi được những hiện vật của những nền văn hóa cổ chôn vùi trong lòng đất có khả năng phục hồi lại bộ mặt quá khứ của xã hội của thời mà loài người chưa biết ghi lại lịch sử của mình.

THỜI KỲ HÙNG VƯƠNG

Niên đại của thời kỳ Hùng Vương

Những truyền thuyết hay thần thoại hoặc những tài liệu thư tịch lịch sử vẫn chỉ giúp cho chúng ta những ấn tượng bao quát hay những hiểu biết đại thể về thời kỳ Hùng Vương, nhưng vẫn chưa thỏa mãn được yêu cầu căn bản: có được những tư liệu chính xác về thời kỳ Hùng Vương. Để đáp ứng nhu cầu đó, hiện nay các nhà khảo cứu về thời kỳ Hùng Vương đã phải động viên đến một nguồn tư tưởng khác đây khả năng: đó là những tài liệu khảo cổ.

Tài liệu khảo cổ từng chứng minh trước khi bị xâm lược và đô hộ, dân Việt Nam đã có những nền văn hóa phát triển độc lập và phong phú. Vậy hãy tìm những nền văn hóa khảo cổ nào có thể được xem tương đương với

thời kỳ Hùng Vương? Tiếp đó là so sánh những gì dự đoán có thể tương đương giữa những tư liệu lịch sử, truyền thuyết và các chi tiết cụ thể khảo cổ.

Sách Việt Sử Lược ghi 18 đời Hùng Vương dài khoảng 400 năm, từ Trang Vương nhà Chu đến cuối nhà Chu (từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch).

Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép lại từ sách Lĩnh Nam Chích Quái cho biết họ Hồng Bàng từ Kinh Dương Vương đến Hùng Vương thứ 18 dài 2622 năm.

Các sử gia thời Nguyễn, tác giả sách Việt Sử Thông Giám Cương Mục cho thời gian tồn tại của họ Hồng Bàng dài 2622 năm là không có căn cứ và đặt câu hỏi: „*Tất cả 2622 năm, sự đó không biết sử cũ khảo cứu ở đâu?*”

Do thư tịch xưa có nhiều ý kiến khác nhau như vậy, nên giới khảo cổ sử học trong mấy năm gần đây phải kết hợp với truyền thuyết, truyền dân gian, thần tích, dân tộc học, tài liệu khảo cổ học để nghiên cứu xác định niên đại của thời kỳ Hùng Vương như sau:

Nước Văn Lang của các vua Hùng chỉ tồn tại trong khoảng 400 năm là hợp lý:

- 18 đời Hùng Vương là 18 vị vua được sử cho biết được lưu truyền theo lối thế tập (cha truyền con nối) nên không thể kéo dài 2622 năm mà chỉ khoảng 400 năm là hợp lý.

- Niên đại khoảng 400 năm phù hợp với đoạn viết trong Việt Sử Lược nói nước Văn Lang tồn tại từ thời Trang Vương nhà Chu (thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch) đến cuối nhà Chu (thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch). Theo họ, Việt Sử Lược là quyển sử thời Trần, viết về họ Hồng Bàng ít tính chất hoang đường nhất.

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư thì Thời Đại Hồng Bàng bắt đầu từ năm 2879 trước TL và kết thúc vào năm Quý Mão 258 trước TL, năm Thục Phán thành lập nước Âu Lạc. Nền văn hóa khảo cổ Đông Sơn đã được xác định có niên đại từ thiên niên kỷ thứ 1 trước TL, đến thế kỷ thứ 1 sau TL. Từ đó các nhà khảo cổ xác định 2 cái mốc cho thời gian đầu và cuối của Thời Đại Hồng Bàng về mặt khảo cổ là nền văn hóa Phùng Nguyên khởi đầu khoảng 2000 năm trước TL và nền văn hóa Đông Sơn khoảng 800 năm trước TL.

Theo Việt Sử Lược, nước Văn Lang tồn tại từ thời Trang Vương nhà Chu (thế kỷ thứ 7 trước TL) đến cuối nhà Chu (thế kỷ thứ 3 trước TL), nghĩa là trong thời khoảng độ 400 năm thì cái Thời Kỳ Hùng Vương quả thật là phần cuối cùng của Thời Đại Hồng Bàng. Thời Kỳ Hùng Vương chấm dứt vào năm Thục Phán thành lập nước Âu Lạc, nhưng truyền thuyết không cho biết vào năm nào, chỉ cho biết An Dương Vương làm vua được 50 năm. Căn cứ vào một câu trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên cho biết nước Âu Lạc bị Triệu Đà chiếm vào 180 trước Tây lịch. Như vậy có thể ước đoán sự chấm dứt thời kỳ các vua Hùng vào nửa sau thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch.

Như thế là đã có được giới hạn cuối của Thời Kỳ Hùng Vương. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, nếu quả thật thời đại Hồng Bàng kéo dài được 2622 năm, thì nên xem Thời Kỳ Hùng Vương như là giai đoạn cuối của Thời Đại Hồng Bàng. Sự việc này rất hữu lý khi người xưa cũng từng xác định „thời kỳ 18 vị Hùng Vương là thời Á Hồng Bàng. Bằng cố là tại chùa Tống, một chùa cổ xưa tại làng Từ Xã tỉnh Vĩnh Phú còn lưu lại câu: „*Thời Á Hồng Bàng, thiên dân hóa dân thành thịnh ập*”.

Theo các nhà khảo cổ, giai đoạn Hình Thành Nước Văn Lang kinh qua những giai đoạn như sau:

- Sự hình thành Bộ Lạc Văn Lang: diễn ra cuối thời đại đá mới hậu kỳ. Thời gian khoảng từ 2000 năm đến 1500 năm trước Tây lịch.

- Cư dân Bộ Văn Lang chuyển sang sơ kỳ thời đại đồng thau, kéo dài từ thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ 7 trước Tây lịch.

- Sự hưng khởi của Nước Văn Lang: Việc thành lập Nước Văn Lang trùng hợp với thời kỳ hưng thịnh của thời đại đồng thau. Thời đại các vua Hùng là từ thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch.

Vậy cũng nên hiểu rằng niên đại 4000 năm trước đây vào cuối thời đại đá mới là niên đại chỉ bước đầu hình thành Bộ Văn Lang, khởi đầu lịch sử của dân tộc Việt Nam. Còn nói nước Văn Lang được thành lập vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch có nghĩa là thời khởi đầu Lập Quốc của vua Hùng, khởi đầu của Thời Đại Hùng Vương.

Nhận thức về thời kỳ Hùng Vương

Thời kỳ Hùng Vương thuộc về huyền sử. Ngày nay còn sót chẳng chỉ một số truyền thuyết. Tư liệu về Hùng Vương được viết vào thời Đinh, Lê, Lý, Trần, hơn ngàn năm sau thời kỳ dựng nước nên con số 18 vị Hùng Vương vẫn là con số của huyền sử.

Tên tuổi, thứ bậc của các vị Hùng Vương cũng không một đấng hậu duệ nào hiểu biết. Sử liệu hay truyền thuyết cũng chỉ thường nói đến nào là Hùng Vương thứ nhất, Hùng Vương thứ sáu hoặc Hùng Vương thứ 18 mà thôi chứ không thấy nói đến tên tuổi. Mãi đến năm 1572, triều đình nhà Lê nhận thấy là theo sử liệu là các tiền nhân xa xưa như Lộc Tục, Sùng Lãm đều có tên tuổi, niên hiệu rõ ràng, còn các vị hậu duệ đời sau của họ lại vô danh nên ra lệnh cho sử quan Nguyễn Bính đặt tên cho các vị vua Hùng. Nên từ đời Lê này mới có những danh xưng như Hùng Hiền Vương, Hùng Duệ Vương v.v... nghĩa là những danh xưng bằng Hán ngữ. Thời Hùng Vương chưa có tiếp xúc với Hán Tộc, lẽ nào các vua Hùng lại dùng một ngôn ngữ ngoại quốc chưa hề biết để đặt tên cho mình ?

Điều cần chú ý là các danh từ trong các tư liệu về thời đại Hùng Vương đều là những danh từ Hán hoặc đặt bằng chữ Hán cho một đối tượng trước đó không có tên hay đã có tên nhưng nay bị thay thế, hoặc dùng chữ Hán ghi âm một số tiếng địa phương.

Văn Lang, Lạc Việt đều là những danh xưng do người Hán đặt ra. Tên gọi 15 bộ của nước Văn Lang là những tên xuất hiện đời Đường mà các sử gia ta chưa mượn tạm để dùng chỉ định miền đất thời Hùng Vương tồn tại trong lúc chưa tìm được tên gọi chính xác của thời Hùng Vương.

Nguồn gốc dân Bộ Văn Lang

Những thời kỳ xa xưa cách đây hàng vạn năm đã để lại dấu vết nhiều người cổ ở Kéo Lèng (Lạng Sơn) và Tân Lập (Yên Bái). Họ là những người cổ thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ từng được các nhà khảo cổ nghiên cứu và sắp loại vào lớp Người Khôn Ngoan Hóa Thạch (Homo Sapiens Fossilis).

Từ thời đại đá mới trở về sau di tích người cổ ở Bắc Phần Việt Nam khá phong phú. Nghiên cứu hàng trăm sọ cổ tìm thấy rải rác ở nhiều tỉnh thuộc miền núi và đồng bằng Bắc Phần Việt Nam, các nhà khảo cổ nhận thấy sự hiện diện ngày xưa tại đây của nhiều loại hình nhân chủng khác nhau rõ ràng về thể chất như Melanésien Négrito, Indonésien và Mongoloid nhưng chỉ có giống

Melanésien và Indonésien là trọng yếu. Tất cả tuy cư trú ở những địa phương khác nhau nhưng cùng chung một nguồn gốc là những người cổ khôn ngoan hóa thạch ở Lạng Sơn, Yên Bái.

Những người Melanésien trong thời đại đá mới là chủ nhân nền văn hóa Hòa Bình và nền văn hóa Quỳnh Văn và một vài nơi như Đông Thước, Làng Cườm thuộc nền văn hóa Bắc Sơn. Như thế địa bàn cư trú của người Melanésien vào sơ kỳ thời đại đá mới là vùng Hòa Bình và lân cận và vùng ven biển tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Vào thời này các bộ tộc dân cư giáp giới phía Nam gọi những người Melanésien này là dân DOAN. Đến cuối thời đại đá mới không còn thấy dấu vết nào của loại hình nhân chủng Melanésien tại các vùng này và chỉ thấy lác đác vài nơi ở vùng đồng bằng. Xu hướng ngày càng thấy loại hình nhân chủng này càng ít hơn tại Bắc Phần Việt Nam. Có thể họ đã bị đồng hóa với loại hình nhân chủng Indonésien đang cùng tiến chiếm đồng bằng Bắc Việt hoặc có thể một bộ phận di cư đi nơi khác. Lưu truyền cho biết người Melanésien có tài đi biển thường hay lợi dụng gió mùa để tiến xa xuống phương Nam hoặc lên miền Bắc.

Nhưng người thuộc loại hình nhân chủng Indonésien là chủ nhân chủ yếu của nền văn hóa Bắc Sơn. Địa bàn cư trú của họ là vùng rừng núi Bắc Việt. Vào thời này dân cư vùng giáp giới phía Bắc và phía Tây gọi họ là dân KEO. Vào thời đại đá mới họ tiến xuống vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mã tiếp xúc với dân DOAN (Melanésien) làm cư dân những vùng này để về sau sáng tạo nên những nền văn hóa đồng thau trong đó có nền văn hóa Đông Sơn.

Từ hậu kỳ thời đại đá mới họ đã di cư xuống đồng bằng ngày càng nhiều, số dân ở đồng bằng mới phát triển nhanh, công cuộc khai phá đồng bằng mới thật sự bắt đầu.

Từ đây các liên minh các bộ tộc khác nhau đã phát sinh ra một loại hình nhân chủng mới: loại NAM Á. Chính hai loại hình nhân chủng Indonésien và Nam Á sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự cấu thành thành phần nhân chủng của cư dân bộ tộc mà về sau được người đời sau gọi là bộ tộc người Việt Nam cổ.

Nên nhớ rằng ngay từ khoảng đầu thiên niên kỷ thứ 2 trước Tây lịch, gần hầu hết lãnh thổ Bắc Phần Việt Nam thời này đã có nhiều bộ tộc có quan hệ gần xa với nhau sinh sống. Những người này đã sáng tạo nên những nền văn hóa rực rỡ ở khắp các miền. Giữa những nhóm người này, mối quan hệ giao lưu trao đổi hòa hợp không ngừng được tăng cường hình thành những tập đoàn người đông đúc hơn với sự thống nhất văn hóa trong từng khu vực lớn hơn: lưu vực sông Hồng và lưu vực sông Mã.

Từ hai lưu vực này, xu thế thống nhất ngày càng được đẩy mạnh. Từ nửa đầu thiên niên kỷ thứ 2 trước Tây lịch, với sự thống nhất của người Việt cổ hay Tiên Việt đã được thực hiện để hình thành BỘ VĂN LANG do thị tộc Hồng Bàng lãnh đạo.

Do những biến đổi vừa nói trên, vai trò của người đàn ông trong gia đình dần dần trở nên quan trọng và cần thiết bởi các hoạt động kinh tế, trồng trọt, chăn nuôi, thủ công... ngày càng đòi hỏi nhiều công sức. Vì vậy ở Bộ Văn Lang chế độ phụ hệ được xác lập dần dần thay thế cho chế độ mẫu hệ tồn tại từ hàng trăm năm trước. Con cái được tính theo huyết thống người cha thay vì theo dòng mẹ. Đứng đầu các thị tộc và bộ lạc bắt

đầu là những người lớn tuổi, mạnh khỏe, nhiều kinh nghiệm.

Chủ nhân nền văn hóa Phùng Nguyên cư dân Bộ Văn Lang đã biết đến hợp kim đồng thau và thiếc. Đến thời văn hóa Đông Đậu, cư dân bộ Văn Lang cũng như những bộ khác lân cận đồng cư trú ở miền trung du và đồng bằng Bắc Phần Việt Nam đã chế tạo được nhiều hiện vật đồng rất phong phú cần dùng trong sinh hoạt hằng ngày cùng nhiều khí giới độc đáo. Việc chế tạo đồ gốm cũng được cải tiến nhiều nhờ nhiệt độ được nâng cao hơn trước. Mọi ngành nghề đều phát triển rất nhiều, đặc biệt là kỹ thuật luyện kim, từ quặng đồng kết hợp với tỷ lệ thiếc chì, thích hợp để thành đồng thau.

Họ biết thêm kỹ thuật rèn để chế tạo các hiện vật đồng thau. Với những công cụ bằng đồng thau, cư dân bộ Văn Lang phát triển thêm nghề săn bắt và đánh cá. Đồng thau cũng được dùng nhiều vào sản xuất nông nghiệp. Các thợ đúc đồng đã đúc được nhiều trống đồng, thạp đồng để dùng trong các cuộc tế lễ, hội làng, ma chay, chiến trận.

Vào khoảng thiên niên kỷ 1 trước Tây lịch. Bắc Phần Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển rực rỡ với văn hóa Đông Sơn. Việc phát hiện các di tích văn hóa Đông Sơn bên bờ sông Mã ở Thanh Hóa đã giúp cho các nhà khảo cổ có được những bằng chứng cụ thể rằng quá trình văn hóa Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun đến Đông Sơn là một quá trình phát triển liên tục.

Nhờ sự phát minh các công cụ bằng đồng thau, nghề trồng lúa ở thời kỳ này chuyển sang một bước ngoặt mới. Đó là thời kỳ định cư và mở mang diện tích canh tác. Việc trồng lúa nước được phát triển mạnh, dân cư có được một cuộc sinh sống ổn định và tiến bộ. Có an cư mới có lạc nghiệp được. Trong khi đó đời sống làm nương rẫy và săn bắn buộc những người thuộc các nhóm tộc khác ở xung quanh phải luôn luôn di động, không tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một nền văn hóa cao.

Dân cư bộ Văn Lang chuyên làm ruộng lúa nước. Sách Hoài Nam Tử Thiên Nguyên Đạo của Trung Hoa từng ghi „Ở miền nam Cửu Nghi người ta làm việc trên cạn rất ít làm việc dưới nước thì nhiều, nên dân vẽ mình cho giống lân trùng”. Tục xăm mình để xuống nước khỏi bị giao long sát hại phát sinh từ đó.

Nhưng cùng thời với sự phát triển kỹ thuật đồng thau nâng cao điều luyện mọi ngành nghề làm đời sống cư dân bộ Văn Lang ngày càng phong phú. Từ đó dân cư Văn Lang đã từ bỏ xã hội nguyên thủy bước sang xã hội văn minh. Thêm vào đó sự phồn thịnh ở những vùng có kinh tế phát triển của bộ Văn Lang cũng là đầu mối cho những cuộc chiến tranh cướp bóc thường tiến hành theo mùa trong những vụ thu hoạch lúa cũng đòi hỏi một sự ổn định cần thiết. Tất cả các bộ lạc cần có một Nhà Nước để quản trị mọi sinh hoạt.

Khoảng thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch, người Tù trưởng bộ Văn Lang đã được các bộ khác qui phục và suy tôn làm lãnh tụ tối cao KHUN của bộ liên hiệp mới có tên mà sau này được biết là Nước Văn Lang (*Đại Việt Sử Lược do Tiền Hy Tô ghi: „Đến đời Trang Vương nhà Chu – năm 696-682 trước TL- ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng áo thuật áp phục được các bộ lạc tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu nước là Văn Lang*). KHUN là danh xưng địa phương thời đó của lãnh đạo của liên minh bộ lạc Văn Lang (nay gọi là nước Văn Lang) về sau được phiên âm và phiên dịch sang Hán ngữ là HÙNG:

Các sử gia Việt Nam đời Lê mượn tượng thời các vị Hùng, ý thức vương quyền đã có mới thêm kèm từ VƯƠNG vào mới thành danh xưng HÙNG VƯƠNG. Cũng có người nói rằng các sử gia đời Lê đã mượn danh xưng Hùng Vương của vua nước Sở bên Trung Hoa.

Sách Lĩnh Nam Chích Quái từng cho biết vào thời Hùng Vương dựng nước, dân mỗi khi gặp khó khăn thì dùng tiếng „BỒ” để gọi người đứng đầu của mình cứu giúp. BỒ, BỐ, BUA rồi VUA đánh dấu sự phát triển biến âm của ngôn ngữ dọc theo thời gian người dân thời xưa có khái niệm từ „VUA” trùng với „BỒ”: người đứng đầu một cộng đồng. Từ VƯƠNG trong HÙNG VƯƠNG (Vua Hùng) có nghĩa ấy mà từ HÙNG cũng có nghĩa ấy. Thật ra mãi đến thời kỳ tiếp xúc với ý thức vương quyền người ta mới dùng từ VUA vừa là phiên dịch và phiên âm sang chữ Hán cách gọi tên của người Việt Nam thời cổ về người đứng đầu của dân tộc mình.

Như thế, từ những nhóm người có quan hệ gần xa với nhau, sống trong từng khu vực riêng tiến lên hình thành một quốc gia thống nhất ở thời các vua Hùng, mối quan hệ đồng hóa, hòa hợp bao trùm lên tất cả, song trong một giai đoạn nào đó, ở vùng nào đó, những cuộc chiến tranh bộ lạc có thể không tránh khỏi. Chắc hẳn con đường lớn trong quá trình hình thành lãnh thổ thời Hùng Vương còn phức tạp phong phú hơn nhiều. Lãnh thổ này từ trung tâm sông Hồng, sông Mã đã vươn tới Hoàng Sơn ở phía Nam cho đến miền Nam tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây và từ biển Đông cho tới biên giới Việt-Lào ngày nay.

Nguồn gốc chính xác của Dân Tộc Việt Nam

Những khám phá mới nhất của ngành khảo cổ cũng như những công cuộc nghiên cứu khoa học cho thấy Việt Nam thuộc một trong những khu vực mà loài người xuất hiện sớm nhất. Những vết tích người cổ ở Bình Giả (Lạng Sơn) cũng như công cụ thuộc buổi đầu thời đại đá cũ ở núi Đọ (Thanh Hóa) chứng tỏ cách đây hàng mấy trăm ngàn năm trên vùng đất mà ngày nay được gọi là Bắc Phần Việt Nam đã có những đoàn người nguyên thủy cư trú.

Những khám phá mới nhất của R. Ciochon và J. Olsen tại Lãn Tràng (Thanh Hóa) được xem như là vết tích của người sơ khai Homo Erectus. Những vết tích của người cổ hậu thời đại đá cũ ở Lạng Sơn đã được xếp thuộc vào loại „người khôn ngoan hóa thạch Homo Sapiens Fossilis”. Dấu tích hậu duệ những người này trong những thời đại muộn hơn cũng đã được tìm thấy ở Yên Bái, Ninh Bình. Chính họ đã tạo nên những nền văn hóa Hòa Bình vào thời đại đá giữa và nền văn hóa Bắc Sơn vào thời đại đá mới. Tài liệu cổ nhân loại do nhiều do nhiều nhà khoa học quốc tế khám phá được cho hay suốt thời đại đá mới đã cộng cư trên lãnh thổ Bắc Phần Việt Nam nhiều loại hình nhân chủng trong đó chủ yếu là loại Australomélánésien và loại Indonésien-cổ. Về sau loại Mélánésien hoặc bị đồng hóa hoặc một phần di cư đi nơi khác, chỉ còn lại loại Indonésien-cổ mà lần lần về sau một phần từ các liên minh bộ lạc khác nhau phát sinh thêm loại hình nhân chủng mới NAM-Á. Chính hai loại hình nhân chủng Indonésien-cổ và Nam-Á là thành phần cơ bản về hình thành bộ tộc dân KEO tổ tiên của người Việt Nam ngày nay.

Dân KEO đã từng sinh tồn ở miền trung du và đồng bằng Bắc Phần Việt Nam từ thời xa xưa, từng dựng nên các nền văn hóa thời đại đá mới và thời đại đồng thau.

Mối liên hệ chặt chẽ giữa các nền văn hóa này là phản ảnh sự thống nhất và liên tục lịch sử văn hóa của dân KEO. (*Bí chú: Mãi đến năm 1945, dân tộc Lào-Thái và các bộ tộc ở vùng giáp giới bắc Bắc Việt vẫn còn gọi dân sống ở Bắc Việt là dân KEO*). Ngày nay các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều vết tích bằng chứng về sự hiện diện lâu đời của dân KEO tiền nhân của người Việt Nam tại lãnh thổ Bắc Việt, nhất là tại lưu vực sông Hồng và sông Mã.

Cùng với sự thống nhất về phong cách văn hóa, vật chất có thể tìm thấy sự thống nhất sự liên tục về nhân chủng và ngôn ngữ của dân tộc.

Sau khảo cổ học nhiều nhà ngôn ngữ học quốc tế đều xác nhận rằng vùng lãnh thổ mà ngày nay được gọi là Bắc Phần Việt Nam, ngày xưa là nơi cư trú đông đúc nhất của những cư dân nói tiếng Môn-Khmer và tiếng Việt Nam đã được họ sắp vào gia đình ngữ hệ Môn-Khmer loại Nam-Á. Từ năm 1852, nhà ngôn ngữ học Logan trong sách *Ethnology of the Indopacific Island*, cho rằng tiếng Việt Nasm cùng họ hàng với tiếng Môn-Khmer. Cũng vào năm 1852, J.F.S. Forbes trong sách *Comparative of the languages of Furter India* cũng đã nêu lên sự đồng nhất giữa ngôn ngữ Việt Nam và Môn-Khmer. Năm 1953, trong *Bulletin de la Société de linguistique de Paris* nhà ngôn ngữ học A.G. Haudricourt đã mạnh mẽ chứng minh những mối liên hệ giữa tiếng Việt Nam và ngữ tộc Nam-Á Môn-Khmer. Trong tác phẩm *Ngôn ngữ các dân tộc thế giới* nhà ngôn ngữ học J. Przsluski đã xếp tiếng Việt Nam vào dòng họ các ngôn ngữ thuộc ngữ tộc Nam-Á.

Như thế mỗi liên hệ về nguồn gốc giữa tiếng Việt Nam và các ngôn ngữ Nam-Á là một thực tế từng được các nhà khoa học thế giới thừa nhận. Từ đó có thể kết luận là về mặt ngôn ngữ người Việt Nam hiện đại, ngày xưa từng có mối liên quan mật thiết với các cư dân cổ thuộc ngôn ngữ Môn-Khmer từng cư trú lâu đời ở Bắc Phần Việt Nam trong thời cổ. Tuy ngày nay, sau gần ngàn năm bị Bắc phương đô hộ, trong ngôn ngữ Việt Nam có nhiều tiếng do ngôn ngữ Hán mà ra, nhưng tiếng Việt Nam vẫn giữ ngữ pháp đặc thù của mình và rất nhiều từ vựng của ngôn ngữ Môn-Khmer.

Về phần NHÂN CHỨNG SINH LÝ HỌC nhiều nhà nghiên cứu quốc tế như Pierre Huard, A. Bigot hay Graziani từng nghiên cứu nhiều về sọ người cổ ở Đông Dương, đều công nhận rằng người Việt Nam ngày nay là thành quả của sự kết hợp của những giống người đã gặp gỡ ở Bắc Việt vào thời viễn cổ và theo sọ người thì người Việt Nam nguyên thủy thuộc loại hình nhân chủng Indonésien-cổ. Về tập đoàn huyết hệ thì người Việt Nam thuộc tập đoàn huyết hệ Nam-Á.

Ngành DÂN TỘC HỌC cũng xác nhận nhân dân Việt Nam gần tới ngày nay vẫn còn giữ được những cổ tục của các dân tộc Đông Nam Á như tục nhuộm răng đen, tục xăm mình hay tục ăn trầu cau, lối ăn uống hay xây cất nhà cửa.

Như thế có thể nhận thức rằng các tài liệu ngôn ngữ học, dân tộc học và nhân chủng sinh lý học cũng đóng góp với khảo cổ học để chứng minh người Việt Nam quả thật có nguồn gốc tại Bắc Phần Việt Nam chứ không phải từ một nơi nào khác. Tổ tiên họ là dân KEO cư dân cổ đại từng cư trú lâu đời ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Phần Việt Nam và đã từng sáng tạo ra những nền văn hóa huy hoàng phong phú và liên tục Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Đậu và Đông Sơn. Nhiều vết tích

của họ đã được các nhà khảo cổ phát hiện dọc theo lưu vực sông Hồng và sông Mã chứng tỏ sự hiện diện liên tục của họ ở đây hàng thiên niên kỷ trước Tây lịch.

NHẬN THỨC VỀ SỬ LIỆU THỜI TIỀN SỬ

1)- Vì mục đích nào các Thái Thú Trung Hoa ra lệnh hủy diệt mọi vết tích bằng chứng về nguồn gốc chính xác của dân tộc Việt Nam ?

Sử liệu Việt Nam cũng như sử ngoại quốc về Việt Nam đều cho biết trong thời bị Bắc thuộc, các Thái Thú Trung Hoa như Mã Viện, Nhâm Diên, Tô Định, Tích Quang, Sĩ Nhiếp... đều ra lệnh cho quân viễn chinh triệt để thủ tiêu mọi gia phả, tộc phả, phá hủy các bia đình, tịch thu các trống đồng, thạp đồng cùng hủy diệt mọi di tích, bút tích có ghi chép nguồn gốc dân tộc bản xứ cũng đồng thời cho phổ biến những thư liệu giả tạo rằng dân Giao Chỉ có nguồn gốc tại Trung Hoa. Một mặt họ cấm dân địa phương không được dùng tiếng nói và chữ viết của mình. Mục đích họ chỉ làm cho con dân Giao Chỉ các đời sau tưởng lầm mình là con cháu nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống bên Tàu mà quên đi sự đối kháng. Câu hỏi đặt ra là nếu dân Việt Nam xưa quả thật có nguồn gốc ở bên Tàu thì cần gì các Thái Thú Tàu phải hủy diệt mọi di tích về nguồn gốc thực sự của dân bản xứ.

2)- Nhận thức của các sử gia xưa về truyện Hồng Bàng Thị và nguồn gốc dân tộc Việt Nam

Khi soạn sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Sĩ Liên cho biết vì không có sử liệu nào từ xưa lưu lại về thời tiền sử cách trước thời ông cả mười mấy thế kỷ nên ông đành chép lại truyện Hồng Bàng Thị từ sách Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp. Nhưng thật sự sách Lĩnh Nam Chích Quái chỉ là một sách sưu tầm truyện cổ mà trong đó Trần Thế Pháp đã ghép nhiều yếu tố của truyền thuyết dân gian Trung Hoa với truyền thuyết dân gian Việt Nam cùng phông theo những sách Trung Hoa như *Tài Ký Quý* của Trương Quang Phòng đời Tống, *Nam Hải Cổ Tích Ký* của Ngô Lai đời Nguyên hoặc từ các tiểu thuyết đời Đường. Chính Ngô Sĩ Liên cũng không tin là truyện Hồng Bàng Thị của sách Lĩnh Nam Chích Quái là có thật nên ông chỉ chép truyện này vào phần NGOẠI KÝ của sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Ngoài ra ông còn phân trần rằng: „*cổ thuật kỳ cựu dĩ truyền nghi yện*“, tạm kể truyện cổ để truyền lại đều nghi hoặc. Đã thế ông còn nhấn lại rằng *Tín thư bất như vô thư*, tin sách thì thà đừng có sách. Nói cách khác, Ngô Sĩ Liên đứng trên lập trường một sử gia nhận định điều có lý và điều vô lý, đã nói rõ là KHÔNG TIN ĐƯỢC.

Các sử gia Việt Nam xưa đều biết rõ sử sách Trung Hoa rất ít nói đến Thần Nông Hoàng Đế vì đó chỉ là nhân vật của huyền sử Trung Quốc, nghĩa là chưa chắc đã có thật. Trong một số ít sách có nói đến Thần Nông như sách *Đế Vương Thế Kỳ* của Hoàng Phủ Mật, *Cổ Sử Khảo* của Tiêu Chủ, sách *Thông Giám Thế Kỳ* của Lưu Thủ đều ghi rõ dòng họ Thần Nông truyền được tám đời đến đời Đế Du Vỹ thì bị Hiên Viên làm cho tuyệt tự. Câu hỏi được đặt ra là nếu dòng họ Thần Nông đến đời Đế Du Vỹ bị tuyệt tự thì làm sao sanh sản được con cháu đông đảo thành dân Việt Nam sau này?

Vì biết truyện Hồng Bàng Thị không thật nên trong sách Đại Việt Sử Ký sử gia Lê Văn Hưu không nói gì đến họ Hồng Bàng. Trong sách An Nam Chí Lược sử gia Lê Tắc cũng không nhắc nhở gì đến Thần Nông hoặc Kinh

Dương Vương. Sử gia Ngô Thì Sĩ thì nói rằng *truyện Hồng Bàng Thị tràn đầy những việc quái đản khó tin*. Trong sách Dư Địa Chí, Nguyễn Trãi cho biết ông *không thừa nhận việc nước Nam ta xưa nằm trong địa phận chín châu ở Trung Hoa*. Các sử gia triều Nguyễn trong bản tấu lên vua Tự Đức có nói rõ rằng Trần Thế Pháp đã phỏng theo truyện Liễu Nghị của tiểu thuyết Đường Kỳ của Lý Triều Uy đời Đường bên Tàu để viết ra truyện Hồng Bàng Thị. Về nguồn gốc Thần Nông họ đưa ra câu hỏi: *„Không rõ sử gia xưa tham khảo ở đâu?“. Vì vậy trong sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục do họ soạn, các sử gia triều Nguyễn bác bỏ lập luận chép quốc thống bắt đầu từ Kinh Dương Vương.*

VÀI SAI LẦM QUAN TRỌNG TRONG TRUYỆN HỒNG BÀNG THỊ

a)- Theo sách Lĩnh Nam Chích Quái, Kinh Dương Vương là con của Đế Minh, cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông bên Trung Quốc. Như vậy Kinh Dương Vương là huyền tôn (chút) của Viêm Đế. Nhưng sử liệu lại cho biết Kinh Dương Vương trị vì nước Xích Quỷ vào năm 2879 trước Tây lịch, nhưng Viêm Đế thì cai trị Trung Hoa thời gian từ năm 2727-2697 trước Tây lịch. Nghĩa là huyền tôn Kinh Dương Vương trị vì 142 năm trước Cao Tổ Viêm Đế: Đó là một việc không thể xảy ra trong thực tế và là một trong những sai lầm của truyện Hồng Bàng Thị, chứng tỏ truyện này không thật.

b)- Truyện Hồng Bàng Thị nói trăm người con trai của Lạc Long Quân và Âu Cơ là trăm ông tổ của TRĂM TỘC BÁCH VIỆT ở Trung Hoa. Nhưng theo sử gia Trung Hoa Tư Mã Thiên, người đầu tiên sử dụng danh xưng Bách Việt từ BÁCH mà ông đã dùng chỉ có nghĩa là NHIỀU. Ngay trong sách Sử Ký của ông khi nói về các tộc Bách Việt mà ông đã nêu tên thì số lượng tộc ông đã nêu tên chỉ khoảng 20 tộc. Sử gia khác của Trung Hoa là La Bí đời Tống cũng đã quả quyết xác nhận trong sách LỘ SỬ rằng nhóm Bách Việt chỉ bao gồm khoảng 20 TỘC KHÁC NHAU TỬ HUYẾT TỘC cùng TRINH ĐỘ VĂN HÓA: nhưng chỉ vì có một số nét sống giống cư dân của nước Việt của Câu Tiễn nên được Tư Mã Thiên đặt tên là Bách Việt để phân biệt với dân Hồ Hán ở phương Bắc. Phải chăng tác giả truyện Hồng Bàng Thị đã lầm lẫn từ câu chuyện *túi bách noãn* của người Mường thành ra túi trăm trứng nên đã phải biến luôn truyện 20 tộc Việt thành trăm tộc Việt.

c)- Theo truyện Hồng Bàng Thị, họ Hồng Bàng trị vì theo lối phụ đạo „cha truyền con nối“ được 18 đời trong 2622 năm. Như thế tính trung bình mỗi vị vua Hùng đã trị vì trong khoảng 144 năm. Tất nhiên thời gian thọ còn lâu hơn thời gian trị vì. Dầu là thời thượng cổ đi nữa cũng không thể có dòng họ nào suốt 18 đời liên tiếp người nào cũng thọ trên 140 năm cả? Tuổi thọ trung bình quá đáng của vua Hùng làm cho truyện Hồng Bàng Thị khó được tin là có thật.

d)- Lộc Tục sinh ra rồi ở lại quê mẹ. Sùng Lãm sinh ra rồi cũng ở lại quê mẹ. Như thế họ đang sống dưới chế độ mẫu hệ. Mẫu thuẫn như thế là ở điểm cùng thời lại có chuyện Đế Minh phong cho Lộc Tục làm vua ở phương Nam hoặc truyện Kinh Dương Vương truyền ngôi lại cho con mình làm vua trên một lãnh thổ không thuộc quyền cai trị của mình vì vào thời đó phạm vi vương quyền của Tam Hoàng đang còn ở lưu vực sông Hoàng mà thôi. Còn như nói đang ở chế độ phụ hệ thì làm sao có được chuyện loạn luân cháu Âu Cơ lấy chú ruột là Lạc Long ?

e)- Truyền thuyết Dân Gian Việt Nam Từ Xưa Lưu Lại Không Hề Nhắc Đến Kinh Dương Vương Hoặc Một Địa Danh Nào ở Trung Hoa Cả.

Theo các sử gia xưa nhân vật Kinh Dương Vương không hề có trong tiền sử Việt Nam mà chỉ là một nhân vật mượn trong tiểu thuyết *Liễu Nghị*.

Nhiều sử kiện cũng có thể chứng tỏ rằng vào thời tiền sử người Việt Nam ngày xưa hình như không hề biết đến sự hiện hữu của một tiền nhân có tên là Kinh Dương Vương, vì nếu biết thật có Kinh Dương Vương thì tất nhiên phải có đền thờ, nhất là khi vị đó có một vai vế của một thủy tổ. Trên khắp lãnh thổ Bắc Phần Việt Nam, có hàng mấy trăm đền thờ các vị Hùng Vương cùng con cái và ngay cả quần thần của họ. Đó là những đền miếu lưu lại từ thời xa xưa nhưng trong số đó không có một đền thờ nào để thờ Kinh Dương Vương cả. Hay nói cho đúng chỉ có một đền độc nhất thờ Kinh Dương Vương ở làng Ái Lữ thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nhưng đền này lại chỉ được xây dưới thời triều đại vua Minh Mạng và thần tích lưu lại ở đền cũng giống như truyện Hồng Bàng Thị được kể trong sách Lĩnh Nam Chích Quái.

Truyền thuyết có thể được xem như là một lối viết sử của quần chúng ở vào thời mà người xưa chưa có phương tiện để ghi chép lịch sử của mình. Truyền thuyết dân gian từ xưa lưu lại chỉ nhắc đến một mẹ Âu Cơ đã đưa nửa số con cái theo mình từ Phong Châu lên miền Hạ Hòa để bày cho con cái trồng cây lương thực, trồng mía, trồng dâu nuôi tằm; hoặc cha Lạc Long Quân dẫn nửa số con còn lại rời Phong Châu xuống miền Châu Nhai để cùng nhau đắp đê ngăn nước để tranh giành đất đai với biển cả hòng mở rộng địa bàn trồng lúa nước. Không có một truyền thuyết nào nhắc đến một nhân vật như Kinh Dương Vương hoặc một địa danh nào ở Trung Hoa cả như được thấy nói trong truyện Hồng Bàng Thị. Trái lại các truyền thuyết của dân gian thời tiền sử đều chỉ nhắc đến địa bàn hoạt động của một tộc người được hình thành chủ yếu quanh vùng Tây Bắc đồng bằng Bắc Phần và Đông Bắc Trung Phần Việt Nam ngày nay. Truyền thuyết dân gian càng được tin cậy khi ngày nay chính tại những vùng này ngành khảo cổ đã phát hiện được rất nhiều di tích chứng tỏ sự hiện hữu của tiền nhân của người Việt Nam.

Những nhân vật của truyền thuyết thường gắn liền với địa phương qua các truyện tích hay di tích lịch sử. Truyền thuyết về Thánh Dóng liên hệ tới vùng sông Cầu, sông Đuống, núi Sóc. Truyền thuyết về Chử Đồng Tử liên hệ tới vùng Khoái Châu, Kim Động, Duy Tiên. Truyền thuyết về Tản Viên liên hệ tới vùng Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Đông và Hà Nam. Chính tại những nơi này, khảo cổ học đã khám quật được rất nhiều di vật thời tiền sử. Những tên đất, tên núi, tên sông nêu lên trong các truyền thuyết xưa như Hy Cương, Sóc Sơn, Núi Tản, làng Phù Đổng, làng Chử Xá, đầm Nhật Dạ, đất Nga Sơn đều nằm trong lãnh thổ Bắc Phần Việt Nam. Không hề thấy một địa danh nào của truyền thuyết nhắc đến một địa danh nào ở Trung Hoa cả.

Nói tóm lại hiện nay các ngành khoa học hiện đại từ khảo cổ học, ngôn ngữ học, dân tộc học cũng như nhân chủng sinh lý học đều xác nhận rằng dân tộc mà ngày nay được gọi là dân tộc Việt Nam là hậu duệ của dân KEO, cư dân cổ đại từng cư trú lâu đời ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Phần Việt Nam từ những thời xa xưa của lịch sử. Và dân KEO từng thuộc vào loại hình nhân

chúng Indonésien-cổ và Nam-Á. Vết tích cư trú của dân KEO đã được các nhà khảo cổ phát hiện rất nhiều dọc theo lưu vực sông Hồng và sông Mã, chứng tỏ sự hiện diện liên tục của họ ở đây hàng thiên niên kỷ trước Tây lịch. Họ thật sự có nguồn gốc tại chỗ chứ không phải từ bên ngoài du nhập vào.

Về phần sử liệu xưa về nguồn gốc dân tộc thì lại bao gồm những thư liệu mâu thuẫn, quái đản khó tin. Chẳng những các sử gia danh tiếng xưa đều không tin mà người đời nay cũng đầy phân vân nghi ngờ. Người viết sử không có tài liệu để viết lại dựa vào những thư liệu vu vơ. Đã thế họ chỉ viết sử từ 13 đến 15 thế kỷ sau thời kỳ dựng nước. Chúng ta tin rằng người viết sử đã chép đúng những sự việc đã xảy ra trong đời ông, hoặc trước đây không lâu nhưng chúng ta cũng nên biết những khi sử gia chép lại những việc xảy ra mười mấy ngàn năm trước thì họ chỉ còn cách là tra cứu các văn kiện của Trung Hoa để lại. Nhưng sử của sử gia Trung Hoa biên soạn không tránh khỏi có những quan điểm sử học sai lầm phiến diện. Thêm vào đó cần lưu ý đến điểm là các sử gia Việt xưa do ảnh hưởng của Hán nho, chịu ảnh hưởng Tư Mã Thiên rất sâu sắc mà Tư Mã Thiên, phản ảnh tư tưởng bành trướng đế quốc chủ nghĩa của Hán Vũ Đế cho nên trong bộ Sử Ký của ông, nhiều dân tộc lớn nhỏ ở chung quanh Hán tộc đều là con cháu của Thần Nông, Hoàng Đế cả. Sách sử thật sự không nói đến dân tộc và gần như chỉ là gia phả của giới cầm quyền. Và như thế để vừa lòng vương triều đương thời mà họ là quan lại, sử gia Việt đã uốn nắn nguồn gốc các vị vua Hùng qua tận Động Đình Hồ rồi mượn danh xưng của Kinh Dương Vương trong truyện Liễu Nghị đời Đường, để có thể nối liền lên tới dòng dõi Thần Nông, để chứng tỏ các vị vua Việt Nam cũng có nguồn gốc vẻ vang không khác gì nguồn gốc thần thánh của các vị vua thời Tam Đại của Trung Hoa.

Làm như vậy người viết sử thời xưa đã vô tình lưu truyền cho con dân nước Việt Nam các đời sau sai lầm truyền kiếp rằng tổ tiên họ có cội nguồn ở Trung Hoa.-

Phan Hưng Nhơn

Tham khảo:

- Đại Việt Sử Lược – Thu Sơn các tùng thư.
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Ngô Sĩ Liên và các Sử thần thời Lê.
- Việt Sử Tiêu Án – Ngô Thì Sĩ.
- Báo cáo của Viện Ngôn Ngữ học – H.R. Van Heeberen (Hòa Lan).
- Tập San Hội Ngôn Ngữ Học (1953 Quyển 1).
- Chỉ số Sọ Người ở Đông Dương – G.Olivier (Pháp).
- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục - Sử quán triều Nguyễn.
- Sử Yếu Khảo Cổ Học Nguyên Thủy Việt Nam – Hà Văn Tấn.
- Thời đại Đồng Thau ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ - V. Goloubew (Pháp).
- Nghiên cứu Địa Chất học tiền sử - E. Saurin.
- Vị trí tiếng Việt trong các Ngôn Ngữ Nam-Á – A.G. Haudricourt.
- Nghiên cứu Khảo Cổ ở Đông Dương – O. Jansen.
- Những Người Cổ ở Việt Nam - Nguyễn Lân Cường
- Tập San Trường Viễn Đông Bác Cổ (Paris).
- Bắc Kỳ Cổ Đại – Ch. Madrolle (Tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ).-

Câu chuyện dòng sông

Nguyên tác: **Hermann Hesse**

Bản dịch: **Phùng Khánh, Phùng Thăng**

Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1982

(tiếp theo VG 193)

Ban đêm chàng ngủ giữa những chiếc thuyền trên sông, và sáng sớm, trước khi những khách hàng đầu tiên đến tiệm, chàng đã nhờ người thợ phụ cạo hết râu cho mình. Chàng cũng bảo chải đầu và xức dầu láng. Rồi Tất Đạt đi tắm trên dòng sông.

Khi về chiều, nàng Kiều Lan xinh đẹp tiến vào khu rừng của nàng trong chiếc kiệu, Tất Đạt đang đứng ở cổng vào. Chàng cúi chào và đón nhận lời chào của nàng. Chàng ra hiệu cho người tôi tớ đi sau cùng, và nhờ anh ta báo tin cho chủ biết có một người Bà La Môn trẻ muốn nói chuyện với nàng. Sau một lúc, người gia nhân trở lại, bảo Tất Đạt theo mình, lặng lẽ dẫn Tất Đạt đi vào trong một gian trại ở đó Kiều Lan đang nằm trên một chiếc thảm, và để chàng lại đấy.

- Có phải anh đứng ngoài cổng hôm qua và chào ta không? Kiều Lan hỏi.

- Vâng, chính thế. Hôm qua tôi thấy nàng và chào nàng.

- Nhưng hôm qua hình như anh có bộ râu và tóc dài đầy bụi, phải không?

- Nàng đã quan sát rất giỏi, đã thấy mọi sự. Nàng đã thấy Tất Đạt, con một vị Bà La Môn, người đã từ bỏ gia đình để trở thành một thầy Sa Môn, và đã tu trong ba năm. Nhưng giờ đây tôi đã từ bỏ con đường ấy và đến thành phố này, và người đầu tiên tôi gặp chính là nàng. Tôi đến đây là để nói với nàng, hỏi nàng Kiều Lan, rằng nàng là người đàn bà đầu tiên mà Tất Đạt muốn nói chuyện cùng mà không hạ đôi mắt. Tôi sẽ không bao giờ hạ đôi mắt khi gặp một người đàn bà đẹp nữa.

Kiều Lan mỉm cười và mân mê chiếc quạt lông công, đoán hỏi:

- Tất Đạt đến để nói với ta có chừng ấy sao?

- Tôi đến để nói cùng nàng điều đó, và để cảm ơn nàng vì nàng quá xinh đẹp. Và nếu nàng không phật ý, hỏi nàng Kiều Lan, tôi yêu cầu nàng hãy là bạn và thầy của tôi, vì tôi không biết tí gì về nghệ thuật mà nàng đang nắm vững.

Lúc ấy Kiều Lan bật cười:

- Tôi chưa bao giờ nghe chuyện một người Sa Môn trên núi xuống muốn gặp tôi và học với tôi. Chưa bao giờ một người Sa Môn tóc dài, áo quần rách rưới đến với tôi. Nhiều thanh niên đến gặp tôi, kể cả con trai những người Bà La Môn, nhưng họ đều ăn mặc đẹp đẽ, giày bóng, đầu họ thơm tho và túi đầy tiền. Đây những thanh niên đến với tôi như thế đấy, hỏi thầy Sa Môn.

Tất Đạt bảo:

- Tôi bắt đầu học được ở nàng hôm nay. Hôm qua tôi cũng đã học được một điều. Tôi đã cạo râu, chải đầu và bôi dầu láng. Hỏi người diễm tuyệt, tôi không còn thiếu bao nhiêu nữa: áo quần đẹp, giày đẹp và tiền trong túi. Tất Đạt đã làm những việc khó khăn hơn những chuyện tầm thường ấy, và đã thành công. Tại sao tôi lại không

đạt được điều mà hôm qua tôi quyết định khởi sự - làm bạn với nàng và học nơi nàng những lạc thú của ái tình? Nàng sẽ thấy tôi là một người học trò có khả năng. Hỡi Kiều Lan, tôi đã học nhiều điều khó khăn hơn những gì nàng phải dạy tôi. Thế ra Tất Đạt chưa đủ tươm tất vừa ý nàng, với đầu tóc láng bóng, nhưng không có quần áo tốt, giày và tiền?

Kiều Lan cười lớn:

- Không, Tất Đạt không đủ tươm tất. Anh phải có quần áo thật đẹp và giày thật tốt, và tiền đầy túi, và tặng phẩm cho Kiều Lan. Anh đã biết chưa, hỡi thầy Sa Môn từ rừng núi xuống? Anh hiểu không?

- Tôi hiểu lắm. Tất Đạt kêu lên. Làm sao tôi không hiểu được, khi những lời ấy thốt ra từ một chiếc mồm xinh đẹp thế kia? Mỗi nàng giống như một trái anh đào mới cắt, hỡi Kiều Lan. Mỗi tôi cũng đỏ thắm và tươi mát, và sẽ hợp với môi nàng lắm, để nàng xem. Nhưng này, hỡi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không sợ hay sao, sợ vị Sa Môn từ rừng núi xuống để học về yêu đương?

- Tại sao tôi phải sợ một vị Sa Môn, một thầy Sa Môn gốc nghềch từ rừng núi xuống, và không biết gì về đàn bà?

- Ô, người Sa Môn rất hùng mạnh và không sợ gì cả. Người có thể cưỡng bức nàng, hỡi cô gái đẹp, người có thể cướp của nàng và làm nàng đau đớn.

- Không, hỡi Sa Môn. Tôi không sợ. Có bao giờ một thầy Sa Môn hay một Bà La Môn sợ rằng có kẻ sẽ đến đánh người ấy và cướp của người ấy kiến thức, lòng sùng bái, năng lực suy tư? Không, bởi vì những cái ấy thuộc về của chính ông ta, và ông ta chỉ có thể cho những gì ông ta muốn, và nếu ông ta muốn. Cũng hết như thế với Kiều Lan và những lạc thú của tình yêu. Đôi môi của Kiều Lan đẹp lắm, nhưng ai muốn cưỡng bức Kiều Lan để hôn chúng, người ấy sẽ không hưởng chút gì ngọt ngào từ nơi môi ấy, mặc dù chúng biết rõ làm sao để ban bố sự ngọt ngào. Anh là một người học trò giỏi, hỡi Tất Đạt, bởi thế anh nên học thêm điều này: người ta có thể cầu xin, mua, được tặng hay gặp tình yêu trên các nẻo đường, nhưng tình yêu không bao giờ trộm cướp được. Anh đã hiểu lắm. Vàng, thật đáng tiếc, nếu một người thanh niên đẹp đẽ như anh mà hiểu lắm điều đó.

Tất Đạt cúi đầu mỉm cười:

- Nàng nói phải, Kiều Lan, thật đáng tiếc. Thật sẽ vô cùng đáng tiếc. Không, không một giọt ngọt ngào nào sẽ bị rơi mất từ môi nàng hay môi tôi. Vậy Tất Đạt sẽ trở lại khi có đủ những gì đang thiếu - áo quần, giày, tiền bạc. Nhưng hỡi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không thể cho tôi vài lời khuyên nhủ sao?

- Lời khuyên? Sao lại không? Ai mà lại không sẵn sàng chỉ cho một thầy Sa Môn, nghèo khó ngu ngốc từ núi xuống, sống giữa những con lừa?

- Hỡi nàng Kiều Lan, tôi có thể đi đâu để kiếm được nhanh chóng ba thứ trên?

- Ông bạn ơi, nhiều người muốn biết điều đó lắm. Ông phải làm những gì ông đã học để kiếm tiền, quần áo và giày. Một người nghèo khó không thể kiếm tiền bằng cách nào khác hơn?

- Tôi biết suy tư, tôi biết chờ đợi, tôi biết nhịn đói.

- Không biết gì khác sao?

- Không. Ô có, tôi biết làm thơ. Nàng có thể cho tôi một cái hôn để đổi lấy một bài thơ?

- Tôi sẽ đổi nếu bài thơ của anh vừa ý. Bài thơ ấy gọi là gì?

Suy nghĩ một lúc, Tất Đạt đọc lên những vần thơ:

"Nhác trông nàng kiều nữ

Đạo gót sen về rừng

Ngõ vào, Sa Môn đứng

Nghiêng mình trước bông hoa

Nàng mỉm cười điểm lệ"

Chàng Sa Môn thâm nghĩ:

"Nên dâng nàng lễ vật

Hơn cúng tế thần linh"

Kiều Lan vỗ tay thật lớn, đến nỗi những đôi vòng vàng của nàng kêu reng reng.

- Bài thơ của anh rất hay, hỡi thầy Sa Môn áo nâu. Và thật cũng không mất gì nếu tôi cho anh một chiếc hôn vì nó.

Nàng đảo mắt ra hiệu cho chàng lại gần. Chàng để mặt sát mặt nàng, kề môi sát môi nàng, đôi môi tựa trái anh đào mới cắt. Kiều Lan hôn chàng đắm đuối, và người Sa Môn ngạc nhiên vô cùng thấy nàng đã dạy chàng nhiều quá, nàng khôn khéo quá, cách nàng chế ngự chàng, xua đuổi chàng, và sau chiếc hôn dài đầu tiên, bao nhiêu cái hôn khác chờ đợi chàng, chàng đứng yên, thờ rất dài. Lúc ấy chàng giống hết một trẻ nhỏ ngạc nhiên trước sự hiểu biết và kiến thức tràn đầy trải qua trước mắt.

- Bài thơ của anh rất hay, Kiều Lan bảo, nếu tôi giàu có, tôi sẽ trả tiền cho anh về bài thơ ấy. Nhưng sẽ rất khó khăn cho anh nếu anh muốn kiếm được nhiều tiền như anh muốn với thi ca. Vì anh sẽ cần rất nhiều tiền nếu anh muốn là bạn của Kiều Lan.

- Nàng biết hôn thật tuyệt - Tất Đạt ấp úng.

- Quả thế, chính vì vậy mà tôi không thiếu áo quần, giày và mọi thứ xinh đẹp. Nhưng anh sẽ làm gì, anh không biết gì khác ngoài suy nghĩ, nhịn đói và làm thơ sao?

- Tôi còn biết hát những bài tế thần - Tất Đạt nói. Nhưng tôi sẽ không hát nữa. Tôi cũng biết những bài phù chú, nhưng tôi sẽ không đọc nữa. Tôi đã đọc những thánh kinh.

- Xem! Kiều Lan ngắt lời, - anh không biết viết và đọc?

- Dĩ nhiên là biết. Nhiều người có thể làm được việc ấy.

- Không có nhiều. Chẳng hạn như tôi, tôi không biết. Thật tốt, thật rất tốt, nếu anh biết đọc, biết viết. Có thể anh cần đến cả những bài phù chú.

Lúc ấy một người tớ bước vào thì thầm bên tai bà chủ. Kiều Lan vội bảo Tất Đạt:

- Tôi có một người khách. Nhanh lên, rút đi Tất Đạt. Không ai được thấy anh ở đây. Chúng ta sẽ gặp nhau lại ngày mai.

Tuy nhiên, nàng lại sai gia nhân đem tặng thầy Sa Môn thánh thiện một chiếc áo choàng trắng. Không biết rõ những gì đang xảy ra, Tất Đạt được gia nhân nàng dẫn đi ra, qua một con đường ngoằn ngoèo, đến một ngôi nhà có vườn. Chàng được tặng một chiếc áo, dẫn vào bụi rậm và người ta bảo chàng lập tức rời khỏi cụm rừng chớ để cho ai thấy chàng.

Vui mừng, chàng làm những gì người ta bảo. Đã quen với rừng núi, chàng lặng lẽ tiến ra khỏi khu rừng nhỏ và qua bên kia bờ rào. Vui mừng, chàng trở lại thành phố, mang theo chiếc áo cuộn tròn dưới cánh tay. Chàng đứng trước cửa một tửu quán ở đây du khách tụ

tập, lặng lẽ xin ăn và lặng lẽ nhận một mảnh bánh cốm. Có lẽ ngày mai, chàng nghĩ, ta sẽ không cần ăn xin nữa. Bỗng chốc chàng cảm thấy tràn ngập một niềm kiêu hãnh. Chàng không còn là một Sa Môn: thật cũng không nên ăn xin nữa. Chàng quảng cho chó mảnh bánh cốm và nhin ăn.

Đời sống ở đây thật là đơn giản, Tất Đạt nghĩ. Không có gì là khó khăn cả. Mọi sự đều là khó khăn, vô vọng khi ta là một Sa Môn. Bây giờ thì tất cả đều dễ dàng như cái hôn mà Kiều Lan dạy. Ta chỉ còn cần quần áo và tiền bạc. Đó là những mục đích dễ dàng không làm ai mất ngủ.

Hôm sau chàng trở lại nơi Kiều Lan ở để thăm nàng. Nàng bảo:

- Mọi sự đều tốt đẹp. Vạn Mỹ mời anh đến thăm ông ta. Ông ta là thương gia giàu có nhất trong thành phố. Nếu anh vừa ý ông ấy, ông sẽ nhận anh giúp việc. Hãy khôn ngoan lên, vị Sa Môn áo nâu ơi! Và hãy thân mật với ông ấy: ông ta rất quyền thế, nhưng anh đừng nên quá nhún mình. Tôi không muốn anh là người tôi tớ của hắn ta, mà là người ngang hàng, nếu trái lại tôi sẽ bất bình về anh. Vạn Mỹ bắt đầu già và lưng biếng. Nếu anh làm cho ông vừa lòng, ông sẽ rất tin cậy anh.

Tất Đạt cảm ơn nàng và cười, và khi biết rằng chàng đã đói từ hai hôm nay, nàng ra lệnh lấy bánh và trái cây cho chàng. Nàng bảo chàng khi sắp từ giã:

- Anh may mắn đó. Hết cánh cửa này lại đến cánh cửa khác mở ra cho anh. Sao mà may mắn thế! Anh có bùa chú gì chẳng?

Tất Đạt trả lời:

- Hôm qua tôi đã nói với nàng rằng tôi biết suy tư, chờ đợi và nhin đói, nhưng nàng không cho đó là hữu ích. Rồi nàng sẽ thấy chúng rất hữu ích. Hôm kia tôi hãy còn là một khất sĩ lười thôi, hôm qua tôi đã được hôn nàng, và bây giờ tôi sắp sửa là một thương gia có tiền, có tất cả những gì mà nàng yêu chuộng.

- Phải đó, - nàng biểu đồng tình, - nhưng anh sẽ làm gì nếu không có tôi? Anh sẽ ra sao nếu Kiều Lan không giúp anh?

- Kiều Lan thân mến ơ, khi tôi đến khu rừng của nàng, tôi đã đi bước đầu. Ý hướng của tôi là học về tình yêu từ nơi người đàn bà đẹp nhất. Ngay khi tôi đưa ra quyết định ấy, tôi biết chắc tôi sẽ thực hiện nó. Tôi biết nàng sẽ giúp tôi, biết từ cái nhìn đầu tiên của nàng khi tôi mới đến.

- Và nếu tôi không muốn?

- Nhưng nàng đã muốn, Kiều Lan hãy nghe này, khi nàng ném một viên đá trong nước, nó tìm đường nhanh nhất để rơi xuống đáy. Cũng thế, khi Tất Đạt có một mục đích. Nó không làm gì cả: nó chờ đợi, suy tư và nhin đói; và khi làm những công việc thể tục nó cũng không làm gì, không khuấy động gì, mà tự để mình rơi. Tất Đạt bị lôi cuốn bởi mục đích của chính mình, vì nó không cho phép một điều gì chống lại mục đích đó len vào trong trí óc. Đó là điều mà Tất Đạt đã học từ các vị Sa Môn. Đó là điều mà những kẻ phạm phu cho là phép lạ và do quỷ thần sai khiến. Không có gì do quỷ thần cả, và cũng không có quỷ thần. Mọi người đều có thể thực hiện phép màu, mọi người đều có thể đạt đến mục đích nếu họ biết suy tư, chờ đợi và nhin đói.

Kiều Lan lắng nghe chàng nói. Nàng yêu giọng nói ấy, yêu cái nhìn ấy. Nàng dịu dàng bảo:

- Có lẽ như anh nói, nhưng cũng có lẽ chính vì Tất Đạt là một chàng trai khôi ngô, vì cái nhìn của chàng thu phục được đàn bà, nên chàng mới may mắn như thế.

Tất Đạt hôn nàng từ giã.

- Tôi cầu mong được như vậy, hỡi người đã dạy cho tôi. Cầu mong cái nhìn của tôi mãi mãi làm đẹp lòng nàng, cầu mong sự may mắn sẽ mãi mãi đến với tôi từ nơi nàng!

Chương 6

Tất Đạt tìm đến Vạn Mỹ, người thương gia, và được chỉ vào một biệt thự giàu có. Gia nhân đưa chàng qua những tấm thảm rộng, vào một phòng, ở đây chàng ngồi đợi chủ nhà.

Vạn Mỹ đi vào, ông ta là người hoạt bát, dẻo dai, tóc hoa râm, đôi mắt thông minh khôn khéo và cái miệng đầy nhục cảm. Chủ, khách thân mật chào nhau. Người thương gia bắt đầu:

- Tôi được nghe nói ngài là một người Bà La Môn học thức, nhưng muốn đi tìm việc với một thương gia. Vậy ngài túng thiếu lắm sao, nên đi kiếm việc làm?

Tất Đạt trả lời:

- Không, tôi không thiếu, và chẳng bao giờ thiếu gì. Tôi đến từ những vị Sa Môn mà tôi đã chung sống từ lâu.

- Nếu ngài ở trong đoàn Sa Môn, làm sao ngài lại không thiếu thốn? Các vị Sa Môn há không hoàn toàn vô sản?

- Tôi không có gì cả, - Tất Đạt nói - hiểu theo ý ông. Dĩ nhiên là tôi vô sản, nhưng do tôi tự nguyện, vì thế tôi không thiếu thốn.

- Nhưng làm sao ngài sống nếu không có tài sản?

- Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy, thưa ông. Tôi không có gì cả đã gần ba năm nay, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ về việc phải sống bằng cách nào.

- Nghĩa là ngài sống trên tài sản của kẻ khác?

- Bề ngoài thì như thế. Người thương gia cũng sống trên tư hữu của kẻ khác.

- Cũng đúng, nhưng người thương gia không lấy không. Họ cho lại hàng hóa của họ để trao đổi.

- Điều đó thành như định luật. Mọi người đều có cho, có nhận. Cuộc đời là như vậy.

- Ồ, nhưng nếu ngài không có gì, thì làm sao mà cho?

- Mỗi người cho cái mà mình có. Người lính cho sức mạnh, người thương gia cho hàng hóa, người thầy cho kiến thức, người làm ruộng cho lúa, người chài lưới cho cá.

- Phải lắm, nhưng ngài có thể cho gì? Ngài đã học được gì để cho?

- Tôi có thể suy tư, chờ đợi và nhin đói.

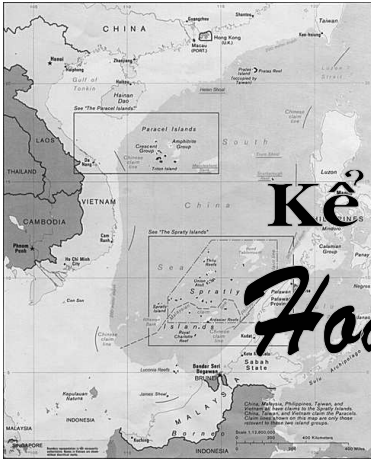
- Chỉ có thế?

- Tôi nghĩ chỉ có thế.

- Nhưng những thứ ấy dùng để làm gì? Ví dụ như nhin ăn, để làm gì?

- Nó có giá trị lớn lắm, thưa ông. Khi một người không có gì để ăn, nhin đói là điều khôn ngoan nhất. Chẳng hạn nếu tôi không học cách nhin, thì tôi phải tìm việc làm hôm nay, hoặc với ông, hoặc nơi khác, vì cơn đói hướng dẫn tôi. Nhưng bây giờ, tôi có thể chờ đợi một cách bình thản. Tôi không vội vàng, không thiếu thốn, tôi có thể nhin rất lâu và xem thường sự đói. Vì thế mà nhin đói là hữu ích, thưa ông.

(Còn tiếp)



Kể chuyện Hoàng Sa

• Nguyễn Hữu Lễ
(tiếp theo VG 193)

XIX.- Phần thứ mười chín

Xin được mở ngoặc nói rõ, giờ giấc dùng trong tập chuyện này, là giờ theo thời đạo thứ 8 đang sử dụng thời điểm đó, trước 1 tiếng đồng hồ so với giờ theo thời đạo thứ 7 hiện nay.

Chúng tôi đến đảo vừa đúng 1 tuần. Mọi công việc chuyên môn đã vào nề nếp ổn định.

Chỉ có sinh hoạt hằng ngày là còn lạ lẫm. Một vòng bãi biển bao la cùng những cánh rừng thấp, chỗ thưa chỗ rậm, vẫn còn mang vẻ bí hiểm.

Đêm ấy, lúc 11 giờ hơn, tôi đi tắt máy phát điện đặt trong nhà kho xa khoảng 15 mét. Tiếng máy nổ với vài ngọn đèn vàng vọt đang làm không gian có phần ấm áp, bỗng dưng tắt phụp. Hoang đảo như trở lại thời nguyên sơ.

Thời tiết đang xấu, trần mây thấp, gió đêm thổi mạnh oằn ngọn dương cao, tiếng sóng biển gào thét xa xa. Tôi bỗng nghe ớn lạnh, nhanh chân đi về, nhưng theo thói quen, đảo mắt nhìn quanh, chợt thấy một người mặc quần áo trắng toát đứng trước cánh cửa đen ngòm của dãy nhà kho bỏ trống, cạnh giếng nước, bên kia đường chính, cách xa độ 50 mét. Cho đó là lính lê-dương đứng gác, tôi rất yên tâm.

Anh Năm Tùng đứng đón tôi ở ngạch cửa. Tội nghiệp, biết tách tôi sợ ma, hễ tôi đi tắt máy điện là anh mở cửa đứng đợi để yểm trợ tinh thần.

Chúng tôi về phòng, chuẩn bị đi ngủ thì có tiếng đập cửa rầm rầm, cùng giọng tiếng Pháp trợ trợ của một lính lê-dương gốc Đức.

- Mở cửa, mở cửa mau. Có con gái, con gái !

Mọi người bật dậy. Chẳng biết nghe ất giáp thế nào, mà anh Ba Phúc thông ngôn:

- Tây nói bắt được con gái. Mau ra xem.

Anh Hai Lâm còn hỏi:

- Ra nhanh, kéo không có mình, Tây nó làm ầu.

Cửa mở. Chỉ thấy tên lính lê-dương tay cầm súng, miệng thở hổn hển: Hẳn cho biết đứng gác trước cửa đồn, thấy có người mặc đồ trắng đứng cạnh giếng nước. Nhìn kỹ thì đó là một người con gái, hẳn lật đặt chạy qua, nhưng được nửa đường thì bóng trắng đi nhanh về phía nhà Khí Tượng rồi mất hút.

Anh Hai Lâm khẳng định là cửa nhà đóng kín, làm sao vào được.

Đang phân vân, thì lại thêm một tên lê-dương chạy đến: Hẳn cũng cho biết đang gác trên lô-cốt cao, thấy một người con gái mặc đồ trắng đi đến bên hông tòa nhà Khí Tượng thì biến mất.

Tôi chợt dạ hỏi nhỏ anh Năm Mến:

- Anh có đóng cửa sổ phòng ăn không ?

- Có chứ, sợ mèo chuột vô phá nhà bếp, chiều nào rửa dẹp xong là tôi đóng chặt hết cửa lại.

Bàn qua tán lại, bán tính bán nghi, cuối cùng mọi người quyết định lục soát trong nhà xem sao. Hai tên lính lê-dương cũng nhiệt tình tham gia.

Đến phòng ngủ, 2 tên lính lê-dương bò sát nền nhà, rọi đèn pin vô gầm giường để tìm con gái.

Cuộc lục soát ồn ào vui vẻ kết thúc mà không đạt kết quả. Rốt cuộc ai về nhà nấy.

Trước khi vào mừng, tôi nói với anh Ba Phúc:

- Hồi nãy khi đi tắt máy điện, tôi cũng thấy cái bóng trắng đứng bên giếng nước.

Anh Ba Phúc nhòm dậ ngay:

- Vậy là đúng rồi.

- Đúng gì ?

- Tay Thọ trong lúc bàn giao công tác có nói đảo này hoang vu còn nhiều chuyện huyền bí, sợ nói ra chú em mầy đòi về bắt tử.

Tôi sốt ruột:

- Nhưng chuyện gì mới được chứ !

- Thì ma chứ gì. Chắc nó hạp rồi mới hiện ra cho thấy đó.

- Đừng nói chơi kiểu đó, ớn lằm nghen anh ba.

Ba Phúc rút chai rượu Bisquit, rót ra nửa nắp đưa tôi:

- Vô cái này đi, qui cũng không ngán, nói chi ma.

Trời đêm trở lạnh, tôi càng nghe ớn lạnh thêm, nên uống cạn một hơi. Anh Ba Phúc cũng „vô“ luôn hai nắp đầy. Lát sau nghe anh lè nhè:

- Ma nào bước qua Ba Phúc này mới vô tới chú em, đừng sợ.

Liền đó, đã nghe anh ngáy pho pho. Còn tôi, mình mẩy nóng hực vì rượu, đầu óc lơ mơ, nhanh chóng chìm vào giấc ngủ đầy mộng mị, mà giấc mộng nào cũng gặp toàn ma... con gái.

XX.- Phần thứ hai mươi

Thời tiết tiếp tục xấu. Khí áp xuống đến 900 millibars. Một cơn bão lớn sắp tràn qua.

Lúc 4 giờ chiều, một tàu đánh cá Nhật gồm 6 thành viên, ghé vào đảo xin tá túc một đêm để tránh bão.

Đến giữa khuya, trong căn nhà kiên cố, 2 lớp cửa kiếng ầm cúng, chủ cũng như khách, không tài nào ngủ được, ngồi quay quần bên nhau, lắng nghe cơn thịnh nộ dữ dội của đất trời.

Nồi cháo đậu xanh với đường cát trắng của anh Năm Mến đem ra thật đúng lúc để xoa dịu thần kinh và bao tử của mọi người.

Mãi đến gần trưa hôm sau, bão mới ngớt. Khách lật đặt ra đi, sau khi đem tặng chúng tôi mỗi người 2 con ốc xà-cừ. Loại ốc này hình tháp, dưới tròn trên nhọn, chỉ khi đánh bóng hết lớp vỏ bọc ngoài, mới hiện ra màu xà-cừ lóng lánh rất đẹp.

Đến lúc đó chúng tôi mới biết tàu này không đánh cá, chỉ bắt ốc xà-cừ cung cấp cho kỹ nghệ làm tranh và làm nút áo.

Có lẽ tôi là người hưởng lợi nhiều nhất trong dịp này. Tôi đã kín đáo đổi một hộp sữa đặc để lấy một cây chia và một cặp kiếng lặn.

Cây chia bằng trúc Nhật, dài hơn 2 mét có tra một lưỡi nhọn i-nóc. Kiếng lặn là 2 tròng kiếng, tiện bằng cây rất tinh xảo, ôm chặt hốc mắt, kết dính bằng dây thun rất dễ điều chỉnh. Có thể mang như kiếng cận, còn khi lặn nước không tràn vô mắt được.

Đây là 2 vật bất ly thân suốt thời gian tôi ở trên đảo.

XXI.- Phần thứ hai mươi mốt

Đúng là sau cơn mưa trời lại sáng. Ban ngày, nắng vàng rực, trời trong xanh. Ban đêm sao vắng vặc đầy trời.

Đêm đó khoảng gần 10 giờ, tôi đang tranh thủ làm các báo cáo chuyên môn, bỗng nghe có tiếng la „Bà xẹt, Bà xẹt“. Nhìn ra ngoài, thấy sáng rực như có nhiều trái hỏa châu cháy sáng cùng một lúc. Vọt nhanh ra sân, tôi còn kịp thấy một vầng ánh sáng vàng đỏ bay vút ngang trời rồi khuất sau hàng cây thấp hướng Đông Bắc.

Vầng sáng này, giống như một dải lụa, ngang hơn 1 mét, dài gấp mấy lần chiều ngang, có đủ màu xen kẽ nhau, nhiều nhất là đỏ và vàng. Chung quanh có nhiều tua gợn sóng như cờ đuôi nheo và những tia xẹt như đốt pháo bông.

Anh Ba Phúc đứng sau lưng tôi từ lúc nào:

- Hồi nãy có vái gì không, nhỏ ?

- Vái cái gì ?

- Thì lúc Bà Xẹt, mình nhanh trí cầu vái cái gì là được cái nấy.

- Vậy anh có khẩn vái gì không.

Anh ngẩng tở te:

- Chạy ra trể, bay nhanh quá, ai vái cho kịp.

Sáng hôm sau, đi dạo ngoài bãi biển, tình cờ gặp viên Đồn Trưởng, tôi hỏi: Anh có thấy hiện tượng này không.

Anh giải thích:

- Nước biển nhiều phosphore lắm. Đêm lấy tay gạch mạch trên mặt nước, cũng thấy hiện lên một vùng sáng. Khi phosphore bốc lên, gặp ốc-xy trong không khí là nó phát cháy, không gì lạ cả.

- Nhưng nó bay rất nhanh.

- Thì gió trên cao mạnh hơn gió dưới mặt đất.

Tôi bắt tay hẳn ra về cảm ơn, bởi ngôn ngữ bất đồng, không muốn tranh luận. Chớ trong lòng chưa tâm phục khẩu phục. Bởi nếu bay theo chiều gió, thì mùa này gió mùa Đông Bắc thổi qua Tây Nam, sao hiện tượng này lại bay theo chiều ngược lại ?

XXII.- Phần thứ hai mươi hai

Đảo Hoàng Sa đã chào đón chúng tôi trong tháng đầu tiên bằng 2 chuyện thuộc loại thần quyền mà nếu không phải người trong cuộc, chúng tôi cũng không tin.

Mấy ngày nay, nhìn qua bãi cát bên đảo Hữu Nhật, cách xa 5 Km, chúng tôi thấy mấy vết chân rùa chạy từ mé nước lên mé đảo.

Anh Hai Lâm nói đó là vết chân con vít lên đẻ. Vít là loại rùa biển đặc thù của vùng này, khá lớn, bề ngang hơn nửa mét, bề dài cỡ 1 mét, 4 chân và đầu không rút vào được như rùa ở đất liền, vít bị lật ngửa thì không tự lật trở lại được, nhưng rùa thì tự lật trở lại được.

Một buổi sáng sớm, đi dạo biển tôi thấy dấu chân của vít bò giống như vết xe xích sắt. Thế là đêm đó chúng tôi tổ chức đi săn vít.

Khoảng 2 giờ khuya, mọi người choàng dậy, mặc áo ấm, xách theo đèn bão, đèn pin, gậy, chia đi tìm bắt vít.

Đến đêm thứ hai mới gặp vết chân rùa. Nhưng nó đã lên đẻ xong và đã trở xuống biển. Anh Năm Mến lần theo dấu vết trên cát, tìm chỗ đẻ trứng, bẻ cây làm dấu.

Loài rùa này có bản năng sinh tồn tự nhiên. Ngay nơi đẻ trứng, nó dùng chân chà mặt cát láng bóng cho mất dấu, xong bò qua nơi khác đào xới ngổ ngang để nguy trang.

Sáng lại, chúng tôi đi đào trứng vít. Năm sâu cỡ hai gang tay, hơn 30 trứng vít nằm trong lòng cát ướt. Trứng vít tròn vo, lớn gấp đôi trái banh bóng bàn. Đặc biệt vỏ của nó mềm như ni-lông, rớt xuống nền gạch không bể. Càng lạ hơn, là đem luộc, chỉ có tròng đỏ là đặc cứng lại, còn lòng trắng vẫn lỏng đầu luộc thật lâu.

Mỗi tối từ thứ tư chúng tôi mới gặp may, mà lại là cú đúp. Chúng tôi bắt được 2 con rùa một lượt.

Một con lên đẻ xong, vừa bò xuống bị chúng tôi kịp thời chặn lại.

Một con vừa lên đến lùm cây tìm chỗ đẻ thì bị ánh đèn pin rọi tới. Cả 2 con đều bị lật ngửa nằm trên cát.

Sáng ra, sau khi bàn bạc, chúng tôi làm thịt một con, còn con kia đem cột dưới cầu tàu.

Thịt vít đỏ au, sớ to như thịt bò, rất mềm, ngon không thua bất cứ loại thịt nào. Có điều, sau đó anh Năm Mến nhất định không giết vít nữa, vì như anh nói, năm chờ chết, nó chảy nước mắt, ướt cả vũng trên mặt cát, tội nghiệp lắm.

Chúng tôi đồng ý thả con còn lại. Nhưng khi xuống cầu tàu, thì chỉ có sợi dây cột lòng thòng trên mặt nước. Con vật đã tự đào thoát từ lúc nào rồi.

XXIII.- Phần thứ hai mươi ba

Thăm thoát hai tháng trôi qua. Hòn đảo trở nên quen thuộc đến mức nhàm chán.

Một hôm, 2 chiếc tàu treo cờ Trung Quốc xuất hiện trong vùng đảo Hoàng Sa. Sau khi chạy lòng vòng qua các đảo xa gần, chiếc tàu lớn tiến vào hải phận Đông Bắc đảo và bỏ neo cách bờ hơn 3 Km. Chiếc còn lại khi ẩn khi hiện ở xa xa, sau đó không thấy qua lại.

Chúng tôi qua hỏi ý kiến của Đồn Trưởng lính Pháp. Anh ta nói đại ý đảo vẫn còn treo cờ chủ quyền Pháp, mà Trung Quốc và Pháp không có điều gì xảy ra, nên chẳng đáng lo. Hướng chỉ họ không có cứ chỉ khiêu khích, lại neo tàu ở hải phận quốc tế, đó là quyền của họ.

Nhưng chúng tôi không đồng ý, sau khi bàn bạc, gửi ngay bức điện thượng khẩn về Sài Gòn như sau:

„Trân trọng kính trình, một tàu vũ trang Trung Quốc xâm nhập hải phận Hoàng Sa, đậu cách đảo 3 Km. Xin chỉ thị khẩn cấp“.

Vài giờ sau, có điện trả lời:

„Đã nhờ Hải Quân Việt Nam can thiệp. Tàu sẽ ra đảo trong vòng 2 ngày nữa. Hãy bình tĩnh, tiếp tục làm việc như thường lệ“.

Xế chiều hôm ấy, chúng tôi kéo ra bãi biển đối diện với tàu để xem tình hình. Tàu được trang hoàng rực rỡ, một dây đèn chạy dài từ mũi ra sau lái, sáng rực cả một vùng biển vắng. Thủy thủ mặc toàn đồ trắng, đứng dài trên boong tàu. Thấy chúng tôi chỉ trở ra phía tàu, họ cũng vỗ tay và vẫy chào rất thân thiện.

Đêm ấy, trong phiên liên lạc chuyên môn thường lệ lúc 11 giờ đêm, anh Năm Tùng mở máy làm việc hơi lâu hơn bình thường.

Sau đó, anh cho biết máy phát sóng Phonie của Ty mạnh lắm, lại điều chỉnh được, nên anh vận qua tần số dùng để kêu cứu khi tàu bị nạn, rồi đánh tín hiệu „SOS” kèm tọa độ đảo Hoàng Sa, liên tục 15 phút, thử xem có tàu nào nhận được không. Nghe vậy biết vậy, tôi chẳng quan tâm đến chuyện này.

Mờ sáng hôm sau, lúc chuẩn bị buổi làm việc sáng, anh Năm Mến đang bơm bong bóng thả lên đo gió trên cao, chúng tôi thấy một chiếc tàu khá lớn đang tiếp cận đảo.

Sẵn máy „Théodolite” trong tầm tay (máy chuyên dùng theo dõi bong bóng bay) anh Ba Phúc quan sát tàu, trình trọng cho hay:

- Đây là Hàng Không Mẫu Hạm La Fayette của Pháp.

Chúng tôi chào đón tàu bằng 2 quả bong bóng bay, một bia cứng được anh Năm Tùng khắc chữ „Bienvenue” rồi dùng dây gai dài hơn 50 mét cột chặt lại, thả cho bay lửng lơ trên nóc nhà.

Khoảng nửa giờ sau, một chiếc ca-nô chở 6 người cập bến. Sau khi ghé bên đồn lính, đoàn người này qua thăm Ty Khí Tượng. Do không trở ngại ngôn ngữ, chúng tôi trao đổi rất thú vị.

Viên sĩ quan Pháp cho biết khi đang di chuyển trong vùng biển Malaysia, lúc 11 giờ khuya, nhận được tín hiệu từ đảo Hoàng Sa. Tọa độ này còn thuộc trách nhiệm quản lý của Pháp, Hạm Trưởng quyết định trực chỉ tới đây. Khi cách đảo 15 hải lý, có một tàu lạ đang xâm phạm hải phận Hoàng Sa. Nhưng tàu này nhanh chóng vượt ra hải phận quốc tế, rồi đi về phương Bắc.

Ông ta còn nói thêm là Hạm Trưởng tàu La Fayette cảm ơn sự chào đón rất thân thiện của Ty Khí Tượng, có gửi tặng một thùng rượu chát 20 lít.

Sau đó họ từ giã ra đi liền vì phải về tới Malaysia ngay chiều nay.

Khách đi rồi, anh Ba Phúc lặn thùng rượu bằng cây vô nhà, định khui nắp để thưởng thức hương vị „Vin de Bordeaux”.

Chợt nhớ gần đến ngày lễ Giáng Sinh tôi đề nghị để đến hôm đó sẽ tổ chức một đêm Noel có đầy đủ rượu thịt thì nhận mới đúng điệu.

Anh Năm Tùng còn có ý kiến mời vài người khách bên đồn lính cho thêm phần long trọng.

Quả là một buổi sáng sôi động. Tàu Pháp đi rồi lại đến tàu Mỹ.

Hai chiếc khu trục cơ phản lực xuất hiện trên bầu trời. Sau vài vòng bay quanh, nó bắt đầu biểu diễn rất ngoạn mục, khi bay rà sát ngọn cây, khi vọt thẳng đứng lên, lặn nhiều vòng, phun khói trắng, tạo những vòng tròn như lò-xo, trông rất đẹp.

Kế đó là một khối sắt thép khổng lồ lù lù tiến vào, che lấp một phần mặt biển phía Tây.

Dùng máy quan sát hồi lâu, anh Ba Phúc thông báo:

- Đây là Hàng Không Mẫu Hạm Aromanch của Mỹ.

Tàu sân bay này to gấp mấy lần chiếc trước; trên boong san sát phi cơ đậu thành từng hàng. Tàu bỏ neo cách đảo 5 Km.

Hai chiếc máy bay lên thẳng cất cánh bay thẳng về phía chúng tôi. Đây là loại phi cơ Chamite, dân ta gọi là phi cơ „trái chuối”, có 2 cánh quạt to nằm giữa ở 2 đầu.

Một chiếc bay vòng quanh, một chiếc đáp xuống sân trước Ty Khí Tượng.

Ba người Mỹ và 1 người da màu tiến về phía chúng tôi. Liếc nhìn máy bay, tôi thấy còn một số người bên trong, súng ống tua tủa.

Ngôn ngữ bất đồng, phải nói chuyện qua thông ngôn. Anh này tự xưng là sinh trưởng tại Sài Gòn, cha mẹ anh từng là „phổ-ky” tại tiệm cà-phê „Chú Dầu” ở mũi tàu Cây Mai, học hết cấp tiếng Hoa tại Chợ Lớn, được sang học tiếp ở Hồng Kông, nay là thông dịch viên của Hải quân Mỹ.

Qua trao đổi với viên sĩ quan Mỹ, anh cho biết tàu này đang trên đường đến đảo Okinawa của Nhật, có nhận tín hiệu của đảo Hoàng Sa, nhưng không quan tâm, nay nhân tiện qua ngang đây nên ghé thăm. Họ cho biết sẽ ở lại 30 phút, chúng tôi có thể viết thư nhờ họ gửi dùm. Vậy là mọi người tranh thủ viết thư đột xuất gửi về gia đình.

Trong khi đó những người Mỹ qua thăm đồn lính Pháp và chụp hình, quay phim các nơi trên đảo.

Lần đó, gia đình chúng tôi ở Sài Gòn bất ngờ nhận được thư có dán tem và đóng dấu Bưu điện Hồng Kông.

XXIV.- Phần thứ hai mươi bốn

Tiệc giáng sinh trên đảo Hoàng Sa năm ấy cũng khá tươm tất và vui nhộn.

Khách mời gồm 4 người Pháp: Đồn trưởng, Đồn phó, Hạ sĩ quan giữ kho lương thực và anh lính phụ trách lò bánh mì là người tôi gặp thường xuyên.

Thực đơn khá hấp dẫn với món vịt rút xương và vịt nấu cà-ry nêm bằng sữa hộp, do anh Hai Lâm làm bếp chính. Càng hấp dẫn hơn là thùng rượu vang 20 lít để ở đầu bàn.

Cũng chúc sức khỏe, cũng hoan hô tình hữu nghị giữa 2 dân tộc và cũng nhậu đến quắc cần câu.

Đến 11 giờ khuya, khách bá cổ nhau vừa nhêu ngoạ hát, vừa đi về đồn, thì anh em chúng tôi đã say mèm. Anh Năm Tùng, trồng chuối ngược, chống 2 tay xuống đất, đưa 2 chân lên trời dặng đi về phòng. Hậu quả là ói mửa tùm lum. Anh Ba Phúc, ý mình tửu lượng mạnh, một mình lần lượt cụng với 4 người, giờ đã chệnh choáng, bắt đầu nói toàn tiếng Khờ-me lúc quờ quạng đi vào giường ngủ “Cô-khò-cò-khố-nhò. Mui-bi-bây, bun-ram--- Đốp”. Còn anh Hai Lâm lẳng lặng rút êm về phòng tự lúc nào. Chỉ anh Năm Mến là còn tỉnh, đang dọn dẹp bãi chiến trường bề bộn chén đĩa. Muốn tiếp anh một tay, nhưng tôi cũng nghe trời đất quay tròn, khó bề đứng vững, nên phải lần từng bước, men theo tường đi về phòng, lòng thầm nghĩ chỉ nằm chốc lát sẽ ra.

Nhưng mãi tới gần 10 giờ sáng hôm sau tôi mới ngời dậy nổi.

XXV.- Phần thứ hai mươi lăm

Ngày đầu năm dương lịch, chúng tôi gặp một vị khách „từ trên trời rơi xuống”. Đó là một con cò, màu lông toàn trắng, lớn gấp 3 lần cò ở quê nhà, sải cánh dài cả mét, vừa mới đáp xuống đảo. Chắc là vật nuôi nên chim rất dạn. Tôi đến gần, nó không sợ, chỉ khi đưa tay toan bắt, nó mới tung cánh nhảy tránh ra xa. Sợ nó đói, tôi đem cơm nước ra để kể bên, nhưng nó không màng tới.

Sáng bữa sau, không thấy chim, chúng tôi ngỡ sau một ngày nghỉ khỏe, nó đã tiếp tục cuộc hành trình.

Không ngờ lúc giữa trưa, bỗng nghe có tiếng súng nổ. lát sau, một tên lính lê-dương xách con cò đã bị bắn gãy cổ, đem cho chúng tôi làm thịt.

Đến lúc nhỏ lông chim, chúng tôi mới phát hiện dưới đuôi con cò có một tấm „lắc” bằng nhôm, trên đó ghi ngày tháng và địa chỉ nơi thả chim, trên đảo Okinawa. Mặt sau tấm „lắc”, có khắc 2 hàng chữ bằng tiếng Anh và Pháp, yêu cầu gửi tấm „lắc” này về địa chỉ trên và cho biết ngày tháng cùng nơi chim bay tới.

Sơ ra, thời gian chim bay từ Okinawa đến đảo Hoàng Sa là gần 2 tháng (59 ngày). Sẵn anh Hai Lâm đến lượt được chuyển về theo chuyến tàu ra đảo vào tuần tới, chúng tôi giao tấm „lắc” cho anh. Trước khi xuống tàu rời đảo, anh hứa sẽ gửi tấm „lắc” này qua Okinawa ngay khi về tới Sài Gòn.

Đồng thời trong giây phút bịn rịn lúc chia tay, anh an ủi chúng tôi là anh vẫn làm ở bộ phận truyền tin, vẫn còn gặp nhau mỗi ngày trên làn sóng điện, có cần gì cứ nhắn về, anh sẵn sàng lo liệu hết mình.

Tuy nhiên, vài năm sau, khi tất cả đã trở về làm việc bình thường ở Sài Gòn, một hôm, chợt nhớ vụ con cò, tôi hỏi thì anh Lâm buồn bã trả lời lúc mới về, mệt quá nên quên mất, đến chừng nhớ lại, tìm mãi không ra, tấm „lắc” đã bị thất lạc mất.

Vậy mẫu chuyện này, cũng là một thông tin gửi cho nhà điều học nào đó biết phần nào kết quả công trình nghiên cứu của mình, hồi mấy mươi năm trước.

Thông tin tuy quá muộn màng, nhưng có còn hơn không.

XXVI.- Phần thứ hai mươi sáu

Anh Tư Dân ra thay thế anh Lâm, vốn là người yêu âm nhạc, cố tập luyện để trở thành một nhạc sĩ nghiệp dư. Đi đâu anh cũng kè kè bên mình cây kèn Saxo Ténor bóng lộn.

Tiếng kèn của anh không đến nỗi làm con nít giật mình khóc thét. Nhưng chẳng hiểu sao – như lời anh tâm sự - cứ mỗi lần anh thổi kèn là bà hàng xóm nhà bên đời đi thưa cảnh sát.

Bây giờ đổi ra đây, anh sẽ tha hồ tập thổi kèn cho đã đời. Tuy nhiên anh cũng biết điều. Mỗi lần tập thổi, anh mang kèn ra tận căn phòng cuối cùng của dãy nhà kho, cách xa 20 mét.

Cũng đợt thuyền chuyển này, bên đồn, toán lính lê-dương được đổi đi, thay bằng một toán lính người Bắc Phi. Những người lính da màu này rất vui tính, thường qua trò chuyện rất thân tình. Cứ cách vài ngày, họ đem qua cho vài con cá khá to do họ bắt được.

Đây là một loại cá dài cả 2 gang tay, ở mực nước khá sâu mà chúng tôi không có phương tiện để câu. Hỏi ra mới biết họ đánh cá bằng chất nổ.

Một hôm, lúc gần 10 giờ sáng, bỗng có một tiếng nổ lớn phát ra từ hướng cực tây của đảo.

Nhìn lên máy „Sismographe” thấy ghi mặt đảo rung chuyển 5 giây. Xin nói Sismographe, to như một chiếc tủ đựng hồ sơ, là loại máy đo kích áp tự động và tự ký, còn có chức năng đo được các cơn địa chấn trên mặt đất.

Bên đồn lính có tiếng xô xao, nhiều người chạy ra bãi biển. Nghi có chuyện chẳng lành, anh Ba Phúc mau mắn đi săn tin tức.

Lúc về, mặt mày thất sắc, anh thông báo:

- Anh lính nhà bếp chết tại chỗ, một người bị đui 2 con mắt, hai người khác bị trầy trụa khắp mình nhưng không sao.

Thì ra, sáng nay tốp lính này đi bắt cá bằng trái nổ TNT, lúc đốt dây cháy chậm, tưởng nó chưa bắt lửa, đưa lên miệng thổi. Vậy là tai nạn thảm khốc xảy ra.

Buổi trưa có thêm thông tin:

- Tàu bạn công tác, ngày mốt mới ra tới đảo. Nạn nhân là người Maroc không thể đem thi hài về nước, phải cử hành lễ tang tại chỗ, lúc 10 giờ sáng ngày mai.

Chúng tôi sốt sắng tham dự đám tang. Anh Tư Dân lục tìm được 2 bản nhạc ngoại „Marche funèbre” (nhạc khúc đưa tang) tập thổi từ chiều đến tối để ngày mai sử dụng.

Tôi cùng anh Năm Mến làm một vòng hoa phúng điệu bằng lá cây dương do tôi chặt từ những nhánh non của rừng dương sau nhà, kết lại thành một vòng tròn cỡ 1 mét đường kính. Anh Năm Tùng cột thêm ở giữa một băng giấy trắng dài có khắc chữ „ADIEU” (giã biệt).

Sáng hôm sau, tang lễ được cử hành khá đúng nghi thức. Viên chỉ huy đi trước dẫn đường, kèm sau là anh Tư Dân với tiếng kèn trầm bổng lê thê, anh Năm Mến mang vòng hoa đi trước quan tài, phía sau là một anh lính đội chiếc khăn trắng dài phủ kín lưng giả dạng là người vợ đang khóc chồng, vì người tử nạn đã có vợ ở Maroc.

Huyệt mộ được đào tại một vị trí khá thông thoáng ở khu nghĩa trang năm sau miếu Bà.

Sau các thủ tục, như nghiêm chào theo lễ nghi quân cách, viên chỉ huy đọc diếu văn, kết luận là nạn nhân chết vì công vụ, chết vì tổ quốc, mọi người lần lượt ném nắm cát giã từ lên chiếc áo quan nằm sâu dưới mộ, rồi từng tốp buồn bã quay về theo đường cũ.

Tôi còn nán ở lại cùng mấy người lính để cố đắp nấm mộ thật cao có thể được, bởi ai cũng nghĩ chắc không bao giờ còn được quan tâm chăm sóc đến lần thứ hai.

Một cây thập tự bằng gỗ được chôn sâu nơi đầu mộ, trên đó ghi rõ họ tên, quốc tịch, ngày sinh, ngày tử. Chiếc khăn tang trắng của người vợ được buộc trên đầu cây thập tự.

Vậy là từ nay, nghĩa trang này có thêm ngôi mộ thứ tám.

Khi ra về, ngoái nhìn lại, gió biển tung bay 2 chót khăn, tưởng chừng như hai cánh tay đang vung lên vẫy gọi.

Sáng hôm sau, tàu Pháp ra tới, đem những người bị thương về đất liền chữa trị. Tàu cũng chở theo một toán lính mới để thay thế toàn bộ số lính cũ.

Những người lính Bắc Phi này, trước khi xuống tàu, hồi hả chạy ra nghĩa trang giả từ người đồng đội xấu số còn nằm lại đảo xa.

Tôi cũng tháp tùng theo họ để thăm ngôi mộ mới. Phút giây họ nghẹn ngào trước lúc tử biệt sinh ly thật vô cùng cảm động.

Tiếng còi tàu giục giã họ bắt tay thật chặt cảm ơn tôi, rồi chạy nhanh ra tàu.

Một mình tôi chậm chậm lững thững quay về. Ngang qua nơi xảy ra tai nạn, sau một đêm, thủy triều đã xóa mọi dấu vết, bãi cát vẫn trắng phau, mặt biển vẫn trong xanh. Vạn vật dường như quá đổi vô tình.

Mới hôm trước, còn đứng đây, còn cười nói, còn hoạt động, nay đã thành người thiên cổ. Kiếp sống con người quả là mong manh, yếu ớt và ngắn ngủi làm sao.

(còn tiếp)

Hiệp định PARIS 1973

* Tích Cốc Ngô Văn Phát

Trước đây có nhiều luật gia và viên chức cao cấp trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) đưa ra kế hoạch vận động văn hồi Hiệp Định Paris 1973 nhưng không thành công. Gần đây vào tháng 10.2012, Ủy Ban Lãnh Đạo Lâm Thời VNCH (UBLĐLTVNCH) do ông Nguyễn Ngọc Bích lãnh đạo cũng gửi thỉnh nguyện thư gồm trên 30 ngàn chữ ký, kêu gọi LHQ tái nhóm một Hội Nghị Quốc Tế khẩn cấp về Việt Nam để phục hồi Hiệp Định Paris 1973. Theo thiên ý của tôi việc làm này rồi cũng sẽ chẳng đi đến đâu! Vì sao? Để trả lời hai chữ vì sao, tôi xin quý vị trước hết hãy đọc kỹ toàn văn Hiệp Định này thì rõ.

HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH VIỆT NAM NGÀY 27.1.1973

Các bên tham gia Hội Nghị Paris về Việt Nam. Nhằm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân VN và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hòa bình ở Châu Á và thế giới. Đã thảo luận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

CHƯƠNG I

Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam

ĐIỀU 1: Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước VN như Hiệp Định Genève năm 1954 về VN đã công nhận.

CHƯƠNG II

Chấm dứt chiến sự rút quân

ĐIỀU 2: Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam VN kể từ 24 giờ (giờ GMT) ngày 27.1.1973.

Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước VN Dân Chủ Cộng Hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi nước VN Dân Chủ Cộng Hòa. Hoa Kỳ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá hủy tất cả những mìn ở vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc VN ngay sau khi Hiệp Định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt hoàn toàn chiến sự nói trong điều này là vững chắc và không thời hạn.

ĐIỀU 3: Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hòa bình lâu dài và vững chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a/ Các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đồng minh của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện

kế hoạch rút quân. Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn Bên nói trong điều 16 sẽ qui định những thể thức.

b/ Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam VN sẽ ở nguyên vị trí của mình.

Ban Liên Hiệp Quân Sự Hai Bên nói trong điều 17 sẽ qui định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân.

c/ Các lực lượng chính qui thuộc mọi quân chủng và 2 binh chủng và các lực lượng không chính qui của các bên ở miền Nam VN phải ngừng mọi hoạt động tấn công nhau và triệt để tuân theo những qui định sau đây:

- Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển

- Ngăn cấm mọi hành động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên

ĐIỀU 4: Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam VN.

ĐIỀU 5: Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ký hiệp định này sẽ hoàn thành việc rút quân hoàn toàn ra khỏi miền Nam VN mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở điều 3(a). Cố vấn của các nước nói trên cho tất cả các tổ chức bán quân sự và lực lượng cảnh sát cũng sẽ rút trong thời hạn đó.

ĐIỀU 6: Việc hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam VN của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở điều 3(a) sẽ hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ký kết hiệp định này.

ĐIỀU 7: Từ khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi thành lập chính phủ ở điều 9(b) và điều 14 của Hiệp Định này, hai bên miền Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam VN quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai bên miền Nam VN được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá hủy, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngừng bắn trên cơ sở một đổi một cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của Ban Liên Hiệp Quân Sự hai bên miền Nam VN và Ủy Ban Quốc Tế kiểm soát và giám sát

CHƯƠNG III

Việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ

ĐIỀU 8:

a/ Việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành không chậm hơn ngày hoàn thành việc rút quân nói trong điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài bị bắt nói trên vào ngày ký kết Hiệp Định này

b/ Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mã của những người bị chết,

nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c/ Về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự VN bị bắt và giam giữ ở miền Nam VN sẽ do hai bên miền Nam VN giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của điều 21(b) của Hiệp Định đình chỉ chiến sự ở VN ngày 20.7.1954. Hai bên miền Nam VN sẽ làm việc đó trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình. Hai bên miền Nam VN sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng 90 ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

CHƯƠNG IV

Việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt

ĐIỀU 9: Chính phủ Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam VN sau đây:

a/ Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam VN là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b/ Nhân dân miền Nam VN tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam VN thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c/ Các nước ngoài sẽ không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam VN.

ĐIỀU 10: Hai bên miền Nam VN cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vững hòa bình ở miền Nam VN, giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

ĐIỀU 11: Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam VN sẽ:

- Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, xóa bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia.

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

ĐIỀU 12:

a/ Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam VN sẽ hiệp thương trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Hội Đồng sẽ làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc nhậm chức, hai bên miền Nam VN sẽ hiệp thương về việc thành lập các hội đồng cấp dưới. Hai bên miền Nam VN sẽ ký Hiệp Định về các vấn đề nội bộ của miền Nam VN càng sớm càng tốt và sẽ làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng 90 ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam là hòa bình, độc lập và dân chủ.

b/ Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam VN thi hành Hiệp Định này, thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ. Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ như đã nói trong điều 9(b) và qui định thủ tục và thể thức của cuộc tổng tuyển cử này. Các cơ quan quyền lực và cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra, sẽ do hai bên miền Nam VN thông qua hiệp thương mà thỏa thuận. Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc cũng sẽ qui định thủ tục và thể thức tuyển cử địa phương theo như hai bên miền Nam VN thỏa thuận.

ĐIỀU 13: Vấn đề lực lượng vũ trang VN ở miền Nam VN sẽ do hai bên miền Nam VN giải quyết trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong số những vấn đề hai bên miền Nam VN thảo luận có các biện pháp giảm số quân của họ và phục viên số quân đã giảm. Hai bên miền Nam VN sẽ hoàn thành việc đó càng sớm càng tốt.

ĐIỀU 14: Miền Nam VN sẽ thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập. Miền Nam VN sẵn sàng thiết lập quan hệ với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị và xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị. Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam VN sẽ thuộc thẩm quyền của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam VN nói trong điều 9(b).

CHƯƠNG V

Vấn đề thống nhất nước Việt Nam và vấn đề quan hệ giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam

ĐIỀU 15: Việc thống nhất nước VN sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa miền Bắc và miền Nam VN, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Bắc và miền Nam thỏa thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất:

a/ Giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến 17 chỉ là tạm thời và không phải là một ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ như qui định trong đoạn 6 của Tuyên Bố cuối cùng của Hội Nghị Geneve năm 1954.

b/ Miền Bắc và miền Nam VN sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời.

c/ Miền Bắc và miền Nam VN sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng, có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời.

d/ Miền Bắc và miền Nam VN sẽ không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào và không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp Định Genève năm 1954 về VN qui định.

CHƯƠNG VI

Các Ban Liên Hợp Quân Sự, Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát, Hội Nghị Quốc

ĐIỀU 16:

a/ Các bên tham gia Hội Nghị Paris về VN sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp Định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam VN

- Điều 3(a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này

- Điều 3(c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam VN

- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam VN quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3(a)

- Điều 6 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam VN của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3(a).

- Điều 8(a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt

- Điều 8(b) về việc các bên giúp đỡ lẫn nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu.

b/ Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát.

c/ Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết Hiệp Định này và chấm dứt hoạt động trong thời hạn 60 ngày, sau khi việc rút quân của Hoa Kỳ và quân của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3(a) và việc trao trả nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt đã hoàn thành.

d/ Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương pháp hoạt động và chi phí của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên.

ĐIỀU 17: a/ Hai bên miền Nam VN sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên Hợp Quân Sự Hai Bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam VN trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp Định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam VN, sau khi Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 3(b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam VN.

- Điều 3(c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam VN sau khi Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam VN và tất cả những điều khoản khác của điều này.

- Điều 8(c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự VN bị bắt và giam giữ ở miền Nam VN.

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam VN và phục viên số quân đã giảm.

b/ Những vấn đề bất đồng này được ký kết, Ban Liên Hợp Quân Sự Hai Bên sẽ thỏa thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hòa bình ở miền Nam VN.

ĐIỀU 18:

a/ Sau khi ký kết Hiệp Định này, thành lập ngay Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát.

b/ Cho đến khi Hội Nghị Quốc Tế nói ở Điều 19 có những sắp xếp dứt khoát, Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp Định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam VN.

- Điều 3(a) về việc ngừng bắn của lực lượng Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này

- Điều 3(c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam VN.

- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam VN quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a).

- Điều 6 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam VN của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3(a).

- Điều 8(a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt.

Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát lập những tổ kiểm soát để làm những nhiệm vụ của mình. Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

c/ Cho đến khi Hội Nghị Quốc Tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam VN những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp Định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam VN, sau khi Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 3(b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam

- Điều 3(c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam VN, sau khi Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam VN và tất cả các điều khoản khác của điều này.

- Điều 8(c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự VN bị bắt và giam giữ ở miền Nam VN.

- Điều 9(b) về tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam VN

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam VN và phục viên số quân đã giảm.

Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam VN sẽ thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Hai bên miền Nam VN sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

d/ Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Ba Lan, Canada, Hung Ga Ri, Nam Dương. Các thành viên của Ủy Ban Quốc Tế sẽ luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy Ban Quốc Tế qui định.

e/ Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của miền Nam VN.

f/ Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g/ Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngừng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều khoản liên quan đến bốn bên nói trong Điều 18(b)

Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của Ủy Ban đối với các điều khoản đó đã hoàn thành. Đối với các điều khoản liên quan đến hai bên miền Nam VN nói ở điều 18(c), Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam VN nói ở điều 9(b)

h/ Bốn bên thỏa thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí của Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát. Mỗi quan hệ giữa Ủy Ban Quốc Tế và Hội Nghị Quốc Tế sẽ do Ủy Ban Quốc Tế và Hội Nghị Quốc Tế thỏa thuận.

ĐIỀU 19: Các bên thỏa thuận về việc triệu tập một Hội Nghị quốc tế trong vòng 30 ngày kể từ khi ký Hiệp Định này ghi nhận các Hiệp Định đã ký kết, bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hòa bình ở VN, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân VN và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam VN, góp phần vào hòa bình và bảo đảm hòa bình ở Đông Dương.

Hoa Kỳ và VN Dân Chủ Cộng Hòa thay mặt các bên tham gia Hội Nghị Paris về VN, sẽ đề nghị các bên sau đây tham gia Hội Nghị Quốc Tế này: Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Cộng Hòa Pháp, Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết, Liên Hiệp Vương Quốc Anh, bốn nước ở trong Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát và Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, cùng với các bên tham gia Hội Nghị Paris về Việt Nam.

CHƯƠNG VII

Đối với Campuchia và Lào

ĐIỀU 20 :

a/ Các bên tham gia Hội Nghị Paris về VN phải triệt để tôn trọng Hiệp Định Geneve năm 1954 về Campuchia và Hiệp Định Geneve năm 1962 về Lào đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó. Các bên phải tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào.

Các bên tham gia Hội Nghị Paris về VN cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và lãnh thổ của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của nhau và của các nước khác.

b/ Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Campuchia và Lào, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c/ Công việc nội bộ của Campuchia và Lào phải do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d/ Những vấn đề liên quan giữa các nước Đông Dương sẽ do các nước Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

CHƯƠNG VIII

Quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

ĐIỀU 21: Hoa Kỳ mong rằng Hiệp Định này sẽ mang lại một thời kỳ hòa giải với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Theo chánh sách truyền thống của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và toàn Đông Dương.

ĐIỀU 22: Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN và việc thực hiện triệt để Hiệp Định này sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời những việc đó sẽ bảo đảm hòa bình vững chắc ở VN và góp phần giữ gìn hòa bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

CHƯƠNG IX

Những điều khoản khác

ĐIỀU 23: Hiệp định này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội Nghị Paris về VN ký. ***Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Hiệp Định này và các Nghị Định Thư của Hiệp Định.***

Làm tại Paris, ngày 27.1.1973 bằng tiếng Anh và tiếng Việt Nam. Bản tiếng Anh và bản tiếng Việt đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

- Ô. William P. Rogers, Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ
- Ô. Trần Văn Lắm, Tổng Trưởng Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa miền Nam (VNCHMN)
- Ô. Nguyễn Duy Trinh, Bộ Trưởng Ngoại Giao Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa miền Bắc (VNDCCHMB)
- Bà Nguyễn Thị Bình, Bộ Trưởng Ngoại Giao Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời miền Nam Việt Nam. (CPCMLTMNVN)

• NHẬN ĐỊNH

Sau khi đọc xong Hiệp Định không biết quý vị có những nhận xét như thế nào, chớ riêng người viết, tôi thấy cái Hiệp Định này là một Văn Khế do Mỹ ký tên với cái dã tâm bán đứng nước Việt Nam Cộng Hòa cho cộng sản bởi các nhận xét ngắn gọn theo thứ tự thời gian sau đây:

*- **20.07.1954**, Hiệp định Genève chia đôi đất nước, từ vĩ tuyến 17 ra Bắc là của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc cộng); từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam là của Quốc Gia Việt Nam sau đổi thành nước Việt Nam Cộng Hòa. Việt Nam bị phân chia thành hai nước có hai chế độ chánh trị (Quốc-Cộng) khác nhau rõ rệt.

*- **20.12.1960**, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) là cánh tay nối dài của Bắc cộng vì do Bắc cộng thành lập tại xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh. Mặt trận này là một tổ chức chuyên việc khủng bố, phá hoại cầu



đường trường học, ám sát dân lành ở miền Nam v.v.. Thành viên của MTGPMN ban ngày sống trốn chui nhủi trong rừng trong bụi, ban đêm bò ra thi hành công tác phá hoại nên bị chánh quyền VNCH đặt chúng ra ngoài

vòng pháp luật.

*- **08.07.1971, Ô.** Kissinger, Cố vấn an ninh cho TT. Nixon lên lút bay qua Trung cộng gặp Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai để thảo luận về tình hình thế giới, nhứt là chiến tranh Việt Nam và dọn đường cho Nixon bay sang Tàu cộng.



*- **21.02.1972, TT.** Nixon lần đầu tiên bay sang Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông để phân chia ảnh hưởng và quyền lợi riêng tư của hai nước, đánh dấu bắt đầu một sự thay đổi cục diện thế giới

và nhứt là chiến cuộc Việt Nam

*- **27.01.1973, Hiệp Định Paris** được ký kết, nước Việt Nam Cộng Hòa có hai chánh quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát nên trở thành vùng xôi đậu, da beo. Câu: **"Giữ đất giành dân"** phát sinh ra tại miền Nam sau cái Hiệp Định ác ôn này! Tại sao? Tại cái MTGPMN bị VNCH đặt ra ngoài vòng pháp luật vì là một bọn phiến loạn cộng phi khủng bố lại được Mỹ và Bắc cộng hợp thức hóa là một CPCMLTMNVN ngang hàng với CPVNCH, được quyền quyết định tương lai chánh trị của miền Nam VN thông qua tổng tuyển cử dưới sự giám sát của quốc tế. Như vậy Hiệp Định này là một sự bất lợi coi như thua cuộc nhưng tại sao VNCH phải ký? Tại vì bị Mỹ làm áp lực cưỡng ép phải ký. Nếu không ký thì Mỹ sẽ cúp tất cả mọi viện trợ!!

Mỹ bằng mọi áp lực, mọi cách để được vào miền Nam Việt Nam với danh nghĩa là một đồng minh giúp nhân dân miền Nam chống cộng sản. Đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ lên bãi biển Nam Ô (Đà Nẵng) ngày 08.03.1965 để tham chiến. Lúc đó người viết là Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Chuyển Vận Đà Nẵng nên tôi và Thiếu tá Mỹ cố vấn có nhiệm vụ đến đón tiếp và hướng dẫn họ một vài điều quan trọng khi họ lần đầu tiên đạp chân lên đất nước tự do VNCH. Nhưng sau khi Nixon và Kissinger đã bắt tay được với Trung cộng thì họ không ngần ngại bán đứng Việt Nam Cộng Hòa cho cộng sản rồi cũng bằng mọi cách cuốn cờ tháo chạy nhục nhã khỏi miền Nam bị coi như là thua trận! Người lính Mỹ cuối cùng rời khỏi miền Nam ngày 29.03.1973 theo điều lệ của Hiệp Định. Sự việc này là một vết nhơ trong chánh sách ngoại giao tiền hậu bất nhất của Mỹ. Tội nghiệp cho 58.325 quân nhân Mỹ các cấp đã anh dũng hy sinh để bảo vệ Tự Do cho VNCH, nhưng chung cuộc miền Nam vẫn bị rơi vào tay CS độc tài do một chánh sách sai lầm trầm trọng từ Tòa Bạch Ốc dưới triều đại của Tổng thống Nixon (1969-1974) và Cố Vấn an ninh Kissinger, người Mỹ gốc Do Thái sanh tại Đức.

Để bảo đảm việc thi hành Hiệp Định này, Mỹ và VNDCCH/MB thay mặt các bên tham gia Hội nghị Paris đã mời một số nước sau đây tham gia một Hội Nghị Quốc Tế để giám sát. Ngày 01.3.1973, Hội Nghị Quốc Tế họp gồm có 12 vị Ngoại Trưởng đại diện cho 12 quốc gia:

- 1/- William P. Rogers, Bộ Trưởng Ngoại Giao (BTNG) Hoa Kỳ
- 2/- Maurice Schumann, BTNG Pháp
- 3/- Andrei A. Gromyko, BTNG Liên Xô
- 4/- Alec Douglas-Home, BTNG Anh và Bắc Ái-Nhĩ-Lan
- 5/- Chi-Peng-Fei (Cơ-Bằng-Phi), BTNG Trung Quốc

(5 nước trên đây nằm trong Ban Thường Trực có quyền phủ quyết (Veto) của Hội Đồng Bảo An LHQ)

- 6/- Mitchell Sharp, BTNG Canada
 - 7/- Stefan Olszowski, BTNG Ba Lan
 - 8/- Janos Peter, BTNG Hung Ga Ri
 - 9/- Adam Malik, BTNG Nam Dương
- (nước, từ 6 đến 9, nằm trong Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát)

- 10/- Trần Văn Lãm, TTNG VNCH miền Nam
- 11/- Nguyễn Duy Trinh, BTNG VNDCCH miền Bắc
- 12/- Nguyễn Thị Bình, BTNG CPCMLTMNVN

Ngoài ra còn có sự hiện diện của Ô. Kurt Waldheim (người Áo), Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc.

Một Định Ước đã được 12 vị trên đây ký để một lần nữa qui định rằng trong trường hợp có sự vi phạm Hiệp Định, Mỹ và VNDCCH có thể triệu tập hội nghị quốc tế thay mặt những nước đã ký kết hoặc trong trường hợp có ít nhứt 6 nước đồng ý.

Trở lại Hiệp Định Paris, **Chương IX - Điều 23** đã được 4 bên kết ước một câu rất quan trọng nhưng không có hiệu lực như sau: **Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Hiệp Định này và các Nghị Định Thư của Hiệp Định.**

Câu hỏi được đặt ra là nếu có một hay hai bên không thi hành triệt để Hiệp Định này thì sẽ bị trừng phạt ra sao không thấy đề cập đến trong Hiệp Định. Vì vậy sau khi Hiệp Định được 4 bên ký, vài tháng sau chính Bắc cộng tức VNDCCH dựa vào cái chỗ trống đó không ngần ngại xua quân tấn công vài nơi ở miền Nam để thăm dò sự phản ứng nhứt là bên phía Mỹ và các nước khác trong Hội Nghị Quốc Tế, nhưng không thấy những nước này có phản ứng, êm ru như biểu hiệu một sự đồng tình!!. Thừa thế xông lên, Bắc cộng mới dùng toàn bộ lực lượng quân sự công khai vượt tuyến bắt tay với MTGPMN ở ạt tấn công cưỡng chiếm được miền Nam vào ngày 30.04.1975. Rồi sau đó cái gọi là CPCMLTMNVN hậu thân của cái MTGPMN cũng bị Bắc cộng khai tử vào ngày 25.04.1976 để toàn quyền thống trị toàn nước Việt Nam. Bắc cộng đã vi phạm trắng trợn Hiệp Định Paris, xem 12 nước trong Hội Nghị Quốc Tế, Tổng Thư Ký LHQ và Mỹ không ra gì cả. Thật là nhục nhã, nhục nhã!!!

Kết luận:

Hiệp Định Paris đã qua 40 năm (27.01.1973–27.01.2013), chỉ còn giá trị lịch sử về cuộc chiến Quốc-Cộng. Nó đã lùi về dĩ vãng, đã bị 12 nước trong Hội Nghị Quốc Tế, Liên Hiệp Quốc và Mỹ xếp riêng vào một hộc tận cùng của tủ đựng hồ sơ lưu trữ. Tất cả đều quên, không ai muốn thêm nhìn xem lại nó nữa huống chi là nói đến chuyện phục hồi!. Do đó người nào chủ trương phục hồi Hiệp Định cũng giống như là đi mò kim dưới đáy biển, là một hoang tưởng, một việc làm mất thời giờ vô ích. Người viết xin đề nghị quý vị dẹp cái chuyện bất khả thi này qua một bên, dành thời giờ đi đến nơi nào có người Việt tỵ nạn cộng sản kêu gọi họ đoàn kết lại thành một sức mạnh để hỗ trợ những người đang trực diện đấu tranh đòi tự do dân chủ ở bên nhà, tiếp tay với họ loại bỏ cái đảng Việt cộng độc tài phi nhân, tham nhũng, buôn dân bán nước, hèn với giặc ác với dân v.v... chắc chắn sẽ có rất rất nhiều người hoan nghênh và tiếp tay với quý vị, trong đó có tôi. Mong lắm thay.

(Một cựu tù nhân cải tạo)

Cuộc hải chiến Hoàng Sa

* **Trần Gia Phụng**

Cuộc hải chiến Hoàng Sa giữa Hải quân Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và Hải quân Trung Quốc (TQ) ngày 19.1.1974 đã được viết nhiều rồi. Bài này chỉ xin trình bày vài khía cạnh về hoàn cảnh xảy ra cuộc hải chiến, nguyên nhân đưa đến cuộc hải chiến và phản ứng sau cuộc hải chiến.

1.- Hoàn cảnh xảy ra cuộc chiến

Cuộc hải chiến Hoàng Sa xảy ra ngày 19.1.1974, gần tròn một năm sau hiệp định Paris ngày 27.1.1973. Hiệp định Paris là một hiệp định ngưng bắn da beo, theo đó Hoa Kỳ rút quân khỏi Việt Nam, lấy lại tù binh Hoa Kỳ từ phía cộng sản (CS), trong khi lực lượng Bắc Việt Nam (BVN) vẫn đóng quân tại chỗ ở Nam Việt Nam (NVN). Sau hiệp định Paris, nhiều biến chuyển dồn dập xảy ra.

Tuy đặt bút ký hiệp định Paris nhưng chính phủ VNCH vẫn giữ lập trường "bốn không" đã được Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đưa ra từ năm 1971, nghĩa là không liên hiệp, không cắt đất, không hòa giải, không chấp nhận CS. Trong khi chiến trường tiếp tục sôi động, tình hình chính trị nội bộ VNCH khá bất ổn, nhất là khi xảy ra hoạt động sôi nổi của phong trào chống tham nhũng, bắt nguồn từ hai văn thư của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Thứ nhất là "Thư chung của Hội đồng Giám mục" ngày 29.9.1973 và thứ hai là "Tuyên ngôn của Hội đồng Giám mục" ngày 10.1.1974, "nói về việc đất nước có thể mất vong vì nạn tham nhũng và kêu gọi một cuộc cách mạng để cứu nước". (Trần Đông Phong, Việt Nam Cộng Hòa, 10 ngày cuối cùng, Fountain Valley, CA: Nxb. Nam Việt, 2006, tr. 179).

Về phía Bắc VN, sau hiệp định Paris, bộ Chính trị đảng Lao Động (LĐ) triệu tập Quân ủy Trung ương cùng các tư lệnh chiến trường của CS ở miền Nam họp hội nghị tại Hà Nội vào cuối tháng 4-1973 và đưa ra nghị quyết 21 để chuẩn bị kế hoạch chiến tranh trong thời gian tiếp theo. (Trần Văn Trà, Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm, Tp. HCM: Nxb. Văn Nghệ, 1982, tr. 50).

Theo nghị quyết này, bộ Chính trị đảng LĐ cho rằng hiệp định Paris quy định chấm dứt các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam tức Hoa Kỳ không còn sử dụng máy bay trở lại hoạt động, là cơ hội thuận tiện cho Bắc VN gửi thêm bộ đội và tiếp liệu vào Nam, nhằm chuẩn bị những trận đánh sắp đến. Để thực hiện điều này, hội nghị trên đây quyết định xây dựng, phát triển và hoàn thiện các đường giao thông vận tải đông và tây Trường Sơn, nối dài thêm ống dẫn dầu, vào đến Bù Gia Mập, quận Bồ Đức (Bù Đốp) tỉnh Phước Long. (Bộ Quốc Phòng CHXHCNVN, Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975), Hà Nội: Nxb. Quân Đội Nhân Dân, 2005, tr. 709). Tính đến cuối tháng 10-1973, Bắc VN đưa thêm vào miền Nam khoảng 70.000 quân, 400 xe tăng, 200 khẩu trọng pháo, 15 súng phòng không, xây dựng 12 phi

đạo. (John S. Bowman, The Vietnam War, Day by Day, New York: Maillard Press, 1989, tr. 212).

Bắc Việt Nam không ngừng tiếp tục tấn công Nam Việt Nam. Ngay sau hiệp định Paris, tại Quân khu I VNCH, CS liên tiếp tấn công các tiền đồn, các căn cứ quân đội VNCH từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi. Tại Quân khu II, CS tập trung tấn công vào các tỉnh duyên hải, nhất là kiểm cách cắt đứt các trục giao thông quan trọng: quốc lộ 1 (chạy dọc bờ biển), quốc lộ 19 (Quy Nhơn - Pleiku), quốc lộ 21 (Nha Trang - Ban Mê Thuột), quốc lộ 14 (chạy theo hướng bắc nam giữa các thành phố miền cao nguyên Kontum - Pleiku - Ban Mê Thuột). Tại Quân khu III, CS dự tính đánh chiếm Tây Ninh làm thủ đô của Chính phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, nhưng không thực hiện được. Ngày 25.3.1973, CS đánh chiếm tiền đồn Tổng Lê Chân, (đọc trại từ chữ Tonlé Chombé), giữa hai tỉnh Bình Long (bắc) và Bình Dương (nam), mở đường cho CS thông thương giữa hai tỉnh Tây Ninh và Bình Long, và kiểm soát hành lang vận chuyển dọc sông Sài Gòn xuống tới Dầu Tiếng. Tại Quân khu IV, ngày 23.1.1973, quân CS từ Cao Miên tràn qua tấn công các cứ điểm quân lực VNCH dọc biên giới, vùng Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh). Tuy nhiên Trung đoàn 14 và Trung đoàn 15 Bộ binh VNCH càn quét vùng này và giữ vững an toàn thủy lộ Cửu Long, thông thương qua Nam Vang cho đến tháng 4-1975.

Về phía Hoa Kỳ, vào ngày 31.12.1972, Hoa Kỳ còn 24.200 quân ở Việt Nam. Số quân này rút đi hết vào ngày 29.3.1973. Sau đó, Hoa Kỳ chỉ còn một tùy viên quân sự và một toán nhỏ Thủy quân Lục chiến để bảo vệ sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn, và khoảng 8.500 nhân viên dân sự. (John S. Bowman, sđd. tr. 211.). Cũng từ ngày 29.3.1973, cơ quan MACV (Military Assistance Command, Vietnam) bị giải thể. Thay thế MACV là cơ quan DAO (Defense Attach Office) tức Phòng Tùy viên Quân sự Hoa Kỳ được thành lập ngày 28.1.1973, do Thiếu tướng John E. Murray chỉ huy. Tháng 8.1974, Thiếu tướng Homer D. Smith thay thế đến tháng 4.1975.

Ngày 4.6.1973, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua tu chính án Case-Church, cắt bỏ tất cả ngân khoản cho các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ tại Đông Dương. Tổng thống Richard Nixon vận động quốc hội triển hạn đến 15.8.1973 mới áp dụng, nhằm tiếp tục cuộc dội bom tại Cao Miên. Sau ngày này, mọi chi phí chiến tranh Đông Dương phải được sự đồng ý của quốc hội. (Marc Leepson, Helen Hannaford, Webster's New World Dictionary of the Vietnam War, New York: Simon & Schuster Macmillan Company, 1999, tr. 57.).

Sau tu chính án Case-Church, Quốc hội Hoa Kỳ đưa ra "Nghị quyết quyền lực chiến tranh" (War Powers Resolution), nhưng bị Tổng thống Nixon phủ quyết ngày 24.10.1973. Dầu vậy, với đa số trên 2/3, quốc hội vượt quyền phủ quyết của Nixon và thông qua nghị quyết ngày 7.11.1973. Nghị quyết này giới hạn quyền hành của Tổng thống kiêm Tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ. Nếu gọi quân ra nước ngoài, Tổng thống phải báo cho Quốc hội biết trong vòng 48 giờ. Đạo quân này chỉ hoạt động ở nước ngoài trong 60 ngày rồi rút về. Nếu quá 60 ngày thì phải có phép của quốc hội. (Marc Leepson, sđd. tr. 437).

Về phía các nước CS, sau hiệp định Paris, Liên Xô và Trung Quốc không ngừng bí mật viện trợ quân sự cho Bắc VN để Bắc VN tiếp tục chiến tranh. Theo số liệu do

Viện Lịch Sử Quân Sự Hà Nội công bố ngày 14.4.2006, thì từ 1973 đến 1975, Bắc VN nhận được tổng số quân viện là 724.513 tấn, gồm 649.246 tấn vũ khí các loại và 75.267 tấn hàng hậu cần. (BBC Vietnamese ngày 10.5.2006). Riêng Trung Quốc và riêng năm 1973 nghĩa là sau hiệp định Paris và trước trận Hoàng Sa, Trung Quốc viện trợ cho BVN 233.600 súng đủ loại, 40.000 viên đạn, 120 xe tăng, và các loại quân nhu, quân cụ khác. Từ tháng 6.1965, Trung Quốc đưa vào Bắc VN một lực lượng lên đến 320.000 quân và chỉ rút hết vào tháng 8.1973. (Qiang Zhai, China & Vietnam Wars, 1950-1975, The University of North Carolina Press, 2000, tt 135-136).

Nói chung, sau hiệp định Paris và trước khi TQ tấn công Hoàng Sa, Bắc VN gia tăng tấn công Nam VN, trong khi Quốc hội Hoa Kỳ quyết định cắt giảm viện trợ cho VNCH và giới hạn quyền gởi quân ra nước ngoài của Tổng thống Hoa Kỳ và phía CS không ngừng tiếp viện cho Bắc VN. Đây là cơ hội thuận tiện cho TQ ra tay xâm lăng Việt Nam.

2.- Nguyên nhân trận hải chiến Hoàng Sa

Trong lịch sử, nhiều tài liệu chứng tỏ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Qua thời VNCH, Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh số 174 NV ngày 13.7.1961 đặt tên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là xã Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, do một phái viên hành chánh đứng đầu. Quyết định nhập vào tỉnh Quảng Nam có thể dựa vào vĩ độ của quần đảo Hoàng Sa tương đương với vĩ độ của tỉnh Quảng Nam và cũng có thể trạm khí tượng trên Hoàng Sa thuộc Sở Khí tượng Đà Nẵng. Trong khi đó từ Cù Lao Ré hay đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) ra tới đảo Tri Tôn (cực tây của Hoàng Sa) là 123 hải lý. Ngày 21.10.1969, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm ký nghị định số 709-BNV/HĐCP sáp nhập xã Định Hải vào xã Hòa Long, cũng thuộc quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam.

Về phía Trung Quốc, TQ tự cho rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc TQ. Tuy từ đảo Hải Nam (TQ) xuống tới Hoàng Sa là 140 hải lý, nhưng TQ nói rằng từ đảo Hải Nam xuống tới "bãi đá ngầm" (North Reef) của Hoàng Sa là 112 hải lý để chứng minh rằng Hoàng Sa gần TQ hơn Việt Nam. Tuy nhiên, bãi đá ngầm dưới mặt nước biển không phải là đảo nên cách lý luận này không được quốc tế chấp nhận. (Vũ Hữu San, Địa lý Biển Đông, Westminster: 2007, tt. 150-151).

Ngày 4.9.1958, TQ đưa ra tuyên bố về lãnh hải gồm có 4 điểm, theo đó điểm 1 và điểm 4 mặc nhiên khẳng định rằng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về lãnh thổ TQ và gọi theo tên TQ là Xisha [Tây Sa tức Hoàng Sa] và Nansha [Nam Sa tức Trường Sa]. Điểm 1 và điểm 4 trong tuyên bố của Trung Quốc được dịch như sau: (1) Bề rộng lãnh hải của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa [Xisha tức Hoàng Sa], quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa [Nansha tức Trường Sa], và các đảo khác thuộc Trung Quốc". (4) Điều (2) và (3) bên trên cũng áp dụng cho

Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc... (<http://law.hku.hk/csourcebook/10033.htm>)

Đáp lại công hàm ngang ngược trên đây của TQ, Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Bắc VN, với sự đồng ý của Hồ Chí Minh và Bộ Chính Trị đảng LD, ký công hàm ngày 14.9.1958, tán thành quyết định về lãnh hải của Trung Quốc. Phần chính của công hàm Phạm Văn Đồng như sau: "Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trên mặt biển." (Văn bản này ai cũng biết, không cần chú thích).

Lúc đó, trên biển Đông, TQ chưa manh động vì Hải quân Hoa Kỳ còn hiện diện. Tình hình bắt đầu thay đổi năm 1972. Khi qua thăm TQ vào tháng 2.1972, Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon cho các nhà lãnh đạo TQ biết Hoa Kỳ sẽ rút quân ra khỏi Việt Nam. Có tài liệu cho rằng trong cuộc thương lượng giữa hai bên, Hoa Kỳ "ra điều kiện nếu Trung Quốc để cho Mỹ ném bom B 52 ra miền Bắc thì Mỹ sẽ nhường hòn đảo Hoàng Sa cho Trung Quốc". Sau đó, "ngày 4.4.1972, khi quân đội miền Bắc đang tấn công dữ dội vào Quảng Trị, người Mỹ cần một áp lực từ phía Bắc Kinh với Hà Nội, Kissinger đã phái Winston Lord tới New York gặp Hoàng Hoa, Đại sứ Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc, để trao đổi một "bức điện miềm" nhân Trung Quốc: "Hải quân Mỹ sẽ được lệnh ở lại tại khoảng cách 12 dặm kể từ quần đảo Hoàng Sa". (Huy Đức, Bên thắng cuộc, tập I: Giải phóng, Saigon: Osin Book, 2012 (bản điện tử): Chương IV: Nạn kiều, mục: Chối ngăn không quét xa, tt. 102-103).

Sau hiệp định Paris (27.1.1973), tu chính án Case-Church ngày 4.6.1973 cắt bỏ tất cả ngân khoản cho các hoạt động quân sự Hoa Kỳ tại Đông Dương, rồi tiếp theo là "Nghị quyết quyền lực chiến tranh" ngày 7.11.1973, giới hạn quyền hành của Tổng thống kiêm Tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ rút hết quân ra khỏi Việt Nam vào ngày 29.3.1973, VNCH một mình chống đỡ VNDCCH, là cơ hội thuận tiện cho TQ thực hiện mưu tính từ bấy lâu nay, bất ngờ xâm lăng Hoàng Sa, đầu TQ đã ký tên trong bản "Định ước của Hội nghị Quốc tế về Việt Nam" ngày 2.3.1973, tôn trọng nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Theo điều 2 của định ước này, các nước tham dự "ghi nhận Hiệp định [Paris] đáp ứng các nguyện vọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam và đáp ứng nguyện vọng tha thiết về hòa bình của tất cả các nước trên thế giới." (Trong số các nước ký kết định ước ngày 2.3.1973, có TQ do Ngoại trưởng Cơ Bằng Phi đại diện).

Trung Quốc tấn công Hoàng Sa có thể vì các lẽ: 1) Trung Quốc muốn làm chủ vị trí chiến lược Hoàng Sa trên Biển Đông để làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á. 2) Lúc đó, Hoàng Sa thuộc VNCH, hoàn toàn đối địch với TQ. Giả thiết ngược lại, nếu VNDCCH làm chủ Hoàng Sa,

thì VNDCCH có thể sẽ giao Hoàng Sa cho Liên Xô, cũng là điều hoàn toàn bất lợi cho TQ. 3) Trung Quốc muốn tìm kiếm tài nguyên dưới lòng Biển Đông ở khu vực này. Đó là khí đốt và dầu hỏa.

Nguyên vào ngày 1.12.1970, chính phủ VNCH ban hành luật số 11/70 về việc tìm kiếm, khai thác dầu hỏa cùng những điều kiện về thuế khóa, lệ phí và hối đoái liên hệ. (Công báo VNCH 1970, tr. 8573). Sau đó, chính phủ ban hành sắc lệnh số 3-SL/KT ngày 7.1.1971 thiết lập tại Bộ Kinh tế một ủy ban mệnh danh là "Ủy ban quốc gia dầu hỏa". (Công báo VNCH 1971, tr. 642). Ủy ban QGDH phụ trách việc nghiên cứu vấn đề thềm lục địa (nghị định số 571-NĐ/KT ngày 2.6.1971). (Công báo VNCH 1971, tr. 3848). Cuối cùng nghị định số 249-BKT/VP/UBQGDH/NĐ ngày 9.6.1971 công bố ý định cấp quyền đặc nhượng tìm kiếm và khai thác dầu hỏa. (Công báo VNCH 1971, tr. 3857).

Năm 1972, công ty Geological Service Inc (GSI) nghiên cứu khu vực trung và nam Hoàng Sa. Tháng 6.1973, hai tổ hợp Anh Pháp là Roberto Research International Limited và Bureau d'Études Industrielles et de Coopération de l'Institut Français du Pétrole (BEICIP) phối hợp làm bản báo cáo "Địa chất và Khai thác hydrocarbon ở ngoài khơi Nam Việt Nam". Lúc đó, VNCH bắt đầu tổ chức cho các công ty ngoại quốc đấu thầu. Những công ty trúng thầu đã khoan nhiều giếng, và vào tháng 10.1973 cho biết tại thềm lục địa Việt Nam, tiềm năng dầu hỏa là có thật. (Trịnh Quốc Thiên, Những biển cố mất lãnh thổ - lãnh hải Việt Nam từ năm 939 đến 2002, VA: Nam Quan Ấn Quán, 2002, tt. 163-167).

Công việc chuẩn bị khai thác dầu hỏa trong Biển Đông của VNCH không qua mắt được TQ. Trung Quốc liền ra tuyên bố tái xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là Nam Sa và Tây Sa của TQ. Phản ứng lại, Ngoại trưởng VNCH Vương Văn Bắc chính thức bác bỏ luận điệu gây hấn và lên án ý đồ xâm lăng của TQ. Nhân Quốc khánh 1.11.1973, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu làm lễ đốt đuốc dầu tượng trưng để báo tin Việt Nam có mỏ dầu và xác định lại Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Đáp lại, ngày 11.1.1974, Ngoại trưởng TQ một lần nữa lên tiếng rằng hai quần đảo trên đây thuộc chủ quyền TQ; đồng thời TQ gửi hai chiến hạm đến đảo Cam Tuyền (hay Hữu Nhật tức Robert Island).

Ngày 16.1.1974, khi tuần dương hạm Lý Thường Kiệt (HQ 16) do Trung tá Hạm trưởng Lê Văn Thự chỉ huy, đưa Địa phương quân tỉnh Quảng Nam và nhân viên khí tượng ra Hoàng Sa để thay thế toán ở ngoài đó hết hạn kỳ, đến đảo Quang Hòa (Duncan), thì phát hiện đảo đã bị chiếm, có nhiều lính TQ, có chòi canh cầm cờ TQ. Quan sát tiếp, HQ 16 nhận thấy các đảo Duy Mộng (Drummond), Cam Tuyền không có người nhưng có cắm cờ TQ.

Tình hình càng lúc càng căng thẳng. Cả VNCH lẫn TQ đều tăng cường nhiều chiến hạm đối đầu nhau. Cuối cùng cuộc hải chiến bùng nổ ngày 19.1.1974. Hạm đội Trung Quốc mạnh hơn, đã thắng thế.

3.- Phản ứng sau trận Hoàng Sa

VỀ PHÍA VIỆT NAM CỘNG HÒA: Sau khi xảy ra trận hải chiến ngày 19.1.1974, Bộ Ngoại giao VNCH ra tuyên cáo lên án TQ xâm lăng và báo động thế giới rằng làm

ngờ trước hành vi của TQ là khuyến khích kẻ gây hấn. Phần cuối bản tuyên cáo viết:

"Các hành động quân sự của Trung Cộng là hành vi xâm lăng trắng trợn vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, và một lần nữa vạch trần chính sách bành trướng đế quốc mà Trung Cộng liên tục theo đuổi, đã được biểu lộ qua cuộc thôn tính Tây Tạng, cuộc xâm lăng Đại Hàn và Ấn Độ trước kia.

Việc Trung Cộng ngày nay xâm phạm lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa không những chỉ đe dọa chủ quyền an ninh của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là một hiểm họa đối với nền hòa bình và ổn cố của Đông Nam Á và toàn thế giới.

Với tư cách một nước nhỏ bị một cường quốc vô cơ tấn công, Việt Nam Cộng Hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung Cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung Cộng phải tức khắc chấm dứt các hành động nguy hiểm đó.

Làm ngõ để cho Trung Cộng tự do tiến hành cuộc xâm lấn trắng trợn này là khuyến khích kẻ gây hấn tiếp tục theo đuổi chính sách bành trướng của chúng và sự kiện này đe dọa sự sống còn của những nước nhỏ, đặc biệt là những nước Á Châu.

Trong suốt lịch sử, dân tộc Việt Nam đã đánh bại nhiều cuộc ngoại xâm. Ngày nay, Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa cũng nhất định bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia." (Tài liệu ronéo của Bộ Ngoại giao VNCH, Sài Gòn, số 015/BNG/TTBC/TT).

Sau đó, ngày 14.2.1974, chính phủ VNCH ra tuyên cáo xác định chủ quyền trên những hải đảo ngoài khơi VNCH. Sau khi tố cáo hành vi xâm lăng trắng trợn của TQ, bản tuyên cáo viết:

"Trong dịp này, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng long trọng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những hải đảo nằm ở ngoài khơi bờ biển Trung Phần và bờ biển Nam Phần Việt Nam từ trước tới nay vẫn được coi là một phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa căn cứ trên những dữ kiện địa lý, lịch sử, pháp lý và thực tại không chối cãi được.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trên những đảo ấy bằng mọi cách.

Trung thành với chính sách hòa bình cố hữu của mình, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng giải quyết bằng đường lối thương lượng những vụ tranh chấp quốc tế có thể xảy ra về những hải đảo ấy, nhưng nhất định không vì thế mà từ bỏ chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những phần đất này." (Tập san Sử Địa, Sài Gòn: số 29, tháng 1, 2 và 3-1975).

VỀ PHÍA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA: Khi xảy ra trận hải chiến Hoàng Sa, VNDCCH tức Bắc VN "nói rằng nó [Hoàng Sa] nằm dưới vĩ tuyến 17 và vì thế không ảnh hưởng đến họ. Nói chung, họ không đưa ra lập trường, không theo bên nào". (Báo cáo của William Colby, giám đốc CIA trong cuộc họp ngày 25.1.1974 do Ngoại trưởng Henry Kissinger chủ tọa). (BBC Vietnamese, cập nhật 12:24 GMT - Thứ hai, 3 tháng 10, 2011).

Bắc Việt Nam không dám lên tiếng phản đối TQ vì Bắc VN đang nhận viện trợ của TQ để tiến hành chiến tranh xâm lăng miền Nam VN. Nhà cầm quyền Hà Nội chỉ tuyên bố rằng *những tranh chấp lãnh thổ giữa các*

nước cần được giải quyết bằng thương thuyết trong tinh thần tôn trọng sự công bình, tương kính và lắng nghe tốt. (Qiang Zhai, sđd. tr. 210).

Mãi cho đến năm 1979, khi xảy ra chiến tranh biên giới giữa Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Trung Quốc, nhà cầm quyền CS Hà Nội mới lên án hành động Bắc Kinh xâm lăng quần đảo Hoàng Sa. (Nxb. Sự Thật, Sự thật về quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong 30 năm qua, Hà Nội: Nxb Sự Thật, 1979, tt. 68-69).

VỀ PHÍA HOA KỲ: Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại cho biết rằng ông "gọi điện thoại về Bộ Tư Lệnh Hải Quân xin can thiệp với cố vấn Mỹ yêu cầu Đệ Thất Hạm Đội của Hoa Kỳ vớt các thủy thủ Việt Nam, nhưng dường như họ có được chỉ thị nên không một chiến hạm Mỹ nào đến gần nơi xảy ra cuộc hải chiến". (Hồ Văn Kỳ Thoại, Can trường trong chiến bại, Falls Church, VA: 2007, tr 171). Điều này đúng như giao ước miệng ngày 4.4.1972 giữa đại diện Hoa Kỳ là Winston Lord với đại sứ TQ tại Liên Hiệp Quốc là Hoàng Hoa là "Hải quân Mỹ sẽ được lệnh ở lại tại khoảng cách 12 dặm kể từ quần đảo Hoàng Sa." (Huy Đức, sđd. tr. 103).

Sau cuộc hải chiến ngày 19.1.1974 giữa Hải quân VNCH và Hải quân TQ, khi gặp Han Hsu, Quyền trưởng phái đoàn liên lạc TQ tại Washington ngày 23.1.1974, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Kissinger nói: "*Hoa Kỳ không có lập trường trong việc ủng hộ tuyên bố chủ quyền của Nam Việt Nam tại các đảo này*". Trong cuộc họp tại Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 25.1.1974, do Ngoại trưởng Henry Kissinger chủ tọa, Đô đốc Thomas H. Moorer, Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ, báo cáo với Kissinger: "Chúng ta đã tránh xa vấn đề... Chỉ thị của tôi là tránh xa khỏi toàn bộ khu vực [Hoàng Sa]". (BBC Vietnamese, cập nhật 12:24 GMT - Thứ hai, 3 tháng 10, 2011).

Những trao đổi trong cuộc họp trên đây cho thấy có thể người Mỹ đã được phía Trung Quốc báo tin sẽ tấn công Hoàng Sa, nên mới có lệnh tránh xa khu vực Hoàng Sa. Phải chăng Trung Quốc đáp lễ cho Hoa Kỳ, như Hoa Kỳ đã từng báo trước cho Trung Quốc cuộc oanh kích mùa Giáng sinh năm 1972 (đã viết ở trên); và sau này Phó thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình báo trước cho Tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter biết sẽ tấn công Việt Nam để dạy cho Việt Nam một bài học năm 1979. (Bùi Xuân Quang, La troisième guerre d'Indochine 1975-1999, Paris: L'Harmattan, 2000, tr. 421).

4.- Kết luận

Trận hải chiến Hoàng Sa tuy chỉ diễn ra trong một ngày (19.1.1974), nhưng đã phản ánh rõ lập trường của các bên tham chiến trong suốt 30 năm chiến tranh (1946-1975) vừa qua tại Việt Nam.

Việt Nam Cộng Hòa hay Nam Việt Nam (Nam VN) quyết tâm tự vệ, chống lại cuộc xâm lăng của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hay Bắc Việt Nam (Bắc VN), bảo vệ nền độc lập của Nam VN nói riêng và bảo vệ chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam nói chung.

Vì tham vọng bành trướng và xâm lăng Nam VN, Bắc VN cầu viện khối CS quốc tế, nhất là cầu viện Trung Quốc, đành chấp nhận làm tay sai cho ngoại bang, ký công hàm ngày 14.9.1958 tán thành quyết định về lãnh hải của Trung Quốc ngày 4-9-1958, nghĩa là nhượng đứt hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Chính vì Bắc VN mãi mê tấn công Nam VN, tạo thời cơ thuận tiện cho Trung Quốc xâm lăng Hoàng Sa.

Cáo Phó & Cảm Tạ

Gia đình chúng con/chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Mẹ, Chị, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng con/chúng tôi là:

Thân mẫu

Nguyễn Thị Gân

Pháp danh Tâm Bình

Sinh năm Đinh Ty

Đã mệnh chung ngày 15.01.2013

nhằm ngày 04 tháng 12 năm Nhâm Thìn

tại Sài Gòn, Việt Nam

Thượng thọ: 96 tuổi

Tang lễ cử hành tại Sài Gòn Việt Nam

Chúng con/chúng tôi chân thành cảm tạ và tri ân:

- HT Viện chủ chùa Bửu Quang tại Sài Gòn
- Ni Trưởng chùa Bảo Vân, Sài Gòn
- Ni Sư Diệu Phước, Chùa Linh Thứu Berlin, Đức
- T.T Tâm Tài, Chùa Long Hoa, Sài Gòn
- Thầy Trụ Trì, Chùa Trường Thạnh, Sài Gòn
- Sư Khánh Hỷ tại Canada
- Đ.Đ Thích Hạnh Định, chùa Phật Linh Bà Rịa, Vũng Tàu
- Đ.Đ Hạnh An, Sài Gòn
- Sư Bà và Quý Sư Cô, Chùa Bảo Quang, Hamburg

Cùng tất cả Tăng chúng, quý Phật tử và bà con nội, ngoại thân bằng quyến thuộc đã điện thoại, email chia buồn, phúng điếu, hộ niệm, giúp đỡ, cùng đến tham dự tang lễ và tiễn đưa Mẹ, Chị, Bà Nội, Bà Ngoại chúng con/chúng tôi.

Tang gia đồng khắp báo:

- Biện Thị Mai, Pháp danh Như Lộc ở Đức
- Biện Văn Tỷ và các con tại Sài Gòn Việt Nam
- Và các cháu Nội, Ngoại

Vì nhu cầu ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa CS, nhất là sự bành trướng của Trung Quốc xuống Đông Nam Á, Hoa Kỳ giúp Nam VN chống Bắc VN. Qua cuộc chiến Việt Nam, Hoa Kỳ liên lạc được với Trung Quốc, nên Hoa Kỳ thay đổi chiến lược toàn cầu và bỏ rơi VNCH.

Trung Quốc giúp CSVN từ năm 1950 vừa vì sự cầu viện của Hồ Chí Minh, vừa vì chính an ninh bản địa Trung Quốc. Mao Trạch Đông đã từng nói: "*Không thể chỉ nói Trung Quốc giúp Việt Nam, phải nói rằng Việt Nam cũng giúp Trung Quốc là sự giúp đỡ lẫn nhau*". (La Quý Ba, "Mẫu mực sáng ngời của chủ nghĩa quốc tế vô sản", trong Ghi chép thực về việc đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc viện trợ Việt Nam chống Pháp, Montreal: Nxb. Tạp chí Truyền Thông (in lại), số 32 & 33, 2009, tr. 27). Đồng thời Trung Quốc còn tính chuyện đầu tư tương lai lâu dài, chờ đợi thời cơ thuận tiện ra tay cướp đất. Trung Quốc là đại họa thường trực của dân tộc Việt Nam từ thời cổ sử cho đến ngày nay, luôn luôn tìm cách xâm lăng Việt Nam, mở đường xuống Đông Nam Á.

Cuối cùng, Hoàng Sa bị tạm chiếm năm 1974, nhưng Hoàng Sa, hải đảo thân yêu do tổ tiên để lại, không bao giờ ra khỏi trái tim Việt Nam •

(Toronto, 6-1-2013)

Sửa đổi Hiến pháp, trò hề bịp bợm của đảng Cộng Sản Việt Nam

* **Ngô Quốc Sĩ**

Chỉnh đốn Đảng, chấn chỉnh tư cách đảng viên, cải cách hệ thống chính trị, là những chiêu bài của cộng sản Việt Nam qua các kỳ Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương 4, 5 và 6 vừa qua. Hôm nay, Hà Nội lại tung ra một chiêu bài mới, là Sửa Đổi Hiến Pháp. Thực ra, sửa đổi Hiến Pháp chỉ là một điệp khúc cũ rích, Đảng hô hào sửa đổi cho vui, và Dân cũng kiến nghị rất thành tâm, nhưng rốt cuộc mọi chuyện vẫn y nguyên! Đảng thì vẫn theo tư tưởng Mác Lê, vẫn chủ trương độc tài toàn trị lãnh đạo độc tôn. Còn dân thì vẫn kéo lê cuộc sống trong đói nghèo, thiếu dân chủ, mất tự do và nhân quyền. Câu hỏi đặt ra là cái gọi là "Cuộc Cách mạng Hiến Pháp" sẽ đi về đâu?

Đây là lần thứ 4, cộng sản Việt Nam nói chuyện sửa đổi Hiến Pháp. Hiến Pháp đầu tiên 1946, không được trưng cầu dân ý, và đã bị Hồ Chí Minh cho ngậm tôm! Sau đó, cộng sản Việt Nam cho sửa đổi Hiến Pháp năm 1959, rồi 1980, và rồi 1992. Hôm nay, 2013 Hà Nội lại nói chuyện sửa đổi Hiến Pháp với Quyết Nghị 38/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc Hội. Điều đáng nói là lần này, Hà Nội đã lớn tiếng hô hào dân chúng góp ý về bản Dự Thảo, và không quên nhấn mạnh là kể cả Điều 4! Nhưng mọi người đều nhận chân ra rằng, phần trình diễn bên ngoài là thế, nhưng thực chất bên trong lại khác hẳn!

Điểm qua bản Dự Thảo của Hà Nội, chúng ta có thể nhận thấy 3 chủ điểm khác nhau.

Có những điều khoản "vô thưởng vô phạt" được sao lại bốn cũ, như Điều 13 về Quốc Kỳ, Quốc Ca, Quốc Hiệu, Quốc Huy, Quốc Khánh và Thủ Đô.

Có những điều khoản tương đối tế nhị, liên hệ tới Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, cũng được lập lại như những sáo ngữ, tiêu biểu như "mọi người đều bình đẳng trước pháp luật", "mọi người đều có quyền tự do tín ngưỡng", "mọi công dân đều có quyền tự do ngôn luận".

Nhưng thiết yếu là những điều khoản trực tiếp liên hệ đến chủ trương đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam thì hoàn toàn bất di bất dịch, tiêu biểu như quyền lãnh đạo độc tôn của Đảng trong Điều 4, quyền thao túng của Mặt Trận Tổ Quốc trong Điều 9, quyền chính trị hóa kinh tế trong Điều 54, xác định nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dự thảo của Hà Nội là thế; Nhưng dân Việt đã thẳng thắn bác bỏ bản Dự Thảo khôi hài đó, để thay thế bằng một Kiến Nghị Sửa Đổi phản ảnh tinh thần dân chủ đa nguyên, chấm dứt độc tài đảng trị. Đó là bản Kiến Nghị của 72 nhà trí thức, trong đó có 3 vị Giám Mục Công Giáo gồm Đức Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt, Đức Giám Mục Nguyễn Thái Hợp và Đức Giám Mục Nguyễn Chí Linh. Đến hôm nay, đã có trên 7 ngàn chữ ký của các thành phần dân chúng, kể cả một số Đảng Viên, ủng hộ bản Kiến Nghị Sửa Đổi này.

Bản Kiến Nghị đưa ra những nét căn bản cho một thể chế dân chủ, tiêu biểu như "chủ quyền nhân dân", "Đa nguyên đa đảng", "Tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận và tự do chính trị". Tiêu biểu nhất là "Tam Quyền Phân Lập" cổ võ tính cách độc lập giữa Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp. Điểm đặc biệt hơn hết là bản Kiến Nghị đã đề nghị thành lập một Hội Đồng Hòa Giải Dân Tộc, để xóa bỏ hận thù quá khứ, thực hiện đoàn kết dân tộc và hướng về tương lai để phát huy năng lực của người Việt Nam.

Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, xưa nay thường im hơi lặng tiếng trước các vấn đề chính trị, nay nhân cơ hội có bản Kiến Nghị của trí thức Việt Nam, cũng đưa ra một Bản Nhận Định với những đề nghị cụ thể và tích cực, chẳng hạn, "Hiến Pháp cần xác định rõ mọi người đều tự do bình đẳng về phẩm giá", "Hiến Pháp phải làm nổi bật quyền làm chủ của nhân dân", "Hiến Pháp phải xóa bỏ đặc quyền của bất cứ một đảng phái chính trị nào".

Phía Phật Giáo, Hòa Thượng Thích Quảng Độ cũng đề cao giá trị bản Kiến Nghị của trí thức trong ý hướng chấm dứt độc tài đảng trị: "Cái kiến nghị sửa đổi Hiến Pháp rất quan trọng, là bởi vì cái Hiến Pháp hiện hành, đặc biệt Điều 4, dành toàn quyền cho Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước, thì như vậy là họ đặt quyền lãnh đạo kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, tất cả đều do Đảng cộng sản chỉ huy và đặt kế hoạch, như vậy họ chỉ làm trước hết củng cố địa vị cho Đảng".

Hưởng ứng bản Kiến Nghị của giới trí thức, nhiều nhân sĩ trong và ngoài nước đã lên tiếng bày tỏ quan điểm một cách thẳng thắn.

Nguyễn Đắc Kiên đã bác bỏ quan điểm của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng coi bản Kiến Nghị của trí thức Việt Nam là suy thoái chính trị và tư tưởng, đồng thời dứt khoát khẳng định phải thiết lập một Hiến Pháp mới, phải cổ võ đa nguyên đa đảng, phải thực hiện "tam quyền phân lập" và phi chính trị hóa quân đội.

Nguyễn Minh Cần đã coi bản kiến nghị của trí thức thách đố của Nguyễn Đắc Kiên là một "cuộc biểu tình độc đáo" vì lời tuyên bố của Nguyễn Đắc Kiên như một công dân tự do, đã thu hút được 8000 chữ ký, đòi cộng sản Việt Nam chấm dứt độc tài đảng trị, mở cửa dân chủ đa nguyên.

Tiến Sĩ Nguyễn Quang A còn mạnh bạo hơn, lên án lời tuyên bố suy thoái của Nguyễn Phú Trọng là hoàn toàn phi lý, và khẳng định "Có những người như anh Kiên là đáng quý cho dân tộc Việt Nam".

Trở về với cộng sản Việt Nam, thì hỡi ôi! Họ thật sự họ đã nói một đảng làm một nẻo, đúng theo bản chất đối trá lừa đảo cố hữu. Nguyễn Phú Trọng đã diên tiết trước các phản ứng của quần chúng, rêu rao rằng "đòi đa nguyên đa đảng, tam quyền phân lập, phi chính trị hóa quân đội... là suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống". Lời tuyên bố của Trọng làm ta liên tưởng tới câu nói của Nguyễn Minh Triết trước đây: Hủy bỏ Điều 4 Hiến Pháp là tự sát...". Lên án bằng lời, Hà Nội cũng đã ra tay hành động, kết quả nhà báo Nguyễn Đắc Kiên đã bị sa thải một cách oan uổng! Rõ ràng là Hà Nội vừa ăn cướp vừa la làng đến nỗi Tiến Sĩ Nguyễn Quang A đã thốt lên "vừa mới nói dân mở miệng ra, ngay sau đó lại bịt miệng dân!".

(Xem tiếp trang 55)

Bé Ti và những Mahfouz Việt Nam

* **Nguyệt Quỳnh**

(nhân ngày Quốc Tế Phụ Nữ 2013)



*Asma Mahfouz thuộc phong trào trẻ
Trong biến động "Mùa Xuân Ả Rập"*

*Tóc dài cuối nội mây xa
Vàng con bướm nhụy lẩn tà huy bay
(Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng - Phạm Thiên Thu)*

Phạm Thiên Thu chỉ phác họa đôi nét về mái tóc người thiếu nữ vừa rời đi trong một buổi chiều nhạt nắng. Tuy nhiên, người đọc lại tìm thấy cả trời lưu luyến trong cái bóng hoàng hôn người con gái vừa để lại sau lưng. Cái thế giới có hoa vàng, hương tóc, tà áo, khăn lụa của Phạm Thiên Thu dường như đã làm rung động cả nhân loại chứ không chỉ riêng mình ông. Và cái bóng dáng của người phụ nữ với khăn xanh, vòng ngọc sẽ mãi mãi là đề tài muôn thuở của hội họa, của thi ca... tuy nhiên, sự mạnh mẽ phía sau những chiếc khăn lụa đó có lúc đã làm kinh ngạc cả thế giới!

Eleanor Roosevelt viết rằng: "Một người phụ nữ cũng giống như một túi trà - bạn không thể nói cô ta mạnh mẽ thế nào cho tới khi đặt cô ta vào nước nóng". Eleanor Roosevelt là một phụ nữ như vậy. Bà là phu nhân của Tổng thống Franklin D. Roosevelt, nhưng Tổng thống Harry S. Truman gọi bà là Đệ nhất Phu nhân của thế giới. Người đàn bà này đã dành gần trọn cuộc đời để đi khắp nơi vận động cho quyền con người. Bà là một trong những người đã góp phần soạn thảo nên bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Khi mất đi, bà được công chúng ngưỡng mộ đến nỗi một họa sĩ đã vẽ bức tranh tưởng niệm bà: chỉ với hình ảnh hai thiên sứ nhìn xuống một khoảng trống giữa các đám mây, với hàng chữ "Bà ấy đang ở đây", và không cần bất cứ một lời chú thích nào cả.

Tôi vẫn thích dành câu nói của nhà văn Washington Irving để nói về người phụ nữ "Cả cuộc đời của người phụ nữ là một bài lịch sử về những yêu thương". Nếu bạn đọc nhật ký của cô thiếu nữ Malala bạn sẽ thấy rõ điều này. Những trang nhật ký của Malala đã khiến

cho cả thế giới bên ngoài kinh hoàng về tội ác diệt chủng của quân Taliban. Bằng tiếng Urdu, trên trang mạng của đài BBC, Malala kể về cái lệnh cấm nữ sinh đi học của Taliban đã ảnh hưởng đến em và bạn học như thế nào. Cô viết: "Tôi thấy nhói đau khi mở tủ quần áo và thấy bộ đồng phục, túi sách vở và hộp dụng cụ học sinh của mình. Ngày mai, trường nam sẽ mở cửa lại, nhưng con gái chúng tôi thì bị Taliban cấm học hành...". Malala đã gọi quân Taliban là "lũ man rợ".

Lũ man rợ Taliban đã đọc lệnh hành quyết em ngay trên chuyến xe bus chờ học sinh. Một nhóm đàn ông râu ria xồm xoàm mang mặt nạ đã chĩa súng thẳng vào đầu, vào ngực em và bóp cò. Trong khi Malala còn đang nằm hôn mê tại một bệnh viện ở Anh Quốc thì những trang nhật ký đầy yêu thương của cô nữ sinh 14 tuổi này đã đánh thức cả đất nước Pakistan về sự can trường của cô. Ký giả truyền hình nổi tiếng Nusrat Javed tuyên bố "Malala đã giải phóng đất nước Pakistan". Còn Tướng Ashfaq Kayani, Tư lệnh Quân đội, sau khi đến bệnh viện thăm Malala, đã nói, "Chúng tôi khước từ việc quỳ gối trước nạn khủng bố. Chúng tôi sẽ chiến đấu, bất kể giá nào. Chúng tôi sẽ chiến thắng".

Những câu chuyện về Malala, Phạm Thanh Nghiên, Đỗ Thị Minh Hạnh và gần đây nhất Nguyễn Đặng Minh Mẫn là những bài học về yêu thương. Tuy nhiên, đằng sau cái tấm mạng mỹ miều che mặt người thiếu nữ Pakistan này, đằng sau cái dáng dấp nhỏ nhắn của những người phụ nữ Việt Nam tôi vừa kể tên, họ là những người quặng thép.

Ts Nguyễn Quốc Quân gọi người bạn tù Nguyễn Đặng Minh Mẫn của anh là "một người khổng lồ". Chị là người lãnh án đến tám năm tù, bản án nặng thứ hai sau các án tù mười ba năm dành cho các anh Paulus Lê Văn Sơn, Hồ Đức Hòa, Đặng Xuân Diệu. Cô Minh Mẫn là người con gái trong một gia đình gồm bốn người và bị bắt giam hết cả ba: mẹ chị bà Đặng Thị Ngọc Minh, anh trai Nguyễn Đặng Vĩnh Phúc và bản thân chị. Sự can trường của chị đã làm cho những người bạn suốt hai dãy tù và ngay cả các quản giáo của trại giam B34 đều phải nể phục. Lời chị nhắn gửi ra cho bạn hữu bên ngoài trước phiên tòa ở Nghệ An cho thấy bạo lực đùng hòng khuất phục được người con gái ấy. Chị bảo: "Chú Quân nhắn giùm bạn hữu của bé Ti rằng, dầu có thế nào bé Ti sẽ vẫn trước sau như một". Tôi đã thật xúc động khi nghĩ đến tám năm thanh xuân của người con gái ấy. Và chợt liên tưởng đến nỗi bâng khuâng của những người bạn tù, kể cả anh Nguyễn Quốc Quân; anh tâm sự đã buồn thật nhiều khi cô gái mang cái tên ở nhà "bé Ti" bị chuyển dời đi nơi khác.

Trong suốt mười năm qua, một trong những hiện tượng nổi trội nhất trong công cuộc đấu tranh đòi quyền con người tại Việt Nam là những khuôn mặt của các phụ nữ. Họ góp mặt chung thủy và kiên cường một cách lạ lùng! Tôi nghĩ đến hình ảnh của một con gà mẹ xù lông cánh bảo vệ đàn gà con trước móng vuốt của đại bàng.

Chính cái thiên chức và bản năng của người mẹ đã khiến cho những phụ nữ như Trần Thị Thúy, Phạm Thanh Nghiên, Đỗ Thị Minh Hạnh, Nguyễn Đặng Minh Mẫn... đứng lên bênh vực những ngư dân bị bức hại, những dân oan, những công nhân thấp cổ bé miệng và tất cả những kẻ yếu đuối, cô thế.

Họ chính là hình ảnh tuyệt vời của người Mẹ. Trong gia đình nếu người cha là trụ cột, thì phía sau ông, mẹ là

người sắp xếp, tất bật, chịu đựng, thương khó chu toàn mọi việc. Tuy nhiên, khi gia đình gặp nguy nan, mẹ cũng chính là người sẽ xông ra trước những hiểm nguy, giông tố, mưa bão của cuộc đời để bảo vệ cái tổ ấm của mình.

Những phụ nữ ở Ai Cập, ở Lybia cũng thế; chính các bà mẹ là người đổi thay mọi lễ lối suy nghĩ trong gia đình. Họ là người biết rất rõ cái tâm trạng bị xem thường, bị đàn áp, bị bạo hành. Chính họ đã chuyển đổi thái độ từ chịu đựng sang đấu tranh đòi quyền sống, và cũng chính họ là người đã đứng dậy để bênh vực và bảo vệ cho những kẻ bị trấn áp. Đây là một hiện tượng đã xảy ra tại hầu hết các cuộc cách mạng bất bạo động. Tại những nơi này, phụ nữ là một trong những lực lượng tràn ra đường phố đầu tiên. Và sau ngày đổi đời, cũng chính những hội đoàn phụ nữ này - từ các Sơ công giáo, các Ni cô Phật giáo, đến các nhóm thiện nguyện, là lực lượng bằng bỏ lại xã hội hữu hiệu nhất.

Trong những ngày sôi động của "mùa xuân Ả Rập", truyền thông báo chí ngoại quốc ghi lại được những khuôn mặt quyết tâm và những khẳng định sẵn sàng đổi mới với bất cứ thách thức nào để chuyển đổi đất nước từ độc tài sang dân chủ. Cô Asmaa Mahfouz thuộc phong trào trẻ 6 tháng 4 được coi là một trong những người khởi động các cuộc nổi dậy ở Cairo. Trước cuộc biểu tình ngày 25 tháng giêng năm 2011, một Mahfouz trẻ trung, đầy nhiệt huyết đã đưa lên mạng một video của cô với lời kêu gọi:

"Nếu bạn cho rằng bạn chính là một người đàn ông, thì hãy đến với tôi ngày 25 tháng Giêng này. Kẻ nào nói rằng phụ nữ không nên đi biểu tình phản đối, vì họ sẽ bị đánh đập, thì hãy để cho kẻ đó có chút danh dự và phẩm chất đàn ông và hãy đến cùng tôi ngày 25 tháng Giêng. Kẻ nào nói rằng không đáng đến vì chỉ có một dúm người, thì tôi muốn nói với anh ta rằng: Anh chính là nguyên nhân của sự ít người đến đó và anh là một kẻ phản bội, y chang như viên Tổng thống hay bất kỳ một tên cóm an ninh nào đó đã đánh chúng tôi trên đường phố".

Huỳnh Thục Vy, Bùi Minh Hằng, Nguyễn Hoàng Vy... đã bị xô đẩy, đánh đập trong các cuộc biểu tình. Trần Thị Thúy đã bị dày ai, Đỗ Thị Minh Hạnh đã bị tra tấn đến điếc một bên tai, nhưng những đánh đập bạo hành đó đã trở thành chuyện nhỏ trước tấm lòng thương người của các chị, trước nỗi đau quá lớn của cả xã hội, và trước sức mạnh tiềm tàng của cả dòng thác "con cháu Hai Bà". Kẻ cầm quyền đã quên mất rằng cả cái pháp trường triều Nguyễn đã từng phải rung động và cúi đầu trước một Bùi Thị Xuân. Sức mạnh này là có thật và đang đồng hành với những đổi thay từng ngày của đất nước. Đàng sau bước chân những người phụ nữ này là những giá trị của cuộc sống, là sự tự do và nhân phẩm của con người, là nền tảng tương lai tươi đẹp của tổ quốc.

Sáng nay tôi vừa nhìn thấy hình ảnh của Nguyễn Ngọc Diễm Phượng với hai tay giơ lên bầu trời xanh và nụ cười biểu thị sự tự do khi chị vừa ký đơn tình nguyện rời khỏi đảng Cộng Sản. Bức hình của chị là lời kêu gọi trẻ trung của một Asmaa Mahfouz Việt Nam nhân ngày quốc tế phụ nữ. Tôi bỗng dưng không chỉ nhìn thấy Diễm Phượng, tôi nhìn thấy Đỗ Thị Minh Hạnh tươi đẹp



Một hình ảnh biểu thị sự tự do khi rời khỏi Đảng CSVN

bên Nguyễn Hoàng Quốc Hùng người yêu của chị. Tôi nhìn thấy Nguyễn Đăng Minh Mẫn, Trần Thị Thúy trở về cùng với cái thể giới của hoa vàng của khăn xanh vòng ngọc và dịu dàng trong những câu thơ của Văn Công Hùng:

*Có một mái nhà, có một tình yêu
ta thành kẻ giàu sang và phú quý
em như hòn đảo chìm chứa đầy châu báu
ta để dành dự trữ lúc nguy nan
(Vợ - Văn Công Hùng)*

Sửa đổi Hiến pháp, trò hề bịp bợm của đảng Cộng Sản Việt Nam

(Tiếp theo trang 53)

Thế là Đảng có Dự Thảo, còn Dân đã phế bỏ Dự Thảo của Đảng và thay thế bằng bản Kiến Nghị Sửa Đổi, phản ánh tinh thần dân chủ đa nguyên. Câu hỏi đặt ra là "ai nghe ai?". Hẳn nhiên, Đảng chẳng bao giờ nghe dân và dân cũng chẳng bao giờ nghe Đảng! Rồi những kiến nghị, những góp ý cũng sẽ bị Đảng cho vào sọt rác, để tiếp tục bước đi trong "Thiên Đường Mù", trong "Đêm Giữa Ban Ngày", mặc dân ta thán, kêu cứu trong uất nghẹn.

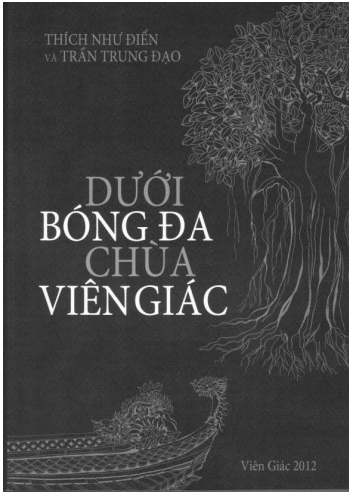
Thế thì chỉ còn một con đường duy nhất để mở cửa dân chủ, chấm dứt độc tài đảng trị, cứu nguy Tổ Quốc, là con đường vận dụng sức mạnh quần chúng để phá vỡ xiềng xích, đập nát bạo quyền, đúng như nhận định của Tiến Sĩ Nguyễn Phúc Liên "Cuộc cách mạng Hiến Pháp phải có những bà nội trợ cầm sẵn dao thái thịt trong tay, những nông dân có liềm bên cạnh, những công nhân nắm vững cán búa". Đó là những Đoàn Văn Vươn bên cạnh Lê Hiền Đức, Tạ Phong Tần, Nguyễn Đắc Kiên... và hàng hàng lớp lớp những người trẻ đứng lên đáp lời sông núi. -/.

*** Ngô Quốc Sĩ**

Độc

"Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" nghĩ về những câu chuyện Thiền

* Lương Thư Trung



Quyển "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" vừa mới được chùa Viên Giác tại Đức ấn hành vào những ngày cuối tháng 12 năm 2012, là một quyển hồi ký khá đặc biệt được Hòa Thượng Thích Như Điển và nhà thơ Trần Trung Đạo cùng viết chung với nhau về những kỷ niệm dưới mái chùa Viên Giác ở Hội An cách nay gần năm mươi năm mà nhị vị có một thời tuổi thơ đã sống và tu

học nơi mái chùa thân yêu ấy.

Về phần mình, nói về nguyên nhân nào Ngài viết tập sách này, Hòa Thượng Thích Như Điển viết: "Bây giờ tôi đã ở vào tuổi 63 và sau 48 năm xuất gia học đạo, có một chút niềm vui và kỷ niệm nào xin viết lại để kéo sau này bị quên hoặc không viết được nữa do tuổi già sức yếu hay do vô thường thì uống lắm. Cho nên tôi đã cố gắng viết lên những cảm nghĩ của mình nơi có ngôi chùa xưa, vị Thầy cũ, cây Đa già đã che chở cho tôi suốt cả đoạn đường đời với gió mưa gian khổ mà chúng tôi mới thành tựu được như ngày hôm nay; nên mỗi khi kỷ niệm hiện về là tôi lại nhớ nhớ mong mong về những hình ảnh cũ kỹ xa xưa ấy. Quả thật nó không là chuyện giàu có, cao sang, danh vọng gì; nhưng chính từ chỗ bùn lầy nước đọng ấy tôi đã đi và đang đến. Đây chính là chất liệu dưỡng sinh rất vô cùng quý giá cho cuộc đời hành đạo của chính mình tại xứ trời Tây này".

Còn nhà thơ Trần Trung Đạo thì tâm sự: "Dưới mái cong của ngôi chùa cổ đó, những quyết định quan trọng có ảnh hưởng cho sự tồn vong của đạo pháp được thư thi, những giấc mơ nhỏ bé được hình thành và lớn lên. Thời gian trôi trên sông đời bất tận. Kể đến người đi. Sự phụ đã viên tịch. Hòa Thượng Thích Tâm Thanh đã viên tịch. Hòa Thượng Thích Như Điển hành đạo phương xa. Kể viết bài này còn xa hơn nữa. Nhưng tinh thần Viên Giác vẫn bàng bạc đó đây trong mỗi chân tường, trong từng viên ngói đỏ. Những gì của quá khứ đã ngủ yên với duyên và nghiệp trên một chặng đường, những gì sẽ xảy ra không ai biết. Chỉ có hôm nay là quan trọng nhất. Giữ lại những nét đẹp của hôm qua và làm đẹp hơn cho các thế hệ tương lai, chính là tinh thần của chùa Viên Giác".

Nhắc về nhà thơ Trần Trung Đạo, Hòa Thượng Thích Như Điển kể lại: "Trần Văn Nhơn lúc nhỏ ở chùa cùng tôi vào khoảng 1968. Nhơn không xuất gia, chỉ là một Phật

Tử do Thầy tôi nhận nuôi để Nhơn đi học trung học ở Trường Trần Quý Cáp. Có lẽ Nhơn thua tôi chừng 3 tuổi. Thuở ấy anh ta rất rụt rè; nhưng được Thầy tôi thương nhiều, có lẽ vì là con mồ côi và học giỏi. Sau này Nhơn vào Đại Học Vạn Hạnh và Văn Khoa. Còn tôi thì đi Nhật và qua Đức, đã mấy mươi năm rồi đâu có cơ hội gặp lại nhau và chừng mười năm về trước chúng tôi có gặp lại nhau được mấy tiếng đồng hồ ở Boston, USA. Kể từ đó chúng tôi có liên lạc đều. Những bài thơ, những đoàn văn mang tên Trần Trung Đạo chính là Trần Văn Nhơn này. Khi Thầy tôi viên tịch Nhơn có liên lạc và năm nay chỉ tình cờ thôi, tôi và Nhơn lại rủ nhau viết chung một tác phẩm lấy tên là "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" để ra mắt độc giả tại Hoa Kỳ và Âu, Úc Châu thì quả là một chuyện "bất khả tư nghị" không có thể dùng lời nói nào để diễn tả nổi hết sự vui mừng này" (trang 80).

Với hoàn cảnh mồ côi từ rất sớm ấy, như lời giới thiệu của Hòa Thượng Thích Như Điển, phần viết về mình, nhà thơ Trần Trung Đạo qua hơn 152 trang sách với giọng văn như trái tim lòng, tác giả đã ghi lại những ngày tuổi thơ khốn khó của mình vô cùng tha thiết, cảm động. Trường hợp tuổi già như tôi, nhiều lúc tôi tự đặt mình vào hoàn cảnh ấy của tác giả lúc thiếu thời, thú thật tôi cũng không biết phải làm sao!

Nhắc đến Hòa Thượng Thích Như Điển lúc ở chùa Viên Giác hồi còn nhỏ, nhà thơ Trần Trung Đạo viết: "Một vị khác là Hòa Thượng Thích Như Điển mà tôi vẫn quen gọi là chú Điển, là người đặc biệt. Mặc dù chỉ sống chung với chú một thời gian ngắn nhưng qua cách tu học của chú, ngày đó tôi đã nghĩ chú Điển sẽ trở thành một bậc tăng tài và sẽ đóng góp được nhiều cho dân tộc và đạo pháp.

Chú Điển học tập ngoại điển ở Trung học Trần Quý Cáp và năm nào chú cũng được trao phần thưởng. Mặc dù ở chung nhau một phòng nhưng góc phòng của chú Điển là một thế giới riêng, ngăn nắp và cẩn trọng. Từ chiếc bàn chải đánh răng, chiếc mũng ngăn muối, chiếc thau rửa mặt, chiếc khăn lau, cục xà phòng đều được chú đặt vào một vị trí thích hợp. Năm tôi vào là thời gian chú học Thủ Lăng Nghiêm để chuẩn bị đi thọ giới Sa Di. Đêm nào chú cũng học rất khuya. Chú là chúng trưởng của chúng tôi nên trên bàn chú có chiếc đồng hồ báo thức...

Chú Điển rất ít nói nếu không muốn nói là hơi khó tánh. Chú ít khi đi ra ngoài, ngoại trừ thỉnh thoảng các bạn học cùng lớp từ Hội An ghé thăm chú. Chú rất thương chúng tôi nhưng cũng rất hay la rầy. Mỗi khi bọn tôi được gọi vào gặp chú Điển là biết có chuyện chẳng lành sắp xảy ra, nếu không đánh chuông thiếu vài tiếng thì cũng tụng kinh trễ...

....

Chú Điển không hẳn là thông minh xuất chúng nhưng sự chuyên tâm của chú hiếm ai bì kịp. Đêm nào chú cũng thức học bài và học kinh rất khuya nhưng thức dậy cũng sớm hơn mọi người" (trang 328).

Với ghi nhận vừa dẫn, qua cuốn sách này, được biết Hòa Thượng Thích Như Điển nói và viết được sáu, bảy thứ tiếng. Ngài viết và dịch kinh sách bằng tiếng Việt, Hán, Nhật, Đức, Pháp và Anh ngữ đủ loại mà cuốn "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" này là cuốn thứ 60 của Ngài.

Với gần 350 trang sách, "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác", ngoài những câu chuyện liên quan về một khoảng đời, nhị vị tác giả còn phác họa lại bức tranh xã hội miền

Trung, đặc biệt ở Hội An-Đà Nẵng, những năm 1963-1968 qua "Mùa Pháp Nạn", "Tết Mậu Thân" và nhiều biến cố lịch sử khác. Riêng về tính trung thực, trong phần của Hòa Thượng Thích Như Điển, Ngài viết: "*Hồi ký là những gì thuộc về cá nhân và dĩ nhiên đa phần người ta viết về những cái tốt chứ chẳng ai dám viết về cái xấu bao giờ; nhưng tôi hy vọng với đoản văn trên 160 trang này không chia thành chương sẽ trung thực trên 90% theo cái nhìn chủ quan của mình*" (trang 80).

Với 10% còn lại của sự trung thực này, Hòa Thượng bày tỏ: "*Còn những phần thiêu hoặc dở xấu chắc chắn không thể tránh khỏi. Với thành phẩm như thế này mà chỉ viết tay trong vòng năm ngày trên núi đồi Đa Bảo tại Sydney Úc Đại Lợi nhân lần nhập thất thứ 3 của tôi và cái tuổi học trò thuở ấy cũng đã hơn 40 rồi không thể tài nào nhớ hết nổi*" (trang 80).

Về văn cách của nhà thơ Trần Trung Đạo, chúng tôi đã khá quen nhưng với văn phong của Hòa Thượng Thích Như Điển, dù tài học cùng kiến thức uyên bác của Ngài như vừa kể, nhưng qua tác phẩm này, lần đầu tôi được đọc văn của Ngài, tôi nhận thấy cách hành văn của Ngài rất giản dị, bình dân, rõ ràng mà thân ái, gần gũi. Có những câu chuyện mà Ngài kể lúc mới xuất gia, hoặc lúc Ngài hay tin từ mẫu mất trong chiến tranh khi Ngài mới 17 tuổi, mà Ngài viết như kể với người thân, thật cảm động... Rồi những câu chuyện ở chùa lúc đầu, cảnh làm nhang, cảnh mỗi ngày tưới nước cây dương trên cát nóng, cảnh làm đậu hủ để chùa bán kiếm tiền mua sắm mọi vật dụng như nhang đèn cho chùa, cảnh ăn chay, cảnh học hành hoặc cảnh chăm sóc lá lúc còn nhỏ ở nhà với các anh chị...; câu chuyện nào cũng như câu chuyện nào, qua những lời Ngài ghi rõ ràng và rất đơn giản ấy giống như những bài Pháp của một bậc cao tăng nhân nhủ cùng các môn đệ của Ngài, nếu không muốn nói đó chính là những câu chuyện Thiền vô cùng ý nghĩa ...

Chẳng hạn trong chương về "Thầy Tôi", Ngài viết: "*Trong nhà Thiền có cái quan niệm "ở đây" và "bây giờ" rất là quan trọng và cần thiết. Nếu mình không hiểu mình là ai và cái giá trị mình đang hiện có thì quả thật là chẳng tỉnh thức chút nào. Do đó sự tỉnh thức đối với Thiền không phải là lúc chết hay sau khi chết, mà lúc đang còn sống là vấn đề quan trọng*" (trang 88).

Một ví dụ khác, khi nói về cái tâm, Ngài cũng giác-đạt theo hướng Thiền: "*Không có bất cứ cái gì có thể tồn tại trong đời này ngoại trừ cái tâm. Tâm ấy dẫn đầu các pháp, tâm ấy tạo ra thiện ác. Do vậy tu tâm là quan trọng để chúng ta làm sao thoát khỏi vòng sinh tử, tử sinh này mới là điều đáng quý. Còn bao nhiêu Vua, Quan, Công, Hầu, Khanh, Tướng, Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh v.v... cuối cùng rồi cũng đi vào chỗ không to tướng mà thôi*" (trang 169).

Còn nhiều lắm những bài Pháp ngắn gọn và cô đọng, súc tích như thể với nhiều chủ đề khác nhau như về "có và không", về "hoàn tượng, vắng tướng", về "khen và chê", về "duyên và nghiệp" v.v...

Về phần của tác giả Trần Trung Đạo, vì từ lúc còn nhỏ đã ở chùa, tuy không xuất gia, nhưng cậu bé ấy vốn là một Phật Tử, sống dưới mái chùa Viên Giác, có Thầy, có bạn, có kinh, có kệ, có công phu, có gỗ mõ và làm tất cả những công việc giống như một người xuất gia đang làm, nên cái không khí nơi chốn thiền môn ấy dần dần thấm vào tâm hồn cùng trí não của đứa bé 13 tuổi ấy và

cứ thế sự thấm thấu ấy nó thấm dần, thấm dần như nước thấm vào từng thớ đất và khi có dịp ngồi ghi lại những ngày dưới mái chùa Viên Giác ngày nào, Trần Trung Đạo cũng viết ra những trang sách đầy chất Thiền ấy.

Chẳng hạn anh kể lại vai trò của Bà Chín ở chùa Viên Giác cùng thái độ của bà không ưa anh vì bà nhìn vào cái hình tướng bề ngoài của cậu bé mỡ côi ngây thơ trong trắng ấy nhưng tóc để dài và đội cái mũ lính mà người ta cho khi lần đầu bước vào cổng chùa, trong khi Ngài Hòa Thượng trụ trì chùa Viên Giác lại rất thương anh như Hòa Thượng Thích Như Điển kể, chúng ta mỗi thấy đây có hai điều cần lưu ý. Thứ nhất, vì nhìn người từ cách ăn mặc để thương hoặc ghét một người, mà người ấy lại là một đứa trẻ mồ côi, lại càng không đúng lắm, nếu không muốn nói là hơi hẹp hòi. Thứ hai, là qua câu chuyện ấy, Bà Chín ghét, Thầy Trụ Trì thì thương, quả là dưới mái chùa cũng có thiện và không thiện trong chùa. Nhưng có lẽ đoạn đối đáp giữa tác giả và bà cô ruột vừa cảm động vô bờ về một cảnh đời, vừa chan chứa thiên vị rất thâm trầm:

"*Vài tháng một lần tôi được phép về Đà Nẵng thăm cô tôi, người gần gũi nhất còn lại của tôi lúc bấy giờ. Cô tôi bình thường xuyên. Cái chết của gia đình người chị họ tôi, con thứ bảy của cô, và rồi cái chết của cha tôi, em trai út của cô, đã làm căn bệnh của cô ngày thêm trầm trọng... Cô tôi có vẻ vui hơn trong những lúc tôi về. Biết tôi suốt tháng ăn chay nên dù rất nghèo, cô cũng ráng mua sắm thêm chút cá thịt cho bữa ăn. Cô thức khuya hơn, dọn dờ tôi hằng trăm việc. Cố gắng nhin nhục. Cố gắng chịu đựng. Cố gắng học hành. Cô hỏi thăm từng việc lớn nhỏ trong chùa tôi đang tá túc.*

- Bà Chín có còn chút mắng con không?
- Không, bà Chín chết rồi.
- Sao vậy?
- Xe tông chết.
- Có ai đánh con không?
- Không.
- Có ai bắt con làm chuyện gì nặng nề không?
- Không.
- Thầy có biểu con đi tu không?
- Có, nhưng không phải thầy Viên Giác.
- Thế ai biểu con?
- Thầy Giải Nguyên.
- Thầy Giải Nguyên là ai?
- Đệ tử của thầy Viên Giác.
- Con trả lời thầy Giải Nguyên sao?
- Con nói con không muốn đi tu.
- Thầy nói gì thêm?
- Thầy nói đi tu sẽ được các thầy lo lắng ăn học, mai một lớn sẽ được đi Huế hay Sài Gòn học thêm. Không đi tu chẳng lẽ ở trong chùa này hoài hay sao. Chùa chỉ dành cho người đi tu thôi, đâu có thể nuôi con hoài như vậy được.
- Thế con trả lời sao?
- Con không biết trả lời sao vì không biết nếu thầy đuổi sẽ đi đâu, nhưng con nhất định không đi tu.
- Thầy hay hỏi thế không hay chỉ hỏi một lần?
- Nhiều lần nhưng tháng này không hỏi nữa vì con đã bạch với thầy là con nhất định không đi tu.
- Con đừng bỏ đi. Nếu thầy đuổi thì về Đà Nẵng ở với cô.

- Nhưng ở Đà Nẵng với cô thì chỉ đi bán cà rem hay đánh giày chứ làm gì có trường công để học.
- Ủ thì lúc đó hãy tính.
- Con phải đi học.
- Cô biết, nhưng lúc đó hãy tính, giờ còn đi học được thì phải lo học.
- Dạ.

Hai cô cháu tôi thường ngồi như thế rất lâu trong căn nhà nghèo nán phía trong Ngã Ba Huế. Một đứa bé bất hạnh ngồi bên người đàn bà bất hạnh trong một đất nước bất hạnh. Thình thoảng cô đưa bàn tay gầy guộc cầm lấy tay tôi sợ rằng đứa cháu trai của cô sẽ khóc. Tôi không khóc. Cô không khóc. Không có hay vì không ai còn giọt nước mắt nào để nhỏ trong những đêm tôi về thăm cô. Nếu có chẳng chỉ là những giọt nước mưa từ buổi chiều còn đọng trên mái tranh nghèo, như những nốt nhạc buồn, gõ từng nhịp đều vào chiếc lu hứng nước ngoài sân". (trang 233-234).

Tóm lại, có thể nói "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" bằng bạc trên từng trang sách những câu chuyện Thiền như vừa kể, nhiều lắm! Ở đây tôi không dám so sánh với cuốn "Mỗi Ngày Một Câu Chuyện Thiền" của tác giả Akizuki Ryumin qua những câu chuyện Thiền ngày xưa bên Nhật, bên Trung Hoa, nhưng chắc chắn những câu chuyện Thiền trong "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" này rất gần gũi, rất bổ ích nếu chúng ta có dịp đọc nó!

* Lương Thư Trung

Miếng khoai khô

(Tiếp theo trang 21)

Nửa củ khoai vẫn nằm im trong giỏ xách, tôi mang đi dạy hằng ngày, chen chúc cùng sách vở và những nhu yếu phẩm tạp loại cho đến khi khô héo!

...

Hình ảnh "nửa củ khoai" đối với tôi là những ngọt ngào, đắng chát thình thoảng cứ đập dềnh trong ký ức, ray rức nhức nhối mỗi khi phải đồ bỏ thức ăn dư thừa ở xứ người. Phải cố tìm ra hương vị ngọt ngào trong đắng chát.

Dù hương vị ngọt ngào phải tìm ra trong đắng chát nhưng cái đắng chát của một thời gian khổ là cái sẽ hết, hình như đang hết và phải hết; trong khi cái ngọt ngào thì vẫn còn đâu đó.

Đó là những kỷ niệm ấm áp, những phần thưởng nhỏ bé dễ thương; cái còn lại của cuộc đời nhà giáo mà tôi vẫn muốn nâng niu gìn giữ để làm hành trang cho cuộc đời về chiều của mình...

• **Nguyễn Hạnh HTD**

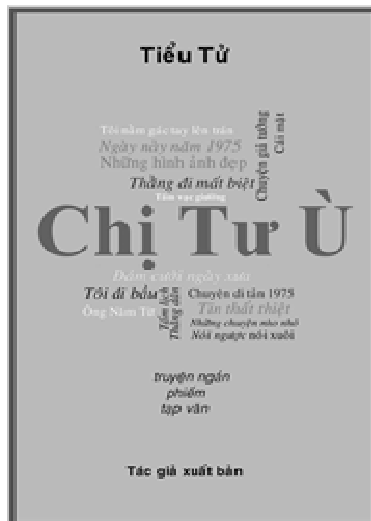
Mùa 30.4.2013

(¹) Ở Huế, đối với người lớn tuổi, không dùng chữ ăn và uống để mời.

Độc

"Chị Tư Ủ"

• **Trần Thị Hương Cau**



Nhà văn Tiểu Tử đã mở đầu tuyển tập của mình bằng hai dòng ngắn gọn: „Cho dầu ngàn trùng xa cách, hình ảnh quê hương tôi vẫn gói tròn trong đây. Xin được hân hạnh xê chia...“.

Đúng quá, chúng ta mang thân phận của những người tha hương, có quốc tịch hầu như đủ các quốc

gia nhưng quê hương Việt Nam ở một nơi xa tít đó, lúc nào cũng tràn ngập trong tim, đau đáu nhắc nhở đến cháy lòng. Đọc các truyện ngắn của nhà văn Tiểu Tử chắc hẳn ai ai cũng thấy ít nhiều tâm tình của mình đã thấp thoáng trong tiểu đoạn này hay một cụm từ khác. Dòng chảy cảm xúc đó đôi khi bình lặng, hiền hòa như khi mô tả một đám cưới ở thôn quê (Đám Cưới Ngày Xưa), hoặc chứa chan tình cảm như lần tác giả đến thăm anh trai mình nằm trong bệnh viện, vừa cống anh trai đi dạo vừa nhắc nhở chuyện thuở thiếu thời, nghèo khổ nhưng ấm áp (Những Hình Ảnh Đẹp), nhưng cũng có khi nghẹn ngào, đau rát như bị xát muối vào vết thương khi phải chứng kiến xã hội ngày nay đạo đức đã bị suy thoái nặng nề (Những Chuyện Nho Nhỏ) và có khi trở nên ngọt ngào như một ám ảnh đang đè lên lồng ngực, khiến ta phải thở dài chua xót cho quê nhà thân yêu mọc mọc với bóng lài, bóng bưởi, bông cau, thơm ngát mùi lúa chín rạ rơm... nay tất cả đã bị bôi xóa sạch sành sanh, thậm chí những người cầm quyền còn xài luật rừng ngang ngược, không cần đưa ra lý do chính đáng, muốn cấm ai nhập cảnh là cấm, chà đạp lên tình hoài hương, xem như yêu nước là độc quyền của họ! (Tôi Năm Gát Tay Lên Trán).

Chuyện cuộc đời tráo trở sau hơn 37 năm cộng sản cầm quyền thật ra ai trong chúng ta hầu như đều thấu rõ; từ ngay sau ngày quốc hận 30 tháng Tư, toàn dân miền Nam đều bị nhà nước về lọ bơi hề để cho đóng vai „nhân dân làm chủ“ (Cái Mặt) nhưng thật ra tất cả chỉ là một thứ bánh vẽ, một thứ hàng mã không hơn không kém. Dân cũng được đi bầu, nhưng đã được học tập kỹ càng là phải chọn người nào (Tôi Đi Bầu), các công sở nhan nhản hai từ Nhân Dân: Ủy Ban Nhân Dân, Tòa Án Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Công An Nhân Dân

nhưng đụng tới hai cơ quan đầu não, quyết định việc sống còn, hầu bao của Nhân Dân thì nhà nước độc quyền quyết đoán, đó là Tổng Cục Kế Hoạch Nhà Nước và Ngân Hàng Nhà Nước (Thắng Dân). Quần chúng mà thắc mắc về sự độc tài của Đảng là coi như *chưa hoàn toàn tin tưởng và nhất trí với lập trường của Đảng*, rất dễ bị chụp mũ là phản động hay thế lực thù địch, coi như hết đường sống (Nói Ngược Nói Xuôi). Chỉ có các đồng chí lãnh đạo được nói, *nói mình mộng thiên địa, nói hăm bà lằng, nói trật bàn đập* mà vẫn cứ bắt dân đen phải thấu triệt (Một nhà văn lớn thời tiền chiến đã nói một câu để đời: „Tôi còn sống đây là nhờ tôi biết sợ“ !!!). Nói thế mà cũng chưa đủ sức thuyết phục, chủ tịch nhà nước VNXHCH còn nổ banh lông chọt bằng một tuyên bố:” Cu-Ba thức thì Việt Nam ngủ, Cu-Ba ngủ thì Việt Nam thức. Chúng ta cùng giữ gìn hòa bình cho thế giới!”. Thật không còn lời nào để bình phẩm về các nhà lãnh đạo đỉnh cao trí tuệ xứ mình!!! (Nói theo văn chương trong nước bây giờ là... Bó tay chấm com !).

Xen kẽ với các tùy bút vừa kể trên là những truyện ngắn về từng cuộc đời tả tơi sau biển cố 75. Chị Tư Ủ bán cá vốn chân chất, thật thà nhưng rồi cũng vùng lên phản uất đến độ chém chết tên công an gian ác giết hại người bạn thân từ thuở thiếu thời của chị (Chị Tư Ủ); Bao nhiêu đau đớn trong ngày về làng cũ tìm lại người yêu để chấp nối mối tơ duyên thắm thiết ngày xưa nào ngờ cô gái đã đi lấy chồng Trung Quốc (Tấm Vạc Giường); Sự trở tráo trắng trợn của phe thắng trận đối với những người đã cứu mạng chúng trong thời chiến tranh khiến những người có công với cách mạng này phải cảm phần thối lèn: *Con chó còn ăn ở có tình hơn Việt Cộng*, và sau đó chính họ đã phóng hỏa cả đình làng lẫn rừng Dầu để trả thù sự lật lọng, vô nhân của cộng sản (Ông Năm Từ)... Còn và còn rất nhiều cuộc đời trớ trêu khác đã bị bầm dập dưới ách tham tàn của chế độ cộng sản sau ngày quốc hận tang thương.

Nội dung lôi cuốn, không có sự trùng lặp, lối mòn với cú pháp trong sáng, dễ hiểu chẳng cần tra cứu kiểu cách dưới cái nhìn của một nhân chứng sống lịch sử khi thì dí dỏm, tinh nghịch, khi lại da diết, buồn ngủi, khi vô cùng nhân bản đầy ắp tình tự quê hương của nhà văn Tiểu Tử đã làm tác phẩm tuy viết về những đề tài dù quen thuộc rất gần với chúng ta nhưng vẫn hấp dẫn người đọc miên man không dứt, dễ hiểu vì khi được viết từ cái tâm chân thành, những tâm tình đó sẽ thấm thấu nhanh chóng đến tim độc giả.

Tìm đọc sách của Tiểu Tử chính là gìn giữ một quá khứ, quá khứ này có thể làm lòng ta nặng trĩu nhưng đó chính là những gì chắc lọc nhất về một quê nhà xa thăm thân yêu...

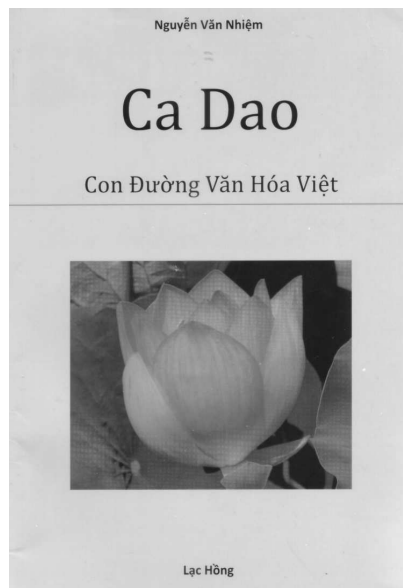
(Tháng 3.2013)



Giới Thiệu Sách Mới Xuất Bản

* **Phù Vân phụ trách**

* **Ca Dao – Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm**



Ca dao tục ngữ Việt Nam là một kho tàng rất phong phú hàm chứa nhiều tinh hoa dân tộc, vừa dân dã mộc mạc như những hoa đồng cỏ nội dễ tìm, vừa kiêu sa như những loài hoa lan rừng hiếm hoi khó kiếm; nhưng tất cả đều là tinh hoa mang tính minh triết của cả chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam.

Với 566 trang, do tác giả tự xuất bản, in tại Đài Loan phát hành vào đầu năm 2013. Tác giả đã dày công nghiên cứu, tham khảo nhiều tài liệu và trình bày tất cả trong 14 Chương.

Cuối cùng tác giả đã đi đến kết luận Ca dao đã phân biệt hai con đường học vấn:

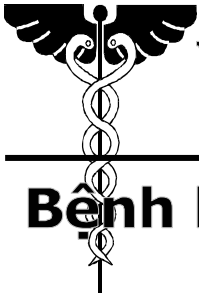
*Khôn thì trong trí lượng ra,
Dại thì học lõm người ta bề ngoài.*

Cái học vòng ngoài là học lại những gì ta đã khám phá, đã biết; còn học vòng trong là cái học chiều sâu, thâm cứu đưa đến những khám phá mới, những phát minh.

Tác giả hy vọng rằng, chúng ta "... vốn đã có sẵn nền tảng văn hóa lưỡng hợp thái hòa truyền thống trên cơ sở nhân bản tâm linh mọi người cần phải bảo trọng, phục hồi, phát huy, rồi lại tiếp tục thu thêm tinh hoa khoa học, kỹ thuật tiên tiến nữa thì chắc chắn đất nước sẽ có tương lai tươi sáng... xã hội sẽ tốt đẹp hơn, con người sẽ có hạnh phúc thật sự".

Sách không thấy ghi giá bán.
Muốn có sách, xin liên lạc với:

Lạc Hồng
Bismarck Str. 24
78549 Spaichingen
Germany
Tel: (+49) 7424 – 7529
Email: songdinh81@gmail.com



Y Học Thường Thức

Bệnh lẩn trí tuổi già

ALZHEIMER-DEMENTZ (Dementia senilis)

* **Bác sĩ Trương Ngọc Thanh**
* **Dược sĩ Trương Thị Mỹ Hà**

Với đôi mắt buồn xa thẳm nhìn vào hư không, người bệnh nhân ở vào lứa tuổi hơn 60 đã ngồi nói kể vu vơ, vô hồn, bên cạnh người chồng với đầy nỗi lo âu.

Bắt đầu bằng những cái nhớ trước quên sau, rồi một lần bà ta đã không tìm được lối về nhà khi đi dạo gần đây. Đó là lý do người chồng tìm đến sự giúp đỡ của chúng tôi. Cho đến nay bà vợ của ông ta đã không có những bệnh tật đáng kể nào trong những lần khám nghiệm định kỳ vừa qua. Bây giờ thì bà ta đã lệ thuộc hoàn toàn vào sự giúp đỡ của người chồng, trong những ngày còn lại cuối đời.

Theo tường trình của Tổ Chức Alzheimer Thế Giới con số người mắc bệnh lên đến hơn 36 triệu, và dự đoán sẽ ở vào mức 115 triệu vào năm 2050.

Ở Cộng Hòa Liên Bang Đức hàng năm có độ 300.000 người mang bệnh lẩn trí tuổi già do biến thoái của não bộ. Tỷ lệ mắc bệnh tăng theo tuổi thọ:

- * 3% ở vào lứa tuổi 70
- * 14% ở vào lứa tuổi 80
- * lên đến 35% ở vào lứa tuổi trên 90

Ngẫm lại năm nào, ngày bỏ nước ra đi tỵ nạn của năm 1980, thế hệ chúng tôi đang ở vào lứa tuổi đôi mươi, bây giờ đã sắp bước vào những năm tháng 60. Như thế theo thống kê cứ 100 người trong chúng tôi lại có đến 3 người kém may mắn mắc phải chứng bệnh này.

Vào cuối tháng 6 năm 2012 vừa qua, trong lần hội ngộ với các bạn hữu cựu Sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn, do chị Võ Lệ Chi ở Úc tổ chức tại Paris, chúng tôi có cơ hội gặp nhau sau hơn 30 năm chia cách. Gặp nhau kẻ còn người mất, xúc động khôn nguôi. Những kỷ niệm thời còn cắp sách đến trường cứ dần về theo trí nhớ. Khi không tìm được những gợi nhớ năm nao, chúng tôi lại đùa với nhau, bọn mình đã bắt đầu có dấu hiệu chớm bệnh Alzheimer rồi đấy.

I. Bệnh mất-lẩn trí nhớ Alzheimer là gì ?

2000 năm về trước, từ ngữ La tinh Demenz đã được người La Mã gọi nhóm người bị lẩn trí hay điên loạn. Mãi đến năm 1906, trong hội nghị lần thứ 37 ở Tübingen, Bác sĩ Abis Alzheimer đã tường trình với các đồng nghiệp về những biến đổi của não bộ của một nữ bệnh nhân có tên Auguste Deter. Bà ta là một nhân viên của Sở Hỏa Xa, mắc bệnh lúc tròn 51 tuổi. Khi được nhận vào bệnh viện tâm thần ở Frankfurt, Auguste Deter đã không trả lời được những câu hỏi đơn giản về tên tuổi, cá nhân. Các triệu chứng như hoang tưởng, mất trí nhớ, mất khả năng diễn tả bằng lời nói và mất định hướng cũng được mô tả trong hồ sơ bệnh lý do Alzheimer, lúc ấy còn là một Oberarzt (Bác sĩ Trưởng khu) ghi chép lại trong hồ

sơ. Từ lúc phát bệnh đến lúc mất kéo dài 5 năm. Khi giải phẫu não bộ bệnh nhân, Alzheimer tìm thấy những thay đổi hóa xốp ở vùng vỏ não, mà vào thời ấy ông gọi là Fibrille và Plaques (những mảng vữa tạo thành do biến chất không rõ tên), cùng những thay đổi về mạch máu.

Những khảo cứu của Alzheimer, và phương thức định bệnh bằng những trắc nghiệm đơn giản vẫn còn được áp dụng đến ngày nay. Alzheimer mất vào lúc ông 51 tuổi, khi về giảng dạy và làm Giám đốc Bệnh viện Tâm thần và Thần kinh ở Breslau.

Bệnh lẩn trí Alzheimer được mọi người nhắc đến nhiều hơn khi số phận của Tổng Thống Mỹ Ronald Reagan, Nữ ài tử Rita Hayworth và nhà văn Walterr Jens vào những năm tháng nghiệt ngã cuối đời khi họ bị lâm bệnh.

II. Phân dạng bệnh lẩn trí

Có 2 dạng lẩn trí sơ cấp và thứ cấp (do biến chứng của các bệnh khác):

A. Lẩn trí sơ cấp, trực tiếp: Chiếm đến 90%, do biến đổi động mạch não (10%) và biến thoái các tế bào thần kinh não bộ. Thường được kể đến:

- Dạng lẩn trí tiêu biểu Alzheimer Demenz (60%)
- Dạng lẩn trí do biến thoái vùng trán và thái dương (Mobus Pick)
- Dạng lẩn trí dưới vùng vỏ não: đây là biến chứng của bệnh Parkinson, Chorea Huntington.

Các dược phẩm điều trị cho các bệnh nhân thuộc các nhóm kể trên thường có hiệu quả cao trong việc trì hoãn sự tiến triển của bệnh.

Các bệnh tật về đường hô hấp do lạm dụng thuốc lá, bệnh cao huyết áp, tiểu đường, ít vận động cơ thể thường có trong tiền sử bệnh của những người thuộc nhóm này.

B. Lẩn trí thứ cấp: Chiếm độ 10%. Bệnh không có nguồn gốc trực tiếp do biến thoái não bộ hay biến đổi do các mạch máu nuôi dưỡng não. Bệnh gây ra do những biến chứng lâu dài của các bệnh tật khác như biến chứng do tiểu đường, do các bệnh về gan, thiếu máu, do các bệnh truyền nhiễm như Lues (syphillis = bệnh đường sinh dục), AIDS, hoặc các bệnh về nội tiết, trao đổi chất như suy hoặc cường giáp trạng, Morbus Wilson.

Bệnh cũng có thể gây ra do ngộ độc, các tác dụng phụ của dược phẩm.

Streß, buồn nản tâm lý cũng là tác nhân ảnh hưởng đến thời gian phát bệnh.

1) Lẩn trí dạng Alzheimer (Morbus Alzheimer)

Khi lâm bệnh, bệnh nhân vẫn tỉnh táo. Thời gian chớm bệnh đến lúc rõ rệt thường kéo dài nhiều tháng, nhiều năm. Bệnh nhân thường ở vào lứa tuổi hơn 60. Cũng có dạng bệnh xuất hiện sớm hơn ở vào tuổi 40.

- Trong giai đoạn sơ khởi bệnh nhân thường hay quên và lẩn lộn những điều mới xảy ra, việc định phương hướng trở nên khó khăn; ngay cả đến việc thay đổi quần áo hàng ngày đối với bệnh nhân cũng khó mà thực hiện được.

- Vào giai đoạn kế theo, họ không nhận ra người thân, người quen. Và không phân biệt được ngày và đêm trong sinh hoạt hằng ngày.

- Vào thời cuối, việc nói chuyện với bệnh nhân không thể thực hiện được. Lúc này họ hoàn toàn lệ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác. Trong tiến trình phát triển bệnh, họ trở nên mệt mỏi, dễ bị kích động, mất khả

năng diễn đạt tư tưởng, tiếng nói, buồn chán. Sự biến thoái bắt đầu khi số tế bào thần kinh bình thường bị giảm thiểu, đặc biệt ở vùng Hippocampus. Chất dẫn truyền xung thần kinh như Acetylcholin bị giảm thiểu rõ rệt.

Alzheimer, vào thời đó, đã gọi những mảng chất đậm là Amyloid. Đây là những Beta Amyloid 42, bám vào giữa các tế bào thần kinh não bộ.

Ngoài ra Alzheimer còn mô tả đến cấu trúc sợi Tau-Fibrillen; đó là những chất đậm, dạng sợi kết tủa gây ra việc bất động dẫn truyền các xung thần kinh.

Amyloid-Plaques và Tau-Fibrillen làm suy thoái những trao đổi chất và dẫn đến hủy hoại các tế bào thần kinh.

Do những thoái hóa mãn tính, biến dạng nhanh ở vùng vỏ não gây ảnh hưởng đến chức năng ở đây. Trí nhớ, cách suy nghĩ định hướng, phân tích, tính toán, học hỏi, ngôn ngữ, tiếng nói và cách phán đoán sự việc dần bị mất đi. Những biến đổi bất lợi này dẫn đến thay đổi các cảm nhận giác quan, cách ứng xử trong xã hội trong sinh hoạt hằng ngày. Thuốc điều trị là Axura® hoặc Ebixa®.

2. Lẫn trí dạng tiểu thể Lewy (Lewy Body Demenz / Dạng lẫn trí kèm bệnh chứng Parkinson

Cấu trúc não ở các bệnh nhân này có xuất hiện các tiểu thể Lewy trong các tế bào thần kinh. Trong vùng chất đen (substantia nigra) của não, các chất dẫn truyền xung thần kinh như Dopamin, Cholin không có.

Bệnh nhân có các triệu chứng như sau:

- Thiếu tập trung, giảm thiểu sự chú ý và tính toán.
- Bị hoang tưởng thị giác (thấy những điều không hiện hữu).
- Hay la hoảng trong giấc ngủ.
- Xuất hiện các bệnh chứng Parkinson: người cứng lờ đờ, run rẩy tay chân...

Các dược phẩm điều trị có hiệu quả như: Aricept® Reminyl®, Exelon®, làm cho lượng Acetylcholin tăng lên do ức chế hoạt động của phân hóa tố Cholinesterase.

Các dược chất chống buồn nản (trầm cảm) cũng có tác dụng hữu hiệu, được kể đến là: Citalopramin, Sertralin, Nirtazapin. Hiệu quả điều trị bắt đầu sau 4 tuần.

3. Lẫn trí dạng Pick (Morbus Pick): Do biến thoái não bộ ở vùng trán và thái dương. Bệnh nhân không thể tự kiềm chế được, có những phản ứng thái quá, hoặc không có phản ứng tương xứng với các tác nhân bên ngoài. Họ hay bị cuồng tưởng và mất dần trí nhớ và tiếng nói. Thường ở vào lứa tuổi 50-60. Trong gia đình thường có nhiều người mang bệnh. Dược phẩm dùng đến cho nhóm này được kể đến là Melperon, Risperidon, Quetiepin, Valproat và Carbamazepin cũng được xử dụng.

III. Phương thức định bệnh

Thường thì thân nhân bệnh nhân là người nhận biết sớm nhất những thay đổi của thân nhân mình.

Bác sĩ có thể dựa vào lời khai của thân nhân người bệnh và những câu hỏi, trắc nghiệm đối với bệnh nhân để xác định bệnh. Từ đó có thể phân biệt được bệnh lẫn trí với các bệnh tâm thần hoặc bệnh buồn chán (trầm cảm) khác.

* Các phương pháp trắc nghiệm thường được thực hiện như Dem Tect A, MMST (Mini Mental Status Test), Uhren Zeichnen Test: giúp định bệnh chính xác, giúp xác định về khả năng trí nhớ, định hướng, thời gian, tập

trung tư tưởng, tính toán, tìm chữ thích hợp và hành động theo yêu cầu.

* Xét nghiệm máu về kích thích tố, hoạt động nội tiết để nhận biết và loại bỏ những nghi vấn về biến đổi nội tiết.

* Các xét nghiệm về thần kinh quang tuyến định bệnh như CCT (Điện toán cắt lớp định hình não bộ), MRT (cắt lớp định hình bằng Từ Quang Điện), PET (Positronen-Emissionstomographie) và PiB (Biomarker Pittsburgh Compound B) giúp việc nhận dạng những thay đổi về cấu trúc của não bộ, và mạch máu não.

* Xét nghiệm dịch não tủy để nhận biết và loại bỏ các nghi vấn về các bệnh truyền nhiễm...

* Xét phân định các nhiễm sắc thể (Gen-Analyse).

IV. Phương thức điều trị

Khi các tế bào thần kinh não bộ đã bị hủy hoại hoặc thoái biến thì không có một dược phẩm nào có thể làm phục hồi và tái tạo các chức năng này. Dược phẩm chỉ có thể làm chậm tiến trình phát triển xấu đi của bệnh lẫn trí và làm giảm đi phần nào các triệu chứng bất lợi.

1) Antidementiva: có tác dụng làm giảm thiểu sự thiếu kém chất dẫn truyền xung thần kinh Acetylcholin. Được kể đến là: Aricept® (Donepezil), Reminyl® (Glantamin), Exelon® (Rivistigmin). Những dược phẩm này được dùng cho các bệnh nhân ở thời kỳ nhẹ, sơ khởi. Thuốc có tác dụng làm giảm thiểu các bệnh chứng của bệnh lẫn trí.

2) Vào giai đoạn nặng, thời kỳ trầm trọng: Bệnh nhân được điều trị với Memantine (Axura®, Ebixa®). Thuốc có tác dụng làm điều hòa ức chế tác dụng độc hại của Glutamat nhờ vào tính chất ức chế nơi các xung thần kinh dẫn truyền ở vùng Synapse.

Glutamat là chất dẫn truyền thần kinh có nhiều ở vùng vỏ não và Hippocampus, có tác dụng hoạt hóa về khả năng học hỏi và trí nhớ. Khi lượng Glutamat cao, thì nó có tác dụng như độc chất do làm đổi cực một màng tế bào thần kinh của các NMDA Receptor.

Tác dụng phụ của thuốc làm bệnh nhân chóng mặt, buồn ngủ, khó thở, nhức đầu, cao huyết áp.

Thời gian điều trị có thể kéo dài lâu dài, nếu các phản ứng phụ của thuốc và các tác dụng qua lại (Interaktion) giữa các loại thuốc, cho phép.

3) Các dược phẩm khác:

- Ginkgo biloba (tính chất của lá có hình quạt) cũng được thử nghiệm. Tác dụng tốt của thuốc làm giảm sự kém trí nhớ, và tăng tập trung cũng được đề cập đến. Thuốc cũng giúp cho máu lưu thông dễ hơn đến não.

- Vitamin E, các chất trị phong thấp (Naproxen, Diclofenac, celecoxib cũng được thử nghiệm; dù kết quả không có.

- Cerebrolysin có thể đưa vào điều trị, ở dạng bệnh nhẹ, khi các phản ứng phụ của các Antidementiva, không cho phép bệnh nhân được uống các loại thuốc này.

- Với các bệnh nhân bị lo sợ thái quá và mất ngủ trầm trọng thì các dược chất thuộc nhóm Diabenzepam cũng có tác dụng hỗ trợ hữu hiệu.

- Khi bệnh nhân ở thời kỳ sơ khởi, nhẹ thì thân nhân của họ cần được hướng dẫn và giải thích về tiến trình và biến dạng xấu của bệnh. Phương thức tốt nhất là bệnh nhân được chăm sóc ở môi trường sống quen thuộc, với các kích thích và tác nhân có lợi. Họ được sự giúp đỡ của thân nhân và các điều dưỡng viên. Họ được giúp gợi nhớ, kích thích về sinh hoạt, giờ giấc, nơi chốn ăn ở

bằng các tác nhân vật lý, sinh lý và tâm lý. Những hình ảnh, phim nhạc quen thuộc xa xưa cũng được đưa vào điều trị bổ sung.

4) Các hoạt động thể dục, vận động cơ thể, kích thích khứu, vị, thính giác cũng góp phần không nhỏ trong việc điều trị.

5) Việc ăn uống và thực phẩm dành cho người lẫn trí:

Do không còn cảm nhận, nên họ thường uống ít nước, dễ dẫn đến tình trạng lẫn lộn, hôn mê. Bệnh nhân thường bị sụt ký và ăn ít. Việc này dẫn đến suy nhược và thiếu dinh dưỡng.

Do ăn không biết ngon, họ quên cả các bữa ăn. Họ thường lo sợ bị đầu độc và quên cả cách ăn uống. Rối loạn về nhai, khó khăn khi nuốt dễ đưa đến việc thức ăn đi vào cuống phổi, đường hô hấp gây ra biến chứng sung phổi.

Các dược phẩm cũng làm thay đổi cảm nhận vị và khứu giác, nên họ ăn không biết ngon.

Do sự cảm nhận về nhu cầu ăn uống không còn, nên họ không biết thỏa mãn những đòi hỏi này. Bệnh nhân phải được giúp ăn uống với các thực phẩm giàu năng lượng và các sinh tố, nước uống.

6) Biện pháp an toàn trong nhà, viện dưỡng lão phải được thực hiện để tránh gây tai nạn, như trong buồng tắm, cầu thang, cửa sổ, nhà bếp. Bệnh nhân, dù ở thời kỳ nào, cũng không được phép lái xe, vì có thể gây nguy hại cho bản thân mình và người khác.

7) Làng cho những người lẫn, mất trí. Gần đây được nhắc tới ở Hòa Lan, gần Amsterdam. Làng có tên De Hogeweyk, được thành lập vào năm 2008. Ở đây bệnh nhân được đưa vào những khu riêng biệt tùy mức độ nặng nhẹ để được chăm sóc và điều trị.

Cộng Hòa Liên Bang Đức cũng có mô hình tương tự, dự định khởi công vào năm 2014, có một diện tích 1,2 mẫu tại thành phố Alzey. Đây sẽ là trung tâm kiểu mẫu sẵn sàng và trị liệu những bệnh nhân lẫn trí. Ở đây có sự kết hợp của các chuyên gia, điều dưỡng viên, điều trị viên có nhiều kinh nghiệm. Ở đây cũng có phố xá, cửa tiệm phục vụ các tiện nghi công ích.

8) Phương thức Baltimore: Được tường trình vào đầu năm 2013, do nhóm khảo cứu về lẫn trí ở Baltimore thực hiện. Họ đã áp dụng phương thức kích thích các tế bào thần kinh trong vùng Hypothalamus với 5 bệnh nhân ở vào lứa tuổi 63 với các triệu chứng của bệnh lẫn trí Alzheimer dạng nhẹ. Thời gian kích thích kéo dài 1 năm. Kết quả cho thấy có những biến đổi khả quan, có lợi cho sự biến dưỡng đường trong các tế bào thần kinh, gây tác động tốt đến việc phục hồi phần nào trí nhớ, so với nhóm bệnh nhân được điều trị bằng thuốc.

Chúng ta cũng không nên quên rằng, các dược phẩm điều trị bệnh lẫn trí thường có các phản ứng phụ như: ói mửa, nhức đầu, gây mềm cơ, kém ăn, rối loạn nhịp tim, chóng mặt, mất ngủ, dị ứng về da ...

V. Bệnh lẫn trí Alzheimer có thể ngăn ngừa được không ?

1) Các tác nhân bất lợi gây ảnh hưởng đến va chạm não bộ, như các tai nạn chấn thương sọ não (do chạy xe không đội nón an toàn, đấm quyền anh (Boxing), các môn thể thao gây xóc xát...).

2) Các bệnh về biến dưỡng, trao đổi chất không được điều trị đúng mức như tiểu đường, huyết áp cao, máu

Gởi người xóm xưa



*Nước lên, qua bắt cua đồng
Nương thơm cho bậu, lầy lòng bậu thương
Một mai qua có ...qua đường
Xin bậu để chút nấu nướng trong lòng*

*Ví dầu cây ớt trở bông
Bậu đi nhỏ hết nuôi nhòng mau kêu
Nhòng kêu tên bậu mỗi chiều
Qua nghe nào nuốt thiếu điều ...chết theo!*

*Qua như chiến chiến hàng keo
Nhìn sang đám mía xóm nghèo bậu qua
Áo Hồng Ngự, quần mỹ a
Qua kêu tên bậu, (như con) nhòng già bậu
nuôi!...*

●**Nghiêu Minh**

mở cao có ảnh hưởng bất lợi đến não bộ sau một thời gian dài.

3) Dự án DIAN (Dominantly intented Alzheimer Network) với sự tham dự của các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Úc và Đức do Moris (USA) khởi xướng với mục đích nhận biết bệnh sớm hơn và điều trị hữu hiệu nhất.

4) Theo phòng đoán mới nhất, có đến 1% bệnh nhân lẫn trí do những biến đổi di truyền đột biến tính trội (autosomal-dominant). Con cái của những người này đều sẽ bị bệnh. Các biến đổi này tìm thấy trong 3 đoạn DNA của các nhiễm sắc thể mang số 1, 14, 21. Các Gen này có nhiệm vụ kiểm soát, biến dưỡng, trao đổi chất Amyloid (APP). Sự đột biến bất lợi này gây ra việc tích tụ các mảng Amyloid. Có đến 2/3 bệnh nhân mang các Allele APOE 4 bất lợi này.

5) Thống kê cho thấy ở những người có được giấc ngủ buổi trưa (dù ngắn hay dài) thì tỷ lệ mắc bệnh lẫn trí cũng rất thấp.

6) Những người luôn hoạt động bằng trí óc, hoạt động cơ thể đều đặn cũng ít bị bệnh lẫn trí hơn ở nhóm người lười suy nghĩ và ít vận động.

Ngày 17.03.2013



in Phật sự

• Nhứt Trọng phụ trách

• Đón Giao thừa, mừng Tết Di Lạc Quý Tỵ tại chùa Viên Giác, Hannover:



Tết Nguyên Đán là một lễ hội lớn nhất trong các lễ hội truyền thống của Việt Nam, là điểm giao thời giữa năm cũ và năm mới. Tết Nguyên Đán Việt Nam còn có ý nghĩa nhân văn vô cùng sâu sắc, thể hiện sự trường tồn của cuộc sống, khao khát của con người về sự hài hòa Thiên - Địa - Nhân. Đời sống gắn bó giữa thiên nhiên với cộng đồng dân tộc, ở niềm tin thiêng liêng, cao cả về tâm linh. Do vậy dân tộc Việt Nam có truyền thống tốt đẹp: Hằng năm khi Tết đến dù bận bịu công việc tới cỡ nào, mọi người đều mong muốn trở về sum họp dưới mái ấm gia đình để lạy cúng tổ tiên, mừng tuổi ông bà, cha mẹ, chúc mừng năm mới bà con họ hàng thân thuộc. Ở hải ngoại, xa quê hương, gia đình, bà con Việt Nam nô nức về chùa dâng hương lễ Phật.

Như thường lệ, năm nay Chùa Viên Giác Hannover đã đón Tết mừng năm mới thật tưng bừng náo nhiệt. Mặc dù bầu trời tuyết rơi trắng xóa, đường sá trơn trượt; thời tiết khắc nghiệt, nhiệt độ dưới 5-7 độ âm. Tuy nhiên, không khí khai hội chùa Viên Giác vẫn không kém phần tươi vui, sôi động. Từ chiều tối ngày 29 Tết, bà con đã vân tập về chùa chờ đón giao thừa. Trong Hội Trường chật kín không đủ chỗ ngồi. Trên Chánh Điện từ trong ra ngoài hành lan, người người chen chúc, chuyện trò thăm hỏi thật vui. Trên bàn Phật, hương trầm nghi ngút, hòa quyện với không khí thiêng liêng, làm cho mọi người có thêm niềm tin vào Đạo pháp và Dân tộc. Đến 20 giờ tối, có thời khóa trì tụng Kinh Sám Hối để mọi người gội rửa thân tâm, chuẩn bị đón Giao Thừa, mừng Xuân mới. Sau đó, Chi Hội Phật Tử VNTN Hannover và Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tác bạch cúng dường.

Đúng 21 giờ 30 chương trình Văn Nghệ do Gia Đình Phật Tử Tâm Minh phụ trách bắt đầu. Đại đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì Chùa Viên Giác tuyên bố khai mạc. Tiếp theo là tiết mục múa Lân và chương trình Văn nghệ cây nhà lá vườn đậm nét dân tộc quê hương do các em

ngành Thanh, Thiếu trình diễn, được sự cổ vũ nồng nhiệt của bà con. Đúng giờ Giao Thừa, 3 hồi chuông trống bát nhã cung nghinh Hòa Thượng Phương Trượng (HTPT) quang lâm chánh điện. HTPT đã khai chuông, mõ, khai kinh cầu nguyện cho Quốc thái dân an. Tiếp đến HTPT đã ưu ái gửi lời chúc Tết đến Phật tử và quý đồng hương. Đại Đức Trụ Trì thay mặt Tăng, Ni, và đại chúng tác bạch và đánh lễ mừng tuổi Sư Phụ. HTPT hoan hỷ ban Pháp nhủ khuyến tấn Đại chúng và phát lộc đầu năm cho mọi người. Sau đó, ĐĐ Thích Hạnh Giới, ĐĐ Thích Hạnh Luận, ĐĐ Thích Hạnh Lý, ĐĐ Thích Hạnh Nhơn đã cùng với Sư Phụ phát lộc đầu năm cho khách thập phương cho đến 2 giờ sáng.

Năm nay, mừng một Tết đúng vào ngày Chủ nhật: Ngày Tết Di Lạc Quý Tỵ được bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm thật an lạc. Tiếp theo, quý Thầy luôn có mặt trên chánh điện để phát hồng bao lì xì mừng năm mới. Nhân dịp đầu năm HTPT còn tặng cho bà con một số sách do Ngài viết hay dịch như Tịnh Độ Tông Nhật Bản, Tư Tưởng Tịnh Độ Tông, Những Chuyện Linh Ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngoài ra, còn có tác phẩm Tang lễ của Phật Giáo do Thầy Hạnh Giả viết. HTPT cũng riêng tặng cho các ĐH Phật Tử làm công quả trong chùa quyển sách Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác do Ngài vừa viết vừa xong. Đặc biệt, số sách đã phát hành, thu được 2.000 Euro, HTPT giúp cho trẻ em mồ côi tại Việt Nam. Năm may số người về chùa đón Giao thừa, mừng Tết Quý Tỵ cho đến chiều mừng một, ước tính trên 5.000 người.

Ngày mừng 2 Tết đã có khoảng vài trăm người về chùa lạy Phật. Quý Sư cô Tuệ Đăng, Tuệ Nguyệt, chùa Linh Thứu Berlin; Sư cô Hạnh Khánh, Sư Cô Tuệ Âm chùa Quan Âm Odense Danmark; quý Đại Đức Thông Trì, ĐĐ Thông Trạng, quý Sư chú Thông Triêm, Thông Triển và quý Sa Di Ni Thông Chu, Thông Chiêu, Thông Chúc, đệ tử Thầy Hạnh Tấn, Tu viện Vô Lượng Thọ về đánh lễ, mừng tuổi, chúc thọ Sư Ông. Riêng ngày mừng 3 như thường lệ hằng năm, chùa Viên Giác đã thiết lập đạo tràng, trì tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa và có khoảng trên 100 người tham dự. Từ 20 giờ ngày mừng 9 Tết, tức 18.02.2013 có lễ đốt đèn Dược Sư, trì tụng kinh Dược Sư, dâng sớ cầu an, cầu siêu, nương sao giải hạn, mỗi tối cho đến rằm tháng giêng là hoàn mãn.

Nguyễn Trí (Văn Tâm).

• Tết Quý Tỵ tại Tu Viện Viên Đức, Ravensburg:

Cũng như các Tự Viện khắp nơi, Tu Viện Viên Đức đã cử hành lễ đón Giao Thừa, mừng năm mới Quý Tỵ rất trang nghiêm và trải qua những ngày đầu Xuân an lạc. Từ chiều ngày 29 Tết, Phật tử đã lần lượt vân tập về Tu



Viện. Đạo hữu, bạn bè gặp gỡ nhau, tay bắt mặt mừng, cười vui như... Tết.

Trong khi chờ đợi giờ phút Giao Thừa quý đạo hữu Phật tử có thể tham gia chương trình Karaoke với những nhạc phẩm về Xuân về Tết hoặc mang nội dung Giáo lý, Phật pháp. Những giọng hát lời ca „nghịệp dư“ cũng làm cho buổi chiều cuối năm thêm phần tươi vui. Ngoài ra, Tu Viện có tổ chức Xổ số Tombola với nhiều phần quà do quý ĐH đóng góp để làm tăng thêm niềm vui và tìm ra người may mắn...

18 giờ: Dùng cơm chiều thân mật. Đặc biệt có sự tham dự của nhiều người Đức láng giềng, trong sự gần gũi, hoan hỷ và thân thiện.



Giờ Giao thừa đã đến, 3 hồi chung trống Bát nhã chào mừng năm mới Quý Tỵ vang lên như thôi thúc tâm tư mọi người. Điều thật vui trong giờ phút tiễn cựu nghinh tân là số Phật tử và đồng hương về dự lễ rất đông, ước tính trên 200 người, mặc dù khí hậu lạnh giá, băng tuyết và Tu Viện lại tọa lạc trong một vùng ngoại ô xa xôi cách trở!

ĐĐ Thích Hạnh Tâm đã khai chuông mõ, dâng hương và cùng với mọi người nghinh Xuân, lễ Phật. Tiếp theo, ĐH Minh Phát Mạch Trước Khung, Chi Hội Trưởng CHPTVNTN Bodensee đã tác bạch chúc mừng năm mới quý Chư Tôn Đức. Thầy Hạnh Tâm đã đáp từ, chúc Tết và nói về ý nghĩa năm mới Quý Tỵ. Ngay sau đó, Hội Lân của Tu Viện Viên Đức cùng với các cháu đến từ Ulm đã trình diễn để cúng dường Chư Phật và mừng tuổi Ông Bà, Cô Bác, quý ĐH Phật tử và quý đồng hương. Năm nay, Phật Tử Tu Viện cũng có đốt một dây pháo dài 10m. Tiếng pháo nổ giòn đã góp cùng niềm vui chung, chào mừng một mùa Xuân mới. Thay mặt Tu Viện, Thầy Hạnh Tâm đã lì xì, phát lộc cho mọi người hiện diện.

Ngày mừng 1 Tết được bắt đầu với thời khóa tọa thiền, trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm. Từ lúc 10 giờ, khai Kinh Duyệt Sư với khoảng 200 người tham dự rất trang nghiêm, an lạc. Tết năm nay, số khách vắng lại, viếng chùa lễ Phật rất đông và ngày nào Tu Viện cũng có lì xì phát lộc. Quang cảnh rất tươi vui.

Ngày mừng 7 Tết (16.02.13), Hòa Thượng Phương Trượng (HTPT) đã về Tu Viện Viên Đức, chủ trì lễ Phật đầu năm. Thầy Hạnh Tâm đã đại diện Phật tử cung kính chúc thọ Sư Phụ. HTPT cũng hoan hỷ chúc mừng năm mới toàn thể Phật tử và ban huấn tử quý báu. Sau đó, HTPT đã lì xì phát lộc và tặng Kinh sách cho mọi người, với chữ ký để lưu niệm một ngày đầu Xuân mới.

(THT)

• Lễ Phật cầu an mừng năm mới Quý Tỵ tại Chi Hội Phật Tử VNTN Karlsruhe:

Vào dịp cuối năm, ngày 22 tháng chạp năm Nhâm Thìn, tức 02/2/2013, Chi Hội PTVNTN Karlsruhe & VPC đã tổ chức Lễ Phật cầu an mừng Xuân mới.

Chương trình gồm có Lễ Phật cầu an tụng Sám Duyệt Sư từ 10giờ sáng đến 16g30 chiều. Có 66 Phật tử đã ghi danh tham dự, do Sư cô Như Quang chứng minh và hướng dẫn. Đại chúng trì tụng 3 thời sám Duyệt Sư, đi kinh hành niệm Phật, tụng Ngũ giới và buổi lễ Qui y cho 1 bác cao niên 78 tuổi thật trang nghiêm. Tiếp theo là phần phát Lộc đầu năm. Vào chiều tối là buổi Văn nghệ mừng Xuân mới.



Đêm văn nghệ bắt đầu khai mạc lúc 17g30 với đông đảo đồng hương hơn 400 vị đến tham dự. Chương trình văn nghệ vẫn giữ các tiết mục căn bản như: múa lân, vui chơi của thiếu nhi như thi trang phục, thi vẽ thiệp chúc xuân. Ngoài ra, năm nay Chi hội vừa thành lập được Đội lân và Ban văn nghệ mới do các em thanh thiếu niên đảm nhận cùng với sự hỗ trợ của Ban văn nghệ chùa Phổ Hiền, nên Chương trình văn nghệ mừng Xuân mới khá xôm tụ. Vừa xem văn nghệ vừa được thưởng thức các món ăn đậm đà hương vị quê hương. Buổi văn nghệ kết thúc vào lúc 23 giờ đã mang đến cho mọi người niềm vui tươi, thoải mái trong cảnh Xuân mới nơi xứ lạ quê người. (Thiên Mỹ)

• Lễ hội Văn Hóa, chào mừng Tết Quý Tỵ do Cộng đồng Người Việt TNCS Berlin tổ chức –Quây Văn Hóa chùa Viên Giác:



14 giờ ngày thứ sáu 15.02.13, phái đoàn Phật tử chúng tôi gồm có 9 đạo hữu thuộc các Chi Hội Phật Tử VNTN Aschaffenburg, Bad Kreuznach, Mannheim, Wiesbaden, khởi hành từ Wiesbaden và đến Berlin vào lúc 20 giờ.

Về đêm, tòa nhà của FEZ chan hòa trong ánh sáng. Thành viên trong Ban Tổ Chức (BTC) và những người ở xa đã hiện diện khá đông. Những tấm biểu ngữ với

dòng chữ Herzlich Willkommen zum Tết-Fest nói lên tâm tình của Ban Tổ Chức. Quý ĐH Thiện Sơn, Thị Chơn, Anh Hiếu, Anh Dũng v.v... đã niềm nở đón tiếp chúng tôi và hướng dẫn đi xem các phòng ốc. Cơ sở FEZ in Berlim có một Halle lớn ở tầng trệt và 3 tầng lầu với mấy trăm phòng có thể làm phòng họp, phòng trưng bày, triển lãm, phòng học hoặc ở lại qua đêm. Chúng tôi được nhận chìa khóa một căn phòng khá rộng. Sau đó, chúng tôi dùng cơm cùng với mấy anh em trong Ban Tổ Chức rồi đi ngủ sớm, vì mọi người đều thấm mệt sau khi vượt qua đoạn đường trên dưới 600Km.

Sáng sớm ngày thứ bảy, sau khi dùng điểm tâm, chúng tôi đi tham quan một vài thắng cảnh tại Thủ Đô như Cổng Brandenburg Tor, Tòa nhà Quốc Hội, những biểu tượng của Berlin. Không có nhiều thời gian vì chúng tôi phải trở về địa điểm tổ chức trước 12 giờ để dùng cơm và tham dự buổi lễ Khai mạc Hội Tết.

Chương trình được mở đầu với nghi lễ chào Quốc kỳ CHLB Đức và Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa thật trang nghiêm. Tiếp theo, MC đã lần lượt giới thiệu đến quý Quan Khách Việt, Đức, quý đồng hương một chương trình thật súc tích và dàn dựng rất công phu. Đặc biệt, Hội Tết năm nay có đến 6 MC lịch lãm, đại diện cho 3 thế hệ, gồm có: Anh Kiệt và Chị Diệu Hào Abitz, tiếng nói của độ tuổi 60; Anh Hiếu và Chị Phương, tiếng nói trung niên và 2 cháu Thu Vân, Luân Vĩ là hình ảnh của Thanh Thiếu niên, được sanh ra và lớn lên tại hải ngoại. Riêng Anh Hiếu là xương ngôn viên của các tiết mục Văn nghệ.



Trước bàn thờ Tổ Quốc thật trang nghiêm và sau 3 hồi trống vang lên như thôi thúc tâm tư mọi người, 3 vị Niên Trưởng mặc Quốc phục, cùng với sự phụ lễ của 2 Thanh nữ, mặc áo dài Việt Nam truyền thống, đã long trọng cử hành nghi lễ "Cây có cội, nước có nguồn". Giờ phút thiêng liêng lắng đọng trong cõi lòng từng người con của Mẹ Việt Nam đang sống nơi đất khách và hướng tâm về Tổ quốc, Dân tộc thương yêu.

Ý nghĩa của Hội Tết nói lên truyền thống Văn hóa tốt đẹp của Việt Nam và những ân tình (Hội ngộ và tri ân). Tiếp theo, BTC đã mời quý quan khách, quý vị đại diện các tôn giáo, đại diện chánh quyền Đức, đại diện các cơ quan đoàn thể, thân hào, nhân sĩ lần lượt lên sân khấu phát biểu cảm tưởng.

Đại diện Tôn giáo gồm có: Linh Mục Đỗ Ngọc Hà, Công Đoàn Công Giáo Thánh Giá, Berlin; Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ trì chùa Viên Giác, Hannover, Chi Bộ

Trưởng Chi Bộ Phật Giáo VNTN tại Đức Quốc và Sư Cô Thích Nữ Hạnh Thông, tháp tùng Thầy Trụ trì.

Quan Khách và đại diện chánh quyền Đức gồm có:

- Herr Hartmut Rhein, Beauftragter des Senats für Religion – Schirmherr (Quốc Vụ Khanh của Nghị Viện, đặc trách về Tôn giáo, Đại diện Bürgermeister, đỡ đầu cho Hội Tết năm nay).

- Frau Barbara John, Ausländerbeauftragte a.D / Vorsitzende parität. Wohlfahrtsverband.

- Frau Mechthild Rawert MdB,

- Frau Katrin Vogel, Vertretin für Herrn Dregger, Mitglied im Berliner Abgeordnetenhaus für die CDU-Fraktion.

- Herr Mannkopf, Fez Geschäftsführer.

- Hoheit Prinz Dah Bokpe v. Allada, Generalsekretär Afrika Diplomatie Akademie.

- Frau Eva Wischnewski Suchdienst-Leiterin -DRK-



Nhiều quan khách Đức đã có những lời phát biểu thân tình, sâu sắc và vô cùng lợi lạc cho Cộng Đồng người VNTN chúng ta, bên cạnh là những sự giúp đỡ thiết thực của quý vị. Cụ thể như Chính quyền đã hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để Hội Danke Deutschland e.V. và Ban TC có thể tổ chức thành công Hội Tết qui mô như vậy; FEZ đã miễn tiền thuê Halle, tiền điện nước... Kết quả vô cùng khích lệ cho Ban Tổ Chức là việc tài chánh không bị thiếu hụt.

Các tiết mục: Múa Lân, Ca vũ, Nhạc cảnh, Võ thuật thật đặc sắc, đầy ý nghĩa... Sân khấu tung bùng, lộng lẫy, màu sắc hài hòa và những tràng pháo tay tán thưởng nhiệt tình. Sánh vai cùng với những tài năng Văn nghệ, Môn phái Việt Võ Đạo VOVINAM đến từ Hamburg, München đã trình diễn trước quan khách Việt Đức những thế võ, những bài quyền vô cùng ngoạn mục, nói lên tinh thần Việt Võ Đạo, sự dũng mãnh và



công phu tập luyện của các võ sinh nam nữ, nhiều em tuổi đời còn rất trẻ.

Liên Đoàn Hướng Đạo Frankfurt cũng đã vượt qua đoạn đường thiên lý đầy băng tuyết để hội ngộ cùng với bạn bè, thân hữu và đóng góp những tiết mục nhiều ý nghĩa về cội nguồn cũng như tâm huyết, hào khí của Dân Tộc Rồng Tiên qua 2 vở kịch: Lạc Long Quân – Âu Cơ và Hội Nghị Diên Hồng.

Ngoài những tiết mục vui Xuân, lì xì, hái lộc, Hội Tết còn có các quầy trưng bày, triển lãm Áo dài, Thư Pháp, Bầu Cua Cá Cọp... được nhiều người tham quan, ưa thích. Quầy phát hành thức ăn, lúc nào cũng rất đông thực khách, vừa thưởng thức những món ăn đầy hương vị quê hương, vừa chuyện trò, hàn huyên rất tươi vui. Phái đoàn Phật tử chúng tôi cùng với ĐH Thị Chơn, Hội Trưởng Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức túc trực tại quầy Văn Hóa của chùa Viên Giác, Hannover để chào đón khách tham quan; giới thiệu sách, báo, sự tu học, Phật sự, sinh hoạt... của chùa, của Chi Bộ PGVNTN Đức Quốc và Hội Phật Tử cũng như Chronik Viên Giác với 35 năm thành lập và sinh hoạt (1978-2013).

Nhiều người hiện diện rất hoan hỷ nhìn thấy hình ảnh giao lưu thân thiết: Các cháu võ sinh với đồng phục màu xanh và phù hiệu VOVINAM trên ngực áo, đang chỉ cho thiếu nhi Đức một vài thế võ tự vệ hay là các bạn trẻ Đức đang vui đùa cùng với Chú Lân oai vệ mà rất hiền hòa.



ĐH Thiện Sơn Nguyễn Thanh Hải cũng không quên giới thiệu với chúng tôi: Cổng Làng Việt Nam có hai mái, biểu hiện cho hai thế hệ. -Nhân sự đóng góp vào các khâu tổ chức, điều hành, cũng như trình diễn các tiết mục trên 300 người và trải qua một thời gian dài chuẩn bị, tập dượt rất công phu. Về số khách tham dự, trong ngày thứ bảy, 16.02.13 ước tính khoảng 2000 người và trong ngày Chủ nhật, 17.02.13 khoảng 1500 người. Đây cũng là một khách lệ to lớn cho Ban Tổ Chức.

Hội Danke Deutschland e.V. in Berlin là một Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam, là nơi gặp gỡ của cộng đồng người Việt, để sinh hoạt văn hóa, xã hội, không phân biệt xuất xứ, tuổi tác hoặc dân tộc - Hội là nhịp cầu nối liền và tạo sự cảm thông giữa các thế hệ qua các buổi đàm thoại - Tổ chức những ngày lễ truyền thống như Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu - Giúp đỡ người già yếu, neo đơn làm các thủ tục giấy tờ - Dẫn dắt, hướng nghiệp cho thanh thiếu niên. - Dạy nữ công gia chánh. - Góp phần giữ gìn, phát huy Văn hóa Việt Nam...

Nước Đức, người Đức đã cứu mang, đã giúp đỡ chúng ta hòa nhập vào Xã Hội của họ. Chúng ta đã học

hỏi được rất nhiều điều tốt đẹp, văn minh của dân tộc Đức. Chúng ta có bốn phận phải sống, học tập, làm việc và luôn trau dồi phẩm hạnh, đạo đức, để trưởng dưỡng bản thân, cộng đồng và đền đáp lại phần nào nghĩa ân đó. (Nhật Trọng)

• Lễ Phật mừng năm mới Quý Tỵ tại Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC:

Năm nào cũng vậy, mặc dù những ngày Tết Nguyên Đán Hòa Thượng Phương Trượng (HTPT) bận nhiều Phật sự, nhưng Sư Phụ luôn sắp xếp, dành một ngày để quang lâm về Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC chủ trì lễ Phật cầu an đầu năm mới, vui Xuân cùng với Phật tử và đồng hương. Năm nay, lễ Tết nhằm ngày thứ bảy 23.02.13.

Chương trình thật đơn sơ, trọng tâm là Lễ Phật cầu an do HTPT chủ trì hướng dẫn mọi người hiệp tâm nguyện cầu cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc. Sau đó, Đại diện Chi hội, ĐH Nhật Trọng chúc Tết HTPT và quý ĐH Phật tử và đồng hương. Nhân dịp, ĐH cũng nhắc đến hiện tình khắp nơi trên thế giới, tại quê hương Việt Nam; trên mọi lãnh vực đều như „lửa cháy trên đầu“ (Kinh Phật). Chúng ta nên hướng về tâm linh, tu tập nhiều hơn.



Ngoài ra, ĐH cũng trình bày thỉnh nguyện chung của hàng Phật tử: Từ năm nay, HTPT không còn nhập thất tại Australia như trước đây, mong mọi Thầy sẽ có thời gian gần gũi Phật tử nhiều hơn, để dìu dắt, chỉ dạy cho chúng con tu học, hành trì Giáo pháp của Như Lai, góp phần củng cố Giáo Hội Phật Giáo VNTN Âu Châu và hải ngoại.

HTPT đã chúc Tết mọi người và ban Đạo từ rất quý báu. Theo chương trình, từ 14 giờ đến 15 giờ 30 HTPT còn dành cho Phật tử một thời thuyết Pháp đầu năm mới. Tuy nhiên vì Volkshaus có sự lầm lẫn đã cho một nhóm khác thuê phòng từ 15 giờ. Họ xin lỗi và xin chúng ta trả Halle vào lúc 15 giờ. Vì vậy, HTPT đã đã hoan hỷ ban Đạo từ dài thêm rồi lì xì phát lộc đến 14 giờ. Sau đó, Chi hội đã mời quý ĐH và đồng hương dùng cơm chay thân mật và thu dọn để có thể giao Halle theo yêu cầu.

Nhân đây, CHPTVNTN Mannheim xin thành tâm cảm niệm quý Cô Bác, quý ĐH, quý đồng hương đã dành thì giờ quý báu, đến tham dự ngày lễ Tết; đặc biệt năm nay có mặt nhiều Vị Niên trưởng trên 80, 90 tuổi cũng như các cháu 3-4 tháng đến 5-7 tuổi. Sự hiện diện của 3 thế hệ là một khách lệ lớn lao cho Chi Hội và nói lên tâm tình của cộng đồng người Việt Nam ly hương chúng ta...

(Nhật Trọng)

• **Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử VNTN Aschaffenburg, ngày 09-10.03.13:**



Theo chương trình tu học của chùa Viên Giác, Hannover, Chi Hội PTVNTN Aschaffenburg vừa tổ chức viên mãn khóa tu Bát Quan trai Giới (BQT) do Hòa Thượng Thích Minh Tâm, viện chủ chùa Khánh Anh, Pháp quốc và ĐĐ Thích Hạnh Giới, Trụ trì chùa Viên Giác chủ trì, hướng dẫn.



Sau nghi thức truyền giới BQT thật trang nghiêm, HT đã ban Đạo Từ, ân cần nhắc nhở về duyên khởi, về ý nghĩa tu BQT và sách tấn Giới tử phải thực tu. Phải giữ đúng nghi thức ăn quá đường, lưu phạm, cúng Đại Bàng Kim Xí Điếu. Theo Giáo lý Đạo Phật: Chư Thiên, tảo thực; Phật, ngọc thực; Súc sanh, hậu ngọc thực; Tuy nhiên, nhất thiết, không thể có quan niệm, ăn sau giờ ngọc là súc sanh! Còn thực chúc buổi chiều, vì căn cơ của chúng ta chưa thể nhịn ăn chiều và cần giữ sức khỏe để còn tu tập cho đủ 24 tiếng đồng hồ, nên Thầy Tổ đã du di cho Giới tử ăn nhẹ, xem đây là được thực, nhưng khi ăn, chúng ta phải biết hổ thẹn và giữ tâm ý của mình. Tuyệt nhiên, không có phạm giới, „không ăn phi thời“. Sau đó, nghi thức ăn quá đường và kinh hành niệm Phật rất trang nghiêm.

14 giờ: Thời khóa Huân Tu Tịnh Độ do ĐĐ Hạnh Giới hướng dẫn. Sau phần trì danh niệm Phật và kinh hành niệm Phật rất trang nghiêm, Thầy cũng nhắc nhở và sách tấn Phật tử về ý nghĩa Quy Y Tam Bảo, về Tu Tịnh Độ với Tín, Nguyện, Hành và bên cạnh chúng ta còn vững tin vào tha lực của Phật A Di Đà qua 48 lời nguyện của Ngài.

16 giờ: Sư Ông thuyết Pháp với đề tài chính là Nghi thức tu BQT.

- Trước hết, Sư Ông đã nhắc lại, giới luật chỉ có từ năm thứ 12 sau ngày Phật thành đạo. Trước đó, Đệ tử xuất gia của Phật đều là A La Hán (Thánh Tăng), không

làm điều sai trái nên không cần giới luật. Vì thời đó Chư Tăng được xã hội kính trọng nên số người xuất gia tăng lên nhiều và đã có những vị làm những điều sai trái! Ngài Xá Lợi Phất đã trình thưa và được Phật quan tâm, chế ra những điều cấm và trở thành giới luật. Cho đến ngày Phật nhập diệt, tổng số có 250 giới dành cho Tăng chúng và 348 giới cho Ni chúng.

- Trong khi Pháp môn Tu Tịnh Độ do Bà Vi Đề Hi trình xin Phật thì nghi thức tu BQT do Bà Visaka (Tỳ Xá Khư), một Cư Sĩ Nữ (Ưu Bà Di) xin Phật bà rất muốn xuất gia, nhưng không thể được vì bà là dâu của một gia đình trưởng giả, phải giữ tròn bổn phận làm dâu. Phật đã chế ra BQT Giới để người Cư sĩ có thể gieo duyên, hành hạnh xuất gia trong 24 tiếng đồng hồ, tu tập cầu mong đi đến giác ngộ giải thoát (thành Phật).

- **Giới thế:** là các nghi thức, chuẩn bị, tác bạch, sám hối, phát nguyện.

Về Tác bạch: nên thưa Kính bạch Chư Đại Đức Tăng (Một Danh hiệu chung, cao quý) để tránh rườm rà khi có sự hiện diện của Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni. –Nên đọc hết Danh sách thọ giới. Trường hợp đông quá –trên 100 chẳng hạn- thì nên đọc „Hiền tiền Phật tử chúng con gồm có... UBT và... UBD, tổng số... Giới tử. Vì gia duyên còn ràng buộc chưa thể xuất gia được; nay xin phát nguyện tu BQTG một ngày một đêm thanh tịnh. Ngưỡng nguyện trên Chư Đại Đức Tăng từ bi truyền trao Giới Pháp cho chúng con...“.

- **Giới tướng:** ở đây là 8 Giới BQT. HT đã ân cần giảng về ý nghĩa của từng giới và nên hiểu, hành cho đúng. Nên giữ tâm thanh tịnh, tự nhiên, không lo sợ bị phạm giới. Làm đúng nghi thức mà Thầy Tổ đã truyền đạt lời Phật dạy thì không sợ phạm giới.

Ngày tu BQT thứ hai được bắt đầu bằng thời khóa trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm (HT cho là rất quan trọng, không thể thiếu, không nên thay thế kinh khác trong thời Công phu sáng). Sau đó, ĐĐ Thích Hạnh Giới đã làm lễ Quy Y Tam Bảo cho cháu Phạm Huy Đức; Pháp Danh và Phái Quy Y Thầy sẽ gởi cho cháu sau.

9 giờ 30: Giải đáp thắc mắc Phật pháp: Hòa Thượng đã giải đáp rất rõ ràng, dễ hiểu và sâu sắc trên 10 câu hỏi của Phật tử nêu lên, vô cùng lợi lạc. Tiếp theo là lễ Xả giới và lễ cúng dường tạ Pháp rất trang nghiêm. Sư Ông đã hoan hỷ chứng minh, nạp thọ và ban cho những Đạo tử vô cùng quý báu.

Song song với khóa tu BQT, hàng năm Chi Hội PTVNTN Aschaffenburg đều có tổ chức Sinh Hoạt Thanh Thiếu Niên do ĐH Diệu Ngọc phụ trách. Ban Tổ chức đã trình diện trước Chư Tôn Đức và đạo tràng các cháu ngành Thanh Thiếu và Ấu đã đi cùng với Phụ huynh tham gia sinh hoạt 2 ngày qua và xin Sư Ông phát những phần quà khích lệ, sách tấn cho các cháu. Sau đó là phần chụp hình lưu niệm.

11 giờ: Khóa lễ cầu an, cầu siêu như thường lệ do Sư Ông và ĐĐ chủ trì. Sau đó Sư Ông đã ban cho đạo tràng một thời Pháp với những lời thuyết giảng gần gũi, thân thương, từ bi và an lạc...

Đã có 105 đạo hữu Phật tử chánh thức ghi tên tham dự, rất tiếc vì khuôn khổ của Bàn Tin Phật sự, chúng tôi không thể tường thuật đầy đủ những điều đã ghi nhận được. Chúng tôi chỉ xin góp ý: Dù cuộc sống có khó khăn, dù thời gian eo hẹp v.v... chúng ta cũng nên sắp xếp đến chùa, đến các khóa tu để lễ Phật, để nghe Pháp, để Quy Y Tam Bảo. Rồi tiếp tục về chùa, tham dự

các khóa tu để tu tập để nghe thuyết Pháp. Có những điều lợi ích bất khả tư nghì cho cuộc sống, cho con đường cần cầu giác ngộ, thoát ly sanh tử luân hồi của chính chúng ta. *(Nhật Trọng)*

*** TIN TỔNG VỤ TỪ THIÊN VÀ XÃ HỘI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VNTN ÂU CHÂU:**

- PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN ỦNG HỘ TỊNH TÀI PHẬU THUẬT (MỒ MẮT) TỪ THIÊN CHO BỆNH NHÂN MÙ Gia đình: Trịnh Thị Mai Hoa 20 ca 500€, GD Quảng Thành 20 ca 500€, GD: Nguyễn Khánh Lan PD Thị Huệ 8 ca 200€. GD Nguyễn Khánh Tuyết PD Vạn Hạnh, 2 ca 50€. G Đ Nguyễn Thị Quang Pd Vạn Hỷ, 2 ca 50€. GD Nguyễn Thị Khánh Hồng 15€. GD Tâm 1 ca 25€. GD Nguyễn Thị Kim Liên PD Thiên Đài. 10€. GD My Lê Nguyễn 2 ca 50€. GD Thục Trinh Lu 2 ca 50€. GD CLEMENS THOMAS HEIZ, 2 ca 60€. GD Bùi Thị Lan PD Huệ Nhã, Danmark 12 ca, 300€. GD Lê Thị Phi Yến 15€. Tổng cộng: 1825 Euro, cho 73 ca mỗi ca x 25 Euro. (Số tiền đã ghi chung vào phần tổng kết năm 2012 nhưng chưa ghi phương danh ủng hộ).

- PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN ỦNG HỘ TỪ THIÊN NĂM 2013

Hòa Thượng Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover 2000€, ĐĐ Thích Hạnh Giới Chùa Viên Giác 400€, Tết Nguyên Đán 360€, Rằm tháng giêng 290€, Lê Bá Miêng 12 tháng 180€, Lê Thị Phi Yến 15€, Trần Thị Mai Thu 10€ GD Kim Ngô 25€. GD Tấn Lợi Nguyễn 200€, GD Kim Liên Ngô 30€. GD Tạ Thị Hương 60€, GD Lê Văn Huỳnh 60€, GD Huỳnh Ngọc Quyên 10€, GD Huỳnh Trung Chi 10€, Huỳnh Trung Minh 10€, Lê Thị Phi Yến 15€, GD Tạ Thị Phi Nga 20€, GD Nguyễn Thị Thanh Thúy 200€, GD Trần Thị Dân 400€. Đào Thúy Uyên 20€, Nguyễn Thị Nga 20€, Nguyễn Thị Hai 20€, Nghiêm Thúy Tâm 20€, Cao Xuân Hai 20€, Vũ Thị Duyệt 20€, Trần Đài Trang 20€, GD Đào Thúy Uyên 400€. Phan Văn Đức + Linh + Phát 25€, GD Giác Thiên 100€. Vũ Thị Đức PD Diệu Hạnh 100 Dolla. Vũ Thị Xuyên PD Thiên Thủy 100€.

THU NĂM 2013: 5.060 Euro và 100 đô-la

Tồn quỹ năm 2012 chuyển sang: 6.675 Euro

TỔNG CỘNG: 11.735 Euro

CHI NĂM 2013: 7.150 Euro

- Chi tiết: Ấn tổng Kinh Vô Lượng Thọ: 1.350€. Ấn tổng Kinh Trợ Niệm Vãng Sanh Kinh A Di Đà: 800€, Mua 2 lần đĩa DVD ấn tổng kinh và thuyết pháp: 450€. Gửi về VN giúp bệnh nhân, đui mù, tàn tật, nghèo khổ, ăn Tết tháng 01 năm 2013 tại Phú Lộc, Thừa Thiên Huế: 500€. Đà Nẵng, Hội An: 500€. Lâm Đồng: 300€. Bình Thuận: 250€. Khánh Hòa: 500€. Mồ mắt miễn phí cho bệnh nhân mù tại Bệnh Viện Diên Khánh: 750€, BV Cam Ranh: 750€, BV Ninh Hòa: 500€, BV Vạn Ninh: 500€.

Tổng Chi năm 2013: 7.150 Euro

Tồn quỹ: 4.585 Euro và 100 đô-la

Chuẩn bị mua lương thực và quà bánh kẹo cho chuyển từ thiện vào tháng 03 năm 2013

Chân thành cảm ơn quý ân nhân.

(ĐĐ Thích Tịnh Phước/Thụy Điển; Nguyên Trí/Đức Quốc, Thủ Quỹ; Huệ Phương/Anh Quốc, Kế Toán)

Ghi chú:

Chương trình hằng năm tiếp tục, quý vị ủng hộ từ thiện xin chuyển vào Konto như sau:

1- Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy Chùa Phật Quang Thụy Điển, Konto Nr : BLZ : chùa phật quang Handelsbanken

Bank Number: 6230 359 478 468 swift: HANDSESS, IBAN: SE70 6000 0000 0003 5947 8468 2.- Ở Đức, Hòa Lan, Pháp, v.v... SPARDA BANK MÜNSTER - Tên: Sandra Nguyen, Konto Nr: 1632957, BLZ: 40060560 (IBAN: DE 18 4006 0560 0001 632957). Xin ghi rõ mục từ thiện, Spenden Giúp trẻ mồ côi, mồ mắt miễn phí, người khuyết tật, hay xe lăn.

Địa chỉ liên lạc: ĐĐ Thích Tịnh Phước - Chùa Phật Quang, Thụy Điển. Nedre Hjällbogärdet 12.- 424 34 Angered (Göteborg) - Tel 0046 031435408 Email: thichtinhphuoc@gmail.com

Hoặc liên hệ Đạo hữu: Nguyên Trí.- Đức Quốc.-Markt str 47.- 26382 Wilhelmshaven – Germany - Tel: 0442128279 -Handi: 015738417141 - Email : vantamtp@yahoo.de

Chương Trình Từ Thiện được thực hiện: WWW YouTube.de : Nguyên Trí Wilhelmshaven, hoặc: YouTube Ảnh Sáng Huyền Diệu. *(Nguyên Trí Nguyễn Văn Tâm)*

**THÔNG BÁO VÀ THƯ MỜI THAM DỰ
Trại Hè Thanh Thiếu Nhi Sinh Hoạt Phật Giáo
tại Neuss**

từ 17.05 đến 20.05 2013

**Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính thưa quý Phụ Huỳnh và Trại Sinh**

Được sự chấp thuận của Chi Bộ GHPGVNTN Đức Quốc, Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức đứng ra tổ chức bốn ngày trại cho Thanh Thiếu Nhi, được gọi là **Trại Hè Thanh Thiếu Nhi (TTN) Sinh Hoạt Phật Giáo**, với mục đích hướng thể hệ trẻ đến với Đạo Pháp và Dân Tộc, hòa nhập trong cuộc sống Tỉnh Thưng, Trí Tuệ và Dũng Lực với cộng đồng xã hội. Chủ đề của trại năm nay là **"Định Hướng"**.

Với mục đích nêu ở trên, hình thức Trại không chỉ đơn thuần là bốn ngày nghỉ hè, trước hết, các Trại Sinh được học hỏi Phật Pháp nơi quý Thầy Cô hướng dẫn, tiếp đến là gặp gỡ học hỏi giao lưu với Trại sinh khác đồng trang lứa. Song song đó là những sinh hoạt tập thể như thể thao truyền thống, văn nghệ lửa trại, chương trình đồ vui v.v... Các chương trình này do các Huỳnh Trưởng GDPT hướng dẫn và thực hiện.

Bốn ngày trại này là bốn ngày vui sống lành mạnh và hòa thuận, một mảnh đất tốt để gieo chủng tử Phật Pháp nơi thể hệ trẻ trên toàn nước Đức, vì vậy 11 năm qua, trại TTN được chuyển từ địa điểm này sang địa điểm khác, từ Aschaffenburg, Karben, Heilbronn, Ravensburg đến Neuss. Năm nay là năm thứ ba trại TTN được tổ chức ở Neuss, và cũng là năm cuối cùng, sau đó Trại sẽ được chuyển đến mảnh đất mới.

Neuss là một vùng đất có địa lợi và nhân hòa. Trại hè ở Neuss nằm trong khuôn viên của một trường học rộng lớn, có đầy đủ tiện nghi, phòng ốc, sinh hoạt rất thoải mái. Ban yểm trợ địa phương thì rất nhiệt tình, quý vị rất thương giới trẻ. Năm nay về Neuss lần nữa, để cùng chung sống 4 ngày trại truyền thống, một hội ngộ nghĩa tình giữa nhiều thế hệ.

Ban Tổ Chức xin trân trọng kính mời quý Phụ Huỳnh tham dự cùng con em của quý vị, rất mong các bạn trẻ

tham dự đồng đạo. Kính chúc quý phụ huynh và các bạn trẻ luôn được nhiều sức khỏe và an lạc.

Trân trọng kính mời và kính mong phổ biến rộng rãi đến các bạn bè xa gần.

Ban Tổ Chức

Xin ghi danh trước qua địa chỉ liên lạc sau:

Email: traithanhthieunien@yahoo.com

Điện thoại: ĐH. Quảng Lộc 02131/6652968; ĐH. Thị Hiện 0551/3891647

Địa điểm tổ chức: St. Peter Schule, Rosellener Schulstr. 9, 41470 Neuss

Thời gian : Thứ sáu, 17.05.2013 đến Thứ hai, 20.05.2013

Ghi danh nhập trại tại địa điểm tổ chức: Bắt đầu 16 giờ, Thứ sáu, 17.05.2013

Điều kiện tham dự:

- Các em dưới 18 tuổi cần giấy chấp thuận của phụ huynh (nếu đi riêng)
- Đem theo túi ngủ và đèn pin, dụng cụ cá nhân, giày thể thao.

Trại phí:

Mỗi người 30 €

Dưới 13 tuổi đóng 50% (15 € 1 em)

Gia đình có trên hai người lớn hơn 13 tuổi tham dự, người thứ hai trở lên được bớt 5 € mỗi người.

Áo thun in Logo của trại 5€ một cái.

Nội dung thảo luận của năm nay gồm có những đề tài thích hợp với từng lứa tuổi:

Thiếu nhi:

1. Làm thế nào để em trở thành trẻ ngoan? *Wie kann ich als Kind brav, vernünftig und hilfsbereit werden?*
2. Tại sao em đi Chùa, niệm Phật và lạy Phật? *Warum gehe ich in die Pagode? Warum sollte ich Buddhanamen rezitieren oder Niederwerfungen machen?*
3. Như thế nào mới gọi là sinh hoạt lành mạnh: Computer, Fernsehen oder Spielen im Freien...? *Was bedeutet gesunde Freizeitsbeschäftigungen: Computer, Fernsehen oder Spielen im Freien?*
4. Mạng xã hội (Schüler VZ, Facebook,...) và những điều cần biết (dành cho những em trên 8 tuổi). *Soziale Netzwerke (Schüler VZ, Facebook) und was man darüber wissen muss.*

Thanh Thiếu niên:

1. Làm thế nào để trở thành một người con có hiếu? *Wie kann ich den Eltern gegenüber meine Dankbarkeit erweisen?*
2. Tại sao em nên đi Chùa, tụng kinh, niệm Phật, nghe Pháp? *Warum sollte ich in die Pagode gehen, Buddha-Lehre studieren und praktizieren?*
3. Những tai hại khi các em chơi game, xem phim bạo giết, bạo lực và chiến tranh. *Was sind die negativen und schädlichen Folgen von Computer Gewalt- und Kriegsspielen?*
4. Những điều lợi và hại của mạng xã hội (Schüler VZ, Facebook, ...). Những cạm bẫy và các điều luật cần biết khi sử dụng. *Was sind die Pros und Contras von sozialen Netzwerken (Schüler VZ, Facebook...) und ihre möglichen Gefahren?*

PHÂN ƯU

Hay tin trẻ;

Cụ LÊ KIM ĐÌNH

Pháp danh Thiện Ngộ

Sinh ngày 24.02.1926 (Ất Sửu)

Mất ngày 28.12.2012 (Nhâm Thìn) tại Sài Gòn Việt Nam. Thượng thọ 88 tuổi

Cựu Giáo sư Đại Học Khoa Học Toán và Đại Học Kiến Trúc Toán Đại Cường - Viện Đại Học Sài Gòn.

Là Thân phụ của ĐH Thiện Hương Lê Thị Huỳnh Hoa và cũng là Nhạc phụ của ĐH Từ Hùng Trần Phong Lưu.

Các thành viên Ban Chấp Hành và toàn thể Đạo Hữu & Phật Tử thuộc Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland-Trier & VPC xin chân thành phân ưu cùng ĐH Thiện Hương và ĐH Từ Hùng cùng tang quyến.

Xin ngưỡng nguyện hồng ân Tam Bảo thù từ gia hộ Hương linh Cố ĐH Thiện Ngộ sớm vãng sanh về Cực Lạc Quốc.



PHÂN ƯU

Được tin Thân phụ của Thầy Thích Hạnh Bảo, Trụ Trì Chùa Viên Ý tại Italia là:

Cụ Ông NGUYỄN PHƯỚC VĨNH CƯU

Pháp danh Quảng Nhuận

Sinh ngày 4 tháng 4 năm 1924

Mất ngày 18 tháng 1 năm 2013 tại Việt Nam Thượng thọ 89 tuổi

Chúng tôi Ban Hộ Trì Tam Bảo cùng toàn thể Phật Tử chùa Viên Ý tại Ý Đại Lợi, thành kính phân ưu cùng Đại Đức Thích Hạnh Bảo và tang quyến, đồng thời nguyện cầu Hương linh Cụ Ông sớm vãng sanh về Cực Lạc Quốc.

- Ban Hộ Trì & Phật Tử Chùa Viên Ý.

5. Người con Phật và những nghề nghiệp không nên chọn cho tương lai. *Welche Berufe und Tätigkeiten sollte ein Buddhist später im Berufsleben vermeiden?*

Phụ huynh:

1. Giáo dục con cái và hướng nghiệp theo tinh thần Phật Giáo. *Kindernerziehung und Berufsorientierung nach buddhistischem Glauben.*
2. Con tôi không thích đi chùa cùng cha mẹ! Làm cách nào để cả nhà cùng tu tập? *Wie kann ich meine Kinder überzeugen, in die Pagode zu gehen, die Lehre des Buddha zu studieren und zu praktizieren?*
3. Phân biệt mê tín và chánh kiến, làm cách nào để hướng dẫn và giải thích cho con em về Phong tục thờ cúng của người Việt? *Rechter Glaube und Aberglaube. Wie kann ich meinen Kindern die Praktiken der Ahnenverehrung erklären?*
4. Các đề tài thiết thực khác và giải đáp thắc mắc do quý Chư Tôn Đức hướng dẫn. *Weitere wichtige Themen und Erklärungsansätze durch die Mönche und Nonnen./.*

in sinh hoạt cộng đồng

* Đại Nguyên phụ trách

* **Chùa Tâm Giác và Chi Hội PT VNTC München tổ chức văn nghệ "Mộng Ngày Xuân" đón Xuân Quý Tỵ 2013:**



Theo truyền thống hằng năm Chùa Tâm Giác và Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại München và Vùng Phụ Cận tổ chức văn nghệ mừng Tết cổ truyền tưởng nhớ quê hương, để bảo tồn văn hóa Việt Nam tốt đẹp và trường tồn. Vào lúc 17 giờ ngày 16.02.2013 (Mùng 7 Tết) Ban Tổ Chức khai mạc Đêm Văn Nghệ Mừng Xuân Quý Tỵ „Mộng Ngày Xuân“. Đêm văn nghệ thành công trong tinh thần đoàn kết, không phân biệt Nam-Bắc cùng đứng dưới cờ vàng biểu tượng của tự do, ĐCNVN cùng một nhịp đập của con tim nổi lên lòng yêu nước, tình thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Quan khách tham dự khoảng 400 người.

* **Văn nghệ đêm Giao Thừa „Con có một tổ quốc“ tại Giáo xứ các Thánh tử đạo Rottenburg-Stuttgart:**



Giáo Xứ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, giáo phận Rottenburg-Stuttgart tại Krebsbachhalle đã tổ chức đón Tết Quý Tỵ vào đêm Giao Thừa 09.02.2013, hơn 1000

người tham dự với chủ đề „Con có một tổ quốc“ với nhiều tiết mục ngoạn mục, hấp dẫn mừng Xuân vui tươi và những hoạt cảnh nói lên hiểm họa trước quân Tàu xâm lăng chiếm biển đảo của Việt Nam, lại còn ngang ngược vẽ bản đồ hình lưỡi bò chiếm hết biển Đông...

Sau đó tờ báo địa phương Tagblatt.de đã tường trình về hoạt cảnh nhà cầm quyền CSVN đàn áp biểu tình tại Việt Nam, với hình những diễn viên cầm các bảng khẩu hiệu chống Trung Quốc „China Hände weg von Vietnam, „Stop China invasion in Vietnam“ ...

* **Đêm văn nghệ „Xuân Tha Hương Nhớ Tổ Quốc“ tại München:**

Cộng Đồng Người Việt Tự Do München - Bayern và Hội Cao Niên tổ chức Tết với chủ đề „Xuân Tha Hương Nhớ Quốc Tổ“ vào thứ Bảy ngày 09.3.2013 tại Hội Trường đường Sieboldstr.11 từ 17 giờ đến 23:00. Hơn 300 quan khách tham dự trong đó có bà Beatrix Burkhardt, Nghị viên Hội Đồng Thành phố, đại diện Thị trưởng München; bà Nürkhet Kivran, Chủ tịch Hội Đồng Cổ vấn Ngoại kiều; Ông Hubert Schmitt, Giám Đốc Trung Tâm Thiện Nguyện Caritas, chi nhánh München Nord cùng các cộng sự viên. Ngoài ra còn có một số khách từ phương xa như: Hamburg, Saarland, Darmstadt, Odenwald hoặc từ các vùng trong tiểu bang Bayern như Nürnberg, Bayreuth, Regensburg, Fürstentfeldbruck, Allgäu...



Mở đầu chương trình là múa Lân sau đó Ban Nghi Lễ rước bài vị Quốc Tổ gồm có cờ Ngũ sắc, cờ Vàng ba sọc đỏ, cờ Đức lên sân khấu.

Lễ chào cờ Đức-Việt và hát quốc ca VNCH cũng như một phút mặc niệm để tưởng nhớ các bậc tiền nhân có công dựng nước và giữ nước, tưởng nhớ đến chiến sĩ VNCH đã hy sinh anh dũng trong công cuộc chiến đấu bảo vệ chính nghĩa Tự Do, tưởng nhớ đến đồng hương bỏ mình trên biển, trên núi rừng đường bộ vì đi tìm Tự Do.

Ban Nghi Lễ gồm 9 người mặc áo dài khăn đóng trịnh trọng trước bàn thờ tổ quốc có bánh chưng, bánh dầy, rượu, hoa tươi, hương đèn nghi ngút mùi trầm thơm thơm, tế lễ dâng rượu trà...

Ông Lê Hồng Đức đại diện Ban Tổ Chức đọc diễn văn chào mừng quan khách.

Bà Nghị viên Beatrix Burkhardt đại diện cho ông Thị Trưởng München lên chúc mừng Tết cổ truyền Việt Nam.

Chương trình Văn Nghệ bắt đầu với múa lân do nhóm Phật tử München trong tiếng pháo, tiếng trống mừng

xuân. Ban hợp ca cộng đồng với nhạc phẩm „Triệu Con Tim”.

Đặc biệt năm nay chương trình văn nghệ thêm phong phú và hấp dẫn do sự đóng góp của ban Văn Vũ Điểm Sáng từ Darmstadt của đại gia đình VOVINAM Việt Võ Đạo Hùng Vương qua các mục vũ bông „Xuân mộng”. Biểu diễn văn võ phối hợp với những đường quyền cước độc đáo „Tinh thần học sử”, „Thập Thế Bát Thức”, „Đạo nhà muôn thuở, Tứ Tượng Côn Pháp”, nhạc quyền „Dòng máu Lạc Hồng”, Hợp ca „Đứng vững lên hát vang” „Một ngày Việt Nam”.



Ban Vũ thiếu nhi München qua các vũ điệu „Chỉ là phù du” do Thiên Kim và Bảo Ngọc trình diễn. Múa nón liên khúc „Lối về xóm nhỏ và tôi yêu”, „Thiếu nữ Thiên Trúc”. Ca sĩ München với những tiếng hát ngọt ngào, truyền cảm: Ngọc Huệ - Ngọc Thu - Johny Nguyễn-Thanh Thủy- Kim Nhung - Thiên Thanh- Kim Tơ - Mạnh Quân - Minh Cường - Julie Kim - Thái Hòa - Tần Miên - Thu Hà - Tuấn Lê - Văn Nghệ - Quốc Khanh - Văn Tốt... hát những nhạc phẩm nổi tiếng làm cho đêm văn nghệ thêm hấp dẫn, hào hứng. Lan Anh nhảy Hiphop solo BP PopToday sôi nổi sống động.

Kịch „Hội Nghị Diên Hồng” diễn viên là các cụ trong Hội Cao Niên và Cộng Đồng thực hiện, khơi dậy tinh thần quật khởi của đồng bào trong và ngoài nước. Chúng mình bài học trong lịch sử qua những lần Bắc thuộc dân tộc Việt Nam đoàn kết cùng một lòng đánh đuổi ngoại xâm giành lại chủ quyền đem lại độc lập, tự do, đời sống ấm no cho dân tộc. Kịch bản này lên án nhà cầm quyền CSVN hèn yếu cúi đầu trước kẻ thù cũng như không tôn trọng nhân quyền và dân quyền đàn áp các cuộc biểu tình chống Trung Quốc... Dân tộc VN có thể bảo vệ lãnh hải lãnh thổ, phải giải thể đảng cộng sản là bọn tay sai bán nước cho Tàu.

Đêm văn nghệ năm nay có nhiều mục hay phong phú, hấp dẫn.

Được biết từ chiều thứ Sáu anh Tạ Kim, họa sĩ Lập đã vẽ thêm tranh trang trí hội trường đẹp; anh Lê, chị Sanh lo nấu bún bò, ướp nướng thịt để hôm sau làm bánh mì. Ban nhà bếp rất vất vả bỏ công sức lo đầy đủ các món ăn, món nhậu đậm đà hương vị thơm ngon. Ngoài ra còn có các Mạnh Thường Quân ủng hộ tiền mua quà cho phần xổ số Tombola, bánh Tét, bánh chưng, bánh bao, bánh giò, bánh xu xê, bánh ướt, các loại chè hạt lựu, xôi vò, cơm rượu, bia... BTC, Hội viên cũng như thân hữu Giáo Xứ Nữ Vương Hòa Bình đóng

góp phục vụ cho đêm văn nghệ được nhiều người hài lòng.

Ban Tổ Chức rất tiếc vì lý do không thuê hội trường đúng trong Tết nên tổ chức trễ, thiếu quảng cáo, nên số người tham dự không như mong muốn! Ban Tổ Chức rất mong sự đóng góp ý kiến, phê bình trong tình đoàn kết của tất cả quý vị để học hỏi, lắng nghe và từ đó rút ưu khuyết điểm và có thể thành công tốt đẹp hơn trong năm tới.

* Hội Tết – Tet Festival tại Bá Linh:

Thủ đô Berlin với gần 4 triệu dân, là thành phố có nhiều người ngoại quốc sinh sống, thể hiện tính chất đa Văn Hóa. Số người Việt khoảng trên 20.000, nhưng có quốc tịch Đức chỉ khoảng 7.000 người.

Hội Tết – Tet Festival kỳ này do Hội Người Việt Tự Do, Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm, Việt Nam Haus, Liên Đoàn Hướng Đạo Sào Nam, Hội Tri Ân Nước Đức „Danke Deutschland e.V” tại Berlin kết hợp tổ chức. Lễ Hội và chợ Tết tổ chức ở địa điểm khang trang, nhiều phòng giải trí rộng lớn. Ban Tổ Chức được chính quyền địa phương yểm trợ do nhiều thành quả hội nhập đạt được trong quá khứ của cộng đồng người Việt tại địa phương. Lễ hội tổ chức 2 ngày:

-Ngày 16.2.2013 Khai mạc chợ Tết từ 13 giờ đến 19 giờ
-Ngày 17.2.2013 Hội chợ Xuân từ 12 giờ đến 18 giờ.



Quan khách tham dự có Đại Đức Thích Hạnh Giới, trụ trì chùa Viên Giác Hannover, Linh mục Anton Đỗ Ngọc Hà thuộc Cộng Đoàn Công Giáo Berlin, và nhiều quan khách Đức.

MC giới thiệu chương trình có sự tham dự các em lưu loát tiếng Việt dù sinh ra và trưởng thành ở Đức. Với nhiều tiết mục hấp dẫn: hái lộc đầu năm, pháo xuân, triển lãm từ văn hóa đến nghệ thuật như tranh vẽ, áo dài đàn tranh, sáo ta, Worskshop... Làng Việt Nam có các trò chơi „Bầu cua cá cọp” lô tô, cờ tướng... Văn nghệ có nhiều tiết mục ca, múa, biểu diễn võ thuật Việt Võ Đạo, các quầy bán thức ăn đầy hương vị quê hương như: bánh chưng, bánh tét, phở... Đặc biệt Ban Tổ Chức còn lo chỗ ngủ cho khách từ phương xa về tham dự.

Rất đông quan khách Đức viếng Hội chợ Tết, trong hai ngày vui xuân số người tham dự (đến rồi đi) khoảng trên 1500 người.

* Người Việt TNCS Mönchengladbach tổ chức Mừng Xuân Quý Ty:



Hơn 1.000 đồng hương tham dự từ Köln, Düsseldorf, Dortmund, Troisdorf, Neuss, Essen, Krefeld, Viersen, Oberhausen, Aachen, Kassel, Bergkamen, Münster, Schüttorf, Kamen, Kempen, Bonn, Freising, Regensburg..., ngoài ra có nhiều người đến từ các quốc gia láng giềng như Bỉ, Hòa Lan, Pháp...

Quan khách Đức đến tham dự năm nay gồm một số quan chức thuộc thành phố Mönchengladbach: ông Norbert Bude, Thị trưởng; bà Gülistan-Yueksel, Chủ tịch các sắc dân ngoại kiều; ông Klaus Schäfer, Thị trưởng thứ ba của MG; ông Gert Fischer (Văn hóa và Thể thao); bà M. Morschhoven (Hội nhập),... Ngoài ra còn có sự hiện diện của Tiến sĩ Günter Krings, Dân biểu Quốc Hội Đức; Tiến sĩ Rupert Neudeck, Chủ tịch Grünhelme; ông Nerbert Post (CDU), Dân biểu tiểu bang NRW; ông H. W. Körfges, Dân biểu tiểu bang NRW... Các chánh khách Đức được Ban Tổ Chức tặng khăn quàng cờ vàng ba sọc đỏ. Mönchengladbach ngoài dịp Xuân còn tổ chức các sinh hoạt trong năm thành công nhiều người tham dự. Bởi vậy tiến sĩ Rupert Neudeck đã nói nơi này là "thủ đô của người Việt tỵ nạn CS".

Các gian hàng thông tin về tình hình tại Việt Nam: Nhân quyền, Bô xít Tây nguyên, Trung cộng xâm chiếm biển đảo, và vận động chữ ký yêu cầu trả tự do cho 14 Thanh Niên Công Giáo tại Giáo phận Vinh đã bị nhà cầm quyền CSVN giam giữ bắt công.

Mönchengladbach mừng xuân thành công rực rỡ, có nhiều chính khách Đức tham dự. Đêm văn nghệ vui tươi qua các vũ điệu dân gian lã lướt của các em, phần biểu diễn võ thuật của đoàn Việt Võ Đạo đến từ Bỉ rất ngoạn mục bằng những đường quyền cước nhanh như vũ bão.

*** Hội Người Việt TNCS Hamburg tổ chức "Xuân Hy Vọng" đón Tết Quý Ty 2013:**

Hội Tết với chủ đề „Xuân Kỳ Vọng" được Hội Người Việt TNCS tổ chức từ 16 giờ đến 22:30 ngày 23.2.2013 tại Stadtteilschule Mümmelmannsberg.

Ngoài những tiết mục đặc sắc, ngoạn mục của các hội đoàn ủng hộ và tham dự như: múa lân, ca, vũ, nhạc kịch. Không khí xuân tưng bừng náo nhiệt, trẻ trung và



lành mạnh. Ban nhạc sống Cát Bụi làm không khí xuân vui nhộn hơn, Ca đoàn Công Giáo Hamburg với hai bản hợp ca „Nhân danh Việt Nam", „Triệu Con Tim/Million Hearts" của nhạc sỹ Trúc Hồ sáng tác năm vừa qua trong chiến dịch vận động về nhân quyền cho Việt Nam, kêu gọi toàn dân đoàn kết, cùng một lòng chống giặc ngoại xâm, xua đuổi những kẻ phản bội quê hương dân tộc, giữ gìn biên cương biển đảo của tiền nhân đã bỏ công dựng nước và giữ nước từ Ai Nam Quan đến Mũi Cà Mau.

Tiếng hát làm rung động trái tim, khơi dậy lòng người dâng trào lòng yêu nước. Nhạc cảnh hai Bà Trưng nhắc lại cuộc chiến đấu bất khuất của tiền nhân chống giặc phương Bắc giành lại chủ quyền trong ngàn năm Bắc thuộc.

Vui xuân nhưng người Việt hải ngoại không quên những người đấu tranh cho tự do dân chủ bất bạo động tại Việt Nam bị kết án tù nhiều năm nên có „Quỹ hàng yếm trợ các nhà dân chủ tại Việt Nam". Số người tham dự trên 1200 người.

*** Hội Người Việt TNCS Frankfurt tổ chức đón Tết-Mừng Xuân Quý Ty**

Khoảng 1200 người đến tham dự lễ Mừng Xuân Quý Ty do Hội Người Việt Ty Nạn Frankfurt và vùng phụ cận tổ chức ngày 23.2.2013.

Chương trình Tết năm nay có rất nhiều người Đức, ông Gralinski, Trưởng phòng nghiên cứu về lịch sử thế giới thuộc đài truyền hình ZDF; phóng viên của báo Frankfurter Rundschau... Về phía người Việt có sự tham dự Liên Hội NVTN tại Đức, Gia đình Vovinam Việt Võ Đạo, Ban Văn Vũ Điểm Sáng, Hội Tin Lành Frankfurt, Đoàn TNVNTD, Hội PNVNTD, Tập thể Cựu chiến Sĩ VNCH, Hội Cao Niên tại Frankfurt, đại diện những Hội đoàn: CĐ NVTN tại Odenwald, Hội NVTN tại Saarland, Hội NVTN tại Nürnberg. Liên Đoàn Hướng Đạo Hùng Vương, Đoàn TNVNTD, Hội Phụ Nữ VNTD, cơ sở đảng Việt Tân tại Frankfurt, đại diện đảng Dân Tộc ...



Đêm văn nghệ được khán giả nhiệt liệt tán thưởng, nghệ thuật trình diễn của các em sinh viên, học sinh đầy nhiệt tình với quê hương và dân tộc. „Quỹ hàng tình thương" thể hiện tấm lòng nhân ái giúp người nghèo khó.

*** Mừng Xuân Quý Ty tại Ý.**



Hội Trống Đồng Đông Sơn của cộng đồng người Việt TNCS tại Ý đã tổ chức Tết Mừng Xuân Quý Tỵ 2013 vào ngày 10.3.2013 tại thị trấn Camposampiero thuộc thành phố Padova. Khoảng 300 người gồm đồng hương và các quan khách người Ý cũng như các dân tộc khác: Nhật, Đại Hàn, Tàu, Albany, Rumania...

Mở đầu là nghi thức chào quốc kỳ Việt-Ý và phút mặc niệm là diễn văn khai mạc. Luật sư Domenico Zanon, quận trưởng thị trấn Camposampiero, phát biểu lời chào mừng cộng đồng người Việt tỵ nạn và không quên nhắc đến biến cố lịch sử 1975 với thảm trạng tang thương đã đưa dân tộc Việt Nam phải sống cảnh lưu vong từ hơn một phần ba thế kỷ! Cộng đồng người Việt tại Ý tuy ít người nhưng có khả năng làm việc tốt, thông minh luôn thể hiện tinh thần yêu nước, biết giữ gìn nguồn gốc văn hóa, dễ dàng hội nhập với người bản xứ cũng như các dân tộc khác...

Kế tiếp là phần văn nghệ với sự cộng tác của các ca sĩ từ Pháp quốc: Hồng Nhung, Cẩm Ngọc; các nghệ sĩ và các thân hữu tại Ý: Hoàng Hoa, Lai Điền, Carlo Bảo, Federica Cillani, Xuân Ý,... Sự góp mặt của Tremo, hai quý khách người Ý, họ cũng là thầy dạy hát và dạy Acoustic Guitar tại trường nhạc Padova. Ngoài ra Tremo còn là nghệ sĩ từng lưu diễn nhiều lần tại Ý và Hoa Kỳ. Tremo gởi một thông điệp bằng tiếng Anh, sau khi trình diễn ca khúc SAVE TIBET, thơ Lê Chân, nhạc Hoàng Hoa để kêu gọi thế giới quan tâm cho nhân quyền tại Việt Nam và Tây Tạng. Hy vọng sẽ có nhiều nghệ sĩ ngoại quốc tiếp tục kêu gọi lương tâm thế giới qua trào lưu văn nghệ để có thể trở thành làn sóng cách mạng tại các quốc gia nạn nhân của chủ nghĩa độc tài.

Văn nghệ Tết không thể thiếu các tấu khúc cổ truyền Việt tộc và các bài dân ca ba miền quê hương qua tiếng đàn tranh réo rắt của Hồng Nhung. Các ca sĩ gởi lời tình tự mùa xuân và tình yêu quê hương bằng các ca khúc trữ tình và nhạc tranh đấu. Nổi bật và thu hút khán giả nhất qua phần múa lân, và các vũ điệu múa quạt của các võ sinh môn phái Giao Long Võ Đạo. Biểu diễn võ thuật của nhóm Việt Võ Đạo thật ngoạn mục làm cho đêm văn nghệ mừng xuân thêm phong phú và hào hứng.

Phòng tiếp tân được trưng bày những bức họa đẹp của cô Ngọc Phương cũng gây sự chú ý cho quan khách, có bàn thi vẽ dành cho các cháu thiếu nhi. Các hình giới thiệu những hoạt động của Liên Minh Việt Nam - Tibet do bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh sáng lập để tạo thế đấu tranh với tầm vóc quốc tế cho Việt Nam; Phong trào ký Thịnh Nguyễn Thư Triệu Con Tim của nhạc sĩ Trúc Hồ

gợi lên Liên Hiệp Quốc tranh đấu cho vấn đề nhân quyền tại VN.

Ban tổ chức tuy ít người, đa phần là người Ý và người ngoại quốc nhưng họ cũng giúp chúng ta thực hiện được một chương trình Tết thành công mỹ mãn. Chúng tôi cảm ơn các cơ quan tại Ý và các hội đoàn hải ngoại, các nghệ sĩ và thân hữu người Việt và Ý, ông Quận trưởng Thị trấn Camposampiero hỗ trợ tinh thần để thể thực hiện được ngày Mừng Xuân Quý Tỵ thành công.
(*Tô Cẩm Hoa Breda di*)

* Santa Ana thông qua nghị quyết ngăn cản phái đoàn CSVN

Hội Đồng Thành Phố Santa Ana biểu quyết 6/0 lúc 6:39 tối Thứ Ba, thông qua nghị quyết 2013-55B, nhằm ngăn cản các phái đoàn cộng sản Việt Nam đến phạm vi của thành phố Santa Ana hoặc đi ngang qua thành phố này.

Tiếp xúc với phóng viên báo Người Việt qua điện thoại, ông Nguyễn Khanh nói: "Thị trưởng và 5 nghị viên bỏ phiếu thuận 6/0. Nghị Viên Sal Tinajero vắng mặt. Sau khi Thị Trưởng Miguel Pulido ký ban hành nghị quyết, ông trao một bản cho Luật Sư Trần Sơn Hà, đại diện Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California, trước những tràng pháo tay vui mừng của đại diện tôn giáo, Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Nam California và hàng chục đồng hương Việt Nam hiện diện".

Nội dung bản nghị quyết nhận được ghi: "Thành phố Santa Ana không khuyến khích các chuyến thăm chính thức của các đại diện chính phủ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đến thành phố Santa Ana, cho đến khi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ hoặc các tổ chức quốc tế chứng nhận hoặc khẳng định rằng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được cải thiện vấn đề vi phạm nhân quyền và chấp nhận cho người dân các quyền tự do cơ bản như sự tự do thờ phượng, quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp và quyền bầu cử đại diện chính phủ của họ, nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam luôn vi phạm những điều mà họ đã cam kết khi trở thành một thành viên của Liên Hợp Quốc và khi họ đã ký kết Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị".

Bản nghị quyết xác định: "Nếu các quan chức từ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam muốn đến thăm hay đi du lịch thông qua thành phố Santa Ana, họ phải thông báo cho Cảnh sát trưởng ít nhất là mười bốn (14) ngày trước khi chuyến thăm này và Cảnh sát trưởng phải lập tức thông báo cho Thị trưởng và các Nghị viên về chuyến viếng thăm này"...

Ông Khanh nói: "Nghị quyết được thông qua như là một món quà đầu Xuân cho cộng đồng Việt Nam.

Trước đây, thành phố Garden Grove cũng thông qua nghị quyết tương tự đòi hỏi phái đoàn CSVN phải báo trước 10 ngày. Thành phố Westminster đòi 14 ngày và HĐTP Fountain Valley cũng đang cứu xét việc thông qua một nghị quyết tương tự.

Linh Nguyễn/Người Việt (19.02.2013)

* Tìm người quen:

Trang Thâm, Trang Muối, trước ở 71 bến Lê Quang Liêm, Chợ Lớn. Qua Düren 1979. Xin liên lạc Trang Cường ở Canada qua: Email : cuong_trang@hotmail.com

(Xem tiếp trang 85)

Tin nước Đức

● Lê Ngọc Châu phụ trách

* **Philipp Rösler, người Đức gốc Việt tái đắc cử Chủ tịch đảng Tự Do Dân Chủ Đức**



Đảng Tự Do Dân Chủ Đức (FDP) bắt đầu hai ngày Đại Hội đảng ở Berlin với cuộc bỏ phiếu rất quan trọng để bầu lại chức Chủ tịch, ứng cử viên hàng đầu cho cuộc bầu cử Quốc hội Đức 2013 cũng như chọn lựa ba vị đại diện đảng trưởng và nhân sự vào Ủy Ban lãnh đạo đảng!

FDP khai mạc đại hội đảng tại Berlin hôm thứ bảy, ngày 09.03.2013. Phó chủ tịch đảng, bà Birgit Homburger ca ngợi "thành quả của FDP đã thực hiện trong liên minh chính phủ Đen+Vàng (CDU/CSU+FDP) đương nhiệm trong bài diễn văn chào đón khoảng 660 đại biểu. Bà ta nói trong tiếng vỗ tay của đảng viên: "Chúng ta có thể tự tin đứng trước các công dân nam nữ và tự hào về những gì chúng ta đã đạt được!"

Kỳ đại hội đảng lần này kéo dài hai ngày, 09.03 và 10.03.2013, Philipp Rösler tái tranh cử chức Đảng trưởng FDP, không có đối thủ.

Và ngay trong ngày đầu Đại Hội đảng, các đại biểu tham dự của đảng Tự Do Dân Chủ Đức (FDP) ở Berlin đã tín nhiệm Rösler vào chức Chủ tịch đảng FDP. Tuy nhiên, không được sự ủng hộ như hai năm trước đây! Rösler, 40 tuổi, nhận được 85,7% số phiếu bầu và hỗ trợ, ít hơn nhiều so với cuộc bầu cử đầu tiên của ông vào chức vụ lãnh đạo FDP hai năm trước đây (95,1%). Rösler chiếm 534 phiếu hợp lệ trong tổng số 623 đại biểu tham dự; 72 đại biểu bỏ phiếu chống lại, 17 bỏ phiếu trắng. Trong số 662 đại biểu chỉ có 631 người đã bầu, tám phiếu không hợp lệ. Đại hội tín nhiệm Philipp Rösler lần nữa vào chức vụ Chủ tịch FDP đã cho thấy dấu hiệu của sự hiệp nhất trong nội đảng FDP sau thời gian tranh chấp kéo dài.

Bên cạnh chức Chủ tịch, trong hai ngày đại hội FDP cũng bầu lại ban lãnh đạo, cơ quan cao nhất của đảng Tự Do Dân Chủ Đức. Cho ba chức Phó chủ tịch có bốn thành viên ứng cử vì thế đó là cuộc bỏ phiếu quan trọng. Kết quả bầu cử ba vị Phó chủ tịch đại diện cho đảng trưởng Rösler: Đệ nhất PCT, ông Christian Lindner, Chủ tịch FDP tiểu bang NRW được 77,8%, bà Bộ trưởng Tư pháp Leutheusser-Schnarrenberger chiếm được 83,7%

và Tỉnh Bộ trưởng tiểu bang Sachsen Zastrow được 49,9%. Bà Homburger chỉ có 45,6%, bị mất chức Phó chủ tịch vào tay ông Zastrow.

Có khá nhiều bất ngờ khác trong quyết định về thành phần nhân sự hàng đầu của FDP: Các đại biểu không ủng hộ vài ứng cử viên, đã đánh rớt bà Birgit Homburger, hai ông Bộ trưởng Daniel Bahr và Dirk Niebel ra khỏi các chức vụ quan trọng trong ban lãnh đạo mới của FDP!

Ngoài ra, các đại biểu đã tín nhiệm ông Patrick Döring với 65,6% làm Tổng thư ký FDP.

Trong cuộc bầu cử Ủy ban chỉ đạo đảng, như mong đợi, các đại biểu đã trừng phạt Bộ trưởng Phát triển Đức, Dirk Niebel về sự phê bình công khai lãnh đạo đảng là Rösler vào đầu tháng Giêng 2013 vừa qua. Chỉ với 25,3% số phiếu bầu ông Niebel bị loại ra khỏi ban lãnh đạo. Kế vị Niebel là ông W. Kubicki (Chủ tịch FDP tiểu bang Schleswig-Holstein). Điều gây nhiều ngạc nhiên cho mọi người vì Kubicki đạt tới 63,7% sự ủng hộ của các đại biểu hiện diện, đã đánh bại ứng cử viên đối thủ là Bộ trưởng Y tế Liên bang, Daniel Bahr (33,3%).

Ngoài ra, FDP đã chính thức bầu Rainer Brüderle tại đại hội đảng ở Bá Linh làm ứng cử viên hàng đầu cho cuộc tổng tuyển cử Quốc hội Đức 2013. Qua đó các đại biểu đã xác nhận Brüderle 67 tuổi trong vai trò lãnh đạo chiến dịch tranh cử. Philipp Rösler nói sau bài phát biểu của Brüderle: "*Chúng tôi sẽ cùng nhau làm việc, dẫn đầu đội ngũ trong một cuộc chiến!*"

Đối với cuộc bầu cử vào ngày 22.9.2013, Brüderle dự đoán một triển vọng tốt cho FDP, "*Cơ hội cho chúng ta có đó, chúng ta phải sử dụng nó. Ông ta đã sẵn sàng đứng ngay tuyến đầu cho FDP trong chiến dịch tranh cử.*"

* Đức, SPD muốn lương bổng bằng nhau

08.03.2013: Trong trường hợp hai đảng SPD và die Grüne (Đỏ và Xanh) thắng trong kỳ bầu cử Quốc hội 2013 sắp tới và thành lập liên minh chính phủ Đức mới thì họ sẽ thực thi việc trả lương bình đẳng cho phụ nữ và nam giới.

Trong một bài báo chung dành cho "Frankfurter Rundschau", đồng Chủ tịch đảng Xanh bà Claudia Roth và lãnh đạo SPD, ông Sigmar Gabriel đã công bố bước cụ thể đầu tiên là một luật lệ lương bổng bình đẳng để giải quyết vụ bê bối tiền lương cho phụ nữ ở Đức, trung bình có mức thu nhập ít hơn 22% so với nam giới.

Ngay cả giờ làm việc cần được cải tổ "thân thiện" hơn dành cho gia đình cũng là đề tài của hai đảng muốn thực hiện và sẽ cho thi hành tại các Bộ và các cơ quan. Hai vị Chủ tịch của hai đảng SPD + Xanh đã tuyên bố nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ: "Rõ ràng là chúng ta cần có một cuộc cách mạng trong mối quan hệ giữa hai giới và trong sự kết nối giữa gia đình và công việc".

* Ngành Sắt Thép tăng 3% lương

06.03.2013: 75 ngàn người lao động trong ngành công nghiệp sắt và thép tại các tiểu bang Nordrhein-Westfalen (NRW), Niedersachsen và Bremen nhận được từ tháng ba 2013 thêm 3% tiền lương. Đại diện giữa giới chủ nhân và công nhân đã thỏa thuận trong buổi sáng sớm hôm 06.03.2013 ở Düsseldorf một thỏa ước lương bổng có giá trị 15 tháng, theo tin nghiệp đoàn kim khí (IG Metall) công bố. Ngoài ra có nhiều nhân viên hơn

trong ngành được quyền hưởng quy chế hưu non (Altersteilzeit).

IG Metall đã đòi hỏi tăng lương năm phần trăm (5%) trong khoảng thời gian mười hai tháng. Quản lý Knut Giesler thuộc tiểu bang NRW đánh giá đây là một kết quả tốt. Ông giải thích thêm: toàn bộ "đã tìm ra được một giải pháp công bằng và hợp lý".

*** Tăng 5,6% lương cho công chức**

09.03.2013: 750.000 nhân viên của các tiểu bang nước Đức với ngoại lệ là tiểu bang Hessen nhận được thêm 5,6% tiền lương, tính lui lại kể từ tháng Giêng 2013 trở đi.

Các cơ quan đàm phán hai bên đã thỏa thuận ở Potsdam một thỏa hiệp tăng thêm lương 5,6% trong hai năm theo từng giai đoạn, như thông tấn xã AFP đã loan tin. Qua đó, gia tăng lương 2,65% từ tháng Giêng năm 2013 và sau đó tăng thêm 2,95% từ tháng Giêng năm 2014.

Công đoàn "công cộng" đã yêu cầu tăng 6,5% tiền lương trong một năm. Trong khi đó, Liên minh Giáo dục và Khoa học (GEW) một lần nữa đã thất bại với sự đòi hỏi của họ là cần phải được hệ thống hóa một "mức lương đồng nhất" cho hai trăm ngàn giáo viên làm việc trên toàn quốc.

*** Số người thất nghiệp đã tăng trở lại vào tháng Hai**

28.02.2013: Số người thất nghiệp đã tăng trở lại vào tháng Hai 2013 do nghỉ mùa đông.

Hiện tại ở Đức tổng cộng có 3,156 triệu người không có việc làm, tăng thêm 18.000 trong tháng Giêng, dựa theo tin của Tổng cục giới thiệu việc làm liên bang (BA) công bố tại Nürnberg. So với tháng Hai năm ngoái số người thất nghiệp tăng 46.000. Tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi là 7,4%.

Giám đốc BA, ông Frank-Jürgen Weise giải thích lý do sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp có tính cách "theo mùa". Theo Weise: "Thị trường lao động của Đức dường như phải đối phó với sự tăng trưởng kinh tế yếu trong những tháng gần đây, nhưng tổng quát cho thấy khá tốt".

Sự việc số người thất nghiệp tăng vào tháng Hai rất phổ biến. Sự gia tăng thất nghiệp nêu trên "ít hơn" so với các năm trước.

*** Căng thẳng (Stress)**

29.01.2013: Gần một nửa số người lao động ở Đức (43%) tin rằng những căng thẳng trong công việc hàng ngày của họ đã tăng lên trong hai năm qua. Khoảng hơn một nửa nhân viên (52%) tuyên bố ý riêng là hiện nay phải làm việc theo thời hạn chặt chẽ và áp lực cao hơn, như báo Bild loan tin đi dựa theo cáo "Báo cáo Stressreport Đức 2012" của Viện Bảo Vệ việc làm liên bang và Y Khoa lao động.

Trong nghiên cứu này, hơn 17.000 công nhân đã được hỏi về nhu cầu tâm lý, căng thẳng và hậu quả căng thẳng của công việc hàng ngày của họ. Gần 60% số người được hỏi cho biết là họ phải phục vụ, trông nom một số nhiệm vụ cùng một lúc. Gần một nửa (44%) nói rằng công việc bị gián đoạn do rối loạn, chẳng hạn như các cú gọi điện thoại và Emails. Bởi vì 47% người lao động cho rằng thời gian nghỉ ngơi không phù hợp với quy trình làm việc và họ đã tuyên bố thêm là vì có quá

nhieu công việc (38%) cho nên một trong bốn công nhân (26%) phải bỏ giờ nghỉ lao.

Nhìn chung, theo báo cáo, có 64% nhân viên làm việc ngày thứ Bảy, 38% vào ngày chủ nhật và ngày lễ. Gần một nửa số nhân viên làm việc toàn thời phải làm việc hơn 40 giờ một tuần, thậm chí 1/6 làm hơn 48 giờ/tuần. Điều này đưa đến hậu quả là 40% số người được hỏi vì lý do nghề nghiệp ít khi hoặc không bao giờ có thể quan tâm đến gia đình hay sở thích cá nhân được.

Họ cho biết thêm là sức ép của công việc thường xuyên dẫn đến bệnh tật hơn. Năm 2006 có 43% phàn nàn về đau lưng thì trong năm qua đã lên đến 47%. Trong khi năm 2006 chỉ có 30% bị đau đầu vì sự căng thẳng thì 2012, đã tăng lên 35%. Số lượng công nhân bị ảnh hưởng khó ngủ về đêm cũng tăng từ 20 lên 27%.

*** Quốc hội thông qua ngân sách 2014**

13.03.2013, Berlin (dapd): Nội các Liên bang đã thông qua các con số cơ bản cho ngân sách liên bang năm 2014. Chính phủ xác nhận nguồn tin này tại Berlin. Bộ trưởng Tài chính Đức, Wolfgang Schäuble (CDU) và Bộ trưởng Kinh tế Philipp Rösler (FDP) đã trình bản báo cáo vào buổi trưa hôm 13.03.2013. Nhưng chi tiết về ngân sách cần phải được quyết định bởi tân chính phủ sau cuộc bầu cử Quốc hội tới, vào tháng 09.2013.

Nợ mới được dự báo sẽ giảm trong 2014 xuống chỉ còn 6,4 tỷ Euro, mức thấp nhất trong 40 năm qua. Cấu trúc - đó là, sau khi trừ đi các khoản thanh toán một lần và ảnh hưởng tăng trưởng kinh tế - ngân sách theo số liệu của chính phủ đã được cân bằng trong năm 2014. Vào năm 2015, chính phủ muốn không có bất kỳ khoản nợ mới nào. Chi phí dự kiến sẽ giảm xuống còn 296,9 tỷ Euro, sau dự tính là 302 tỷ Euro theo kế hoạch trong năm 2013. Lỗ hổng cuối cùng trong ngân sách theo ông Schäuble đã được bù đắp nhờ giảm trợ cấp liên bang cho quỹ y tế. Ban đầu, dự tính trợ cấp từ 14 giảm xuống còn 12 tỷ Euro, nhưng Quỹ y tế giờ chỉ nhận được 10,5 tỷ Euro của chính phủ liên bang. Sự cắt giảm này được giải thích là vì tài chính của quỹ bảo hiểm theo luật định rất tốt. Và từ năm 2016 sẽ đạt được ngay cả thặng dư. Trong năm 2013 vẫn còn thâm hụt nợ nần là 17,1 tỷ Euro.

*** Hơn 1/4 các ca tử vong ở Đức là do bệnh ung thư gây ra**

04.02.2013, Wiesbaden: Đức - Hơn 1/4 của tất cả các ca tử vong ở Đức là do bệnh ung thư gây ra! Văn phòng thống kê Liên bang công bố cho biết trong ngày Ung thư Thế giới tại Wiesbaden là trong năm 2011, 26% của tất cả 852.000 người đã qua đời ở Đức vì bệnh ung thư. Như vậy, sau bệnh tim mạch thì kế tiếp ung thư là kẻ giết người nhiều thứ hai tại Đức, và tỷ lệ tử vong trong 30 năm qua đã tăng gần 25%. Trong cùng thời gian, tỷ lệ bệnh tim mạch cũng giảm xuống gần nhiều như thế. Bộ trưởng Y tế Đức Daniel Bahr (FDP) kêu gọi mọi người hãy tránh các yếu tố nguy cơ như béo phì, hút thuốc lá và thiếu tập thể dục.

Các loại ung thư phổ biến nhất ở nam giới dẫn đến tử vong đã được thông báo cao đến 32% từ các bệnh tiêu hóa. Vị trí thứ hai là ung thư phổi và ung thư phế quản với 26%. Trong số những người phụ nữ bị tử vong, cũng theo số liệu thống kê là 30% do ung thư của các cơ quan tiêu hóa.

Chiếm vị trí thứ hai ở phái nữ là ung thư vú, với khoảng gần 18%. Lứa tuổi của những người đã chết vì bệnh ung thư trong 30 năm qua tăng tổng cộng là 3,1 năm, lên đến 73 năm tuổi. Nam giới trung bình 72,1 và phụ nữ 74 tuổi.

*** Xu hướng nghỉ hưu sớm tại Đức tăng**

31.01.2013: Hiện nay tại Đức, theo kết quả nghiên cứu cho thấy đang có xu hướng nghỉ hưu sớm. Càng ngày càng nhiều người hơn cho biết họ muốn nghỉ hưu sớm, trong một số nhóm nghề nghiệp với hơn 60%, mặc dù họ phải đối phó với những mất mát trong các trợ cấp hưu trí tuổi già.

Đây là kết quả phân tích đặc biệt của Quỹ hưu trí của Đức, theo tin báo "Süddeutsche Zeitung (SZ)" trích dẫn. Theo đó, trong năm 2011, gần 700 ngàn người nhận tiền hưu trí đầu tiên. Gần một nửa trong số đó, hầu hết 337.000 không được trả lương hưu đầy đủ, bởi vì họ đã không làm việc cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu là 65.

Cũng theo báo cáo của "SZ" cho biết thì tỷ lệ người về hưu sớm với điều kiện tài chính không thuận lợi là 41,2% trong năm 2005, tăng lên khoảng 47,5% năm 2010 và đã lên đến 48,2% trong năm 2011. Những người nghỉ hưu thuộc tất cả các ngành công nghiệp. Trong 23 của 39 ngành nghề được lựa chọn, tỷ lệ người mới về hưu với lợi ích hưu trí rút ngắn khoảng hơn 60%. Đặc biệt bị thiệt thòi là giới y công tại bệnh viện, các nhà giáo dục và người lao động trong ngành dịch vụ.

Theo tin của Tổng Cục giới thiệu việc làm Liên bang (BA) thì tỷ lệ việc làm trong giới từ 60 đến 64 tuổi cuối cùng giảm xuống 29,3%. Với lứa tuổi 64- trong tháng 6 năm 2012 còn có 14,2% làm việc !

*** Chính phủ Đức không làm đơn cấm NDP**

Berlin, 20.03.2013: Chính phủ liên bang không đệ đơn riêng biệt cho một lệnh cấm đảng hữu khuynh (NPD) của Đức. Theo tin từ phát ngôn viên chính phủ, Steffen Seibert, thì nội các Đức đã quyết định như mong đợi, trái ngược với Hội đồng Liên bang là chính phủ không đệ đơn trước Tòa án Hiến pháp liên bang để đạt được một lệnh cấm đối với đảng hữu khuynh. Nhưng chính phủ cho biết trong một dự thảo nghị quyết là sẽ hỗ trợ những nỗ lực của các tiểu bang.

Ngay sau đó, không những phe đối lập và Hội đồng Trung ương của người Do Thái ở Đức, mà ngay cả từ nội đảng đã lên tiếng chỉ trích.

Theo quyết định, chính phủ ghi nhận đơn đề nghị yêu cầu cấm NDP của các tiểu bang và cho rằng một yêu cầu lệnh cấm bổ sung riêng là không cần thiết. Tuy nhiên Bộ Nội Vụ sẽ "tiếp tục giám sát hỗ trợ hơn nữa trong việc sưu tầm dữ kiện có hệ thống các bằng chứng chống lại NPD nhằm hỗ trợ đơn yêu cầu của Hội đồng Liên bang. Đảng FDP chủ yếu chống lại việc nộp đơn yêu cầu cấm NDP rất mạnh mẽ. Hiện vẫn chưa rõ liệu Quốc hội (Bundestag) Đức có làm đơn yêu cầu cấm hay không. Nội các sẽ bàn vấn đề liên quan đến việc đối phó trong tháng 04.2013.

*** Bị bệnh vẫn làm việc?**

Cái đầu kêu ù ù, dạ dày "càu nhàu", chảy nước mũi. Khủng khiếp, anh chàng nghĩ rằng chỉ nuốt một viên thuốc và chạy vào văn phòng làm việc.

Quan tâm đến chỗ làm, ý thức trách nhiệm với các đồng nghiệp: Có nhiều lý do để đi làm mặc dù bệnh tật.

Nhưng sự hy sinh nhỏ không mang lợi ích lại cho công ty, các bác sĩ và luật sư nói như thế! Ai bị cảm lạnh, có thể lây đồng nghiệp và sau đó có lẽ họ nghỉ làm trong nhiều tuần. Các bác sĩ tư vẫn cho biết lý do tại sao: "*Bất cứ ai bị bệnh nên ở nhà và nghỉ để hết bệnh!*".

Nhưng ngoài ra cũng quan trọng là bạn cần lưu ý các quyền và nghĩa vụ thiết yếu sau đây:

- *Giường ngủ hoặc văn phòng - khi nào công nhân viên nên ở nhà?*

Khi sốt xảy ra. Sốt được gây ra bởi sức kháng của cơ thể chống lại virus và vi khuẩn. Ông Klaus Schäfer, Bác sĩ tổng quát và Chủ tịch của Hiệp hội Bác sĩ gia đình Hamburg nói: "Bệnh nhân cần năng lượng của mình để chống lại bệnh tật và không cần phải tăng gấp đôi sự chịu đựng nơi chỗ làm việc". Ngay cả cơn bệnh cảm nặng cũng không là thắng lợi cho ông chủ và đồng nghiệp, bởi vì người bệnh có thể lây bệnh cho người bạn, cũng không thể có được năng lượng đầy đủ - một trò chơi có tổng số không đối với cả hai bên.

- *Nhân viên bị bệnh nên ở nhà bao lâu?*

Tùy thuộc vào điều kiện của mình ít nhất là 2-3 ngày, thường có khi một tuần lễ. Ông Schäfer nhấn mạnh: "Ít nhất trong thời gian vẫn còn bị sốt, người nhân viên không cần phải đi làm".

- *Những rủi ro cho sức khỏe nhân viên bị bệnh nhưng đi làm?*

Nó tùy thuộc vào khả năng chịu đựng (tài lượng). Theo Schäfer: "nhân viên văn phòng có thể tốt hơn so với những người có công việc nặng nhọc!".

Ví dụ, công nhân xây cất có nguy cơ bị virus tấn công vào cơ tim. Bộc phát có thể xảy ra, dẫn đến suy tim và rối loạn nhịp tim, thậm chí tử vong.

- *Thế nào một căn bệnh lây nhiễm?*

Ông bác sĩ nói: "Chỉ cần hắt hơi là đủ. Đó là một sai lầm nếu lấy tay bịt mũi của mình". Sau đó, bạn chạm tay vào nắm cửa, bắt tay các đồng nghiệp, từ đó đã có virus lây sang. "Tốt hơn hãy để hắt hơi vào cánh tay của bạn". Schäfer khuyên để giảm lây nhiễm nên chọn một ngón tay vào lỗ mũi với panthenol. Điều này tạo nên một lớp phim nhẹ nhàng, loại bỏ được virus.

"Khi cảm lạnh hãy nâng, hạ và nuốt xuống tốt hơn là hỉ trong chiếc khăn tay bằng giấy". Bởi vì hắt hơi mạnh mẽ thì xoang mũi bị "ảnh hưởng" và virus sẽ lan truyền. Bạn nên liệng giấy lau mũi vào trong thùng rác có nắp đậy ngay lập tức. Rửa tay kỹ lưỡng bằng xà phòng cũng rất quan trọng.

- *Khi nào nhân viên phải xuất trình giấy chứng nhận y tế (Attest)?*

Ông Michael Felser, luật sư chuyên về luật lao động nói: "Giấy chứng nhận bị bệnh của bác sĩ đáp ứng sự chứng minh từ người lao động, chậm nhất là ngày thứ ba".

Lưu ý: cuối tuần cũng phải tính! Trong hợp đồng lao động có thể thỏa thuận rằng một giấy chứng nhận y tế phải được nộp vào ngày bệnh đầu tiên. Felser nói thêm: "Nhân viên bị bệnh phải thông báo cũng như chứng minh là mình bị bệnh!".

- *Những điều công nhân viên cần lưu ý*

Nếu một nhân viên đột nhiên cảm thấy yếu đi trong văn phòng, và ông ta muốn đi khám bác sĩ ngay lập tức, ông ta phải lập tức thông báo cho ông xếp - để xếp biết và có thể chuẩn bị. Ngoài ra, bạn cũng phải chỉ cho ông xếp và đồng nghiệp thời hạn hoặc công việc quan trọng.

Một thợ máy trong hãng sửa xe, ví dụ, còn phải thực hiện sự chuyển nhượng, và những công việc cần được giải quyết cho xong.

Luật sư về Luật lao động cảnh báo: "Nếu tôi quên điều này thì tôi phải trả tiền bồi thường, nếu từ đó xảy ra một sự thiệt hại cho hãng!".

- Điều gì sẽ xảy ra nếu người lao động bị ốm trong kỳ nghỉ hè của bạn?

Nếu anh ta - như thường lệ - thông báo và chứng minh bị bệnh thì các ngày có bệnh này được ghi vào những ngày nghỉ thường niên của anh ta. Luật sư Felser: "Nhưng ông ta không được kèm theo sau ngày nghỉ của mình đang có mà phải nộp một đơn xin nghỉ (Urlaub) mới".

- Các ông xếp có thể kiểm tra xem một nhân viên bị bệnh?

Trong một nghi ngờ cụ thể: Có. Ông xếp thậm chí có thể nhờ thám tử theo dõi. "Nếu nhân viên thực sự khai bệnh để nghỉ làm, anh ta phải trả chi phí cho các nhà điều tra tư nhân", theo luật sư Felser.

Người xếp cũng có thể gọi phôn hay ghé qua nhà đương sự! Nhưng "Bệnh nhân không phải trả nhắc ống điện thoại hoặc mở cửa". Ngay cả lý do của sự nghỉ làm cũng không cần phải tiết lộ!".

- Bệnh có thể dẫn đến việc sa thải?

Có! Một ngắn hạn thường xuyên hay trong trường hợp bệnh dài hạn một lần của một cá nhân - nhưng chỉ khi nào bác sĩ dự đoán rằng bệnh tật kéo dài hơn sáu tuần mỗi năm, sẽ là gánh nặng cho mỗi quan hệ lao động. Luật sư Felser nói rằng: "Điều này ví dụ có thể là trường hợp bị bệnh sốt mùa hè (Heuschnupfen) nghiêm trọng, không chữa được. Câu hỏi là trong thực tế người chủ sẽ ứng xử thế nào đối với sự sự đoán tiêu cực như vậy".

Chậm nhất trước tòa án, người nhân viên mới cho phép bác sĩ không giữ bí mật của mình để làm sáng tỏ các sự kiện liên quan. Ngay cả khuyết tật giả tạo có thể dẫn đến việc chấm dứt việc làm, ví dụ nếu nhân viên này phụ giúp anh rể (hay em rể) trong thời gian nghỉ ốm tại quầy hàng (Kiosk) của ông này. Felser nói: "Không có lý do nào để xin lỗi trong trường hợp này!".

- Bạn phải ở nhà trong khi nghỉ ốm?

Không. Ngay cả sự tham gia marathon có thể làm được, miễn là bác sĩ chứng nhận rằng không ảnh hưởng gì đến sự phục hồi. Luật sư Felser cho biết người bệnh cũng phải đi chợ mua sắm hoặc đến một nhà hàng. "Ông ấy không khẳng định phải chịu đói".

- Cho phép người bệnh làm việc từ nhà?

Vâng, nếu chuyện này không ngăn cản sự phục hồi. Bạn cũng có thể đi làm việc mặc dù có giấy chứng nhận bác sĩ. Luật sư Felser nói: "Giả định rộng rãi rằng các nhân viên không được bảo hiểm trong thời gian nghỉ ốm là sai". Luật sư Felser nói: "Nếu một thư ký bị gãy cánh tay trái của mình, nhưng ông xếp vẫn có thể ra lệnh đến văn phòng làm việc, bởi vì với tay phải thư ký vẫn có thể pha cà phê". Tuy nhiên bà thư ký không nhất thiết cần phải làm như vậy trong thời gian có trình giấy chứng nhận của bác sĩ.

• LNC (Munich, Tháng 03.2013)

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, FAZ, die Welt, Handelsblatt, Focus, N-TV, AFP, Yahoo-News, dapd....

*** Từ trò lừa bịp dân "Góp ý về sửa đổi Hiến pháp" đến phong trào "Tuyên Bố Công Dân Tự Do"**

Ngày 23/11/2012, Quốc hội CSVN đã thông qua nghị quyết về việc "Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992". Trong đó có đoạn: "Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hưởng ứng và tích cực tham gia đóng góp ý kiến để Hiến pháp thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới". Thời gian thực hiện là 3 tháng, từ 2/1/2013 đến 31/3/2013 (Nay vừa được kéo dài tới 30/9/2013).

(1) Kiến Nghị 72: Ngày 19/1/2013, 72 công dân trong nước đã cùng ký tên trong một Bản kiến nghị 7 điểm về việc sửa đổi Hiến pháp 1992. Trong đó, kiến nghị thứ 6 nói rằng: "Bảo đảm quyền phúc quyết của nhân dân đối với Hiến pháp, thông qua Trưng cầu dân ý được tổ chức thật sự minh bạch và dân chủ với sự giám sát của người dân và báo giới". Bản dự thảo Hiến pháp mới đính kèm kiến nghị trên, do các chuyên gia luật viết, đã đề cập đến một chính trường đa đảng ở Việt Nam: "Các đảng phái chính trị được tự do thành lập và hoạt động theo các nguyên tắc dân chủ. Quyền đối lập chính trị được tôn trọng và Pháp luật bảo đảm sự bình đẳng giữa các đảng phái chính trị" (Điều 9). Bản kiến nghị cùng với dự thảo Hiến pháp này đã nhanh chóng được hàng ngàn chữ ký của đồng bào Việt Nam cả trong và ngoài nước ủng hộ.

Trong bản tin thời sự của Đài truyền hình Việt Nam tối ngày 25/2/2013 dẫn lời Tổng bí thư ĐCSVN Nguyễn Phú Trọng nói tại Vĩnh Phúc rằng: "Đó là các luồng ý kiến có thể quy vào được là suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống"... Phụ họa với ông Trọng, các nhà "lý luận" của đảng CSVN cũng nhao nhao ngụy biện: "Hệ thống chính trị một Đảng và lợi ích của Đảng thống nhất với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Tính giai cấp của Đảng cũng gắn liền với tính nhân dân. Ngoài mục đích phục vụ cho lợi ích của nhân dân và Tổ quốc, Đảng ta không có mục đích nào khác".

Phản ứng nhanh với những điều ông Trọng nói, nhà báo Nguyễn Đắc Kiên trong nước đã viết trong một "vài lời" gửi ông ta: "Đầu tiên cần phải xác định ông đang nói với ai? Nếu ông nói với nhân dân cả nước thì xin khẳng định luôn là ông không có tư cách". Tiếp đó anh Kiên trân trọng tuyên bố 5 điều khẳng định những đòi hỏi cơ bản của toàn dân hiện nay về dân chủ. Và cũng nhanh không kém: ngay hôm sau, anh Kiên mất việc ở báo Gia Đình & Xã Hội!

(2) Lời Tuyên Bố Của Các Công Dân Tự Do: Ngày 28/2/2013 một bản "Tuyên Bố Của Các Công Dân Tự Do" (lấy lại phần hai "vài lời" của anh Kiên) được công bố rộng rãi trên Internet, có hàng ngàn chữ ký ủng hộ, với lời mở đầu như sau: "Chúng tôi không chỉ muốn bỏ Điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, mà còn muốn tổ chức một Hội nghị lập hiến, lập một Hiến pháp mới thực sự là ý chí của toàn dân Việt Nam, không phải là ý chí của đảng cộng sản như Hiến pháp hiện hành"...

Tác giả Robert Helvey trong bài báo có tựa đề "Việt Nam: quá khứ là sự khởi đầu" đã khẳng định: "*Người Việt Nam không chấp nhận làm nô lệ. Họ là những người phản kháng không hề nao núng. Bản Tuyên Bố Của Các Công Dân Tự Do là tiếng nói của người dân, nêu lên rõ ràng rằng: sự độc tài sẽ không trụ lại ở Việt Nam được nữa. Đã đủ rồi!*"

(3) Thư của Hội đồng Giám mục Công giáo Việt

Nam: Bức thư ngày 1/3/2013 của Hội đồng Giám mục Công giáo Việt Nam nhận định và góp ý sửa đổi Hiến pháp cũng phân tích rõ sự mâu thuẫn: "*Một mặt, Điều 74 khẳng định Quốc hội là "cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất"; mặt khác, Điều 4 lại khẳng định đảng cầm quyền là "lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Vậy ai lãnh đạo ai? Phải chăng Quốc hội chỉ là công cụ của đảng cầm quyền? Nếu như thế, việc người dân đi bầu các đại biểu Quốc hội có ý nghĩa gì? Một sự chọn lựa thật sự tự do hay chỉ là thứ dân chủ hình thức?*"

(4) Tuyên bố của Đại lão Hòa Thượng Thích

Quảng Độ: Lời Tuyên bố ngày 5/3/2013 của Đại lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất - "*Dân chủ là nền tảng phát triển kinh tế, đem lại no cơm ấm áo, hạnh phúc và tự do cho toàn dân*"- cũng nói rõ: "*Nhân danh Hội đồng Luồng viên GHPGVNTN, tôi ngỏ lời tán thán sự can đảm và cấp thời của hai văn kiện nói trên (1&2), đại biểu qua trên mười nghìn chữ ký, đang rửa sạch dư luận xấu của những nền chính trị gian tà cùng cố đặc quyền đặc lợi cho bè nhóm, đồng thời lấy trách nhiệm người công dân biểu tỏ hành động chính trị thân dân và hộ quốc*".

Ngày 7/3/2012, Khối 8406 tuyên bố: "*Đòi hỏi bản Hiến pháp hiện hành phải được thay thế hoàn toàn và triệt để bởi một bản Hiến pháp mới của toàn dân, chứ không phải cần được tu sửa vặt vãnh theo ý đồ xấu xa và ngang ngược của NCQ CSVN*" và kêu gọi đồng bào Việt Nam tiếp tục ký tên ủng hộ 4 văn kiện nói trên, mở một chiến dịch đấu tranh dân chủ.

Ngày 8/3/2013, Phật Giáo Hòa Hảo Thuần Túy đã kêu gọi mọi người VN "*liên kết đấu tranh đòi đảng Cộng sản phải chấp nhận một cuộc Trưng Cầu Dân Ý có quốc tế giám sát để tiến đến việc soạn một Hiến Pháp Tự Do và Dân Chủ cho Việt Nam*".

Nguồn:

<http://www.boxitvn.net/>

<http://danlambaovn.blogspot.com.au/>

<http://danlambaovn.blogspot.com.au/>

Vấn tắ 5 điể nhà báo trẻ tuổi Nguyễn Đắ Kiên (30 tuổi) đã yêu cầu:

1. tổ chức một hội nghị lập hiến, lập một Hiến Pháp mới

2. đa nguyên đa đảng

3. không chỉ ủng hộ xây dựng một chính thể tam quyền phân lập mà còn muốn một chính thể phân quyền theo chiều dọc, tức là tăng tính tự trị cho các địa phương, xây dựng chính quyền địa phương mạnh, xóa bỏ các tập đoàn quốc gia, các đoàn thể quốc gia tiêu tốn ngân sách, tham nhũng của cải của nhân dân, phá hoại niềm tin, ý chí và tinh thần đoàn kết dân tộc

4. phi chính trị hóa quân đội

5. khẳng định mình có quyền tuyên bố như trên và tất cả những người Việt Nam khác đều có quyền tuyên bố như thế."

Bởi vì theo quan điểm của ông, "Tôi khẳng định, mình đang thực hiện quyền cơ bản của con người là tự do ngôn luận, tự do tư tưởng; quyền này mỗi người sinh ra đã tự nhiên có, nó được nhân dân Việt Nam thừa nhận và tôn trọng; quyền này không phải do đảng cộng sản của các ông ban cho, nên các ông cũng không có quyền tước đoạt hay phán xét nó"...

* Dự thảo luật cho phép Chủ tịch Nước được xét tài sản Phó thủ tướng 'trở xuống'

Dự thảo luật nhằm sửa đổi luật phòng chống tham nhũng đề nghị trao cho Chủ tịch nước "quyền yêu cầu xác minh tài sản đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng" cùng nhiều chức vụ khác. Nhưng quyền này chỉ dừng lại ở cấp đó và các cấp "thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao".

Riêng các chức Thủ tướng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không thấy nêu tên trong mục có thể bị Chủ tịch nước hay bất cứ cấp nào khác "xác minh tài sản".

Về phía mình, người giữ chức Thủ tướng Chính phủ lại sẽ cùng các Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện "có quyền yêu cầu xác minh tài sản đối với người dự kiến được hội đồng nhân dân bầu".

Điều đáng chú ý là: Dự thảo thừa nhận rằng "chỉ số cảm nhận tham nhũng của nước ta theo xếp hạng của một tổ chức quốc tế chưa có nhiều cải thiện". Năm 2011, Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) đã xếp Việt Nam hạng 112 trên tổng số 183 nước trong phúc trình về tham nhũng.

Nguồn: <http://danlambaovn.blogspot.com.au>

* Blogger Huỳnh Ngọc Chênh đoạt giải Công Dân Mạng 2013



Paris, 7/3/2013: Tổ chức Phóng viên Không Biên giới (RSF), với sự hỗ trợ từ Google, vào thứ năm 7/3/2013 đã trao giải thưởng Netizen của năm 2013 cho blogger Huỳnh Ngọc Chênh. Phóng viên Không Biên giới đã chọn các ứng cử viên và hơn 40.000 người sử dụng Internet truy cập trang web YouTube từ khắp nơi trên thế giới. Họ chọn người chiến thắng trên trang You Tube của RSF. Lễ trao giải đã diễn ra tại Paris vào ngày 12/3 tại văn phòng của Google nhân dịp Ngày Thế giới chống lại kiểm duyệt online.

Huỳnh Ngọc Chênh là một trong những blogger có ảnh hưởng lớn nhất của Việt Nam. Blog của ông thu hút khoảng 15.000 khách truy cập mỗi ngày, mặc dù người

đọc phải sử dụng phần mềm để phá vỡ kiểm duyệt để truy cập. Ông Chênh chỉ trích chính phủ và bảo vệ quyền tự do ngôn luận. Ông tập trung vào các vấn đề dân chủ, nhân quyền và tranh chấp lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Nhà chức trách đã đe dọa ông nhiều lần vì các bài báo và cảnh sát theo dõi thông tin liên lạc của ông.

"Giải thưởng này tạo một nguồn cảm hứng cho tôi cũng như cho tất cả các blogger, nhà báo độc lập ở Việt Nam, những người phải đối mặt với những hạn chế về quyền tự do ngôn luận", Huỳnh Ngọc Chênh cho biết qua điện thoại từ Sài Gòn. "Nó thể hiện sự hỗ trợ của cộng đồng thế giới và sẽ làm cho chúng tôi cam đảm hơn trong việc nói lên tiếng của mình và tiếp tục cuộc đấu tranh của chúng tôi cho tự do thông tin. Nó sẽ giúp mọi người bớt sợ hãi và nói ra".

Việt Nam đang nằm trong danh sách "Kẻ thù của Internet" của Phóng viên không biên giới và đứng thứ 172 trong số 179 quốc gia theo Chỉ số Tự do báo chí thế giới mới nhất. Các blogger và các cư dân mạng khác đang phải đối mặt với đàn áp dữ dội. Thân nhân của họ cũng bị sách nhiễu và bị đe dọa. Các nhà chức trách đã tăng cường các nỗ lực để giám sát và loại bỏ các nội dung "nhạy cảm". Ngày 9/1, 14 nhà bắt đồng chính kiến - trong đó có 8 blogger và các nhà báo công dân - đã bị kết án tù từ 3-13 năm. Với 31 blogger và các nhà báo công dân hiện bị cầm tù, Việt Nam là nhà tù lớn thứ ba trên thế giới cho cư dân mạng sau Trung Quốc và Oman.

<http://vietnamhumanrightsdefenders.wordpress.com/>

*** Blogger Nguyễn Hoàng Vi được vinh danh 1 trong 7 phụ nữ tiêu biểu về bảo vệ quyền tự do ngôn luận**



Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ năm nay, 8/3/2013, tổ chức IFEX (International Freedom of Expression Exchange network) đã vinh danh 7 phụ nữ tiêu biểu vì những nỗ lực tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận. Blogger Nguyễn Hoàng Vi (An Đờ Nguyễn) của Việt Nam vinh dự là 1 trong số 7 phụ nữ được nêu tên trong danh sách này.

Nguyễn Hoàng Vi, sinh năm 1987, hiện đang sống và làm việc tại Sài Gòn. Cô là một trong những người khởi xướng và là người đầu tiên tham gia ký tên vào Lời Tuyên Bỏ của các Công Dân Tự Do. Thông cáo của IFEX cũng nhắc lại những hành vi sách nhiễu, tấn công do nhà cầm quyền CSVN thực hiện đối với Nguyễn Hoàng Vi trong quá khứ. Nghiêm trọng nhất là vụ việc Hoàng Vi bị công an xúc phạm nhân phẩm nặng nề trong trụ sở CA, sau khi cô bị bắt vì đến tham dự phiên tòa xử các blogger CLB Nhà Báo Tự Do.

Chia sẻ về những điều đã trải qua đối với bản thân mình, Hoàng Vi cho biết: "Không thể cho phép sự sợ hãi làm tê liệt chính bản thân mình. Chúng ta phải nhận biết thật sâu sắc trong tim, để có thể tha thứ cho tất cả

những gì họ đang làm đối với chúng ta và đối với thân thể mình. Tha thứ là không có nghĩa là chấp nhận. Chúng ta phải cho họ biết rằng, những gì chúng ta làm không dựa trên hận thù cá nhân đối với thủ phạm, những việc chúng ta đang làm là để bảo vệ các quyền phổ quát thuộc về họ cũng như thuộc về tất cả chúng ta".

Nguồn: <http://www.ifex.org/international/>
<http://danlambaovn.blogspot.com.au/>

*** Blogger Tạ Phong Tần đoạt Giải thưởng Phụ Nữ can đảm Thế giới nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3**



Một nữ ký giả tự do và là một blogger nổi tiếng đang thọ án 10 năm tù tại Việt Nam vì tội danh "tuyên truyền chống nhà nước" được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vinh danh là 1 trong 9 phụ nữ can đảm của thế giới nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 năm nay.

Blogger Tạ Phong Tần đoạt Giải thưởng Phụ Nữ Can đảm Thế giới do Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry trao tặng vì những đóng góp phi thường và tinh thần kiên cường dẫn thân tranh đấu để thăng tiến nhân quyền và nữ quyền, bất chấp hiểm nguy.

Bà Tạ Phong Tần, sinh năm 1968, là một blogger bắt đồng chính kiến được nhiều người biết đến qua trang blog Công lý và Sự thật. Bà nguyên là một nữ công an, đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, nhưng bị khai trừ đảng và bị đuổi việc sau các bài viết phơi bày tham nhũng, bất công xã hội, phê phán các chính sách của nhà nước và chống Trung Quốc xâm lấn Biển Đông.

Từ Hải Phòng, nhà báo tự do Phạm Thanh Nghiên chia sẻ cảm nghĩ: "Bất cứ một người phụ nữ nào dẫn thân và đấu tranh cho các giá trị phổ quát, các giá trị tốt đẹp của con người đều không bị bỏ rơi và luôn luôn được ghi nhận. Là người tranh đấu cho các giá trị như thế, tôi nghĩ giải thưởng này không chỉ riêng cho Tạ Phong Tần mà đối với tôi, một người đồng đội của Tạ Phong Tần, tôi rất hân hoan và vinh dự, đặc biệt trong ngày hôm nay - ngày 8/3 Quốc tế Phụ nữ. Đây là vinh dự của tất cả phụ nữ trên thế giới, đặc biệt là những người phụ nữ đang bền gan đấu tranh, theo đuổi lý tưởng như chị Tạ Phong Tần, đó là "Công lý và Sự thật". Nó khích lệ cho tất cả những người phụ nữ đấu tranh để đòi quyền làm người, đặc biệt là nữ quyền. Đây là phần thưởng và một sự cổ vũ về mặt tinh thần vô cùng to lớn, làm cho những người phụ nữ mạnh mẽ hơn để khẳng định mình."

Trà My (www.voatiengviet.com/)



in hệ giới

• Phan Ngọc

* Cuba: Trận đánh cuối cùng của Raul Castro



Ngày 24.2, Quốc hội Cuba bầu Tướng Raul Castro 81 tuổi vào chức vụ Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Chính phủ. Ông đảm nhận chức vụ này từ 2008, kế nghiệp Fidel Castro đầu nặng.

Sự sống còn của chế độ Castro, nắm quyền từ 1959, tùy thuộc vào địa hạt kinh tế. Trong khi xã hội bất mãn cực độ, chế độ xã hội chủ nghĩa Cuba, trung ương tập quyền và quan lại, toan tính tiến đến nền kinh tế hỗn hợp, nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát xã hội. Đây là một chiến lược bao hàm nhiều nguy hiểm.

Trước cơn khủng hoảng kinh tế chưa bao giờ có chế độ bắt buộc phải hy sinh giáo điều để cứu vãn tình thế: nói lòng gọng kềm nhà nước, đặt hy vọng vào địa hạt tư nhân để tạm thời sửa chữa mặt yếu của nền kinh tế kế hoạch hóa. Nhà cầm quyền muốn cải cách từng bước, nhưng thể hệ cách mạng không còn đủ thời gian để thực thi tuần tự cuộc cải cách. Nhà cầm quyền cần mau lẹ đạt kết quả cụ thể để duy trì sự đồng thuận xã hội.

Một trong những biện pháp gây tiếng vang là loan báo loại bỏ 1,8 triệu việc làm (1/4 dân lao động thuộc địa hạt công cộng). Để bù trừ, chính quyền giảm nhẹ luật lệ về hợp tác xã và cơ sở kinh doanh nhỏ. Số người làm việc cho mình đạt 400.000 (cuối 2012). Họ tập trung xung quanh 3 địa hạt: thực phẩm, nhà ở và vận chuyển dính dáng đến ngành du lịch. Vì những biến đổi ấy, thất nghiệp xuất hiện và lên đến 3,8%, bẻ gãy giáo điều việc làm đầy đủ, cột trụ của chế độ. Điều mới là khác: từ tháng 1.2013, dân Cuba phải đóng thuế. Dù cởi mở kinh tế, dân Cuba còn nghèo, lương tháng 15 Euro, tăng 17,5% từ khi Raul nắm quyền.

Trên 1,1 triệu người làm công thuộc địa hạt tư nhân, 610.000 là nông dân. Từ 3 năm, nông dân được phép khai khẩn 1,5 triệu mẫu đất để thu huệ lợi. Tuy nhiên, sản xuất khó khăn cất cánh. Nhập cảng liên quan đến 80% thực phẩm (2 tỷ đô-la năm 2012), đè nặng lên cán cân thương mại (thiếu hụt 600 triệu đô-la).

Phát triển yếu (2%), y tế, giáo dục suy tàn. Đầu tư chỉ tập trung xung quanh du lịch, hạ tầng cơ sở và dầu hỏa. Sự khám phá dầu hỏa ngoài khơi là cuộc đánh cá để thoát khỏi đình trệ. Cơ sở Tây Ban Nha REPSOL, Mã Lai Á PETRONAS, Ấn ONGC và Venezuela PDSA chưa tìm ra dầu.

Khả năng đầu tư của Kuba còn rất yếu, nợ quá cao (21 tỷ đô-la). Cuba khó khăn vay tiền quốc tế và các nhà đầu tư ngoại quốc không tin tưởng. Quốc hữu hóa là thành trì ý thức hệ cuối cùng.

Cuba ưu đãi đồng minh như Trung Quốc và Venezuela, các kế hoạch lớn, coi thường vai trò của các xí nghiệp nhỏ và trung bình trong công việc tạo việc làm và chuyển giao khả năng.

Lần đầu tiên từ 1959, Cuba công nhận đầu tư ngoại quốc rất cần thiết cho sự tái thiết cơ sở kỹ nghệ. Năm 2012, công ty quốc doanh AZCUBA ký kết hiệp ước với nhóm Ba Tây Odebrecht để quản lý và hiện đại hóa nhà máy đường tại tỉnh Cienfuegos.

Các nhà kinh tế Cuba công nhận Cuba quá lệ thuộc vào Venezuela, trao đổi vượt qua 6 tỷ đô-la (trên tổng số 15,2 tỷ), bỏ xa Trung Quốc (1,9 tỷ), Ba Tây (500.000), Canada (971.000). Nhưng Caracas đang bước vào vùng biến động. Vì cái chết của Tổng Thống Chavez.

Trong khi Việt Nam, Trung Quốc lợi dụng tiền tiết kiệm và nhóm người tha hương để tạo thuận lợi cho kinh tế cất cánh và hội nhập kinh tế quốc tế. Cuba bác bỏ chọn lựa này. Vì lý do chính trị, ý thức hệ và kinh tế. Với kết quả: trong khi Việt Nam thu hút 50 tỷ đô-la đầu tư ngoại quốc trong vòng 20 năm, Cuba chỉ được 3,5 tỷ đô-la.

Người ta „thời sự hóa“ thay vì thay đổi sâu rộng kiểu mẫu kinh tế, trong lúc kiểu mẫu này thất bại trong vòng 1/2 thế kỷ xã hội chủ nghĩa tại Cuba. (Mesa-Lago, nhà kinh tế Cuba, Giáo sư Đại học Pittsburgh Mỹ).

* Venezuela: Sức lôi cuốn, dầu hỏa và tương lai

Hugo Chavez không thể tuyên thệ nhậm chức. Tái đắc cử Tổng Thống quá dễ dàng (10.2012), „Commandante“ chết ngày 5.3 sau cơn hấp hối kéo dài không cho phép ông chính thức tổ chức lễ nhậm chức TT nhiệm kỳ 4.

Bệnh ung thư đã chấm dứt 14 năm triều đại Chavez đầy sóng gió, có thể tranh cãi và sáng chói. Một triều đại vừa lôi cuốn vừa khiêu khích. Nhà hùng biện mặc sơ-mi đỏ muốn mang lại ý nghĩa cho „cuộc cách mạng BOLIVAR“ và sáng tạo „chủ nghĩa xã hội của thế kỷ 21“. Để làm việc này, ông tham khảo tận gốc chủ nghĩa PERON ARGENTINA, chủ nghĩa Castro và sự chống chủ nghĩa đế quốc không biên giới.

Ông để lại một bảng tổng kết có thể bàn luận. Trong thời gian 10 năm, tham vọng lớn nhất của chủ nghĩa Chavez, nghèo đói giảm thấy rõ. Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, 1/2 dân Venezuela sống thiếu thốn cuối thế kỷ 20; bây giờ chỉ còn 25% dân nghèo tại một nước ít bất bình đẳng nhất tại Mỹ La Tinh, Chavez không ngớt rêu rao.

Trên thực tế, nhờ vào lợi tức dầu hỏa không bao giờ cạn của nước sản xuất số 5 thế giới, nhờ vào sự kiểm soát tất cả địa hạt kinh tế, chính phủ gia tăng các kế hoạch xã hội, tài trợ tiếp tế thực phẩm, giáo dục, y tế và nhà ở.

Lòng rộng rãi này giúp Chavez nổi tiếng, nhưng Venezuela phải trả giá đắt. Lợi tức dầu hỏa phi thường không những nuôi dưỡng phe ủng hộ không giới hạn và làm cho nạn tham nhũng lan tràn. Nó không những mang tính chất chính đáng cho một nền dân chủ biểu quyết hết sức nguy hiểm vì thiếu vắng đối lực. Nó cũng cho phép Tổng Thống Phủ trực tiếp quản lý đất nước,

phá vỡ nhà nước và làm suy kém nền kinh tế hoàn toàn lệ thuộc vào sự nhập cảng và hư hại vì lạm phát. Sau cùng, nó bó tay trước tình trạng mất an ninh bùng nổ và đạt kỷ lục.

Như thế, Chavez để lại một Venezuela yếu kém về mặt kinh tế. Trong vòng 14 năm, ông đẩy lui nghèo đói, nhưng không biết lợi dụng tài nguyên dầu hỏa (một trong những dự trữ lớn thế giới) để sáng tạo một kiểu mẫu mở mang độc đáo và bền vững.

Venezuela không có nhà lãnh đạo nào có sức lôi cuốn như Chavez. Vấn đề mau lẹ đặt ra là tính lâu dài của chủ nghĩa Chavez trên sân khấu nội địa cũng như địa phương và quốc tế. Trong nước, tất cả đều dựa trên chương trình xã hội phe cánh bù vào lòng trung chính trị và dựa trên sức mạnh của ngành thông tin đại chúng.

Trên sân khấu Mỹ La-tinh, ảnh hưởng của chủ nghĩa Chavez dựa trên đô-la dầu hỏa. Trong các hội nghị, các nhà lãnh đạo cánh tả bực bội trước Chavez tránh né tranh luận chính trị và phê trương sổ ngân phiếu. Tại Bolivia, Chavez phân phối ngân phiếu trước ống kính TV. Tại Buenos Aires, nhân viên quan thuế khám phá một va-li 800.000 đô-la trên một phi cơ của công ty dầu hỏa Venezuela giữa lúc Cristine Kirchner vận động bầu cử và đắc cử Tổng Thống.

Nền ngoại giao Caracas đều dựa trên dầu hỏa. Nếu Chavez gợi hứng cho cánh tả Mỹ La-tinh thì ông không bao giờ góp phần cho sự hội nhập địa phương. Và nếu lời khiêu khích chống những người có thể lực nhất trên thế giới đã làm vừa lòng nhiều nhà có trách nhiệm hoặc dư luận Nam bán cầu, thì nó dần dà lu mờ vì Chavez luôn ủng hộ các nhà độc tài không thể bênh vực từ Khadafi đến A-Assad qua Ahmadinejad. Chủ nghĩa Chavez cũng là như thế.

*** Mậu dịch tự do xuyên Đại Tây Dương**

Hoa Thịnh Đốn cũng như Bruxelles loan báo lịch trình thương lượng nhằm ký kết hiệp ước tự do mậu dịch giữa Mỹ và Liên Âu. Kỳ hạn ấn định để đi đến kết quả là 2 năm.

Cũng như người ta hết sức hy vọng phía Âu Châu, Tổng thống Obama chọn bài diễn văn về tình hình liên bang (12.2) để loan báo chính thức mở cuộc thảo luận với Liên Âu về „trò cùng chơi toàn bộ xuyên Đại Tây Dương liên quan đến thương mại và đầu tư“ (Transatlantic Trade and Investment Partnership) vài ngày trước, người Âu Châu nhóm họp tại Bruxelles về việc quyết định ngân sách, cho biết ủng hộ cuộc vận động này. Ý tưởng vùng tự do mậu dịch xuyên Đại Tây Dương ám ảnh lịch trình ngoại giao từ vài thập niên. Nhưng bây giờ người ta đi vào cụ thể, với một quyết tâm chính trị rõ ràng.

Sáng kiến xuất phát từ khối Tây phương gồm 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới, Mỹ và Âu Châu 27 nước. Không phải là điều không đáng kể. Trong vòng 2 thập niên, sự toàn cầu hóa đã lật ngược động lực. Sự vươn lên của các nền kinh tế nổi lên, đứng đầu là Trung Quốc, rồi cơn khủng hoảng tài chánh và nợ tại các nước mở mang, đã làm cho quên lãng tầm vóc và cân nặng của 2 nền kinh tế Mỹ và Âu Châu. Nhưng khi Mỹ và Âu Châu quyết định hợp sức lại thì quang cảnh hoàn toàn thay đổi; lần này, đây là điều quan trọng.

Âu Châu và Mỹ nặng 50% kinh tế thế giới. Trước đây, chuyên viên Mỹ thuộc National Intelligence Council dự

đoán cân nặng kinh tế của Á Châu năm 2030 sẽ qua mặt cân nặng kinh tế của Âu Châu và Mỹ cộng lại. Nhưng Hoa Thịnh Đốn và Bruxelles quyết định điều này sẽ không xảy ra và phục sức lại để tạo ra điều gọi là „NATO KINH TẾ“.

Nếu 2 bên giữ lời hứa, TTIP không những thay đổi thế cờ, mà còn có giá trị kiểu mẫu cho các nền kinh tế khác. Mỹ và Âu Châu cùng nhau chia xẻ một hệ thống giá trị, không những chính trị, đạo đức hoặc văn hóa, mà còn kinh tế.

Một giá trị khác của sáng kiến xuyên Đại Tây Dương và có lẽ là tầm vóc quyền rũ nhất của nó: lợi lộc kinh tế về phát triển và việc làm. Tổng Thống Mỹ nhấn mạnh: „Thương mại tự do và công bằng hai bên bờ Đại Tây Dương sẽ hỗ trợ hằng triệu việc làm Mỹ“. Tính hỗ tương cũng có giá trị phía Âu Châu. Các chuyên viên cao cấp Mỹ-Âu Châu ước tính trong vòng 15 năm, tự do mậu dịch sẽ thể hiện bằng 1/2 điểm thêm của sản lượng nội địa. Đây cũng là điều thúc đẩy 2 bên cuối cùng quyết làm việc khó: tìm kiếm trạm tiếp sức phát triển lúc mà những nền kinh tế Âu Châu vững chắc nhất dừng lại, Mỹ và Âu Châu không thể xem nhẹ hiệp ước tự do mậu dịch xuyên Đại Tây Dương.

Hai năm, thật là quá ngắn ngủi. Bởi trở ngại tương đương với lợi lộc chờ đợi. Mỹ yêu cầu Âu Châu phải có nhiều tham vọng hơn và kiến hiệu hơn. Bởi khó khăn đang chờ đợi. Khó khăn không phải xuất phát từ giá biểu thuế quan mà từ các chuẩn mực, thể thức, tiêu chuẩn, khác biệt văn hóa giữa 2 lục địa.

Mỹ thừa biết Đức, Anh phần khởi, ngược lại Pháp dè dặt và nếu Pháp cố thủ trong pháo đài của mình, Pháp khóa chặt viễn tượng bước tiến kinh tế. Đây là điều tai hại lúc mà người ta hết sức cần đến hiệp ước tự do mậu dịch.

*** Từ chiến tranh lạnh đến chiến tranh mát**

Hiện nay thế giới đang bước vào điều gọi là chiến tranh mát. Chiến tranh này cùng với chiến tranh lạnh có đặc điểm là nó không lôi theo cuộc xung đột nóng nào trên hiện trường. Nhưng 2 chiến tranh khác biệt vì bản chất cuộc tấn công và đòn tránh đỡ.

Chiến tranh này gọi là mát vì có đặc điểm là cuộc tấn công diễn tiến thường trực đồng thời không phải là một hành động chiến tranh. Nó tìm cách làm đối thủ suy yếu, thu về lợi thế vi phạm chủ quyền và đột nhập vào tuyến phòng thủ của đối thủ. Nhưng chiến tranh mát trông cậy các kỹ thuật có thể biến đổi cuộc xung đột một cách triệt để hơn các phương tiện sử dụng trong chiến tranh lạnh. Chiến tranh lạnh là mỗi cạnh tranh kiểu cũ, mỗi bên tìm cách nắm giữ lợi thế địa lý chính trị nếu chiến tranh toàn diện xảy ra.

Chiến tranh mát khác hẳn không chỉ vì lý lịch người tham chiến và bản chất cuộc xung đột, mà vì chiến tranh có thể kéo dài, thậm chí thường trực, nhưng không vì thế mà gây ra chiến tranh cổ điển. Dấu hiệu mới nhất của chiến tranh mát là bài viết trên Nữ Ước Thời Báo (19.2). Dựa trên tiết lộ của công ty an toàn tin học MANDIANT, bài báo đề cập đến đơn vị 61398 của Quân đội Nhân dân Trung Quốc đặt trụ sở tại Thượng Hải. Đơn vị này có trách nhiệm về các cuộc tấn công các cơ sở, xí nghiệp và cơ quan chính quyền Mỹ. Với các cuộc tấn công này, Trung Quốc vi phạm quyền sở hữu tin tức, thu thập tin tức về nền kinh tế Mỹ và có khả năng ngăn cản

hoạt động của xí nghiệp, hạ tầng cơ sở Mỹ chủ yếu cho sức mạnh và an ninh Mỹ. Tuy nhiên, Mỹ cũng hành động như Trung Quốc. Bằng chứng rõ ràng là hoạt động „Thế Vận Hội” nhằm đến chương trình hạt nhân Iran qua siêu vi tin học STUXNET.

Đột nhập tin học ngày càng kiến hiệu và khó chống đỡ trong thời đại BIG DATA. Với sự phối hợp, các máy thu thập có mặt khắp nơi, với bộ nhớ không giới hạn và khả năng giải quyết hàng loạt, mỗi xí nghiệp phải bảo vệ khối dữ kiện to lớn. Cho nên số lớn xí nghiệp phải nhờ cậy đến công ty như Mandiant.

Chiến tranh mát không chỉ giới hạn trong chiến tranh thường trực qua cuộc tấn công tin học, mà còn vượt qua khuôn khổ này và liên quan đến cuộc tranh luận về việc sử dụng công cụ kiểm soát và phá hủy như phi cơ không phi công. Nhờ vào kỹ thuật hiện đại, có thể dễ dàng đánh phá đối thủ mà không vì thế đặt quân mình trước nguy hiểm hoặc mang về lợi thế quyết định cho lực lượng cổ điển. Mục tiêu của chiến tranh lạnh là bảo đảm lợi thế trong trường hợp chiến tranh nóng bùng nổ. Mục tiêu của chiến tranh mát là thường trực đánh phá mà không gây ra chiến tranh nóng. Thay vì giết đối thủ, kỹ thuật tiên tiến cho phép giảm bớt khả năng của đối thủ, làm rối loạn tổ chức của đối thủ hoặc không cho đối thủ sử dụng công cụ chủ yếu đúng lúc.

Đây là một trò chơi mới. Nó bao hàm nhiều biến hóa và đòn hèn và có thể đánh bại vào giả thuyết theo đó Mỹ và Trung Quốc nghĩ rằng trò chơi này ít nguy hiểm hơn là tham dự cuộc chạm trán như trong quá khứ. Hiện nay, thế giới đang đứng trước sự đột biến phương cách phóng ra sức mạnh.

* Đổ xô đi tìm vũ khí tại Á Châu

Đối với nhà buôn vũ khí, Đông Nam Á đang phát triển mạnh là một vùng đất thời cơ. Ngân sách quốc phòng các nước vùng này không gây chú ý như ngân sách quốc phòng Trung Quốc, nhưng phát triển dần và mạnh. Theo bảng tổng kết thường niên Military Balance của International Institute for Strategic Studies Luân Đôn, Tân Gia Ba, Thái Lan và Nam Dương có mặt trên danh sách 10 nước Á Châu chi tiêu nhiều nhất về quân sự, tăng từ 5,2% và 4,8% giữa 2010 và 2011 cho 2 nước sau cùng (6,8% cho Trung Quốc).

Năm 2013 Nam Dương dự định tăng 18% (8,1 tỷ đô-la). Phi Luật Tân cũng không kém! Năm 2013, ngân sách quân sự đạt 121,6 tỷ pesos (2,1 tỷ Euro), tăng 12,5% so với 2012. Một đạo luật mới hiện đại hóa quân đội trên 15 năm - đặc biệt hiện đại hóa Hải quân và Không quân - được Quốc Hội thông qua tháng 12.2012. Đạo luật dự định một ngân sách 79 tỷ pesos cho 5 năm sắp tới. Vụ tranh chấp với Trung Quốc về đảo san hô Scarborough tháng 4.2012, là một trong những ngòi nổ. Phi Luật Tân dự định mua 12 phi cơ chiến đấu, 1 tàu hộ tống chống tàu ngầm và 4 trực thăng cho 5 năm sắp tới. Trong bối cảnh này, quân đội Úc sắp sửa rời khỏi A Phú Hãn, khỏi quần đảo Salomon và Đông Timor, và giảm bớt ngân sách, dự kiến hợp tác chặt chẽ với Nam Dương, Việt Nam và Thái Lan. Theo Tham mưu trưởng quân đội Úc, Tướng David Hurley, một trong những lý do buộc Úc phải hợp tác với địa phương là nếu Úc không làm như thế, điều này có giá rất đắt trong dài hạn.

Tham vọng của Trung Quốc tại biển Đông - Bắc Kinh yêu sách 70% nhân danh sự có mặt lịch sử - và căng

thẳng ngày càng tăng, nhất là với Việt Nam và Phi Luật Tân, giải thích rõ ràng cuộc chạy đua vũ trang. Một trong những đặc biệt là người ta trông cậy vào tàu ngầm quy ước chạy bằng Diesel. Nó không bước vào logic phóng ra sức mạnh, vì không thể lặn sâu thật lâu, nhưng nó là mối đe dọa đáng tin cậy trước các đạo quân rất mạnh, như các đạo quân mà Trung Quốc có thể tập hợp.

Ngay từ giữa thập niên 1990, Tân Gia Ba đã mua tàu ngầm Thụy Điển. Từ đây Tân Gia Ba có 5 tàu ngầm tấn công. Mã Lai Á mua của Pháp 2 tàu Scorpene, trong khi Việt Nam quay sang Nga đặt mua 6 tàu ngầm quy ước năm 2009 với giá 2 tỷ đô-la. Nga sẽ giao 2 chiếc đầu tiên tháng 8.2013. Nam Dương có 2 tàu ngầm Nam Hàn, theo kiểu mẫu Đức. Nhưng sự có mặt ngày càng quan trọng tại biển Đông, điếm qua lại quan trọng cho thương mại thế giới, là một yếu tố nguy hiểm thêm trên một vùng đầy căng thẳng. Càng căng thẳng vì ở đây chưa có một khuôn khổ địa phương dự phòng xung đột, dù nỗ lực của ASEAN.

* Bắc Hàn: Cuộc thử nghiệm nguyên tử thay đổi các lá bài



Trong khi người ta chưa biết đích xác đặc tính kỹ thuật của cuộc thử nghiệm nguyên tử lần 3, Bình Nhưỡng tuyên bố thành công việc tiểu hình hóa vũ khí nguyên tử. Tại Hán Thành, nhà chức trách ước lượng Bắc Hàn đã thực hiện một bước tiến tới việc sản xuất vũ khí thật sự có thể sử dụng và từ đây, mối đe dọa quân sự Bắc Hàn có đáng về khác, nhất là nếu Bắc Hàn làm giàu Uranium ở mức cao độ được sử dụng trong lần thử thứ 3 này. Không thể đo lường hậu quả cuộc thử bom, sự phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên không còn nằm trên lịch trình quốc tế. Mặt khác, cuối năm 2012, Bắc Hàn thành công phóng hỏa tiễn với tầm hoạt động 10.000 Km. Hai yếu tố phối hợp cho phép Bắc Hàn trực tiếp đe dọa Mỹ và Mỹ có thể đưa ra yêu sách.

Bình Nhưỡng thật sự nắm được kỹ thuật cần thiết để chế tạo vũ khí nguyên tử, và điều này phải thay đổi cách tiếp cận của các nước láng giềng. Cộng đồng quốc tế không thể tiêu trừ hạt nhân tại Bắc Hàn (sự phi hạt nhân hóa bán đảo là mục tiêu của các cuộc thương lượng 6 bên khởi đầu năm 2002), nhưng từ đây phải nỗ lực chặn đứng Bắc Hàn khai triển khả năng hạt nhân và xuất cảng vũ khí nguyên tử.

Mung Jong-in, Giáo sư Đại học Yonsei Hán Thành, nhận định cuộc thử bom lần này của Bình Nhưỡng „không phải là phương cách gây áp lực đối với Hoa Thịnh Đốn mà là sự diễn tả ý đồ tiếp tục đi trên con đường riêng biệt khi độc lập, tự quyết và nhân phẩm không được bảo đảm. Chúng ta phải thay đổi cái nhìn về đất nước này. Bây giờ giả thuyết Bắc Hàn có thể có đầu

đạn nguyên tử với Uranium tinh khiết có cơ sở, chúng ta phải tập trung chung quanh sự tiếp cận thực tế như sự tiếp cận của nhà khoa học Mỹ Siegfried S. Hecker, gọi là 3 không (không có thêm bom, không có bom cải tiến, không xuất cảng). Bắc Hàn có lẽ đi đến kết luận trang bị hỏa tiễn nguyên tử kiến hiệu sẽ mang lại tầm thao tác rộng rãi. Chúng ta không có cách nào khác hơn là thương lượng". (Theo cựu Bộ trưởng Ngoại giao Nam Hàn, Son Min-Sun: „Phải công nhận rằng gần đây, Mỹ và Trung Quốc đã bỏ bê hồ sơ này", ông nói tiếp, đồng thời đề nghị nối lại cuộc đối thoại).

Các nhà phân tích đều đồng ý cho rằng sự mất thăng bằng quân sự giữa Nam Bắc Triều Tiên không phải là một vấn đề trong lúc này. Bởi liên minh Nam Hàn-Mỹ vẫn vững mạnh hơn Bắc Hàn. Tuy nhiên, hồi sau cùng gợi lên nhiều lo ngại cho Nam Hàn. Vài nhà bảo thủ có những lời phát biểu hiếu chiến, như Dân biểu Chong Mong-Iun, dân biểu muốn Nam Hàn cũng có vũ khí nguyên tử. Nhưng một tham vọng như thế sẽ vấp phải quan điểm của Hoa Thịnh Đốn ngăn cản hậu quả domino và do đó trở thành nguồn căng thẳng giữa Hán Thành và Hoa Thịnh Đốn.

* Bắc Hàn thách thức Nam Hàn



Vừa nhậm chức, Park Geun-hye phải đối phó cơn khủng hoảng cấp tính với Bắc Hàn. Tổng thống Nam Hàn lợi dụng buổi lễ phát thưởng cho sinh viên sĩ quan, hứa hẹn „cứng rắn đối phó thách thức Bắc Hàn".

Bà cũng xen vào cuộc trao đổi ngày càng tăng cường độ giữa Bắc-Nam sau khi Hội đồng Bảo an đưa ra quyết nghị áp dụng biện pháp trừng phạt mới đối với Bắc Hàn, trả lời cuộc thử bom nguyên tử ngày 12.2. Nghị quyết được thông qua trùng hợp với cuộc thao diễn chung Nam Hàn-Mỹ. Theo Thông Tấn Xã Bắc Hàn, Bộ ngoại giao xem nghị quyết là một „bằng chứng hiển nhiên" cho thấy Liên Hiệp Quốc bị Mỹ lợi dụng và mục tiêu của Mỹ là „làm cho chế độ sụp đổ bằng cách giải giới và bóp nghẹt kinh tế". Trước đó Ủy ban Thống nhất đất nước loan báo Bình Nhưỡng bãi bỏ hiệp ước song phương không tấn công ký kết năm 1991 và cắt đường dây điện thoại thiết lập tại làng Bàn Môn Điểm khu phi quân sự. Ngày 19.3, chế độ chối bỏ hiệp ước hưu chiến chấm dứt chiến cuộc của chiến tranh Triều Tiên (1950-1953).

Bình Nhưỡng còn tố cáo Mỹ „làm mọi cách để gây ra chiến tranh nguyên tử hầu tiêu diệt Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên", và hứa hẹn sẽ thực thi quyền đánh phòng ngừa bằng vũ khí nguyên tử „chống Mỹ và Nam Hàn". Điểm này gợi nhớ đến lời của Tướng Kang Pyo-yong, Thứ trưởng Quốc phòng: „hỏa tiễn mang đầu đạn

nguyên tử sẵn sàng phóng lên để biến Hoa Thịnh Đốn, pháo đài của đế quốc Mỹ và tay sai thành một biển lửa".

Các chuyên viên nghi ngờ khả năng của Bắc Hàn đánh phá Hoa Thịnh Đốn bằng hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử. Nhưng cường điệu của Bắc Hàn gây không ít lo ngại. Luận điệu hiếu chiến bùng ra lúc lực lượng Bình Nhưỡng có những thao tác „đặc biệt". Nó thúc đẩy Hán Thành phản ứng kịch liệt. Phát ngôn viên Bộ quốc phòng Kim Min-Seok tuyên bố: „đây là những đe dọa và sẵn-ta chống dân Nam Hàn. Nếu Bình Nhưỡng tấn công Nam Hàn bằng vũ khí nguyên tử, nhân loại cũng như Nam Hàn sẽ xóa sạch Bắc Hàn". Theo Tổng thống Park, Bắc Hàn có thái độ „tự hủy diệt" bởi chế độ chỉ tập trung trên sự tăng cường quân đội trong khi dân Bắc Hàn đói khát".

Nam Hàn không loại trừ những hành động khiêu khích vũ trang như cuộc dội bom đảo Yeonpyeong năm 2010. Cũng có thể chế độ Bắc Hàn muốn thử Tổng thống Park, con gái của Park Chung-hee nắm quyền từ 1961 đến 1979, thực thi chính sách cứng rắn đối với Bình Nhưỡng.

Tuy nhiên, có thể diễn giải các diễn biến như toan tính của Bắc Hàn nói chuyện trực tiếp với Mỹ, qua cuộc gặp gỡ tại thủ đô giữa lãnh tụ Jam Jong-un và cựu ngôi sao bóng rổ Mỹ, Dennis Rodman, lãnh tụ Bắc Hàn ngỏ ý muốn Tổng thống Obama điện thoại với ông: Mỹ có thể xét lại đường lối với Bắc Hàn áp dụng từ 2008. Cũng như đường lối của G.W.Bush 2000-2008, đường lối của Barack Obama không thể ngăn cản Bắc Hàn tăng cường kho vũ khí nguyên tử và khả năng của hỏa tiễn đạn đạo. Theo nhật báo thuộc cánh trung tả Nam Hàn, Hankyo Reh „trong lúc này, phải bảo đảm sự trừng phạt, nhưng cũng không quên lý do chính yếu của vấn đề nguyên tử Bắc Hàn là mối lo về an ninh quốc gia".

* Nhật - Quả bom tiểu hình hóa là một nguy hiểm đích thật

Bầu không khí khủng hoảng hiện nay bao trùm lên chính quyền Nhật. „Chúng ta không dự đoán Bình Nhưỡng đi đến công việc khai triển mau lẹ kỹ thuật nguyên tử. Khả năng và lòng cương quyết của Bắc Hàn không được đánh giá đúng mức".

Điều gây lo ngại nhiều hơn hết cho Nhật là sự kiện Bình Nhưỡng khẳng định thành công chế tạo loại bom bỏ túi. Nếu là như thế thì mỗi đe dọa cho quần đảo từ đây lên cao một bậc.

Nhật đã nằm trên tầm bắn của 100-300 hỏa tiễn đạn đạo NODONG tầm trung của Bắc Hàn. Tuy nhiên, những vũ khí nguyên tử này cho đến giờ xem như quá nặng để có thể được đặt trên những hỏa tiễn này. Nếu Bắc Hàn thật sự thành công chế tạo loại bom nguyên tử bỏ túi như khẳng định thì không thể loại trừ Bắc Hàn sắp sửa lắp bom bỏ túi trên hỏa tiễn NODONG và nhắm đến lãnh thổ Nhật. „Sự tiểu hình hóa các đầu đạn nguyên tử, còn chưa được hiệu chỉnh để trang bị hỏa tiễn đạn đạo tầm xa, nhưng tiến triển đầy đủ để cho đầu đạn được đặt trên NODONG". Đây là phân tích của vài trung tâm nghiên cứu Mỹ, dựa trên nguồn tin của Bộ Tự Vệ Nhật.

Trong những điều kiện này, trước nhất Nhật phải đặt để 2 hệ thống phòng thủ chống hỏa tiễn, một trên bộ, một trên Khu trục hạm AEGIS trang bị hỏa tiễn PATRIOT PAC-3. Tuy nhiên, cái khiên chống hỏa tiễn này có giới hạn. 2 hoặc 3 Khu trục hạm AEGIS cho phép bảo vệ toàn

thể lãnh thổ, nhưng không thể đối phó một cuộc tấn công quy mô.

Cho nên để đề phòng mọi bất trắc, Nhật phải được trang bị đầy đủ để có thể tấn công lãnh thổ địch. Nhưng trước nhất Nhật phải sửa đổi Hiến Pháp để trong trường hợp Bắc Hàn phóng ra cuộc tấn công nguyên tử, Nhật có quyền trả đũa trong khuôn khổ tự vệ chính đáng.

Mặt khác, còn có một rắc rối khác. Hòa tiền NODONG là loại hòa tiền lưu động và xác định vị trí căn cứ phóng hóa tiền là điều không thể dễ dàng. Trong bối cảnh này, điều quan trọng là Mỹ-Nhật đoàn kết để thuyết phục Bắc Hàn về bản chất không lay chuyển của cây dù nguyên tử Mỹ. „Trong trường hợp Bắc Hàn tấn công Nhật, chúng tôi sẽ trả đũa bằng vũ khí nguyên tử“, đây là lời cam kết mặc nhiên của Mỹ đối với Nhật. Một khi mà bảo đảm này vẫn vững chắc thì Bắc Hàn không thể tự cho phép bấm nút trên kho vũ khí nguyên tử của mình để thách thức Nhật hoặc Nam Hàn. Trong bài diễn văn về tình hình liên bang (12.2) Tổng thống Obama nhắc lại cam kết giương lên cây dù nguyên tử Mỹ che các nước đồng minh. Và trong cuộc tiếp kiến Thủ tướng Nhật Abe tại tòa Nhà Trắng, Tổng thống Mỹ đánh giá liên minh Mỹ-Nhật là nền tảng cốt yếu của chính sách Mỹ tại Á Châu và nhấn mạnh đến quyết tâm chung đưa ra những biện pháp cứng rắn để trả lời khiêu khích của Bắc Hàn.

*** Á Châu - Chiến trường của những trận đánh năng lượng**



Mahmoud Ahmadinejad hôn hờ tay giơ lên làm dấu chiến thắng; một tay nắm chặt cổ tay của Tổng thống Asif Ali Zardari cũng tươi cười, trong khi các biểu ngữ phất phới vinh danh „Ổng dẫn hơi đốt hòa bình“. Ngoài tiếng huyên náo hợp tình huống, hình ảnh không gợi lên mỗi nghi ngờ nào về tầm quan trọng lịch sử của cảnh tượng diễn biến tại Chata Har (13.3) hải cảng Iran gần biên giới Pakistan. Cả 2 Tổng thống Iran và Pakistan cử hành lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất ống dẫn hơi đốt đánh dấu bước tiến quan trọng trong cuộc hợp tác năng lượng giữa 2 nước.

Biển cổ điển tả ván cờ chiến lược tại một vùng bấp bênh, nơi thể giới Trung Đông, Trung Á và tiểu lục địa Ấn lồng vào nhau. Nó gây nên không ít chú ý vì 3 lý do:

Trước nhất, nó cho phép Iran đang chịu trừng phạt quốc tế, mở ra một kẽ hở ngoại giao, đồng thời chế giễu chiến lược đập đê của Hoa Thịnh Đốn. Thứ đến, nó nêu lên giới hạn ảnh hưởng của Mỹ trên Pakistan „đồng minh“ trên lý thuyết của Mỹ trong „chiến tranh chống khủng bố“, một đồng minh ngày càng ươn ngạnh mà mối tình nhen nhúm với Iran có thể mang đến cho mình

trừng phạt của Mỹ. Sau cùng, nó có thể phát thảo sự mọc nổi năng lượng toàn bộ hơn, bao gồm cả Trung Quốc mong muốn khai thác đường dây cung cấp năng lượng trên lục địa. Điều này cho phép Bắc Kinh tránh khỏi khó khăn bất ngờ trên đường biển không chắc chắn.

Trên giấy tờ, giá ống dẫn hơi đốt lên đến 7,5 tỷ đô-la. Đi từ vùng South Pars tỉnh Asa Loyeh IRAN, ống dẫn hơi đốt dài 1953 Km (1172 Km tại Iran, 781 Km tại Pakistan dọc theo bờ biển Pakistan trở ra biển Oman, cuối cùng đến Nawasbhah, tỉnh Sind. Nếu công trình chấm dứt năm 2015, ống dẫn hơi đốt sẽ cung cấp cho Pakistan 21,5 tỷ m³ hơi đốt.

Tuy nhiên nhiều điều bấp bênh đè nặng lên kế hoạch. Ai chi tiền? Pakistan phải trả hóa đơn 2 tỷ đô-la trong khi nền kinh tế quốc gia sống leo lắt. Iran ứng trước 500 triệu. Ai sẽ lắp sai biệt? Có thể Trung Quốc nhưng trong lúc này, chưa có điều gì rõ ràng. Ngoài bấp bênh tài chánh còn có thêm vấn đề môi trường an ninh. Trên đất Pakistan, ống dẫn hơi đốt ngang qua Baloutchistan, một tỉnh có khuynh hướng nổi loạn ly khai từ 20 năm và gần đây đứng trước bạo lực tôn giáo.

Dù những điểm đen nêu trên, kế hoạch này vẽ lại tuyến chiến lược địa phương „Đây là một vở tâm lý của Iran“, theo Sing Roy, chuyên viên về Trung Á. Theo Uday Bhaskar, nhà nghiên cứu, „Kế hoạch này tăng cường uy tín của Iran tại vùng“. Theo điểm này, nó lừng nhục Mỹ. Và Pakistan, đồng minh của Mỹ sau 11.9.2011 tham gia kế hoạch là điều làm cho Mỹ càng thất vọng nhiều hơn.

Bộ ngoại giao Mỹ cho biết Islamabad sẽ đứng trước trừng phạt nhân danh đạo luật „IRAN SANCTIONS ACT“. Đe dọa không đủ sức răn đe Pakistan. Nhà nghiên cứu nói thêm „bài học chủ yếu của giai đoạn này là ảnh hưởng của Mỹ xuống dốc“. Ống dẫn hơi đốt diễn tả quang cảnh chiến lược hậu Abbotabad

Sau vụ đột kích chống Bin-Laden của Mỹ tại thành phố - trại lính (5.2011), rõ ràng là quan hệ giữa Pakistan và Mỹ không còn như xưa. Tinh thần chống Mỹ bùng nổ trên toàn quốc. Lòng cương quyết của Pakistan bất chấp mệnh lệnh của Hoa Thịnh Đốn chỉ có thể hiểu được trong bối cảnh này.

Trong hiện tại, vấn đề là „Cấm dỡ Iran“ sẽ đi đến mức độ nào? Đa số nhà bình luận nhận định cấm dỡ có giới hạn. Bởi lo ngại của Pakistan là hội nhập vào địa phương, như thế cải tiến quan hệ với Iran, A Phú Hãn, Ấn.

Cho nên có thể nghĩ rằng không nên lẫn lộn „địa phương hóa“ nền ngoại giao Pakistan với ngã theo Iran. Pakistan Sunnite không thể tự cho phép làm điều này. Saudi Ả Rập luôn thận trọng. Nhưng một cân bằng mới đang thành hình mà khối Tây phương chỉ có thể chăm chú theo dõi.

*** Một „chiến tranh tiền tệ“**

Chính quyền các nước mở mang không thể ngồi chờ sự phát triển luôn lẫn tránh. Bởi tỷ lệ thất nghiệp cao vì cơn khủng hoảng đã thúc đẩy cử tri trừng phạt các nhà lãnh đạo hết nhiệm kỳ - Zapatero (Tây Ban Nha), Papandreou (Hy Lạp), Berlusconi (Ý), Sarkozy (Pháp)- tất cả đều cuồng nhiệt tìm mọi cách để phục hồi kinh tế.

Khác với những gì mà thông cáo chung của các Bộ trưởng Tài chánh G20, phổ biến tại Mạc Tư Khoa muốn

nói lên, sáng kiến tiền tệ vô trật tự của họ để tăng nhanh sự phục hồi không mang tính chất hợp tác. Họ khinh thường tai hại phụ do họ gây nên cho người cùng chơi. Báo chí đặt tên cho trò chơi nguy hiểm mỗi người tự lo cho mình là “chiến tranh tiền tệ”.

Từ ngữ là “quá đáng”, như Tổng giám đốc Quỹ tiền tệ quốc tế, Christine Lagarde, khẳng định? Đúng, nếu người ta dựa vào “chiến tranh” tiền tệ thật sự đánh gục nền kinh tế thế giới trong những năm 1930. Trong thời gian này, các nước lần lượt phá giá tiền tệ quốc gia, hy vọng tìm lại cạnh tranh và việc làm. Không đúng, nếu người ta cần nhắc tổn hại tiềm tàng do sự phá giá nguy trang của vài nước mang đến cho vài nền kinh tế.

Bởi tiền tệ là vũ khí cuối cùng của các nền kinh tế tiên tiến giúp sửa chữa hậu quả tai hại của cơn khủng hoảng đè nặng lên thị trường lao động. Sửa chữa thiếu hụt và làm chủ số nợ công cộng không còn cho phép phục hồi bằng chi tiêu và đầu tư công cộng. Chính sách lãi suất 0% do các ngân hàng trung ương thực thi từ 5 năm - tại Nhật từ hơn 20 năm - không thể củng cố và không thúc đẩy tiêu dùng hoặc đầu tư.

Còn lại sự sáng tạo tiền tệ. Ngân hàng trung ương Mỹ cho in tiền từ 3 năm nay để cho tiền mặt tràn ngập trên nền kinh tế. Điều mà Giám đốc Ben Bernanke gọi là “tung tiền từ trực thăng”. Phương pháp kém chính thống này làm người tiêu dùng và nhà đầu tư quốc gia vừa lòng. Nó góp phần làm đồng đô-la suy yếu và tạo thuận lợi cho ngành xuất cảng Mỹ. Mặc kệ nếu vốn Mỹ đổ xô đến Ba Tây, nơi đây lãi suất cao hơn ở Mỹ. Mặc kệ nếu nó nuôi dưỡng lạm phát, lạm phát đà cao bắt buộc phải duy trì lãi suất cao làm nản lòng nhà đầu tư.

Shinzo Abe cũng nằm trên quỹ đạo này. Theo lệnh của Thủ tướng, ngân hàng trung ương Nhật mua lại tối đa tài sản để tạo nên tiền mặt. Và nếu điều này không trôi chảy, Abe sẵn sàng xét lại tính chất độc lập của ngân hàng. Và điều này, sau thông cáo chung của G20 kết án sự phá giá cạnh tranh.

Charles Wyplosz, Giáo sư kinh tế “quốc tế tại Graduate Institute Geneve phân tách” đây là điều giả dối, Nhưng không có cách nào khác. Abe có một thái độ đúng đắn khi ông xô đẩy các người kém khả năng nổi tiếng lãnh đạo ngân hàng Nhật vì đã góp phần làm tê liệt nền kinh tế Nhật từ 20 năm nay. Ngược lại, Thủ tướng làm điều đó thiệt hại cho người láng giềng. Thật sự, vùng Euro bị lừa, kẹt giữa chính sách không quy ước của Mỹ và Nhật phá giá tiền tệ quốc gia và sự từ chối của Đức rập theo. Điều này mang đến hiệu quả làm thời giá Euro tăng lên và làm hại nền xuất cảng của vùng.

Có giải pháp để sửa chữa sự lên giá của đồng Euro? Trong một vùng tiền tệ độc nhất, đòn bẩy duy nhất để tránh khỏi cho đồng Euro lên giá cao – ghê gớm trong giai đoạn suy thoái – là sự tái cân bằng lương tiền nội bộ vùng. Và hy vọng trạng huống tốt của Mỹ trở nên vững chắc lúc Âu Châu sa vào vòng suy thoái. Điều này làm cho đô-la lên giá và Euro hạ giá. Trừ phi những quyết định đơn phương mới làm sai lệch trò chơi hối đoái thông thường.

Cuộc họp thượng đỉnh G20 tại Saint Peterburg (5-6/9) sẽ thành công rần rề vài nhà lãnh đạo muốn chiếm đoạt sự phát triển bằng cách lấy trộm sự phát triển của người cùng chơi. Các người này không thể không trả đũa. Chiến tranh tiền tệ sẽ xảy ra ?

Phan Ngọc

Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng

Tiếp theo trang 73

* Sắc Màu Họa Sĩ Việt Nam # 12 Thành Công Rực Rỡ - Nôi Kết Tình Thân...

(TCN - 3.24.2013 CA) Buổi triển lãm do Họa sĩ Cát Đơn Sa & ViVi thuộc trang Web điện tử “hoasivietnam.com” tổ chức, được cắt băng khánh thành ngày 23 & 24 March/2013 quy tụ 25 Họa Sĩ tại Hội trường Văn Lang (Quận Cam) diễn trong tình thân mật không kém phần trang trọng bởi các vị: Sư Huỳnh Grégoire Tân giám tỉnh Dòng Lasan, Cô Annie Vũ giám đốc chi nhánh New YorkLife Nam CA., luật sư Nguyễn Hoàng Dũng ...

Quan khách tham dự và giới truyền thông hiện diện có phái đoàn Viện Giám sát Jannet Nguyễn, Diệu Quyên (SBTN), Sài Gòn TV, Việt Hải Ngoại TV (Tiến Dũng), Free Land TV (Bùi Bình Bân, Hồng Vân), SET TV, Radio Hải Ngoại (Quỳnh Hương), Radio Mẹ Việt Nam (Như Hào)... Lê Hồng Đa báo Vietnamerica, Ngọc Hoài Phương báo Hồn Việt, Đoàn Trọng báo Sống, Vương Trùng Dương báo Saigon Nhỏ, Dân Huỳnh báo Người Việt, Phan Tấn Hải - Việt Báo, Christ Phan báo Việt Star, Nguyễn Việt Hưng báo Thế Giới Phụ Nữ, Song Thuận - Hùng Sử Việt, các nhà văn Chu Tất Tiến, Đặng Phú Phong, Nguyễn Lý Tường, Lê Quang Sinh (Hội Thơ Tài Tử), Tâm Vô Lẻ (Thư Viện VN online), các thi sĩ Lê Giang Trần, Khế Yên, Phan Bá Thùy Dương, Nhất Phương, Hoài Mỹ..., giáo sư Trần Chấn Trí (USI), đạo diễn Nguyễn Tiến Đức..., đặc biệt là sự có mặt của các họa sĩ: Hים (Đình Hiễn), Trương Bửu Giám, Lê Minh, Lương Văn Tỷ, Hồ Anh, Huê Nguyễn, Mạc Chánh Hòa, Cao Bá Minh, Hoàng Hoài My. Trong số đông quan khách và thân hữu, có sự hiện diện của Frère Vallery An và các frère dòng La San từ San Jose đến, phái đoàn Phật Tử và Thượng tọa Thích Viên Huy chùa Điều Ngự, Ni Cô Thích Nữ Chân Thiên và Chân Diệu Chùa Sùng Nghiêm, các ông Nguyễn Văn Khoa, Vũ Hoàng (CTBDH & CTHDQT các TT Việt Ngữ Nam California) v.v....

Buổi triển lãm được các được số đông quan khách nhận định rằng: Phòng tranh chưng bày lịch sử - trang nhã bởi tranh mới - lạ - đẹp, có đông khách ra vào thường lãm trong cả hai ngày khiến không khí luôn sinh động và vui nhộn, phần tiếp tân với rượu đỏ, cà phê Quốc Việt, appetizers tươi ngon...

Các họa sĩ thì cho rằng: rất thích thú trong việc triển lãm này, vì đây là thời gian cho họ có cơ hội nhàn nhã cùng gia đình, bạn hữu xa cách lâu năm quây quần trò chuyện bên nhau... “hy vọng sẽ gặp lại những buổi như thế này trong tương lai”.

Ban tổ chức trước giờ bế mạc, đã trả lời câu hỏi của báo chí là muốn trao gửi gì đến khán thính giả như sau: “Chân thành cảm ơn tất cả quý quan khách, giới truyền thông, mạnh thường quân, thân hữu, nhất là các họa sĩ cùng gia đình đã góp mặt trong hai ngày triển lãm, đã tiếp tay làm cho nền hội họa văn hóa Việt thăng hoa nơi xứ người”.

Các bạn họa sĩ ở xa muốn biết chi tiết hay đóng góp về các sinh hoạt Họa Sĩ, xin liên lạc tel: (909) 856-7784 Email: hoasivietnam@gmail.com, hoặc vào trang nhà: www.hoasivietnam.com để biết tin tức liên quan đến ngành mỹ thuật, hội họa, các khuôn mặt họa sĩ hải ngoại... đổi mới vào ngày 15 hàng tháng•

THÔNG BÁO của Phái Đoàn Hoàng Pháp Âu Châu

Phái Đoàn Hoàng Pháp Âu Châu năm 2013 này sẽ có mặt tại Âu Châu **từ ngày 28 tháng 3 đến ngày 22 tháng 5 năm 2013** do Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác Hannover hướng dẫn.

Phái Đoàn gồm có những vị như sau:

Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Phó Trụ Trì Tu Viện Quảng Đức (Úc Châu); Thượng Tọa Thích Thông Triết, Viện chủ Thiền Viện Chánh Pháp tại Oklahoma City; Đại Đức Thích Hạnh Đức, Trụ Trì chùa Phật Ân tại Minoseta; Đại Đức Thích Thiện Đạo, Phó Trụ Trì chùa Phật Tổ Long Beach California; Đại Đức Thích Hạnh Tuệ, Tăng chúng chùa Phật Đà San Diego; Ni Sư Thích Nữ Minh Huệ, Trụ Trì Tịnh Thất Thanh Lương Sacramento (USA).

Tại Âu Châu có:

Đại Đức Thích Hạnh Bảo, Trụ Trì chùa Viên Ý (Ý) và chùa Liên Tâm (Phần Lan); Đại Đức Thích Viên Giác tức nhạc sĩ Phi Long, Trụ Trì chùa Đôn Hậu (Na Uy).

Phái Đoàn sẽ giảng pháp tại các nước như: Thụy Sĩ, Pháp, Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Đức và Ý trong suốt thời gian 2 tháng ấy. Riêng tại Đức Phái Đoàn sẽ hướng dẫn Phật Tử tu tập và thuyết giảng tại các nơi như:

* **Chùa Linh Thứu, Berlin, nơi Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước trụ trì** từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 4 năm 2013,

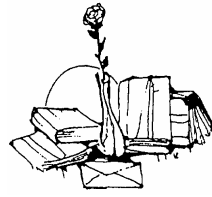
* **Chùa Bảo Quang, Hamburg, nơi Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm trụ trì** từ ngày 4 đến ngày 5 tháng 5 năm 2013,

* **Chùa Viên Giác, Hannover, nơi Đ.Đ Thích Hạnh Giới trụ trì và H.T Thích Như Điển Cố Vấn** từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 5 năm 2013, và

* **Tu viện Viên Đức, Ravensburg, nơi H.T Thích Như Điển tịnh tu** từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 5 năm 2013.

Tại mỗi trụ xứ, chư Tăng Ni trong Phái Đoàn sẽ hướng dẫn những phương pháp tu học đặc sắc về Thiền, Tịnh, Mật.

Kính mong quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần cố gắng đến những nơi trên để tu học, công đức sẽ không nhỏ. Vì không phải đơn thuần để cùng tu học với một Phái Đoàn bao gồm nhiều chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ nhiều nơi trên thế giới như thế./.



Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp các nơi gửi đến.

* THƯ TÍN

- **Đức:** Hoàng Bá Nhứt, Lương Nguyên Hiền, Nguyễn Hạnh HTD, Ngô Văn Phát, Phan Hưng Nhơn, HT Thích Như Điển. Bs Trương Ngọc Thanh & Ds Trương Thị Mỹ Hà, Trần Thị Hường Cau, Nhựt Trọng Trần Văn Minh, Nguyễn Trí Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Quý Đại, Lê Ngọc Châu, Phan Ngọc.

- **Pháp:** Hoang Phong, Tiểu Tử Võ Hoài Nam.

- **Hoa Kỳ:** Bs. Đỗ Hồng Ngọc, Cư sĩ Liễu Pháp, Trần Bình Nam, Tuệ Nga, Nguyễn Phan Ngọc An, Trúc Lang OKL, Ngô Quốc Sĩ, Nguyệt Quỳnh, Nguyễn Hữu Lễ, Nghiêu Minh.

- **Canada:** Thái Công Tụng, Thích Nữ Chân Liễu.

- **Úc Đại Lợi:** Quảng Trực Trần Viết Dung.

- **Áo :** Nguyễn Sĩ Long

* KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- **Đức:** Dân Chúa Âu Châu số 364 & 365; D+C Nr.2/2013; E+Z Nr.2/2013; Development and Cooperation Nr.2&3; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.2 & 3; Wissen und Wandel 3/4.; Ca Dao – Con đường văn hóa Việt - Nguyễn Văn Nhiệm.

- **Pháp:** Tiếng nói Người Việt quốc Gia số 67; Nhịp Cầu số 197; Hoàng Pháp số 123.

- **Bỉ :** Bản Tin Tuệ Giác.

- **Hòa Lan:** Niềm Tin số 27.

- **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 314.

- **Hoa Kỳ:** Chan Magazine Winter 2013; Lá Thư Kim Sơn.

- **Canada:** Bản Tin Địa Tạng – Xuân Quý Tỵ.

- **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 273; Proceedings of WBSC Eighth General Conference.

- **Úc Đại Lợi:** Pháp Bảo số 94.

- **Tân Tây Lan:** Đặc San Hiện Thật số 28.

- **Việt Nam:** Câu đối dân gian và câu đối Hán-Nôm – Giáo sư Phan Thế Tập.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi nguyên ở tại Wittlich (Saarland) và sau đó dời về vùng Dietzenbach (Frankfurt) để cư ngụ cùng con cháu. Chẳng may Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi là:

Ông TRẦN NGỌC XUÂN
Pháp danh Thiện Quang
Sinh ngày 25.12.1932 (Nhâm Thân)
Mệnh chung ngày 23.02.2013 (Quý Tỵ)
Thượng thọ 82 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 12 giờ 15 phút ngày 01.03.2013 tại nghĩa trang Dietzenbach

Trong lúc tang gia hữu sự, những điều thiếu sót chắc chắn không tránh khỏi. Chúng con/chúng tôi kính xin chư Tôn Đức và quý Đạo Hữu, Phật Tử, Thông Gia và Đồng hương xa gần niệm tình hỷ thứ cho.

Sở tiền phúng điếu của quý vị, chúng tôi dùng làm việc từ thiện tại Việt Nam để hồi hướng cho Hương Linh người quá cố được an nhàn nơi cảnh Phật. Kính xin quý vị liễu tri cho.

Đồng thời chúng con/chúng tôi cũng xin niệm ân:

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover.

- Chi Hội Phật Tử VNTN tại Saarland;

- Quý Thông gia, quý Bà con, Bạn hữu xa gần đã đến chủ lễ, hộ niệm, điện thoại phân ưu cũng như tiễn đưa Hương linh của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng con/chúng tôi về nơi Phật cảnh. Những nghĩa cử cao đẹp đó xin vô vàng thâm tạ và niệm ân.

Tang gia đồng kính bái:

- Vợ Trần Thị An, Pháp danh Diệu Lạc
- Trưởng Nữ: Trần Thị Mỹ Dung, Pd. Diệu Hiền và con Lai Khương Nhật Ánh.
- Trưởng Nam: Trần Ngọc Dũng, Pd Thiện Trí & Vợ Trần Thị Linh Trang và con Trần An Nam.
- Thứ Nam: Trần Ngọc Sơn, Pd Thiện Đức.
- Thứ Nam: Trần Ngọc Long, Pd Quảng Thừa & Vợ Nguyễn Thị Kim Dung, Pd Trí Ngọc và các con: Trần Sam Thanh Tâm Pd Trí Ngô và Trần Simon Thanh Sanh Pd Trí Giác.
- Thứ Nam Trần Ngọc Hổ, Pd Thiện Dũng & Vợ Hồ Thị Hồng Mỹ và con Trần Ngọc Lisa.
- Thứ Nữ: Trần Thị Mỹ Tiên, Pd Thiện Hậu & Chồng Nguyễn Tấn Hải và các con: Trần My Jane Khả Mi, Trần Quân Bảo Ken.
- Con nuôi: Lê Thị Điểm và ở nước ngoài Nguyễn Thị Gái & Nguyễn Ngọc Loan.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng con / chúng tôi vô cùng đau buồn và thương tiếc xin báo tin đến Quý Thông Gia, Quý Phật Tử, Đạo Hữu, Quý Thân Hữu xa gần và thân bằng quyến thuộc: Thân Mẫu, Bà Nội; Bà Ngoại của chúng con / chúng tôi là:

Nữ Bá Tước (Comtesse) :
Liểu, D'Agnel de Bourbon D'Acigné - Pháp Quốc

Nhũ danh: BUI THỊ LIỄU

Pháp danh: Tịnh Đạt

Sanh ngày: 02.07.1924 - Năm Giáp Tý âm lịch
Mất ngày: 03.03.2013 lúc 0:21 giờ tại Paul Marien Hospiz Saarbrücken ngày 22.01.2013 Năm Quý Tỵ
Thượng thọ 90 tuổi

Lễ an táng được cử hành vào ngày thứ năm 07.03.2013 lúc 13:00 giờ theo nghi lễ Phật Giáo tại nghĩa trang Hauptfriedhof (alte Halle) Saarbrücken.

Gia đình chúng con / chúng tôi cũng xin thành kính cảm tạ và tri ân:

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover.
- Cha Chánh Xứ Neuforweiler và Beaumarais (Saarlouis) Simon Huỳnh Ngọc Quý,
- Chi Hội / PTVNTN / Saarland-Trier & VPC và Ban Hộ Niệm,
- Cộng Đoàn Công Giáo Saarland & VPC
- Quý Thông Gia, Quý Phật Tử, Đạo Hữu, Quý Bà Con Cô Bác đồng hương, Quý Thân Hữu xa gần đã đến hộ niệm, phát tâm chu toàn mọi việc cho tang lễ, đặt vòng hoa, điện thoại, Fax, Email chia buồn và tiễn đưa linh cữu của Mẹ, Bà chúng con / chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia hữu sự, không sao tránh khỏi những thiếu sót, Kính xin Quý Thầy, Quý Cha và Quý Bà Con Cô Bác lượng tình thứ lỗi cho.

Tang gia đồng kính bái và cảm tạ:

- Trưởng nam: Vũ Thành Đức, Vợ và các con
- Thứ nam: Vũ Minh Đức, Vợ và các con
- Thứ nam: Vũ Trí Đức, Vợ và con
- Thứ nam: Vũ Đại Đức, Vợ và các con
- Trưởng nữ: Nguyễn Hồng Đức geb. Vũ Thị, Chồng và con
- Thứ nữ: Wolff Ngọc Đức geb. Vũ Thị, Chồng và các con
- Thứ nam: Vũ Hùng Đức
- Thứ nam: Vũ Hoàng Đức và Vợ (USA)
- Thứ nam: Vũ Đình Đức, Vợ và các con



Phấn Ưu

Vừa được tin Chú

TRƯƠNG TRIỀU BẮC

Đã mệnh chung ngày 18.03.2013

nhằm ngày mùng 7 tháng 2 năm Quý Tỵ tại Albstadt, Ebingen, Đức quốc.
Thượng thọ 86 tuổi.

Gia đình chúng tôi xin nguyện cầu Hương Linh Chú được tiêu diêu miền Cực Lạc.
Thành kính Phấn Ưu

Gđ. Lý Phách Mai – Immenstadt



Phương danh cúng dường

(Tính đến ngày 1. 4. 2013)

Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùng cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 sổ Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Tu Viện Viên Đức cũng đã có sổ Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

- TAM BẢO

DH. Nguyễn Thị Ngọc Anh 20€. Akademie F. Flege & Sozialebeschäftigung Pagode 115€. Trần Trung Độ (Hamburg) 340€. Trần Thị Thanh & Đặng Thanh Toàn 10€. Lê Thị Kim Thủy 30€. Phan Teo 40€. Trương Ngọc Phương 10€. Xuân Thủy Phạm Thu Giang Lê 30€. Nguyễn Hoài Trang 20€. Nguyễn Thị Xuân Hương & Liên Tuấn Thành 20€. Phạm Thị Vân 10€. Phan Thị Thành 10€. Phan Thị Thủy 20€. Gđ. Nguyễn Công Thắng & Đặng Bàn Mai 20€. Nguyễn Thị Hải Tâm 20€. Lê Thị Huệ & Nguyễn Danh Thủy 20€. Nguyễn Thị Gọn 10€. HH Gđ. Lê Châu Anh 20€. Trần Tuấn Anh 10€. Nguyễn Thị Ngân 10€. Lê Minh Hải 10€. Đoàn Thị Kim Ngọc 10€. Trương Thị Thủy Nga 20€. Nguyễn Danh Tịnh 40€. Gđ. Diệu Tịnh Đoàn Thị Thu 20€. Đoàn Thị Mỹ Thanh 20€. Đông Hoa Nguyễn Thị Bích Liên 30€. Trần Thị Tuyết 5€. Nguyễn Văn Hùng 30€. Y. T. Lim 10€. Nguyễn Bích Liên 15€. Đinh Thu Hương 20€. Nguyễn Ngọc Quang 50€. Nguyễn Văn Hải 20€. Nguyễn Quỳnh Chi 100€. Đỗ Quốc Khánh 10€. Đinh Văn Hiền 20€. HHHH Lý Leonie Phung Nhi 20€. Diệu Thành Nguyễn Thị Thanh Đào 10€. Phạm Anh Thư 10€. Vũ Thị Hải Yến 50€. Nguyễn Đức Nhật 50€. Nguyễn Anh Tuấn 40€. Nguyễn Việt Thanh 20€. Trần Chí Dũng 200€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ấn danh 146,50€. Ấn danh 15€. Gđ. Liễu 50€ HHHH Liễu Quang & Vương Kim. HHHH Dong Ky Phong 20€. Diệu Bình Lâm Thị Múi 50€. Gđ. họ Đoàn 315€ HHHH Quảng Tú Đoàn Văn Chí Bình. Lê Thị Nhi 30€. Phạm Thị Tuyết Mai 20€. Đông Bắc Nguyễn Thị Liên 20€. Nguyễn Phước Hạ Uyên 30€. Thiên Học 30€. Thiên Hòa Hoàng Thị Tân 20€. Đỗ Thị Anh Huệ 20€. Viên Tuyết & Phan Thị Kim Lan 50€. Đông Chiếu 50€ Cầu an Dương Thị Ninh. Nguyễn Đức Thắng 15€. Liễu Quang & Vương Kim 25€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ấn danh 230€. HL. Quan Sĩng Ky 200€. Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland 800€. Quý Phật Tử Chi Hội Esbjerg 890€. Chi Hội Phật Tử VNTN Esbjerg 636€. Gđ. Đỗ Thị Thanh 20€. Đoàn Thị Diễm Hương 10€. Nguyễn Cẩm Huỳnh & Nguyễn Văn Bay 10€. Ngọc Dương 10€. Vũ Hồng Quảng 20€. Vũ Thị Bích 10€. Hoàng Anh 20€. Vương Quốc Anh 50€. Dung & Loan 10€. Hang Nhật Toàn 10€. Trần Thị Đẹp 10€. Trần Văn Ba 10€. Ngô Hoàng Lan 20€. Vũ Hồng Thanh 10€. Ngô Đức Trường 10€. Nguyễn Thị Kim Tiên 100€. Müller Tran 20€. Bùi Thị Xuân 20€. Lê Thị Tinh 10€. Ấn danh 10€. Nguyễn Phan Khoa & Phan Anh 40€. Trần Thị Thiện & Tô Mạnh Huân 20€. Tạ Phúc Long 10€. Nguyễn Thị Bích Thủy 10€. Gđ. Nguyễn Văn Tiến 10€. Nguyễn Thị Là 30€. Phạm Thủy Nga 20€. Dương Văn Thắng 10€. Đậu Thị Hoa Quỳnh 10€. Hồ Văn Hiếu 10€. Hoàng Thị Việt Hoa 10€. Phương, Wan Brüggenn 10€. Phạm Mạnh Hoàn 40€. Ninh Thị Minh Nguyệt 10€. Đặng Hữu Vương 30€. Đông Ngân Ngô Hồng Hà 30€. Nguyễn Thị Phương 10€. Trần Thị An 10€. Duha Dirk 10€. Đào Hoàng Linh 10€. Bùi Kim Thanh 20€. Đào Tú Uyên 20€. Dương Kim Oanh 10€. Nguyễn Thị Lari 30€. Trần Ngọc Dung 20€. Đào Bảo Hưng 20€, Nguyễn Thị Hòa 50€. Oanh 20€. Nguyễn Thị Thái 20€. Nguyễn Chí Thành 20€. Nguyễn Thu Hiền & Đỗ Anh Minh 20€. Phạm Mai Linh 5€. Phan Thị Nga 10€. Trần Thị Kim Sinh 20€. Nguyễn Văn Quý 5€. Nguyễn Thị Hoàng Anh 40€. Nguyễn Thanh Thủy 10€. Nguyễn Việt Phương 5€. Nguyễn Quang Cường 20€. Bùi Mạnh Hùng 20€. Nguyễn Thị Hồng Phương 20€. Nguyễn Thị Bích Loan 2€. Nguyễn Thị Vy Lê 5€. Nguyễn Thị Thu Loan 20€. Chu Văn Hiền 20€. Nguyễn Hồng Quang 20€. Trương Thị Thiết 10€. Lê Thị Thanh Hồng 20€. Nguyễn Thị Hoa 20€. Trần Minh Tuấn 30€. Nguyễn Văn Đăng 5€. Nguyễn Thị Thanh Vân 50€. Ngô Lan Hương 20€. Đỗ Thị Mong 20€. Nguyễn Thị Bích Thủy 20€. Nguyễn Thị Yên 20€. Đinh Thị Thanh Hương 10€. Trần Văn Ngọc 30€. Nguyễn Thị Ngọc Diệp 20€. Đào Phương Loan 30€. Nguyễn Thị Bích Ngọc 10€. Nguyễn Lan Phương 30€. Fam. Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Thanh Hằng, Kevin Huy Anh & Richard Huy Dương 50€. Nguyễn Hải Đăng 20€. Vũ Thị Thủy 10€. Nguyễn Thanh Hà 10€. Vũ Chí Lệnh 10€. Trần Thị Kim Anh 20€. Nguyễn Huyền Nhung 10€. Phạm Văn Bằng 30€. Nguyễn Văn Toàn, Tống Thị Kim Toàn, Đức Anh & Minh Nguyệt 10€. Phạm Thành Hưng 10€. Tô Thị Diệu 10€. Nguyễn Hồng Hải 20€. Lâm Thị Nam 20€. Hồ Thị Phương Thu 20€. Trịnh Thị Lan 20€. Bùi Thủy Hà 20€. Nguyễn Thị Cẩm 10€. Trần Văn Bắc 10€. Fam.

Lai 10€. Lương Huynh 30€. Lê Quốc Toàn 10€. Nga 10€. Nguyễn Thị Hiệp 20€. Savalee, Kitsana & Achera 10€. Daniel Glorius 10€. Kong Hin Va 10€. Gđ. họ Nguyễn & họ Lê 10€. Trần Thanh Bình 20€. Lê Thị Bích Huệ 10€. Đỗ Văn Dương 5€. Nguyễn Hữu Nghị 20€. Nguyễn Anh Cường 10€. Lê Vũ Hoàng Nam 10€. Lê Thị Kim Dung & Trần Thanh Công 20€. Vương Văn Mạnh 50€. Nguyễn Thị Tâm 10€. Gđ. Nguyễn Nam 10€. Nguyễn Thị Hiệp 50€. Lâm Xuân Hồng 10€. Sâm Ngọc Anh 20€. Nguyễn Đắc Tuấn 5€. Hoàng Hồng Nhung 50€. Bùi Thị Thủy & Trần Văn Hạnh 10€. Fam. Nguyễn Ngọc Long 10€. Hoàng Thị Cẩm Duyên 20€. Hoàng Lê Bình 5€. Nguyễn Thị Hồng Liên 10€. Han Kim Liên 10€. Nguyễn Thị Minh Hạnh 5€. Trần Liên 10€. Trần Quốc Dũng & Vũ Thị Kim Loan 10€. Nhuận Tú 20€. Vũ Hải Anh 5€. Nguyễn Thị Là 50€. Nguyễn Xuân Trường 5€. Nguyễn Thị San Hồ 25€. Đỗ Văn Thành 10€. Chung Kwaz Lan 1,30€. Phạm Đức Hậu 10€. Tạ Phương Anh 20€. Vương Thủy Ngọc 20€. Nguyễn Đình Tuyển 20€. Hồ Văn Bát 20€. Trần Thị Kim Quý 20€. Phạm Đức Thọ 10€. Trịnh Văn Bình 20€. Vũ Thị Hoa 10€. Đoàn Thị Bền 10€. Ngô Thị Thủy 25€. Lê Thị Tuyết 20€. Gđ. họ Nguyễn & Phạm 50€. Nguyễn Hoàng Minh 15€. Nguyễn Thị Lan 10€. Trần Phương Thủy & Bùi Thế Kiên 30€. Phạm Thị Trí Hai 20€. Vũ Thị Hồng Minh 20€. Bùi Đức Hải 30€. Trần Hùng 10€. Lê Canh Dương & Phạm Thị Thờ Chính 5€. Nguyễn Thị Lành 10€. Phạm Thị Thiên 30€. Nguyễn Mạnh Cường 10€. Trần Việt Trung 15€. Trần Thị Thu Thủy 10€. Đông Ngô & Đông Đức 10€. Nguyễn Thị Hiệp 20€. Phương & Thanh 20€. Trần Thị Mùa 20€. Bùi Văn Khai 20€. Tô Mạnh Huân 10€. Gđ. Trần Duy Mỹ & Nguyễn Thị Lịch 20€. Lê Thanh Tùng 20€. Nguyễn Thị Tuyết Mai 10€. Phạm Lê Thị 30€. Trần Thị Minh Thu 10€. Nguyễn Thị Minh Hạnh 30€. Đặng Việt Hoan 80€. Mai 5€. Gđ. Khánh Hải 10€. Nguyễn Thị Thu 20€. Bùi Văn Danh 5€. Trần Thị Phương Mai 20€. Chu Hải Yến & Chu Nguyễn Khánh Vy 5€. Nguyễn Văn Dũng 10€. Gđ. Trần Thủy Hằng 5€. Phạm Thùy Trang 10€. Nguyễn Trọng Vinh 20€. Dương Kim Oanh 10€. Vương Thủy Ngọc 20€. Trần Thị Nga 10€. Phạm Thị Mai Sao 10€. Quách Anh Trung 10€. Nguyễn Thái Ngọc 0,55€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ấn danh 225€. Lê Thị Minh Nguyệt 10€. Lâm Thị Huệ 10€. Nguyễn Thị Anh 40€. Ấn danh 5€. Nguyễn Khánh Toàn 10€. Gđ. Nguyễn Đình Định 50€. Nguyễn Chất Phát 20€. Dư Thị Thu Bích 20€. Đặng Thị Hoa 20€. Nguyễn Thị Kim Thảo 30€. Nguyễn Thị Thu & Trần Đình Toàn 40€. Lo, Hing Tai 100€. Trần Thái Sơn 20€. Trần Tú Phụng 50€. Họ Dương 20€. Đặng Thị Bích Ngọc 10€. Hồ Vinh Pd Đức Hình 10€. HHHH Đinh Thoát Trần Duyệt Hùng 10€. Ngô Quốc Tân 10€. Lý Thị Văn 5€. Gđ. Thiên Bình Hồ Thị Thái 20€. Gđ. Phan Thị Lan 10€. Lê Trung Bảo & Phan Thị Tuyết 20€. Thiên Diệu 20€. Nguyễn Thị Thu Thảo 10€. Vũ Thị Lệ 10€. Phan Văn Sỹ 10€. Lưu Thị Bích Thủy 5€. Dương Thị Hà 5€. Đông Tâm 20€. Gđ. Bùi Văn Bền 50€. Ấn danh 10€. Ấn danh 20€. Dương Thanh Sang & Hà Thị Minh Nguyệt 30€. Nguyễn Thanh Thủy 10€. Hoàng Minh Bình & Phan Thị Vy 40€. Phạm Trung Thành 20€. Nguyễn Văn Bình 10€. Đinh Văn Sứ 10€. Đỗ Thị Mai Hạnh 20€. Đoàn Thị Huệ 30€. Ouan Sing Ky 50€. Hoàng Thị Thân 20€. Phan Thị Thanh Mai 10€. Nguyễn Thu 30€. Kim Dung 5€. Triệu Thị Thục 10€. Nguyễn Thị Hậu 10€. Fam. Klingenberg 10€. Nguyễn Thị Thủy Chung 20€. Nguyễn Hồng Phong 20€. Chu Minh Hiếu 20€. Nguyễn Thị Kim Oanh 20€. Hoàng Thị Vân 20€. Châu Ngọc Diệp & Cao Toàn Tân 10€. Nguyễn Thị Thu Huyền 20€. Ngô Thị Minh Hoàng 10€. Nguyễn Đức Hiệp 30€. Nguyễn Minh Hải 20€. Châu Thị Ánh 50€. Cham Ngọc Tam 10€. Thiên Huệ Trần Thị Thu Cúc 30€ HHHH Lương Thị Xuân Lý Pd Đông Thọ. Phạm Thị Bích 5€. Phạm Thị Dung 30€. Trần Thị Thanh Hương 10€. Võ Kiều Oanh 10€. Đông Phước 20€. Nguyễn Thị Lê Hằng 20€. Ngô Thị Sen 5€. Ngô Xuân Duyên 20€. Đỗ Việt Hùng 20€. Nguyễn Thị Bích Lan 10€. Hải & Vân 10€. Nguyễn Thị Lưu 10€. Nguyễn Vĩnh Hiệp 5€. Bùi Thị Hương 5€. Nguyễn Thị Huệ 10€. Ruppert Mai 20€. Nguyễn Thị Luân 30€. Vũ Thị Phương Nội 10€. Fam. Karschuk, Le & Tran 20€. Đông Văn Nguyễn Thị Bạch Tuyết 20€. Nguyễn Hữu Phong 10€. Lê Văn Tuấn 20€. Nguyễn Thị Chúc 20€. Đỗ Tiến Dũng 10€. Gđ. Lê Quang Thịnh 10€. Nguyễn Phan Hiền 10€. Thái Thị Minh Trang 5€. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 20€. Trương Văn Quân 10€. Đông Nhã Nguyễn Thị Huyền Trang 20€. Đầu Đình Sơn & Phan Thị Lê My 10€. Bùi Thị Việt Hà 40€. Nguyễn Thanh Vân 17,60€. Bích Lợi Kersten 20€. Vũ Như Hằng & Nguyễn Thị Đức 20€. Đông Ngọc Y 15€. Đông Hoa, Đông Lực, Đông Trí 15€. Lê Thanh Huyền & Phạm Thu Thủy 25€. Phạm Văn Việt 10€. Lý Tấn Thắng 20€. Phạm Văn Hùng & Vũ Thị Thái Bình 20€. Hồ Thị Thanh Bình 10€. Lâm Ngọc Bích 20€. Gđ. Lục Tô Hà 38,50€. Trần Thị Kim Ngân 20€. Nguyễn Thị Hải Ly 20€. Bích 20€. Nguyễn Thị Bích Thủy 80€. Hồ Thị Lâm 10€. Nguyễn Văn Huyền 20€. Triệu Thành 20€. HL Lê Vinh Thiên 20€. Vũ Minh Nghĩa 20€. Phạm Thị Hoa 10€. Hồ Quang Dũng 10€. Vũ Minh Khai 20€. Fam. Lo & Fam. Kon 10€. Nguyễn Xuân Trường 10€. Timo Gaedthe 20€. Lê Văn Linh Bad Avolsen 30€. Phạm Khắc Hiếu & Nguyễn Thị Hằng Nga 10€. Hoàng Diệu Thủy 10€. Trần Thị Đông Hương 10€. Vũ Thị Minh Thái 10€. Đào Ngọc Sơn 50€. Gđ. Trịnh Văn Tuấn 30€. Nguyễn Thị Kim Loan 10€. Đỗ Thị Ngọc 10€. Tạ Mạnh Toàn 30€. Nguyễn Thị Mai 20€. Lưu Thị Thủy Hằng 20€. Nguyễn Thị Lan Hiền 10€. Đỗ Thị Quyên 10€. Trương Thu Hương 50€. Đặng Tuyết Lê 10€. Bärbel 10€. Phùng Thị Yến 20€. HL Bà Ngô Mỹ Châu 50€. Sách Thị Bích Hợp 20€. Trần Quốc Hùng 50€. Trần Thị Nga 20€. Lê Bích Hà 10€. Dương Thị Bích Ngọc 20€. Phùng Chí An 50€. Mani Susan Vy 10€. Nguyễn Anh Tùng 20€. Lưu Thị Bích Loan 10€. Hồ A Thị 10€. Phan Thị Bích Thủy 5€. Vương Gia 5€. Trương Thị Thu Hồng 5€. Lương Huệ Phương 10€. Nguyễn Thị Mai Thanh 20€. Nguyễn Tiến Cường 20€. Nguyễn Thu Hà & Mikolajczyk 10€. Trần Minh Phú 5€. Lưu Văn Trung 5€. Phan Thị Mai 10€. Trần Bội Châu 5€. Trần Thị Hồng 20€. Lưu Văn Trung 5€. Nguyễn Xuân Phương 10€. Gđ. Bùi Văn Thành 10€. Triệu Kim Ngọc & Đàm Ngọc Trinh 25€. Lương Thị Lan 40€. Trần Thị Luyện 20€. Đông Bảo Ngô Thị Biểu, Đông Tâm Vũ Ngọc Minh, Vũ Ngọc Quyên 40€. Hoàng Thị Hai 40€. Fam. Sasolith 20€. Nguyễn Thị Kim Hằng 20€. Đoàn Thị Thanh Hương 10€. Mai & Hùng 20€. Đông Hạnh Lê Thị Kim Dung 20€. Phạm Thị Diệp 5€. Lê Thị Kim Cúc 50€. Lê Văn Hoàng 10€. Hoàng Trần Bình 10€. Phạm Thị Lan 10€. Nguyễn Thanh Hoa 30€. Mạc Thị Dung 20€. Phạm Hồng Tinh 20€. Lê Hoài Nam 30€. Phan Huy Hiệp 20€. Nguyễn Thị Hằng 20€. Nguyễn Kim Oanh 10€. Thiên An Trần Thanh Quý 5€. Đặng Thanh Thủy 20€. Hoàng Thị Kim Chi 5€. Đông Tú Nguyễn Anh Giáp 10€. Trần Ngọc Giang 20€. Nguyễn Hồng Phong 20€. Phạm Văn Hùng 30€. Nguyễn Thị Mỹ Dung 50€. Phạm Thị Thanh Hiền 30€. Lưu Đức Vinh 20€. Hoàng Thị Quyên 30€. Dương Quốc Tăng 50€. Trần Văn Mạnh 10€. Gđ. Hoàng Kim Tuấn 20€. Vũ Huy Toàn 20€. Nguyễn Văn Tới 50€. Đỗ Thế Chuyển 10€. Trần Thị Nga 10€. Nguyễn Thị Ngọc Lan 10€. Nguyễn Thị Bình 30€. Lê Ngọc Thắng 10€. Mạc Đức Việt 50€. Nguyễn Thị Là 70€. Nguyễn Quý Sơn 20€. Hoàng Thị Oanh 10€. Nguyễn Thị Bạch Tuyết 20€. Phạm Văn Đài 25€. Nguyễn Trọng Bình 20€. Nguyễn Thủy Dương 10€. Kim Loan 10€. Nguyễn Quang Trung 10€. Trần Anh Tuấn 4€. Văn & Thủy 10€. Vũ Hồng Quang 5€. Trương Thiên Châu 45€. Trịnh Hồng Tuyển 20€. Trịnh Ngọc Lan, Thị Thanh, Kim Thủy, Tuyết Trinh & Kim Ngân 20€. Vũ Hương Giang 50€. Herrmann Phạm Thị Bích Châu 20€. Fam. Nguyễn 10€. Nguyễn Thị Giang 20€. Bùi Thị Thắm 10€. Nguyễn Nam 20€. Trần Thị Thanh 5€. Lê Ngọc Đức & Lê Kim Chi 10€. Diệu Đức 20€. Trần Thị Hoài Thu 10€. Huỳnh Hoa 20€. Gđ. Thái Thị Hương 10€. Nguyễn Kim Dung 10€. Ngô Thị Lại & Trần Đức Long 100€. Tạ Thị Hằng 20€. Lê Thị Cẩm Quyên 50€. Fam. Wong 20€. Lưu Đức Vinh 20€. Nguyễn Minh Thắng 20€. Bùi Tuấn Anh 20€. Tạ Hùng Minh 20€. Nguyễn Thị Thu Hà 20€. Nguyễn Thanh Tịnh 2,5€. Nguyễn Thị Cúc 20€. Nguyễn Thị Hạnh 10€. Schäfer Vũ Dung 10€. Nguyễn Hồng Anh 20€. Nguyễn Thị Thu 2€. Fam. Dương

Trần Kim Lạng (Bremerhaven) 40€. Đặng Khánh Nam (Stadthagen) 10€. Tạ Mạnh Toàn, Nguyễn Hoài Phương, Tạ Phương Uyên & Tạ Mạnh Phúc (Oldenburg) 50€. Susanne Wiottkowsky (Bielefeld) 50€. Nguyễn Văn Hùng & Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Việt Đức, Nguyễn Việt Thủy Li (Triptis) 1000€. Sư Cô Đàm Thuận (Schweiz) 100€. Thiện Liên & Thiện Anh (Bad Kreuznach) 100€. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 100€.

* **Phật Đản**

Trương Ngọc Phương 10€. Trần Thị Mỹ Hạnh (Rattelsdorf) 10€.

* **Vu Lan**

Trương Ngọc Phương 10€. Trần Thị Mỹ Hạnh (Rattelsdorf) 15€.

* **TẾT & Rằm Tháng Giêng**

ĐH. Hồ Văn Cường & Trần Ngọc Anh (Österreich) 20€. (Einbeck): Vũ Tuấn Anh & Vũ Thu Huyền 20€. Phạm Minh Trang 20€. Thiên Tuệ & Thiên Vỹ (Stuttgart) 30€. (Seelze): Vũ Quang Tú 50€. Đỗ Thái Bằng 20€. Nguyễn Duy Mai (Rostock) 20€. Vũ Nhật Toàn (Kiel) 20€. Nguyễn Hồng Cường 20€. Lê Thị Minh Nguyệt 10€. Nguyễn Văn Hồng (Rheine) 40€. Hà Văn Tư 30€. Phan Thị Lan 10€. Dương Phan Thị Tuyết Nhung (Mannheim) 50€. Đinh Anh Tuấn 10€. Kim Phượng 15€. Ân danh 40€. Lý Mai Phương 10€. Lê Văn Toàn 50€. Thân Văn Trọng (Hagen) 30€. (Stabfurt): Nguyễn Văn Đức 5€. Đỗ Thị Dung 10€. Đỗ Thị Lan 30€. (Westerstede): Lê Tô Uyên 20€. Tạ Thị Hương 20€. Minh Thông Điền Văn An (Leverkusen) 50€. (Hannover): Thiên Chánh Mai Xuân Diệu 20€. Gđ. Mai Sư 20€. Thành Tín 20€. Bảo Phượng Straub 10€. Thiên Luận Hà Phước Minh Thảo 20€. Vũ Thị Hồng Vân 20€. (Essen): Chinh Van Luu Zelinski 10€. Trần Ngọc Diệp 20€. Vũ Văn Chung (Osnabrück) 20€. Nguyễn Thị Thế Tiên (Bielefeld) 20€. (Helmstedt): Huỳnh Tú Dung 40€. Diệu Lộc Huỳnh Thị Be 20€. Đặng Schneider (Halle/Saale) 10€. (Alfeld): Lê Thành Trung & Trần Thu Hương 10€. Bùi Thị Thanh 20€. Nguyễn Thủy Linh (Langenhagen) 20€. Phan Đình Thích (Wolfsburg) 20€. Đồng Tâm (Münster) 10€. Hồ Thị Luông (Braunschweig) 20€. Gđ. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 50€. (Krefeld): Phạm Thị Quyên 20€. Phạm Xuân Thiệp 20€. Thái Bích Thủy 30€. Võ Thị Xuân 20€. Liên Cẩm Phong & Quách Thị Mùi 22€. Lý Hồng Châu 50€. Hứa Tích Chương 10€. Nguyễn Thành Phương (München) 50€. (Pforzheim): Nguyễn Thị Mỹ Ly 20€. Selina Lam & Lâm Quốc Henry 10€ HHHL Hh T Hiền & Trần Bình Tuyền. Ngọc Lê 10€. Koummarasa Kiên 30€. Diệu Ngọc & Quảng Tâm (Karlsbach) 20€. Ngu Anh Vinh (Kaufbeuren) 100€. Trần Văn Chương (Frankfurt/M) 100€. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nürnberg) 20€. Phạm Chí Huy (Erfstadt-Liblar) 20€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 60€. Hứa A Tri (Schorsten) 25€. (Berlin): Lâm Thị Ngọc Lan & Tiêu Anh Tà 10€. Nguyễn Văn Tư 40€. (Köln): Nguyễn Thị Tâm 10€. Nguyễn Thị Đào Nguyễn 10€. (Chemnitz): Tăng Vũ Hùng 20€. Nguyễn Thị Lan Phương 20€. Nguyễn Thị Thanh Hiếu (Pirna) 20€. Nguyễn Thị Phương (Gutach) 20€. Trần Hữu Chiến (Vechta) 10€. (Dortmund): Nguyễn Thị Bích 20€. Lê Thị Thu 30€. Nguyễn Thị Liên Anh (Ahrensburg) 20€. Lannes Jacques (France/Paris) 30€. Võ Huy Chiến (Gilching) 20€. Nguyễn Văn Hiệp & Nguyễn Thị Viên (Eilsleben) 30€. (Minden): Nguyễn Thị Vui 15€. Lin Nguyễn 15€. Đàm Quang Anh (Mosbach) 20€. (Holland): Hà Chân Xương 50€. Trần Thị Tú Anh 20€. Đỗ Thị Út 20€. Đinh Đại Lâm 40€. (Trier): Vũ Văn Hải 25€. Ngô Thị Vương 50€. Lê Văn Thành (Speyer) 30€. Nguyễn Bích Lan (Lünen) 20€. Nguyễn Thanh Trường (Erlangen) 50€. Vũ Thị Kim Oanh (Biblis) 50€. Chu Thị Phương (Zwickau) 35€. Hăng & Rudiger Knobloch (Berg/Starnberg) 10€. Trần Thị Bích Nga (Pinneberg) 10€. (Hamburg): Đỗ Quốc Anh 100€. Nguyễn Minh Thiện 20€. Huỳnh Thị Khiêm 20€. Lý Quốc Đồng 100€. Nguyễn Thị Nhân 30€. Trần Thị Hoa (Bochum) 10€. Cư Say Hùng (Coesfeld) 10€. Hoàng Hải Âu (Bous) 20€. Trần Thị Hồng (Seevetal) 30€. (Karlsruhe): Lưu Hạnh Dung 50€. Gđ. Nguyễn Tấn Hồ 30€. Bùi Xuân Giang (Wäghausel-Kirrlach) 50€. Đặng Anh Tuấn (Wernigerode) 30€. Hoàng Thị Thủy (Marburg) 20€ + 5 nền lớn và 136 nền nhỏ. (Wiesbaden); Ngô Trọng Sơn 30€. Nguyễn Thị Xong 20€. Dương Minh Chí (Adelebsen) 50€. Nguyễn Thị Mai (Freudenstadt) 50€. Đoàn Văn Dũng & Nguyễn Thị Nga (Kamenz) 20€. Đặng Thị Hồng Vinh (Hameln) 20€. Trinh Thị Hoa (Wilhelmshaven) 10€. Trần Văn Đường (Wittlich) 10€. Lê Đình Lan (Göpingen) 5€. Lưu Diệu Mai (Le Goff) (France) 70€. (Heidelberg): Gđ. Trương Đình Ngọc Châu 20€. Gđ. Nguyễn Thị Kim Văn 20€. Danh Thị Thảo (Südbrookmerland) 20€. Trần Hữu Văn (Erfstadt Liblar) 20€. (Kassel): Fam. Trần & Vo 25€. Phạm Thị Cúc Anh 10€. (Laatzen): Thị Chánh Trương Tấn Lộc 40€. Thiên Tâm Trương Mỹ Phương 20€. Trương Minh Anh 10€. Nguyễn Hồng Thanh (Koblenz) 20€. (Dresden): Nguyễn Công Chung 20€. Nguyễn Xuân Toàn Hằng 20€. Bùi Mạnh Hùng (Elmenhorst Lichtenhagen) 50€. Nguyễn Thị Đức Thái (Freising) 10€. Vũ Thị Kiên (Lüneburg) 20€. Khắc Hữu Dũng (Rheinbreitbach) 15€. Nguyễn Thị Thu Hương (Hünfeld) 20€. Trần Huệ (Nordhorn) 20€. Hoàng Thị Xuân Khâu (Burgau) 50€. Cam Thị Tanelz (Freiburg) 10€. Trương T. Bạc (Albstadt) 30€. Marie Noelle Kunde (Rehber Loccum) 10€. Vũ Hồng Ninh (Norderney) 50€. Vũ Thị Xuyên (Würzburg) 100€. Đỗ Thị Kim Phương Bethge (Ottweiler) 15€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€. Trinh Xuân Đinh (Bremerförde) 30€. Phạm Văn Dũng (Norton/Hardenberg) 10€. Hứa Thị Tâm (Bad Oldesloe) 20€. Đặng Văn Thịnh (Rötha) 10€. Phường Kim Liễu (Norway) 24,74€. Gđ. Nguyễn Đức Hoan & Hồng Phương (Paderborn) 30€. Nguyễn Thị Hằng 10€. (Schweiz): Nguyễn Trương Mạnh Mai 30€. Nguyễn Trọng Bình 30€. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 20€.

* **Đền Dược Sư**

(Hannover): Thu Kaiser 10€. Lê Thị Kim Sa 20€ HHHL Lê Thị Liễu. Gđ. Mai Sư 10€. Thiên Phú Lê Thị Bích Lan 10€. Trần Hoàng Việt 20€. Đỗ Thị Thanh Tâm 20€. Đồng Chiêu Nguyễn Thị Minh 20€. Huỳnh Thị Hà Hưng 10€. Đồng Kim Ngụ Minh Thủy 20€. (Stuttgart): Thiên Tuệ & Thiên Vỹ 20€. Dương Thị Thu Thảo 30€. Nguyễn Văn Minh (Leverkusen) 10€. Trần Thị Bích Nga (Pinneberg) 10€. (Göttingen): Thiên Vân 20€. Đồng An 10€. Võ Thị Thu Mai 10€. Đinh Thị Hải (Königslutter) 20€. Lê Thị Minh Nguyệt 10€. Lâm Thị Huệ 20€. Nguyễn Thị Minh Phương 10€. Vũ Đức Khánh 50€. Đặng Thị Hạnh 10€. Gđ. Hồ Vinh Pd Đức Hinh 10€. HHHL Đông Thoát Trần Duyệt Hùng 10€. Huệ Tươi & Lương Xuân Tâm, Huệ Tường, Fam. Huệ Phước & Mariène, Minh Nguyệt, Jean Christophe Claudon 50€. Quảng Phước 10€. Thiên Thọ 20€. Gđ. Götter 6€. Thiên Chánh Võ Thị Mỹ 20€. Nguyễn Huỳnh Hồng Kiệt Kevin 50€. Nguyễn Huỳnh Thanh Thủy 50€. Thiên Quang 10€. Thiên Học Trương Bích Hậu 60€. Gđ. Đông Độ & Đông Nhả 50€. Thiên Vinh, Thiên Quý, Thiên Hợp, Thiên Kim 10€. Tạ Thanh Bình (Heiligenstadt) 30€. Hồ Quang Dung (Salzwede) 20€. Võ Thị Thanh Lan Pd Đông Huệ (Rotenburg Wümme) 5€. (Adeleben): Đông Diệp Diệp Thị Mùi 20€. Đông Thành Dương Minh Chí 20€. Võ Thị Thủy (Magdeburg) 20€. Nguyễn Văn Đức (Stabfurt) 5€. (Essen): Chinh Văn Lưu Zelinski 10€. Nguyễn Thị Tâm 30€. Trịnh Khắc Huy 30€. Trịnh Minh Hoàng 30€. Từ Quang 50€. (Geldern): Đông Nhung Trần Hồng Yên 10€. Vương Hồng Anh 10€. Vương Anh Vũ 10€. Vũ Văn Chung

(Osnabrück) 20€. Dương Ngọc Tý (Syke) 30€. Trần Thị Huệ Trinh (Herne) 40€. Gđ. Thiên Hằng (Benthe) 20€. Tạ Thanh Tùng (Saarbrücken) 20€. Điền Văn An & Hoàng Thị Nga (Leverkusen/Opladen) 20€. (Duisburg): Thiên Lý Tăng Bích Phần 50€. Trương Văn Sang 10€. Lai Thị Thục (Dissen) 20€. Gđ. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 100€. Lương Thị Thủy (Naumburg) 20€. (Köln): Thị Thanh Hai Kozowski 20€. Điền Kim Thoa 10€. Sầm Chí Vinh (Mülheim a.d.Ruhr) 50€. Dương Van (Phạm Minh Hoàng) (Beckum) 10€. Trần Thu Dung & Trần Hải Hoa (Bad Bellingen) 25€. (Wilhelmshaven): Nguyễn Công Cường 20€. Hoàng Thị Hồi 20€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 10€. (Berlin): Lâm Thị Ngọc Lan & Tiêu Anh Tà 15€. Huỳnh Kim Thủy 30€. Quách Phụng Châu (Holland) 20€. Văn Thị Thanh (Castrop Rauxel) 20€. Lin Nguyễn (Minden) 15€. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 15€. Đông Phước (Bielefeld) 100€. Nam Pannwitz (Bad Mergetheim) 10€. Lê Thị Bích Loan (Dreieich) 50€. Nguyễn Thị Đức Pd Diệu Hạnh (Ingolstadt) 10€. Thiên Xuân Vũ Đức Quỳnh Như (München) 20€. Nguyễn Văn Trường (Obersdorf) 20€. Nguyễn Phi Hùng (Bad Iburg) 5€. Liên Cẩm Phong & Quách Thị Mùi (Krefeld) 108€. N. Phương Pd Thiên Tiên (Hamburg) 10€. Gđ. Thiên Huy, Thiên Hậu, Thiên Xuân & Thiên Mỹ (Frankfurt) 40€. Ngụ Xu Keo, Trần Hữu Nhơn & Trần Hữu Kính (Việt Nam) 20€. (Hagen): Lê Thị Kim Phương 36€. Gđ. Trần 12€. Gđ. Bùi Thị Yên, Cán Văn Tân & Đặng Thị Kiều Trang 27€. (Dortmund): Lương, Theuanachy 1€. Lương Thị Mone 1€. Gđ. Đỗ (Witten) 25€. Gđ. Nguyễn (Bochum) 33€. An Dũng & Huệ Kiệt, Thiên Bào (Kassel) 50€. (Bremen): Kim Huỳnh 30€. Lương Bá Truyền & Nguyễn Thị Huệ 50€. Trịnh Minh Tân (Bad Pymont) 20€. (Trier): Đào Thị Chúc 15€. Nguyễn Văn Phúc 10€. Marie Noelle Kunde (Rehber Loccum) 5€. Hoàng Thị Thủy (Marburg) 50€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Thiên Giác Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 20€. Diệu Nữ & Thiên Cầm (Springe) 50€. (Schweiz): Sư Cô Đàm Thịnh 39€. Nguyễn Trọng Bình 40€. Dương Nhứt Quang & Phùng Nhi Cường 25€. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 20€.

* **Sửa chùa**

Trần Trung Độ (Hamburg) 280€. ASIA Shop KIM HA (Mannheim) 50€. Trương Ngọc Phương 10€. Mạc Hồng Giang 20€. Nguyễn Như Minh & Nguyễn Hoa Nam, Nguyễn Thị Như Quỳnh 40€. Ân danh 20€. Dr. Thanh Long Châu 100€. Giang Thái An 100€. Giang Hồng Vỹ (Klein-Ostheim) (Heo cũ) 100€. Ngọc Linh Nguyễn Thị Thái Lan (Stabfurt) (Heo cũ) 150€. Đỗ Hồng Cầm (Rinteln) 20€. Ngô Su Kiều (Geldern) (Heo cũ) 70€. Trần Thị Huệ Trinh (Herne) 20€. Nguyễn Thị Thu (Thuy) (Halle/S) 10€. Fam. Võ & Ngô (Wolfsburg) 20€. Thiên Đặc Lê Thị Nam (Wiesbaden) 50€. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Đỗ Văn Cát (Duisburg) (Heo cũ số 1734) 200€.

* **Trai Tăng**

Trương Ngọc Phương 10€. Châu Lê Anh 20€. Thu Kaiser (Hannover) 40€. Trương Văn Sang & Phạm Thị Đẹp (Duisburg) 10€. Ân Đức (Mönchengladbach) 50€. Hoạch Chi Linh (Dietzenbach) 20€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 20€.

* **TỪ THIÊN**

Cô Nhị, Cùi, Mù, Dưỡng Lão : Dr. Nguyễn Thị Minh Ngọc 40€. Vũ Văn Nguyễn (München) 100€. Trần Kim Xuyên (Danmark) 20€. Trí Hương Phạm Thị Linh tức Odaka Rié (Japan) 200€. Trương Văn Sang & Phạm Thị Đẹp (Duisburg) 10€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 20€. Nguyễn Văn Đức (Stabfurt) 5€. Nguyễn Thị Lướt 40€. Van Tu Nhan 100€. Kim Phương 20€. Komm, Larry Ngọc Pd Thiên Hiếu (Göttingen) 30€. (Geldern): Đồng Nhả Trần Hồng Yên 10€. Vương Hồng Anh 10€. Phan Đình Thích (Wolfsburg) 10€. Dương Van (Phạm Minh Hoàng) (Beckum) 10€. Ngọc Lê (Pforzheim) 10€. Trương Ngọc Hùng (Waldkraiburg) 20€. Huỳnh Văn Đan (Emmendingen) 15€. Casanova Bruno & Sheryl (Schweiz) 312€. Nguyễn Lê Việt Châu & Nguyễn Lê Thủy An (Burgwedel) 5€. Nguyễn Phi Quang (Karlsruhe) 10€. Đỗ Thị Kim Phương Bethge (Ottweiler) 20€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Thiên Giác Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 50€. Diệu Hạnh Neang Kim Liễu (Sweden) 11€. Thị Quang Ngô Quang Huy (Mannheim) 10€. Mme Ngô Tấn Lài (France) 80€.

- ***Giúp người nghèo*** : Vũ Văn Nguyễn (München) 100€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 20€. (Geldern): Đồng Nhả Trần Hồng Yên 10€. Vương Hồng Anh 10€. Phan Đình Thích (Wolfsburg) 10€. Trương Văn Sang (Duisburg) 20€. Lê Thanh Thủy (Haßloch) 100€ giúp người nghèo ở VN. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Hòa Hồng & Thảo Minh (Schweiz) 157€.

- ***Bảo lụt*** : Vũ Văn Nguyễn (München) 200€. Trương Văn Kỳ (SV. Villingen) 50€. Trí Hương Phạm Thị Linh tức Odaka Rié (Japan) 300€. Trương Văn Sang (Duisburg) 20€. Phạm Đình Hiệp & Thái Thị Nguyễn Đan 50€.

- ***Nỗi cháo tình thương*** : Vũ Văn Nguyễn (München) 50€. Margaret Hoàng (USA) 76,56€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Tiêu Mỹ Lan (Emden) 5€. (Bad Pymont): Trịnh Minh Tân 10€. Võ Trung Thu 30€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Diệu Hạnh Neang Kim Liễu (Sweden) 11€.

- ***Xe lăn*** : Nguyễn Thanh Tai (Groß-Zimmern) 30€. Vũ Văn Nguyễn (München) 50€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Nguyễn Ngọc Đan 20€. Nguyễn Hữu Hiệp (Hamburg) 100€. Thiên Minh (Schweiz) 16€. Diệu Hạnh Neang Kim Liễu (Sweden) 11€.

- ***Mổ mắt tìm lại ánh sáng*** : (München): Vũ Văn Nguyễn 100€. Nguyễn Thị Gia Tuyết 30€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Mme Phạm Văn Thăng (France) 30€ HHHL Phạm Văn Thuật & Phạm Văn Thăng. Nguyễn Phi Nam (Karlsruhe) 10€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. (Schweiz): Tưởng Văn 100€. Diêu Thành 16€. Diệu Hạnh Neang Kim Liễu (Sweden) 11€.

- ***Phóng sanh*** : Trương Văn Kỳ (SV. Villingen) 50€. Đào Thị Tú Uyên (Garbsen) 50€ HH cầu an: Mẹ Trần Thị Đắc & Nguyễn Thị Hoan; Chồng Lê Thanh Liêm; Con Lê Hùng Lâm; Em Đào Thị Tú Vân & Đào Thị Tú Giang. Đồng Nhả Trần Hồng Yên (Geldern) 10€. Mme Phạm Văn Thăng (France) 30€ HHHL Phạm Văn Thuật & Phạm Văn Thăng.

* **Học Bổng Tăng Ni** :

- ***Đức*** : Chung Giang (Künzelsau) 100€ Hỗ trợ Đồng Ninh. Trương Ngọc Phương 10€.

- **Ấn Độ**: Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Nguyễn Tuyết Nga (Karlsruhe) 50€.

- **Việt Nam**: Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Vũ Văn Nguyễn (München) 100€. Thiên Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Lữ Trung Cang (Barntrop) 20€.

*** HƯƠNG LINH**

ĐH. Viên Tuyết Trần Thị Hiền (Laatzen) 75€ HL ĐH Trần Công Độ. Gd. Phạm Chí Bên (Hofgeismar) 75€ HL Phạm Chí Bên. Mo-Trần Thục Vân (Hannover) 75€ HL. Trần Tín. Tạ Thị Thanh Huyền (Sande) 100€ HHHL ĐH Hà Chính Bình.

*** QUẢNG CÁO**

(Berlin): East Sea Travel GmbH 790€. KT Consulting & Service GmbH 280€. Huỳnh Ngọc Loan (Ubach Palenberg) 50€. Nguyễn Thị Tam (Bruchkobel) 120€. Lê Thị Hoa Hậu (Vile Tour) (Groß-Gerau) 380€. Lê Quang Minh 35€. Lê Vinh Sơn 50€. Xuân Thị Lanđe (Goslar) 100€. Mai Quan Quý (Frankfurt/M) 50€. ASIA EURO Ninh Văn Tuấn (Eschweiler) 1000€. Trần Thị Rành (Leipzig) 65€. ICC Nguyen E.K. (Raunheim) 265€.

*** Định Kỳ (Tháng 2 & 3/2013)**

(Hamburg): Phan Thị Lan 10€. Nguyễn Hòa 30€. Nguyễn Ngọc Dương 10,22€. Đỗ Thị Hồng Hạnh (Augsburg) 20€. (Neu-Ulm): Nguyễn Thị Nam Dương 10€. Dieter Maier Lâm 20€. (Mönchengladbach): Đặng Quốc Minh 10,22€. Michael Lê 10€. Lâm Thị San (Freiburg) 10,22€. Nguyễn Thị Bích Lan 20€. Erren, Patrick 10€. Trần Thị Kim Lê 10€. Lê Văn Đức 10,22€. Nguyễn Phan Hoàng Tùng 40€. Hà Ngọc Kim 20€. Đặng Ngân Hà 20€. Lê Thị Tuyết 40€. Trần Thiên Thảo 5,11€. Nguyễn Thị Hồng Quyên (München) 20€. Phùng Văn Châm 20€. Nguyễn Ngọc Diệp 20,46€. Nguyễn Quốc Định 20,46€. Nguyễn Thị Tường Nhân 20,46€. Sabine & Trương Trần Vũ (Krefeld) 40€. Phạm Đăng (Kassel) 51,12€. Chöling 300€ + 300€. Đỗ Văn Hoan 4€. Nguyễn Thị Ngọc Anh 10€. Nguyễn Thị Liên Hương 20€. Lê Chín & Thị Tâm (Erlangen) 20,46€. Huỳnh K. 30€. Hồ Vĩnh Giang 40€. Trương Chánh (Friesoythe) 30,68€. Dr. Văn Công Trâm (Iserlohn) 50€. Văn Hiếu Nguyễn Thị Bích Hợp (Köln) 10€. Đặng Ngân Hà 40€. Young Thị Thanh (Ansbach) 20€. Ngô Thị Thắng (Frankfurt) 20,46€. Trần Văn Khanh 20,46€. Van Luc (Kleinrinderfeld) 30,68€. Thái Kim Sơn 80€. Lang oder Kien Ly 30€. Hà Văn Tư 30€. Hứa Thiện Cao 20€. Tôn Thúy 20€. Cao Thị Thu Cúc 20€. Wiriya Trần Văn Sang 40€. Hồng Nghiệp Phan Huỳnh Trâm 10€. Trần Tấn Tiếng 20,46€. Nguyễn Thị Diệu Hạnh 30€. (Regensburg):

Nguyễn Thị Nhung 10€. Lê Huế 30€. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 20,46€. (Nürnberg): Võ Thị Mỹ 10€. (Saarbrücken): Lê Minh Sang 40€. Lý Lăng Mai & Kiến Hoàng 30€. Đặng Tú Bình (Paderborn) 10€. (Stuttgart): Phùng Văn Thành 10€. Nguyễn Đức Lương 30€. (Mannheim): Nguyễn Danh Thắng 20,46€. Phan Thị Dương 25,56€. Trịnh Trương Minh Hà 25,45€. (Tostedt): Phạm Công Hoàng 51,12€. Trần Văn Dân (Konstanz) 10,22€. Đỗ Văn Hoan (Cuxhaven) 4€. (Berlin): Nguyễn Thị Liên Hương 20€. Cao Minh Miên 10,22€. (Erlangen): Thái Quang Minh 102,26€. Hồ Vĩnh Giang (Rethen) 40€. (Hannover): Hoàng Thị Giồng 40€. Ưông Minh Trung 20€. Hugo Cardenas 32€. Trần Thanh Pháp 40€. (Göttingen): Nguyễn Thủy Hồng 60€. (Burgwedel): Nguyễn Tấn Tài 10€. (Wuppertal): Nguyễn Hữu Mừng Chi 20€. Nguyễn Văn Chín (Spaischingen) 20,46€. Thái Kim Sơn (Südbrookmerland) 80€. Trần Kim Anh & Trần Văn Hiếu (Buxtehude) 10€. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 20,46€. Phạm Thị Mai & Minh (Hildesheim) 32€. Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 10,22€. Võ Văn Hùng (Tuttlingen) 20,46€. Liêu Thái Hòa (Weingarten) 20,46€. Thái Văn Anh (Aurich) 40€. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 51,12€. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 12€. Hue Wollenberg (Moers) 20€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 20€. Thủy Trần (Karlsbach) 100€. Vũ Quang Tú (Seelze) 50€. Nguyễn Thị Ngọc Thảo (Ebersbach) 30€. Trương Ngọc Liên (Weißbach) 100€. Nguyễn Thị Thu Hương (Emden) 10€. Võ Thị My (Denkelheim) 20,46€. Phạm Văn Dung 12€.

*** Định kỳ Tiền mặt:**

Huỳnh Thị Thanh Hà (Lindenberg) 60€. Thiên Bạch Đào Thị Chúc (Trier) 60€.

TU VIỆN VIÊN ĐỨC

Danh sách quý Đạo Hữu & Phật Tử cúng dường Tu Viện Viên Đức, tính đến ngày 01.04.2013.

*** Tam Bảo**

ĐH. Hứa Thuần Hưng (Österreich) 40€. Trương Ngọc Phương 40€ + 15€ Phòng Tả, Tô Minh Khâm 100€. Diệu Hòa 100€. Nguyễn Ngọc Mai 10€. Kim Ba 15€. Lê Văn Hối & Trần Thị Hội 20€. Lô Văn Tú & Hứa Mộng Tuyền 5€. Gd. Dũng 40€. Nguyễn Thị Nhiêu & Lý Thị Yến 20€. Hoàng Bảo Long 70€. Lê Thị Huệ 10€. Lê Thị Thu Thủy 10€. Lê Thị Kim Loan 50€. Phạm Thị Xuân Hương 130€. Cao Minh Tâm 20€. Trịnh Thị Hồng 30€. Dương Mỹ Xuyên 20€. Gia Hân 20€. Huy 20€. Đinh Thị Phương Mai 50€. Lê Thị Hằng 20€. Khung & Xiêu 50€. Diệu Thơm Lý Thị Thu Hương 50€. Thiên Sơn Phan Thị Thủy 20€. Gd. Huỳnh Ngọc Khánh 50€. Gd. Phạm Văn Minh 85€. Như Thủy Trương Thị Nguyệt Thanh 20€. Lê Thanh Hải 50€. Thu Hằng Kim & Lê Hiền 65€. Gd. Tam & Lộc 20€. Nguyễn Thị Thu Hương 20€. Phạm Văn 20€. Diệu Liên Phan Thị Thu Cúc 20€. Diệu Thọ Phạm Lưu Danh 20€. Vũ Văn Hưng & Nguyễn Thị Ánh Nguyệt 10€. Ong Cẩm Ty, Bành Quốc Đăng & Bành Tôn Mẫn 50€. Long Hương 30€. Trần Thị Thủy Hà 100€. Diệu Phương Nguyễn Thị Kim Loan 30€. Gd. Ngô Văn Chia 20€. Chung Liên Nu 20€. Châu Cúc Huệ 10€. Phạm Lưu Dung Pd Diệu Chơn 10€. Fam. Duller 20€. Heurich Samy 10€. Hoàng Thị Thắng 20€. Fam. Autengruber Thi Lanh 50€. Alexander Wintersberger Trịnh Thị Thủy 50€. Huỳnh & Dung 30€. Nguyễn Bá Sơn, Bá Lâm, Bá Tấn 20€. Đồng Thánh & Đồng Sắc 40€. Thiên Giới 60€. Võ Thị Thủy Linh 100€. Lê Thị Minh Hoàng (Lucky) 50€. HL. Nguyễn Thị Xuân 50€. Vũ Thanh Hương, Nguyễn Anh Tuấn, Ngọc Thu, Thu An 50€. Gd. Lưu Phước Lai 20€. Nguyễn Bích Lan (Österreich) 40€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Lê Thị Cây (Nguyễn Văn Cửu) (Wiesbaden) 25€. Gd. Nguyễn Văn Thọ 20€. Nguyễn Thị Hồng Nghi (Bad Saulgau) 150€. Trần Thị Thanh Hương (V.S. Villingen) 20€. (Pfullendorf): Công Danh Thượng & Đỗ Kim Yến 20€. Gd. Đào Xuân Thái 30€. Công Thanh Dương 30€. (Lindau): Mai Thị Thu Trà 10€. Hùng & Hương 20€. Mai Thị Nhung 50€. (Lindenberg): Nguyễn Thị Hải Minh 20€. Trương Bích Thủy, Lê Khanh Hoàng, Lê Quang Giang 20€. Gd. họ Huỳnh 20€. Nguyễn & Lâm (Nguyễn Văn Trương) 20€. (Blaustein): Trần Thị Hồng Vân 20€. Lê Thị Kim Loan 15€. (Konstanz): Kim Quách 20€. Ngô Ngọc Quỳnh 20€. Trần Thị Hồng Thanh 20€. Mai Thị Ngọc 20€. Trần Mỹ Linh 50€. Đinh Thị Mai Phương 50€. Phan Thanh Hương 100€. Diệp Thị Phước 10€. Nguyễn Thị Thu Hà (Ravensburg) 20€. (Aalen): Đường Quốc Cẩm 20€. Trần Bình Quyên 40€. Đỗ Công Hùng 50€. (Tett nang): Phạm Thị Thu Hằng 10€. Gd. Huỳnh Cuối Liễu 20€. (Neukirch): Trần Thúy Nga 10€. Nguyễn Việt 10€. Nguyễn Thị Ninh 20€. Bùi Quốc Tuấn (Oberreuter) 20€. Thị Quang Ngô Quang Huy (Mannheim) 50€. Nguyễn Thị Vinh (Naustadt) 20€. Nguyễn Thị Nam Dương (Tâm Thủy) 100€. (Friedrichshafen): Nguyễn Đức Thịnh & Phạm Thu Hương 50€. Gd. Thiên Thịnh 10€. Gd. Lê Hoàng Sĩ & Phạm Bích Hương 10€. Lê Thị Oanh 10€. Phạm Thị Hạnh 20€. Vũ Kim Trọng 100€. Fam. Quang (Tübingen) 20€. Diệu Trang Hoàng Thu Lan (Villingen) 50€. Trần Tú Nguyệt (Lindenberg) 20€. (Wangen): Văn Thị Huệ 10€. Trần Trang Vy 20€. Hoàng Triệu Minh & Nguyễn Thanh Dung 20€. Nguyễn Thị Hoa 50€. Phạm Thị Kim Nhung 10€. Trần Thị Thanh Hương (V.S. Villingen) 20€. Trần Thị Phúc & Nguyễn Minh Cường (Burgau) 30€. (Ulm): Trần Văn Đức 50€. Nguyễn Thị Kim Thanh 50€. Phan Thị Tuyết 50€. Hoàng Thanh Minh & Nguyễn Thị Thu Hằng 20€. Huỳnh Bích Thảo 20€. Trâm Viên 50€. Hong Xí 20€. Nguyễn Thị Phan 5€. Dương Ngọc Minh 20€. Trần Văn Đức 67,60€. Lâm Trương Ngân Thơ & Lâm Tuấn Nghĩa (Überlingen) 100€. (Weingarten): Nguyễn Văn Thắng & Võ Thị Ngọc Thanh 50€. Trần Hữu Thành 50€. Thiên Kim & Thiên Khoa 39,84€. Nguyễn Liên (Laupeim) 10€. Lê Thị Thủy (Kempten) 200€. (Obersdorf): Nguyễn Văn Thắng & Bùi Thị Minh 20€. Đặng Văn Thái 20€. (Heidenheim): Trần Thị Hồng 20€. Liêu Minh Đại 20€. Dương Huỳnh Lan & Nguyễn Việt Đức (Sonthofen) 20€. Viet Nam House (Nonnerhorn) 200€. Trần Văn Minh (Nürnberg) 10€. (Biberach): Đỗ Trùng 20€. Lim Kar Hean 20€. Lưu Hoàng Sang 20€. Lê Thị Thanh Thủy & Nguyễn Mạnh Hà 20€. Hoàng Sơn (Schendi) 50€ HH công đức cho cha mẹ. Vũ Ngọc Tuấn & Ngô Thị Phương Thảo (Mergen Ennetach) 20€. Giang Quang (Messkirch) 20€. Gd. Nguyễn Duy Quang & Tống Ngọc Thảo (Baienfurt) 50€. Nguyễn Hữu Tín (Memmingen) 20€. (Schweiz): Nguyễn Văn Lòng 20€. Nguyễn Sơn & Nhữ Thị Chiến 236€. Ramaswami Mani Mỹ Phương 78,67€. Dương Quách Thanh Nguyệt 39,33€. Quách Hồng Anh 39,33€. Quách Thân Văn 39,33€. Nguyễn Đức Cường 23,60€. Tạ Thị Chanh 15,73€. Triều Cẩm Nguyễn (Haßloch) 20€. Triều Tô Loan (Canada) 10€. Vũ Văn Hưng & Nguyễn Thị Anh Nguyệt (Lindenberg) 20€. Lê Thị Hồng Ngọc (Nordhorn) 50€. Trần Thanh Hà (Oberstorf) 50€. (Günzburg): Vinh Hằng & Hiền Hà 20€. Phạm Thái Nhật Long 10€. Phạm Thái Phi Long 10€. Thanh & Trinh (Dingolfingen) 20€. Hùng Ngọc (Friedrichshaven) 25,85€. Gd. Nguyễn Hoàng Linh (St. Gallen) 39,33€.

(Xem tiếp trang 96)

Ngày..... tháng năm 201

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SH) (1)

Họ và tên :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Số tiền :

Giấy chứng nhận khai thuế : Có Không

Độc giả mới Độc giả cũ

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

Chú ý : Khi chuyển tiền ủng hộ xin quý độc giả ghi rõ tên người nhận báo và Số hiệu độc giả (SH: ...) để chúng tôi dễ dàng điều chỉnh và đối chiếu với danh sách nhận báo.

**Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V.
(C.V.B.D.)**

**Konto Nr. : 870 1633 - BLZ 250 70024
Deutsche Bank Hannover**

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO
VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e. V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

Hòa Thượng Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Phù Vân Nguyễn Hòa

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Thị Tâm Ngô Văn Phát

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

HT.Thích Như Điển - Trần Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng
Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn
Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân - Trương Ngọc Thanh
- Lê Ngọc Châu. Dr. Tôn Thất Hứa.

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương
Mai Lý Cang (Pháp) - Trần Thị Hương Cau (Đức) - Trần Thị
Nhật Hùng (Thụy Sĩ) - Lê Doãn Kim (Mỹ) - Vi Vi Võ Hùng
Kiệt (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Vũ Nam (Đức) - Lê
Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phan Hưng
Nhơn (Đức) - Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng (Đức) - Nhựt Trọng
Trần Văn Minh (Đức) - Nguyễn Hạnh HTD (Đức) - Hoa Lan
(Đức) - Văn Nương LNC (Pháp) - TS. Lâm Như Tạng (Úc) -
Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Trần
Thế Thi (Đức) - Nguyễn Quý Đại (Đức) - Huỳnh Ngọc Nga
(Ý) - Thi Thị Hồng Ngọc (Đức) - Cư sĩ Liễu Pháp (Hoa Kỳ)

KỸ THUẬT ẨM LOẠT (Layout)

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)

Hội Phật Tử VNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30. Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage: <http://www.viengiac.de>

E-mail : info@viengiac.de

E-mail : baoviengiac@viengiac.de

E-mail : vongatuong@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ứng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Ngoài nước Đức gửi qua trương mục
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Bic : DEUTDEB33
IBAN : DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

Trang

- Thư Tòa Soạn	1
• Tôn giáo	
- Tính chất thiêng liêng vượt trên mọi hình thức điển đạt (Fabrice Midal do Hoàng Phong chuyển ngữ)	3
- Bước vào Thiền Minh Sát - Tứ Niệm Xứ (Thiền Sư Sayadaw U Silananda do Liễu Pháp chuyển ngữ)	5
- Thế giới quan của Phật Pháp (TK. Thích Minh Chánh)	7
- Tâm chơn Phật sẽ thành (Thích Nữ Chân Liễu)	11
- Sự thăng hoa của Phật Giáo Đại Thừa (Thích Như Điển)	13
- Tàn đêm – Hương trà (Thơ: Nguyễn Sĩ Long)	18
- Lời thăm gửi gió (Thơ: Tuệ Nga)	18
• Văn Học Nghệ Thuật	
- Ngày này, năm 1975 (Tiểu Tử)	19
- Miếng khoai khô (Nguyễn Hạnh HTD)	20
- Triệu triệu bước (Thơ: Trúc Lang OKL)	21
- Trở về Chùa xưa (Thích Như Tú)	22
- Niềm đau không quên (Thơ: Nguyễn Phan Ngọc An)	24
- Ngôi chùa xưa (Hoàng Bá Nhứt)	25
- Lincoln - Chiến tranh và hòa giải dân tộc (Lương Nguyễn)	26
- Nước và con người (Thái Công Tụng)	29
- Nhận thức về thời kỳ Hùng Vương (Phan Hưng Nhơn)	32
- Câu chuyện dòng sông (Phùng Khánh)	37
- Kể chuyện Hoàng Sa (Nguyễn Hữu Lễ)	40
• Chính Trị	
- Hiệp định Paris 1973 (Tích Cốc Ngô Văn Phát)	44
- Cuộc hải chiến Hoàng Sa (Trần Gia Phụng)	49
- Sửa đổi Hiến Pháp trở về bệ bệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam (Ngô Quốc Sĩ)	53
- Bé Ti và những Mahfouz Việt Nam (Nguyệt Quỳnh)	54
• Đọc Sách	
- Đọc „Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác“ nghĩ về những câu chuyện Thiền (Lương Thư Trung)	56
- Đọc „Chị Tư Ủ“ (Trần Thị Hương Cau)	58
• Giới thiệu sách mới xuất bản (Phù Vân phụ trách)	59
• Y Học Thường Thức	
- Bệnh lẩn trí tuổi già – Alzheimer-Demenz (Bs. Trương Ngọc Thanh & Ds.Trương Thị Mỹ Hà)	60
- Gởi người xóm xưa (Thơ: Nghiêu Minh)	62
• Tin Phật Sự (Nhựt Trọng phụ trách)	63
• Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng (Đại Nguyễn phụ trách)	70
• Tin Nước Đức (Lê Ngọc Châu phụ trách)	74
• Tin Việt Nam (Quảng Trục phụ trách)	77
• Tin Thế Giới (Phan Ngọc phụ trách)	80
• Thông báo của Phái Đoàn Hoảng Pháp Âu Châu	86
• Hộp Thư Viên Giác	86
• Phân ưu - Cáo phó Cảm Tạ - Tìm thân nhân	10,52,69, 73, 87
• Phương danh cúng dường	88
• Hình bia: Vượt biển tìm Tự Do - Tưởng niệm 30-4 (Photo: Internet)	

• **Cáo lỗi** : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

• **Báo Viên Giác**

Phương Danh Cúng Dường

(Tiếp theo trang 94)

* Tượng Quan Âm & Quan Âm Các

Trương Ngọc Phương 15€ (Quan Âm Các). Trần Thị Hồng Châu Pd Huệ Ân (USA/Texas) 150€. Quách Hữu Đức (Canada) 146€. Trần Thị Thu Vân (Stuttgart) 50€. Gđ. Thiện Đức 30€. Gđ. Trịnh Ngọc Hoa (Konstanz) 50€.

Định kỳ hàng tháng xây chùa Viên Giác

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi rõ nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto như sau:

1. Congr.d.Verein Vietn.Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Quý vị ở ngoài nước Đức xin chuyển vào Konto như sau:

3. Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche e.V
BIC: DEUTDEBHAN
IBAN: DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

4. Tu Viện Viên Đức
Konto Nr. 111 30 20 68
BLZ 650 501 10
Kreissparkasse Ravensburg

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



Cần sang Restaurant

China – Thai mới umbau Küche
ở Linden –Hannover

- Restaurant gần phố và tiện xe điện, xe bus.
- Đổi điện rạp chiếu bóng (Ciné).
- Có 70 chỗ ngồi và có chỗ nghỉ ngơi cho Personal.
- Có đầy đủ tiện nghi cho Lieferung
- Trên 7 năm hoạt động
- Cần sang tiệm vì tuổi cao.
- Sang với giá thỏa thuận.

Nếu quan tâm xin vui lòng liên lạc qua :

Tel. **0511-1236768** quán - Handy : **015233692293**

8963 193195ok

Tìm người làm

* **01 Thợ nấu giỏi**

* **01 Phụ bếp giỏi nam hay nữ.**

Muôn biết thêm chi tiết xin liên lạc:

Nhà hàng : "THE SAIGON DELI"
Mainstr. 50, 63997 Miltenberg
Tel. **09371 – 6606858**
(hỏi Bà Mộng Thắm)

8999 193195ok

9062 194199 ok

Cần Bán

- Nhà riêng có nhà hàng Việt Nam
- 40 chỗ trong nhà và 30 chỗ ngoài Terasse.
- Diện tích 728m²
- Ngoại ô Frankfurt am Main (15km)
- Chỗ ở cho 2 gia đình

Liên hệ : Tel. :

06181 – 9454638

Mail: tabonguyen@yahoo.de

China Imbiss cần sang gấp vì thiếu Koch.

Cửa hàng nằm ngay tại trung tâm thánh phố du lịch trong khu người đi bộ bên bờ hồ Bodensee và ngay cạnh cửa khẩu sang Thụy Sĩ. Cửa hàng có 20 chỗ ngồi bên trong và bên ngoài với đầy đủ trang thiết bị hiện đại. Giá 35.000 Euro.

Tel. : **0176 21946631**
0171 6281253

7657+9063 194ok